Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

NĂM THỨ HAI, SỐ 31–32 1er–15 Novembre 1922

HỮU-THANH

CƠ-QUAN CỦA HỘI BẮC-KỲ CÔNG-THƯƠNG ĐỒNG-NGHIỆP
Tùng-thư của hội Ích-Hữu Thư-Xã
Sáng-lập : NGUYỄN-HUY-HỢI
Chủ-nhiệm : NGHIÊM-VỊNH

DEPOT LEGAL ◦INDOCHINE◦ Nº 671

YẾU-MỤC

VẤN-ĐỀ SOẠN SÁCH ĐỊA-DƯ NƯỚC TA. . . 300
TÀI-CHÍNH QUAN-HỆ VỚI VĂN-MINH THẾ NÀO. 311
CUỘC HÒA-BÌNH CỦA THẾ-GIỚI VỚI NÔNG-NGHIỆP 314
TIẾNG THẾ GIỚI. 321
KHẢO VỀ VIỆC TẾ-LỄ TỔ-TIÊN 329
TỤC CƯỚI XIN Ở CÁC NƯỚC. 334
LƯƠNG-TÂM. 339
ĐỘC GIẢ LUẬN-ĐÀN 343
MỘT SỰ TÂN-KỲ TRONG KHOA-HỌC GIỚI. . 347
VĂN THƠ 350
TÙY ĐƯỜNG DIỄN NGHĨA. 358
GÁI PHỤC THÙ CHA 368
MỘT CÁCH THỬ TÌNH. 375
NỢ TÌNH 377
CHUYỆN BỨC THẢM 387
THỜI-ĐÀM. 390
CÔNG VIỆC HỘI CÔNG-THƯƠNG ĐỒNG-NGHIỆP 398

Mỗi tháng xuất-bản hai kỳ : mồng một và rằm

DIRECTION — RÉDACTION
ADMINISTRATION
58, Rue du Coton, Hanoi
TÉLÉPHONE : 346

IMPRIMERIE ICH-HUU-THU-XA
46, Rue des Paniers, Hanoi
TÉLÉPHONE : 167

1922

Mỗi số 0$50

HỮU-THANH TẠP-CHÍ

LUẬN-LÝ. — HỌC-THUẬT. — THỰC-NGHIỆP. — KINH-TẾ. — VĂN-NGHỆ

Organe de l'Association Amicale des Employés Indigènes de Commerce et d'Industrie du Tonkin

Edition de la Société « Ích-hữu-thư-xã »

ÂN-NHÂN CỦA « HỮU-THANH »

MM. Phạm-Văn-Thụ . . . . . *Tổng-đốc Nam-định*
Vũ-Ngọc-Hoánh . . . . . *Tuần-phủ Lạng-sơn*
Trần-Mỹ . . . . . *Tuần-phủ Thái-bình*
Nguyễn-Tất-Tế . . . . . *Thương-tá Hà-đông.*

Chủ-nghĩa và mục-đích « Hữu-Thanh »

Hữu-Thanh tạp-chí *này, lấy « Hữu-ái » làm chủ-nghĩa, mục-đích để cổ-động cái tinh-thần tương-ái trong đồng-bào mong người trong nước cùng yêu mến nhau như ruột thịt, để nương tựa nước Pháp lên đường văn-minh.*

Biên-tập đủ các môn luận-lý, học-thuật, văn-nghệ, thực-nghiệp, kinh-tế để giúp quốc-dân về mọi đường phổ-thông tri-thức. Phàm biên-tập cốt lấy thông-thường làm trọng.

Giá tạp-chí « Hữu-Thanh »

Sáu tháng... 2$50 Một năm... 5$00 Ngoại-quốc mỗi năm... 6$00

Mua tạp-chí « Hữu-Thanh » xin giả tiền trước.

Tòa tạp-chí « Hữu-Thanh » ở số 58 Phố Hàng Bông (58 Rue du Coton *Hanoi*)
Nhà in tại số 45 Phố Hàng Bè (45 Rue des Paniers) *Hanoi (Tonkin)*

GRANDS MAGASINS RÉUNIS

ĐÔNG-PHÁP ĐẠI-THƯƠNG-CỤC

NHÀ GÔ-ĐA HÀ-NỘI

HÀNG BUÔN RỘNG NHẤT Ở ĐÔNG-PHÁP

NHIỀU THỨ HÀNG NHẤT

NÀY THỬ XEM KHU HÀNG MỚI SANG :
NÀO HÀNG PHA-LÊ, ĐỒ DÙNG TRONG NHÀ, ĐỒ BÀY TRONG NHÀ, ĐỒ ĐIỆN, HÀNG GIẦY, HÀNG THỢ MAY

MỘT NGƯỜI CAI CẮT ÁO VÀ MỘT NGƯỜI CAI THỢ GIẦY NGƯỜI PHÁP CHUYÊN LÀM CHO HIỆU

CÓ MỘT KHU RIÊNG BÁN CÁC VẬT-THỰC

Nên đến lấy quyển mẫu hàng về mà xem

MEUBLES ET CARPETTES EN JONC RETORS

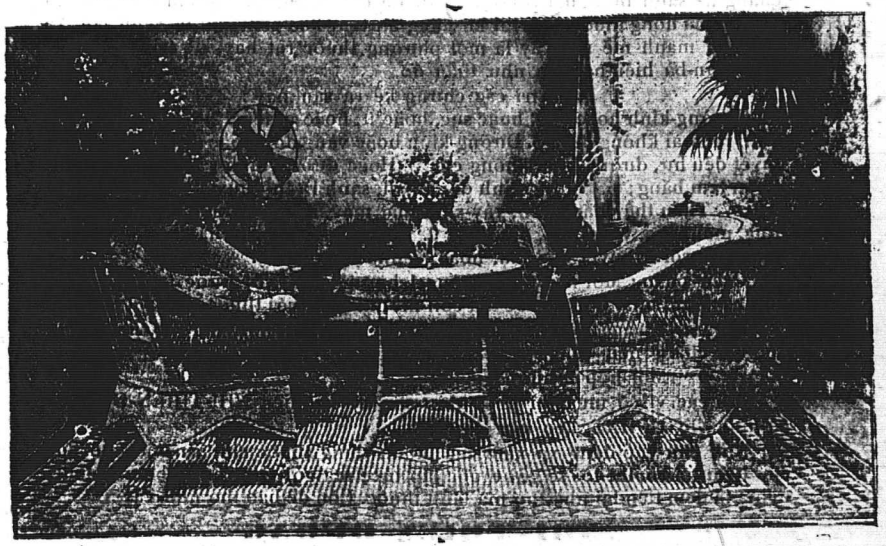

CHÂN-THUỴ, 6, Quai Clémenceau, Hanoï

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

廣東二天堂大藥房
NHỊ-THIÊN-ĐƯỜNG

PHỤ-KHOA KIM-PHỤNG-HUỜN

TIỆM LỚN TẠI QUẢNG-ĐÔNG TỈNH-THÀNH. MỘT TIỆM TẠI NAM-KỲ
Ở TẠI ĐƯỜNG CANTON S. 38, CHOLON

Extrait du Certificat délivré par l'Institut Pasteur de Saigon le 15 Octobre 1921 :

Ces préparations peuvent être considérées, toutes, comme des préparations ou substances de la Pharmacopée chinoise. Elles paraissent ne présenter aucun danger, à condition de se conformer, pour leur emploi, interne ou externe, aux indications des notices ou des étiquettes. Enfin, elles sont en très bon état de conservation.

Sao lục tờ giấy bằng Institu Pasteur, Saigon ngày 15 Octobre 1921 chứng rằng :

Các thứ thuốc của tiệm tôi nói trên đây đều làm bằng mấy vị thuốc bên Trung-huê. Thuốc của tiệm tôi không có món chi làm hại hết, miễn là trong khi dùng hoặc uống hoặc thoa, thì phải cứ coi theo cây lời dặn hay là coi theo nhãn. Nói tắt một điều là thuốc của tiệm tôi đều lâu chẳng hư.

Phàm đờn-bà khác hơn đờn-ông thì chỉ có 2 điều : 1° đường kinh, 2° sanh-đẻ mà thôi. Nên hễ muốn sanh con thì trước hết phải lo cho dường-kinh đều đặng. Nếu đường-kinh chẳng đều thì khó mà có thai cho đặng, ấy là phần nhiều, gốc bởi ngoại-cảm, lục-dâm, hoặc tại ho, rầu, buồn-bực, ưu-huất trong lòng, làm cho khí-huyết hao mòn, sanh nhiều chứng bịnh, đều cũng do nơi đường-kinh không đều mà ra.

Tiệm tôi dây, từ ngày đặng phương thuốc mầu-nhiệm của ông Tổ truyền lại đến nay, hằng gìn lòng giúp cho đời, lựa những thuốc tốt, gia công chế ra mà làm huờn, để trị cho các chứng bịnh đờn-bà đều dùng đặng hết.

Còn như bình thời mà thường uống thuốc nầy, thì khí huyết đầy đủ, chẳng hề sanh bịnh, mà rồi sanh con đẻ chau cũng nhiều, chi như đờn-bà có thai mà uống thuốc nầy, thì lại đặng an thai bảo sản, chừng sanh con ra lại đặng mạnh mẽ nữa, ấy là một phương thuốc rất hay, để trị các chứng bịnh đờn-bà hiệu-nghiệm như thần đó.

Chủ trị các chứng kể ra sau nầy :

1. Đường-kinh hoặc trồi, hoặc sục, hoặc ít, hoặc nhiều ; 2. Bạch-đái, Bạch-dâm, ra hoài không dứt ; 3. Đường-kinh hoặc vàng dợt, hoặc đen bầm ; 4. Khí huyết đều hư, đường-kinh không có ; 5. Hoặc đường-kinh ra nhiều quá, như muốn làm băng ; 6. Đường-kinh đi nghịch, sanh ra thổ huyết, trong bụng thì đau ; 7. Thân thể chẳng yên, xây-xẩm mặt mày, ăn uống không tiêu ; 8. Đau lưng, mỏi cẳng, vàng mét, ốm gầy ; 9. Thai động chẳng yên, trong bụng đau hoài ; Đẻ rồi ứ huyết mà đau, hoặc lá-nhao không ra.

CÁCH DÙNG : Mỗi ngày phải uống 1 huờn, uống với nước trà Tàu. Còn đờn-bà để thì phải dùng nước đái con nít mà uống với thuốc.

CỬ ĂN : Những đồ sống-sít, lạnh-lẽo, cùng là đồ rang-nướng, nóng-nẩy, độc-địa chẳng nên dùng.

Mỗi hộp 2 huờn giá là. . . . . 1$00

Xin các vị có muả thì phải nhìn cho kỹ cái hiệu NHỊ-THIÊN-ĐƯỜNG có hình ÔNG-PHẬT, kẻo lầm đồ giả.

Như chư-vị ở đàng xa xuôi mà muốn dùng thuốc chi, xin viết thơ gởi cho tiệm tôi rõ, thì tôi sẽ gởi thuốc lập tức, mà gởi contre remboursement, nghĩa là đem tiền lại nhà thơ mà lãnh thuốc. Còn để bao thơ như vầy :

NHỊ-THIÊN-ĐƯỜNG
Pharmacie Asiatique
Rue de Canton, N° 38 CHOLON

Ông E. CHASSAGNE

LÀ MỘT NHÀ BÀO CHẾ HẠNG NHẤT Ở ĐẠI-HỌC-ĐƯỜNG PHÁP LÀ
Số 59, Phố Pasteur,
HANOI

Bán những chất hóa-học của hiệu POULENC và ADRIAN chế ra.
Bán đồ dùng trong một phòng thí-nghiệm về việc thuốc hay việc kỹ-nghệ.
Đi xửa-soạn xếp đặt các phòng thí-nghiệm công, tư.
Bán nhiều cho các nhà đi khai-khẩn, tính giá đặc-biệt.

泰南 NAM-THAI

公司商務泰南
SOCIÉTÉ COMMERCIALE TONKINOISE
SUCRERIE – PATISSERIE – CONFITURERIE
Hộn đường, Nấu mứt, Làm bánh
DIPLÔME DE MÉRITE A LA FOIRE DE HANOI 1920
TONKIN – 77, Rue Maréchal Foch, 77 – NAM-ĐỊNH
(Số nhà 77, Phố hàng Trống)

Các bạn đồng-nghiệp ở Nam-kỳ gửi các thứ đường ra bán nhiều lắm

Bán buôn và bán lẻ

E.-A. Monnier Humbert

Ai có đồng-hồ muốn chữa? Sao không đến hiệu E.-A. Monnier Humbert ở phố Hàng Trống số 82 mà chữa.

Ông Humbert là một tay thạo, đã quen nghề chữa đồng-hồ từ 30 năm trời nay.

Đưa đến đây chữa có bao-hành mà giá phải chăng.

Trong hiệu ông còn có bán nhiều thứ đồng-hồ lạ kiểu, chuông để bàn giấy vân, nữa

Ta thử lại xem đi....!

NAM-HỒNG-PHÁT

KHÁCH-LAU
N° 104 et 106, Boulevard Bonnard, (ngang gare xe lửa nhỏ)
Saigon, Cholon Govap, gần chợ mới

Có bán rượu tây, cho mướn phòng ngủ, và mở tiệm bới tóc, có may y-phục Annam và Langsa, cũng có bán hàng, lụa, vải, vân vân...

NAM-HỒNG-PHÁT

劉俸訓大翁房

LƯU-TUẤN-KÝ

PHARMACIE ASIATIQUE, QUAI DE VĨNH PHƯỚC DE SADEC.

LABORATOIRE DE CHIMIE ANALYTIQUE

Saigon, le 26 Mai 1922.

Bulletin d'Expertise de Produits Pharmaceutiques

Les Produits pharmaceutiques soumis à notre examen paraissent d'après leur composition être les préparations de la pharmacopée Sino-Annamite traditionnelle sans pouvoir affirmer que les formules de ces médicaments sont inscrites au « Pun-Tsao » il nous est permis d'indiquer que la moyenne partie des drogues entrant dans leur composition est relevée par « MM. Penot et Hurrier dans leur ouvrage. Matière médicale et pharmacopée Sino-Annamite.

Il ne rentre dans leur composition aucune plante toxique prévue au tableau annexé à l'arrêté du 23 Mai 1921 arrêté qui n'est pas d'ailleurs mis en application 1) ces préparations ne présentent donc aucune nocivité sous la réserve que leur emploi soit pour l'usage interne soit pour l'usage externe se fasse conformément aux besoins médicaux et suivant des doses normales selon l'art pharmaceutique.

Signé : J. Ch. DELMAS.

Kính càng lục châu quí khách đặng rõ : Nay Bổn dược phòng có đem các thứ thuốc của Bổn dược lên cho quan trên thí-nghiệm.

Sao lục tờ vi bằng của Quan Lương-y chánh -sự y-dược giáo nghiệm dịch ra chữ quốc ngữ như sau này :

Saigon, le 26 Mai 1922

Bổn giáo nghi m thuốc bắc

Theo cách thí-nghiệm của chúng tôi về những thứ thuốc đây, thì toàn chất nó bảo chế cách thức y-nghệ-nghiệp Phương-Đông, mà tình hình như toa thuốc ấy có nhận chép trong cuốn y-dược " Pun-Tsao " song chúng tôi có thể chỉ rõ chắc cái toàn chất của phần nhiều vị y-dược phổ này điều có kiểm được trong cuốn sách thuốc " Vị thuốc và cách bào-chế viên-dông " của nhị tiên-sanh " M. Penot và M. Hurrier,

Xét rõ trong toàn chất thuốc này không có chế giống cây thuốc nào nguy độc, chiếu theo lời nghị-định ngày 23 mai 1921 chưa thi-hành (1).

Những vị thuốc chế ra đây, không có trương ra cái chi vô dụng quan-hệ trong thể cách cần dùng hoặc là cứu trị trong mọi tạng hay là chữa bệnh ngoài da. đều nhằm trúng theo đều phương tự y-dược và có tùy phẩm-chất tánh dược theo y-nghệ-nghiệp.

Quan Lương-y chánh -sự y-dược giáo nghiệm ký tên thị chứng.

Signé : J. Ch. DELMAS.

Bổn dược phòng có chế các thứ thuốc, thuốc hườn, thuốc tán, thuốc nước thượng hạng thuốc tốt điều là thuốc trung quốc, nổi danh tiếng trong Nam-kỳ lục tỉnh xưa nay, các bài khen ngợi của quí ông trong lục tỉnh và coi theo chứng bịnh mà tìm thuốc thì tôi có in trong (y-dược-nam châm) như quí-khách muốn coi xin chịu khó gởi thơ cho tôi và để adresse cho rành tôi sẵng lòng gởi tới.

Pharmacie LƯU TUẤN-KÝ kính cáo.

VÔI CHỢ'-GÀNH

廠石燐幫

Chúng tôi mới lập lò vôi ở Chợ gành, vôi rất trắng và tốt, giá tính hạ hơn các nơi. Các quí khách chiếu cố xin cứ gởi thư cho M. Lê huy-Tuyên, gare Chợ gành. Phòng giấy ở Hanoi, phố hàng Gai, số nhà 99.

Tiên-sinh ngâm gì thế ?

Có gì đâu, đôi câu đối của một ông Cụ hay thơ nhất trong làng thơ mừng hiệu Thụy-Ký, làm ảnh ở phố Đường Thành số 18, xin đọc lại ngài nghe :

Quân chi thuật dĩ quan nhân, kính lý phân minh trần diện mục,
Ngã thấn vả như kim thế, trần trung vật sắc kỳ anh hùng.

— Ô, thế ra hiệu ấy khéo lắm mới đáng khen thế nhỉ ?

— Không những thế, hiệu ấy lại cũng vừa được thưởng ngân-tiền nữa đấy. Truyện xong liền dủ nhau đi chụp ảnh thì quả hiệu Thụy-Ký khéo thực.

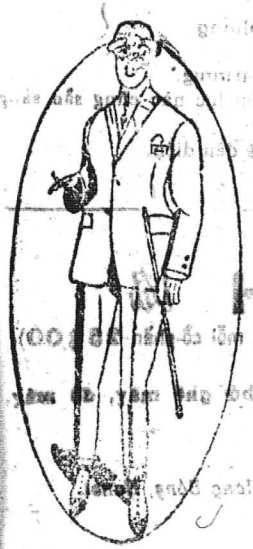

NAM-THINH — TAILLEUR

SOIERIES

6, Rue des Cantonnais — Hanoi (Tonkin)

Bán buôn và bán lẻ, hàng tơ lụa Bắc-kỳ

Bản-hiệu chuyên nghề bán cắt các thứ tơ lụa Bắc-kỳ sau này :

Lĩnh bưởi trơn và hoa, lương trơn và hoa, băng thâm và các sắc, lọa cô đỏ thâm và sắc, lụa quần anh thâm và các sắc the lọ cô thâm và các sắc, sồ một thâm và các sắc, sồi thâm thật tốt, vân thâm và các sắc, sa trơn và hoa, lượt khăn 12 và 4 vuông còn nhiều thứ nữa không kể hết).

Các thứ hàng Tây may y phục Langsa : alpaga couleur, drap fantaisie, gabardine couleur, tissus imperméable, tussor dorure très blanc, drap satin noir tennis, flanelle blanche, etc.

Cửa hàng nào buôn nhiều về sẩn, hãy viết thư về thương-nghị, sẽ được *trừ hoa hồng từ 5 đến 10 pour cent.*

Hàng gửi đi Contre remboursement.

NAM-THỊNH, Hanoi

Kính cáo.

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

HIỆU J. BRUNEL

TOURCHAM ở DALAT (Annam)

Có chế các thứ máy kiểu mới, được cấp văn-bằng mà không phải Chính-phủ bảo-lĩnh.

Máy làm gạch được 3.000 viên một ngày. Giá 100$00, tiền cước chở người mua phải chịu.

Máy đã gạo được 800 cân tây một ngày, không có nồi súp-de, nhưng mà có 2 cánh. Giá 100$00, tiền cước chở người mua phải chịu.

ĐỒ DÙNG ĐI SĂN

Đạn chì và đạn ghém, không có thuốc, gửi theo lối lĩnh-hóa giao-ngân, ba đồng rưỡi một hộp.

Xin các ngài chiếu-cố cho, đa tạ.

HOTEL DE LA MARINE

(NAM-LỢI KHÁCH-SẠN)

76, Avenue Paul Doumer, Haiphong

Hàng cơm tây to nhất của người Việt-Nam ta chủ-trương.

Ăn tháng, ăn bữa, đặt tiệc đến 500 người. Bản-hiệu lúc nào cũng sẵn sàng thừa-tiếp không phải chờ đợi.

Có phòng cho thuê tháng, thuê ngày, đủ cả quạt và đèn điện.

Lại có xe ô-tô đón khách.

益 HIỆP-ÍCH 協

(Công-ty trách-nhiệm tập-cổ vốn định 20.000$00, mỗi cổ-phần 25$00)

Làm các thứ đồ sơn Nhật-bản và sơn ta, các thứ ghế mây, đồ mây, tượng nặn và tranh vẽ.

Ngài nào vào cổ-phần xin gửi thư cho:

Chủ-nhiệm: **NGUYỄN-TIẾN-ÂN**, *Số 14, Phố Hàng Bông, Hanoi*

Téléphone 356

NHÀ LẬP NÊN TỪ NĂM 1890

Ngày trước là cửa hàng của nhà MARIUS CLOP đến nhà MILON et Cie. Ngày nay ông

Ch. PÉLISSIER KỸ-NGHIỆP

Bán đủ các thứ xe dùng vào việc vận-tải, không thiếu kiểu gì
(Carrosserie. — Charronnerie)

Bán đủ tất cả các thứ đồ ngựa và các thứ thảm đệm không thiếu kiểu gì
(Sellerie, Bourrellerie, Matelasserie, Maroquinerie)

Bịt móng lừa và bán các đồ dùng vào việc làm xe ngựa, các thứ bánh xe và các đồ dùng vào đồ ngựa.
(Maréchalerie)
(Garnitures, Pièces détachées, Accessoires, Roues, Pneumatiques Michelin)

Bán các thứ Da sống và Da đã thuộc rồi
(Cuirs et Peaux)

Các đồ vật dùng để đóng giầy, đóng đồ ngựa, bịt móng lừa ngựa, v. v.
(Outils en tous genres pour Boureliers, Selliers, Cordonniers, Maréchaux)

Mua, bán, đổi, chứa và cho thuê lừa ngựa, cùng xe ngựa, v. v.
(Vente, Achat, Echange, Pension, Location de chevaux et de voitures)

Bán Tràng-hoa đám ma và đá làm mộ-chí. Ai thuê sây mộ làm nhà mồ và trông nom nhà mồ xin chu-tất.
(Couronnes mortuaires, Pierres tombales, Construction et entretien de monuments funéraires)

Bán và làm Đồ gỗ, Đồ chạm, Bàn, Ghế, Tủ kính, Tủ chè, không thiếu thứ gì
(Menuiserie, Ebénisterie)

Song rào sắt, các đồ lò rèn. Các thức đồ sắt. Ai thuê làm cái gì cũng làm được
(Grilles, Forges, Travaux en fer)

Đồ kính, Đồ sơn, Sơn bóng, Đồ chạm, Đồ bài trí, tranh cảnh, Đồ trạm tia và trạm lồng.
(Vitrage, Laquage, Peintures fines, Sculpture, Décoration, Ciselure)

Nộp thuế đoan hộ. — Cho thuê xe tải các đồ trọng-vật trong thành-phố và ngoại ô
(Transit. — Gros Camionnage pour la ville et alentours)

Làm rất nhanh, toàn đồ máy tất cả
(Service rapide par Camions montés sur ressorts et roulements à billets)

Có xe ngựa song-mã cho thuê ngày và thuê giờ
(Location de Victoria à la journée et à l'heure)

Có xưởng chế-tạo và tu-tạo các đồ vật
(Ateliers de Réparation)

Ở số nhà 5 Đường Amiral de Baumont ở Haiphong

Điện-thoại *(Téléphone)* **số 545**

Đánh giây thép cứ đánh tắt: **PÉLISSIER, Haiphong.**
(Adresse télégraphique)

HÃNG TÀU CHẠY SÔNG Ở BẮC-KỲ
F. SAUVAGE, Armateur

SERVICE SUBVENTIONNÉ

Nhà giấy — Số 138, Phố Bờ Sông — Hanoi

Giờ tàu chạy trong mùa nước xuống

ĐƯỜNG HANOI — TUYÊN-QUANG

Lúc đi đỗ ở : Sơn-tây, Viétri, Thum, Phan-Lemy, Kim-xuyên, Phu-đoan, Đia

ĐI	VỀ
Ở Hanoi Lúc đi Thứ hai Thứ tư Thứ sáu hồi 10 giờ sáng	Đến Viétri Lúc đi Cùng trong một ngày hồi 6 giờ chiều
Ở Viétri Lúc đi Thứ ba Thứ năm Thứ bảy Hồi 5 giờ sáng	Đến Tuyên-quang Lúc đi Cùng trong một ngày Hồi 6 giờ chiều

ĐƯỜNG HANOI — CHỢ-BỜ

Lúc đi lúc về đỗ ở : Sơn-tay, Viétri, Trung-hà, Laphu, Đahong, Tu-vu, Hoàb nh

ĐI	VỀ
Ở Tuyên-quang Lúc về Thứ hai Thứ tư Thứ sáu Hồi 7 giờ sáng	Đến Viétri Lúc về Cùng trong một ngày
Ở Viétri Lúc về Thứ ba Thứ năm Thứ bảy Hồi 10 giờ sáng	Đến Hanoi Lúc về Cùng trong một ngày Hồi 3 giờ chiều

ĐƯỜNG TUYÊN-QUANG — HANOI

Lúc về đỗ ở : Đia, Phu-đoan, Kim-xuyên, Lemy, Phan-lương, Thum, Viétri, Sơn-tay

ĐI	VỀ
Ở Hanoi Lúc đi Thứ ba Thứ bảy Hồi 10 giờ sáng	Đến Chợ-bờ Lúc đi Thứ tư Chủ-nhật Hồi 6 giờ chiều
Ở Chợ-bờ Lúc về Thứ năm Thứ hai Hồi 7 giờ sáng	Đến Hanoi Lúc về Cùng trong một ngày Hồi 3 giờ chiều

ĐƯỜNG TUYÊN-QUANG — CHIÊM-HÓA

Nhân vì mùa nước xuống nên đường Tuyên-quang, Chiêm-hóa thuỷnh-thoảng không chạy được.

Những tàu ở Hanoi và Tuyên-quang về thì đều mắc xế ở Viétri cả (đường Hanoi — Tuyên-quang)

Đường tàu Thương-Mại

Đường Haiphong — Hanoi

Haiphong : Những lúc đi cứ cách 2 ngày hồi 5 giờ chiều thì đi

Đường Haiphong, Nam-định và Hanoi — Nam-định, Haiphong và Hanoi thì khi nào cần đến mới phải chạy mà thôi

Hàng hóa thì phải xếp xuống Tàu ít là trước khi một giờ tàu chạy.

Nhận hàng chở thẳng tới tận bến hay là đỗ hàng cả các chỗ mắc-xế

Nộp hộ thuế thương-chính, trữ hàng — Cho thuê tầu cả chuyến hay chở các phà các thuyền hàng

Tổng-cục : Haiphong

Đường Hanoi — Haiphong

Hanoi : Những lúc đi. Cứ cách 2 ngày hồi 5 giờ chiều thì đi

Các chi-quán : Sơn-tây, Viétri, Tuyên-quang và Chợ-bờ

THUỐC CHỮA BỆNH RẤT HAY!!!

Chắc các ngài xem báo Nam-kỳ từng biết tiếng bản-đường có các thứ thuốc trị các bệnh rất hay :

ÍCH-NGUƠN ĐƯỜNG LÃO-DƯỢC-PHÒNG

Chủ-nhân : **A-ANH**

ở đường Chợ-cũ số 55, Place Gambetta — Saigon (Nam-kỳ)

Bản-đường từ khai-sáng đến nay đã ngoài 50 năm rồi, chuyên việc bào-chế các thứ thuốc Cao Đơn Hoàn tán Dược-Dầu, Dược-Thủy đều chọn ròng thuốc thượng-hạng như Sâm, Nhung, Ngọc, Quế, phẩm và có đúng cái nhãn « Mẫu-Đơn-Phượng » làm kỷ hiệu, và có cầu chứng nơi tòa Saigon ; cũng có bán đủ các thứ thuốc bắc thượng-hạng được cả, lại có chữa đủ các thứ thuốc thần-hiệu của các danh-y bên Trung-quốc. Thuốc của Bản-đường có gởi bán cùng Lục-châu. Những thuốc bán tại Bản-đường đều là thuốc ở bên Trung-quốc mới kỳ lâu gởi qua, giữa bán giữ mực công bằng khắp nơi trong Lục-châu đều biết. Như quí-vị nào ở xa châu-thành mà muốn hỏi thăm điều chi về việc thuốc men hoặc muốn mua thuốc của Bản-đường xin chịu khó mà viết thơ gởi đến Bản-đường, Bản-đường sẵn lòng hồi-đáp lập-tức, nếu tiền thư mua thuốc thì Bản-đường sẽ gởi Contre-remboursement.

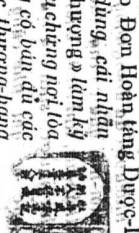

Sâm-Nhung Kim-y Song-Bổ-Hoàn (Số 3)

(*Thuốc bổ khí-huyết có danh*)

Lấy lẽ tự-nhiên mà nói trong sự sống của người cũng như sự sống của cây cỏ vậy, loài cây cỏ sinh dưỡng thời-tiết thì tươi tốt sớm-sớ, song cả ngày bị dành nắng gió, chẳng được nhuần gội giọt mưa cùng nhờ hơi sương tuyết, dầu đâm-rạp cho lắm cũng khó thể tốt tươi bền dai cho được ; nên suy ra sự sống của người cũng vậy. Phàm người bình-sinh nương nơi tinh-mệnh, mà tinh-mệnh lại do nơi huyết khí, huyết khí giúp đỡ tinh-thần, hễ tinh-thần sung-túc thì sự nhớ tưởng sâu xa, còn huyết khí dung hòa đầy-đủ thì thân-thể cũng-cỏi mạnh-dạng, tinh-mệnh vững-vàng. Bởi vậy người sinh ra phần nhiều lúc nhỏ vì điều tình-dục sắc-dục không chừng, hoặc lo-lắng quá-độ, mỗi mỏi hay gắng sức nhọc lòng, cực-chí thất-tiết, nên phải hao kém tinh-thần, lưng-vơi khí-huyết, xảy ra điều tiện-thiên bất-túc, hậu-thiên bạc-nhược, nguyên-khí giảm-suy, nếu muốn cho thân-thể hoàn-toàn lại như xưa, thì phải bồi-bổ huyết-khí, dưỡng-dưỡng tinh-thần, khác nào như cỏ cây kia gặp cơn khô héo, muốn cho xanh tươi lại thì phải vun phân tưới nước cho kịp thời trở nên thịnh-mậu tốt tươi mà đâm bông trổ trái, vì vậy nên người mà bị suy-nhược rồi thì phải bồi-bổ khí huyết, vun quén tinh-thần, ắt đặng phần điên-niên thọ, phương tử tương phương

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

ấy là lẽ thường trong sự vệ-sinh của người.

Nên Bản-đường gia-tâm chinh xét mà chế nên phương thuốc «Sâm-Nhung Kim Y-Song Bổ-Hoàn» nầy rất nên thần-hiệu, chọn thiệt thuốc tốt, các vị tánh hòa hưởn không nóng không mát phối hiệp trúng theo phép điều-dưỡng nguyên-khí, bổ ích tinh-thần, ao vàng bao sáp bào-chế kỹ càng, công hay thượng-phẩm phòng trị các chứng-bệnh kể ra sau này:

Tinh kém huyết khô. Mình gầy vóc ốm. Mỏi lưng tê gối. Bại-hoại tứ-chi. Tinh-thần giảm-suy. Chẳng vui phòng sự. Lao tâm tiêu-tứ. Mộng-mị di-tinh. Tửu sắc không chừng. Tham vui quá-độ. Xây-xẩm mặt mày. Nhức đầu choáng-váng. Đêm nằm trằn-trọc. Ăn uống không tiêu. Làm việc quá nhiều. Nặng-nề thân-thể. Khi mệt khi khỏe. Bịnh-hậu thất-điều. Các chứng kể đây. Trị nên hiệu-nghiệm. Thuốc này mầu-nhiệm. Bồi-bổ tinh-thần. Chẳng sánh tiên-đơn. So tầy thuốc Phật.

Thuốc bổ này bất-luận đàn-bà già trẻ chỉ dùng đều bổ khí-huyết, sinh hóa tinh-thần, sống lâu mạnh mẽ, mau sinh con, già trở nên trẻ, còn đương trẻ lại thêm sức lực mạnh-mẽ, thân-thể sung-túc, da thịt mịn-màng, còn như những người suy-nhược nhiều bởi bệnh-hậu, (đau mới mạnh) yếu đuối dùng luôn thuốc này trong một tháng, chắc thấy bồi-bổ thân-thể mạnh-rạng tráng-kiện tinh-thần lại như xưa chẳng sai và lại trừ các chứng-bệnh hay xảy đến thình-lình, rõ-ràng là một phương thuốc vệ-sinh rất hay rất quí trên đời.

GIÁ BÁN

Mỗi viên giá . . . . . 0 p. 50

Trọn hộp bốn viên giá. . . 1 80

BÀI TẠ ƠN THUỐC HAY!

Vị thuốc Kim-y song-bổ-hoàn

à Monsieur Ích-Nguơn-Đường

SAIGON

Kính lời thăm ông được vạn-sự bình-yên; sau xin tạm vài lời cùng ông rõ: Tôi mấy năm nay làm việc thầy Giáo, nhiều việc đa đoan, ngày đêm khó-nhọc, mỏi-mệt quá chừng, thành ra chứng thận-hư, tinh-thần buồn-bã, khí-huyết hư-nhược, sinh ra trăm chứng, cái sức ác ghi nhớ cũng hao mòn, dầu những sách khi nhỏ vẫn thuộc lòng mà đến nay quên hết, mở sách ra xem hình như chưa từng thấy bao giờ. Tôi cũng có uống nhiều thứ thuốc bổ-thận của các thầy thuốc và các hiệu khác mà cũng không thuốc nào hiệu-nghiệm.

May thay, tôi xem thấy lời cáo-bạch của qui-hiệu, nên tháng trước tôi có gởi mua 4 hộp thuốc « Kim-y song-bổ-hoàn » của qui-hiệu, khi tôi dùng hết hai hộp thuốc ấy, thấy trong mình rất khỏe, uống thêm hai hộp nữa, thì cả đêm ngủ yên, tinh-thần khỏe mạnh, các chứng-bịnh khi trước thì biến đâu mất, thuốc « Kim-y-song-bổ-hoàn » của qui-hiệu thật là thánh-dược, công-hiệu biết chừng nào, nên tôi tạm vài lời cảm-tạ đăng báo hay là đề trong catalogue của qui-hiệu, để cho ai đó bịnh biết hỏi thăm đến qui-hiệu mà mua thuốc hay, lấy làm có phúc tâm.

Nay kính và cám ơn

LÊ-VĂN-NHIỀU

Giáo học trường Sectrang

Năm thứ hai — Nos 31 et 32 1er et 15 Novembre 1922

HỮU-THANH

Kính-cáo các bạn độc-giả

Trong khoảng tháng bảy tháng tám tây mới rồi, nhân có việc biến-động trong Ích-hữu-thư-xã làm ngăn-trở việc in mà bản-chí phải đình-bản hai kỳ. Từ đó công việc tuy vẫn cố làm gấp lên cho khỏi sự chậm-trễ, song việc làm có hạn, không thể cẩu-thả mà làm quá vội, cho nên kỳ nào xuất-bản cũng còn chậm ngày. Sự chậm đó chắc các ngài cũng lượng biết cho, nhưng chắc các ngài cũng không phải không lấy làm chán. Vì vậy bản-chí định rằng những số 31, 32 ra trong tháng Novembre và những số 33, 34 ra trong tháng Décembre này, bản-chí sẽ in hai số làm một, cho sự in được chóng, để bắt sang năm 1923 này sẽ lại có thể xuất-bản đúng ngày như trước được. Tuy vậy, những số hợp-bản ấy, các bài và số trang cũng nhiều như hai số, chứ không phải dám không cố-sức mà đề phụ lòng chiếu cố của các ngài từ bấy đến nay vậy.

Nay kính cáo

HỮU-THANH

Văn-đề soạn sách địa-dư nước ta

(Bộ sách rất có ích cho dân ta ngày nay)

I

Nên soạn sách địa-dư

Phàm những nhà có nhiệt-thành về đường học-thuật trong nước, muốn đem cái học-vấn, cái tư-tưởng, cái công nghiên-cứu, cái tài bão-phụ ra mà giúp đời, thời định soạn ra bộ sách nào tất cũng là mong cho có bổ-ích đến quốc dân cả. Song thiết-tưởng ngày nay soạn lấy một bộ sách mà muốn cho có ích đến khắp cả mọi người trong quốc-dân, thời thật không phải là dễ. Chuyên nói về đường triết-lý thời chỉ có thể bổ-ích riêng cho những người học-giả, mà các nhà thực-nghiệp lại chưa cần phải xem, chuyên bàn về việc kinh-tế thời chỉ có thể bổ-ích riêng cho các nhà thực-nghiệp mà những người học-giả lại chưa cần phải đọc; nghiên-cứu về kỹ-nghệ thì chỉ ích riêng cho các nhà kỹ-nghệ, khảo-cứu về nông-phố thời chỉ ích riêng cho những nhà canh-nông. Nói cho rộng ra nữa thời những sách nói về văn-chương, luân-lý cùng là lịch-sử, khoa-học, trước-thuật hay dịch-thuật mặc lòng, nhưng đem mà in ra thời chỉ có ích riêng cho từng hạng người, mà chưa có thể gọi là sách phổ-thông cho khắp mọi người trong xã-hội được. Đã chưa có thể phổ-thông được thời sao cho có nhiều người đọc mà bổ-ích được cho nhiều người ? Vậy muốn soạn sách ngày nay thiết tưởng nên tìm lấy bộ sách nào mà có thể khiến cho khắp các hạng người đều cần phải đọc thời mới được.

Ngày nay hẳn ai cũng biết: bất cứ là người đi học, hay người làm nghề-nghiệp gì, đều phải có học-thức, có lịch-duyệt mới nên; nhưng muốn cho có học-thức rộng, có lịch-duyệt nhiều thời trước hết lại cần phải biết những sự cốt-thiết, những cái hiện-tại trong cõi nước mình đã. Nay muốn biết những rừng Âu, bể Á, những Bắc-Mỹ, Nam-dương, những cái thần-kỳ ở trên không, những sự u-diều ở dưới đất, mà ngay trong một xứ mình, đường đi lối lại vẫn chưa biết hết, sản-vật kỹ-nghệ vẫn chưa được tường, ở tỉnh nọ sang tỉnh kia, còn phải hỏi lần từng quãng, dưới mạn bể lên đường ngược, còn phải lo sợ rằng xa, thời đã vội mong rằng nhãn-giới mở rộng sao được ? Vậy phàm người trong nước, ai ai cũng cần phải học địa-dư nước mình trước nhất. Địa-

dư vốn là khoa học rất trọng, mà bản-quốc địa-dư lại càng trọng hơn địa-dư năm châu.

Bộ sách địa-dư nước ta ngày nay thật là một bộ sách khắp các hạng người ai cũng nên đọc. Đã là bộ sách khắp mọi người nên đọc thời ta cần phải soạn trước.

II

Sự soạn sách địa-dư nên thế nào ?

Khoa dạy địa-dư nước ta xưa nay vẫn còn khuyết-điểm, mà các sách địa-dư quốc-ngữ ngày nay thời lại còn là sơ-lược lắm. Ngoài những người đi học hiểu sơ-lược về địa-dư nước mình ra, thời những người trong nước muốn biết địa-dư tỉnh nọ tỉnh kia cũng khó lòng lấy sách đâu mà tra xét được rõ, vì địa-dư của ta chưa có bộ nào chép rõ-ràng từng tỉnh từng xứ. Nay phải làm thế nào cho có một bộ sách địa-dư biên chép phân-minh từng tỉnh, trong tỉnh nào cũng phải có đủ từng mục, như là : thổ-sản, dân-phong, kỹ-nghệ, đường-xá v... v... mà thuộc về tỉnh ấy, thời mới tiện cho mọi người tra xét được.

Nhưng muốn soạn thành một bộ sách ấy thời cái công-phu không phải là ít, mà lấy kiến-văn một người thời quyết không tài nào soạn đủ. Vậy thời ngày nay không thể nói được rằng soạn ngay một bộ « Bản-quốc địa-dư »; trước hết phải do từng người soạn riêng lấy địa-dư từng hạt (Géographie régionale) rồi mới góp lại biên-tập thành bộ mà xuất-bản được.

Quan nguyên Chánh-đốc Bắc-kỳ Sơ-đẳng học-chính Peyrot đại-nhân cũng đã từng lấy sự dạy bản-quốc địa-dư làm trọng. (1) Bởi vậy hồi trước ngài có thông-sức cho các giáo-sư các trường sơ-đẳng, nên xem-xét mà soạn thành một tập về địa-dư hạt mình, rồi gởi về Học-chính-nha để sau này in ra thành sách dạy các trường học. Hồi ấy giáo-sư các nơi nhiều ông cũng đã có soạn mà gởi về Học-chính-nha rồi, nhưng đó là để rồi dạy về các trường học mà thôi, thời sự soạn dẫu hơi sơ-lược cũng đủ. Vả các giáo-sư ngoài giờ dạy học ra thời-giờ không mấy, huống lại phần nhiều là người hạt này đến làm việc hạt khác thời sự kê-cứu tất cũng không được kỹ càng cho lắm. Nay muốn soạn cho thật kỹ-càng, sác-thực để sau này dồn lại thành bộ mà có ích cho người muốn đọc

---

(1 Quan Chánh Đốc Peyrot khi ấy cũng có sức cho các giáo-viên soạn riêng những truyện về danh-nhân trong hạt. Nhưng nay ta muốn soạn bộ địa-dư này thời những truyện danh-nhân, cũng nên chép vào một mục « Lịch-đại-nhân-vật » cho tiện.

muốn kê-cứu tất phải mong ở những người có nhiệt-thành, có học-vấn, không tiếc công-phu, hết lòng tra-xét trong hạt mình mà soạn thành địa-dư hạt mình thời mới nên.

Ấy là sự soạn địa-dư thời phải do từng người mà soạn riêng từng tỉnh từng xứ như thế, còn cách soạn nên chia từng mục như thế nào, sau này sẽ xin nói.

III

Ích-lợi về sự đọc sách địa-dư

Nay nếu địa-dư từng tỉnh từng xứ đều soạn được kỹ-càng phân-minh, rồi góp lại in thành một bộ địa-dư về bản-quốc, thời bộ sách ấy thật là một bộ sách rất trân-trọng và rất thiết-thời, phàm người trong nước ai ai đọc đến cũng là có ích cả.

Về phần người học-giả muốn kê-cứu những sơn-xuyên hình-thế, nhân-dân phong-tục cùng là danh-lam thắng-cảnh ở các nơi, cho đến những phong-vực từ xưa ra thế nào, nhân-vật từ trước có những ai, đều sẵn có tài-liệu để mà tìm xét. Sau này các nhà làm sách, phàm vấn-đề nào thuộc về bản-quốc, tất cũng do ở bộ sách này mà tìm-tòi được điều hay, thời sự đó ích cho học-giả biết bao nhiêu! Huống nữa là những xứ mình chưa đi đến, những sự mình chưa biết đến, mà nhờ có bộ sách này mình biết thêm được, thời cái kiến-văn lại càng rộng lắm.

Về phần nhà làm ruộng muốn biết địa-chất những đâu là tốt, hoang địa những đâu còn nhiều, thời xét ngay mục nông-phố ở các nơi là có thể biết được. Vả lại những xứ nào trồng-trọt những thứ hoa mầu gì là tiện cùng những khu ruộng nào gần sông có thể tiện về sự dẫn nước tháo nước, hay là những xứ có nhiều đất hoang nhưng sự dẫn nước không tiện, phải khai kênh sẻ ngòi, thời mới khai-khẩn xong. Hiện nay chưa có sách nào nói kỹ, nếu lại có sách mà tra xét thời các nhà muốn khai-khẩn ruộng đất các nơi, tưởng cũng đỡ mất nhiều thời-giờ đi tìm-tòi xem-xét, như vậy há chẳng là một sự có ích-lợi ru ?

Công-nghệ chế-tạo thời cần phải có vật-liệu, mà những vật-liệu dùng về kỹ-nghệ để chế ra hóa-vật thời cần phải biết ở đâu là có sẵn, để mua dùng cho lúc nào cũng đủ thời kỹ-nghệ mới mong càng ngày càng phát-đạt. Mục sản-vật các tỉnh tất đã biên-chép rõ-ràng thời những nhà công-nghệ các nơi có thể coi mà biết được. Vậy ngày nay còn có cái vấn-đề lập xưởng công-nghệ, như là xưởng dệt vải, xưởng làm đồ mây,

xưởng dệt nhiễu v... v... thời phải tìm những người đã quen làm những nghề ấy mà dùng vào giúp việc. Nhờ có mục kỹ-nghệ các tỉnh mà biết làng nào có những thợ làm nghề gì, thời sự tìm người làm việc cũng tiện-lợi lắm.

Buôn bán thời cần nhất là phải biết đường lối các tỉnh, phải biết vật-sản các nơi. Có sách địa-dư mà biết được đường đi lối lại rõ-ràng thời mới có thể tính trước được sự buôn bán của mình thế nào là lợi; có sách địa-dư mà biết rõ sản-vật nọ ở đâu có nhiều, sản-vật kia đâu dễ tiêu-thụ, thời việc mua bán mới càng tiện cho mình. Ngày nay các đường giao-thông như là đường xe-hỏa, đường thủy, đường cái-quan, các nhà buôn ta phần nhiều đã từng biết, song còn như trong hạt nọ sang hạt kia, còn có những lối nào đi lại, cùng những bến đò nào là nơi đong bán đông, phố chợ nào là chỗ buôn bán dễ, thời lại cần phải có địa-dư từng hạt mới ghi chép đủ. Có ghi chép đủ tất là rất có ích cho các nhà buôn vậy.

Nói rút lại thời bộ sách địa-dư này in ra, thật là rất có bổ-ích cho mọi người trong xã-hội ta, mà thật lại có ảnh-hưởng đến nhân-dân phong-hóa, vì ta có thể xem-xét mà theo được điều hay, bớt được điều dở nữa. Một bộ sách mà đủ các phương-diện ích chung cho quốc-dân như thế, thời quốc-dân ta ai chẳng phải ưa chuộng ? Nhưng muốn cho quốc-dân ưa chuộng, để có thể giúp nên mọi đường công-ích, thời trách-nhiệm cốt ở những nhà soạn sách biên chép thế nào cho thật kỹ-càng đích-đáng mới xong. Vậy thời người soạn địa-dư hạt mình nên tra xét rõ kỹ, rồi chia ra từng mục mà biên chép cho thật đủ.

IV

Soạn địa-dư nên chia ra từng mục

Phàm người đã có học-thức tất-nhiên ai cũng đã từng biết : soạn sách địa-dư tất phải chia ra từng mục để tiện cho người đọc nhận biết mà dễ tìm xét. Trong phép dậy địa-dư thời tổng-quát có ba mục : *1° Địa-dư bác-vật* (Géographie physique), nói về giới-hạn, sơn-xuyên, hình-thế ; *2° Địa-dư chính-trị* (Géographie politique), nói về dân-sự, phong-tục, cùng là cách cai-trị ; *3° Địa-dư kinh-tế* (Géographie économique), nói về thổ-sản, kỹ-nghệ, thương-mại, đường-xá v... v... Ấy là những sách địa-dư ta học ngày nay, sách nào cũng cốt phải có đủ ba mục ấy.

Nay ta soạn địa-dư hàng tỉnh, cốt để sau này hợp cùng với các tập địa-dư các tỉnh khác mà in thành một bộ « Bản-quốc địa-dư » thời tuy

cũng phải chia ra từng mục mà biên chép cho rõ, nhưng các mục nào thuộc về địa-dư bác-vật hay thuộc về địa-dư chính-trị, thời tưởng cũng không cần phải chọn mà chia riêng ra làm chi, vì soạn địa-dư hàng tỉnh thời các mục ghi chép theo như lối Doanh-hoàn-chí của Tầu tưởng cũng là đủ và rõ-ràng vậy. Phàm các bậc đã có công kê-cứu, có tài trước-thuật thời khi soạn sách tất-nhiên là khéo xếp-đặt các mục phân-minh và kỹ-lưỡng, không đợi đến cái ý-kiến thuyết-giả dám hạn-định trước. Song riêng ý-kiến thuyết-giả cũng xin bầy tỏ, để hoặc có điều còn thuyết-lược, thời mong các ngài độc-giả bổ-chính vào cho.

Thuyết-giả trộm-tưởng soạn địa-dư trong hạt, nên chia từng mục như sau này:

1° Giới-hạn (hay là phong-vực duyên-cách).
2° Địa-thế.
3° Thủy-thổ, khí hậu.
4° Thuộc tỉnh các hạt.
5° Nhân-dân, phong-tục.
6° Đạo-lộ (hay là giao-thông).
7° Sản-vật.
8° Nông-phố.
9° Kỹ-nghệ.
10° Thương-mại.
11° Lịch-đại nhân-vật.
12° Phong-dao.
13° Linh-tích, thắng-cảnh.

Ấy là các mục đại-khái chia ra như thế, song lại phải tùy theo từng tỉnh từng hạt mà người soạn sách có thể thêm bớt từng mục được, vì thuộc về mục nào mà trong hạt mình không có sự đáng ghi chép thời mục ấy có thể bỏ đi được vậy. Về sự biên chép các mục thời thuyết-giả xin sẽ nói theo sau đây.

V

Các mục biên chép nên như thế nào?

Do tập địa-dư các hạt mới thành một bộ « Bản-quốc địa-dư »; bộ ấy cốt để phổ-thông cho khắp các hạng người. Có mục để cho các nhà chính-trị, các nhà văn-học tra xét, có mục để cho các nhà thực-nghiệp tìm-tòi, lại có mục để cho những nhà khảo-cổ, những nhà du-lịch cần phải biết đến. Vậy thời các nhà soạn sách cũng nên hết lòng kê-cứu mà biên-tập

cho rõ cho khéo thời mới có ích cho người đọc sau này được. Thuyết-giả dám xin nói qua về sự biên chép các mục như sau này:

1° Về mục giới-hạn (hay là phong-vực). — Soạn địa-dư tỉnh nào cũng cần phải nói giới-hạn trước, giới-hạn là nói rõ tỉnh ấy đông tây tiếp giáp xứ nào, nam bắc tiếp giáp những đâu, để cho biết rõ từ tây sang đông, từ bắc xuống nam, đến đâu là hết địa-hạt, vậy chép giới-hạn nếu rõ-ràng, thời khi đọc đến chưa xem bản-đồ mà cũng có thể biết được rằng tỉnh ấy ở vào giữa những tỉnh nào mà giáp những tỉnh nào vậy. Đã chép rõ các mặt tiếp giáp các nơi rồi, thời nên chép đến diện-tích (surface) tỉnh ấy rộng bao nhiêu kilomètres vuông, và từ đông sang tây, từ bắc xuống nam mỗi đằng dài ước bao nhiêu kilomètres. Ấy thế là rõ. Còn sự duyên-cách nếu tra được kỹ-càng mà chép thời càng hay lắm. Tỉ như chép tỉnh Hà-đông thời trước hết nên nói: Hà-đông khi xưa còn thuộc Hà-nội, đến năm nào mới đặt ra tỉnh Cầu-đơ, rồi năm nào mới lại đổi ra Hà-đông. Địa-hạt khi xưa kiêm có những hạt nào và đến năm nào mới lại phân-sáp những hạt nào về tỉnh khác v . . . v . . . Trước hết chép như vậy rồi mới chép đến giới-hạn.

2° Về mục địa-thế. — Chép đến địa-thế là để cho biết trong tỉnh ấy có nhiều đồng-bằng hay là có nhiều rừng núi, mặt đất nhiều nơi bằng phẳng hay là lắm chỗ cao thấp không đều nhau. Theo như sách Doanh-hoàn-chí thời núi, sông, hồ, cao-nguyên, bình-nguyên cũng là hải-ngạn cũng chép vào mục này cả, nhưng mỗi mục lại nói riêng ra. Vậy nay ta chép địa-dư các tỉnh ta, thời về các tỉnh trung-châu nên nói rõ những đâu toàn đồng-bằng, những đâu gần triền sông, mà về phía nào có núi có đồi, cũng nên kể đến, về các tỉnh thượng-du nên nói rõ hạt nào lắm núi cao, hạt nào nhiều rừng rậm, mà cánh đồng nào xa sông giáp núi, cũng nên kể tường. Còn về các tỉnh miền bể thời lại phải chép rõ những hạt nào là gần bờ bể nữa. Nói rút lại, về mục này nên chép đủ các sông, các núi cùng các châu-thổ mà phải chép tên cho rõ.

3° Về mục thủy thổ khí-hậu. — Chép đến mục này là để cho biết khí-hậu ở đâu tốt xấu, thủy-thổ những đâu không lành, về các tỉnh xa nhất là các tỉnh trên thượng-du thời nên chép rõ, để cho người các hạt đều biết. Còn những tỉnh trung-châu ta như là Hà-đông, Hưng-yên, Nam-định, Thái-bình v . . . v . . . thời thủy-thổ khí-hậu có lẽ cũng đều như nhau, tưởng cũng không cần phải chép. Vậy mục này xin nói lược.

4° Về mục thuộc tỉnh các hạt. — Trong tỉnh mình chép, thời thuộc hạt có bao nhiêu phủ huyện, cần phải chép đủ. Chép riêng từng phủ, từng huyện, mỗi hạt có bao nhiêu tổng xã; dân-đinh và điền số mỗi hạt

bao nhiêu, cũng nên xét kỹ mà chép cho tường. Đó là một mục quan-thiết cho nhà chính-trị vậy.

5° Mục nhân-dân phong-tục. — Dân-đinh đã chép ở mục trên thời số dân trong hạt nhiều ít không cần phải chép lại nữa. Về mục này chỉ nên chuyên nói về dân-sự và phong-tục mà thôi. Vậy phải chép rõ những hạt nào là dân thuần-hậu, những hạt nào là dân điêu-bạc. Nhất là những xã biết trọng sự văn-học, những nơi chuộng đường làm ăn cùng là những xã hay xa-hoa hay kiện-cáo, nhất-nhất đều nên chép cả. Ngày nay cái phong-trào cải-lương hương-tục hầu đã tràn khắp các nơi, mà xã nào còn giữ hủ-tục chưa chịu cải-lương thời ta nên chép vào đây để tỏ ý khích-khuyến. Còn những xã cải-lương đã thành hiệu, có những điều gì hay, những tục gì tốt, thời ta nên chép đủ để làm gương cho các làng kia. Như thế thời mục này mới là có ích cho phong-tục được.

6° Mục đạo-lộ (các đường giao-thông). — Đường xá đi lại là một sự cần phải biết nhất, bất cứ là hạng người nào, ở tỉnh nọ sang tỉnh kia, nếu không biết đường lối thời rất là nhiều nỗi không tiện. Vả, ngày nay là buổi giao-thông thời đường xá trong nước mình cần phải biết hết, không thể nói rằng « đường đi ở miệng » mà được. Vậy soạn-giả không nên tiếc công tra-xét, mà chép mục này nên kỹ lưỡng từng đường từng lối một. Trước hết chép những đường bộ trong hạt, có bao nhiêu con đường cái-quan, bao nhiêu con đường đã trải đá, mà những đường ấy từ quãng nào đài là bao nhiêu kilomètres, đến quãng nào thời lại chia ra những ngả đi về đâu. Lại nên nói cả những quãng đường nào rộng có thể đi xe hơi, xe ngựa được, cùng là những đường hẹp hoặc chưa trải đá, chỉ có thể đi xe tay được mà thôi. Chép xong đường bộ rồi chép đến đường thủy: nên kể những lối nào có thể chạy tàu được, mà do những con sông nào chạy suốt được tới đâu, sau nữa cũng nên chép cả những lối chỉ đi được thuyền, mà những quãng nào sâu nông và về mùa nào hay cạn. Cần nhất là một điều nữa: nên chép cả các hạt do con đường bộ nào mà tiện sang những phố chợ buôn bán to, do những đường thủy nào mà tiện đến những bến đò đong bán thịnh, để tiện cho các nhà buôn biết đường vận-tải, biết lối mua bán.

7° Mục sản-vật. — Nói đến sản-vật trong tỉnh thời nên chia ra từng thứ. Trước hết nói về nông-sản như là thóc, lúa, ngô, đậu, khoai, vừng, lạc v. v. mà những hạt nào là có nhiều, mỗi năm bán đi các nơi dư-dụ thời nên kể rõ, sau nói đến thực-vật như là những thứ cây dùng làm thuốc, những thứ cây dùng để nhuộm cùng những thứ cây dùng để dệt v. v. phàm thứ cây dùng vào việc kỹ-nghệ được mà hạt nào có sẵn thời

nên chép cả. Rồi nữa chép đến động-vật, như trong tỉnh hạt nào có nhiều trâu bò, hạt nào có nhiều gà lợn, mà giá đắt rẻ như thế nào. Về các tỉnh trên thượng-du thời lại nên chép thêm cả những lâm-sản như bương, nứa, mây, song, nấm-hương, hồi-hương, cánh-kiến cùng các thứ gỗ v. v. nếu tỉnh nào mà có khoáng-sản thời lại cần nên kể nữa. Nói tóm lại trong tỉnh mình có sản-vật gì lạ đều nên chép đủ, song những thứ nhiều hơn các nơi, mà hay tiêu-thụ về đâu thời lại nên nói cho kỹ.

8° Mục nông-phố. — Mục nông-phố cùng với mục kỹ-nghệ và mục thương-mại là cốt để tiện cho các nhà thực nghiệp như lời thuyết-giả đã nói trên kia thời soạn-giả không những là chỉ ghi chép cho đầy các mục ấy, lại phải phụ thêm cái tư-tưởng kinh-tế của mình mà nói cho kỹ thời mới nên.

Nay chép mục nông-phố, nên trước hết nói về ruộng trong các hạt, mỗi hạng (1) ước chừng bao nhiêu tiền một mẫu, mà những ruộng hạt nào là cấy được cả hai vụ hay là chỉ cấy được một vụ mà thôi. Sau nói đến chất đất trong hạt tốt hay là xấu, về những khu ruộng nào là chất đất được mầu mỡ hơn cả. Rồi nói đến sự trồng-trọt thời ngoài việc cấy lúa ra còn có trồng được những thứ hoa mầu gì là tốt và tiện. Còn như phụ thêm ý mình thời về tỉnh trung-châu nên nói trong hạt có những sông nào chảy qua, mà sẽ ngòi xây cống thông vào những khu ruộng nào là tiện, hoặc khu ruộng nào không tiện đường dẫn thủy, nay phải khai thêm sông nhỏ từ đâu thông vào. Về tỉnh thượng-du thời những đâu hoang-địa có thể khai-khẩn được, nên chép rõ, rồi bàn về sự khai-khẩn những đất ấy thời cách phá rừng, mở lối và làm đất nên như thế nào. Các tỉnh miền bể thời nên nói thêm những khu ruộng nào chưa thành thục-điền, mà nay phải đắp đê ngự-hàm cùng là dùng cách chữa đất như thế nào, ruộng mới cấy được. — Ấy, mục này phải làm như thế mới kỹ.

9° Mục kỹ-nghệ. — Trước hết hãy kể những công-nghệ của các xã trong hạt từ xưa đã có; những công-nghệ của các xã trong hạt từ xưa đã có, như là làng Định-công có nghề thợ bạc, làng Đình-bảng có nghề thợ sơn, làng Bưởi có nghề làm giấy, làng Bát-tràng có nghề làm đồ đàn v.v. mà xét những nghề ấy gần đây có được phát-đạt hay là vẫn còn như trước. Rồi mới kể đến những công-nghệ các nơi gần đây mới có, như là lò sứ ở huyện Thanh-trì, nghề dệt ở làng Bộ-la v. v. Những làng đã có công-xưởng ta mà nghề làm đã được phát-đạt thời lại càng nên chép rõ. Sau nữa lại

(1) Hạng nghĩa là các hạng ruộng hơn kém, như là nhất-đẳng-điền, nhì-đẳng-điền v.., v..

nên xét những đồ chế-tạo gì là nhu-dụng bây giờ, có thể tiêu-thụ được mạnh, những xã đã sẵn có nghề chế-tạo ấy mà chưa được mở-mang, chưa thật tinh-xảo, thời ta nên bàn cách mở xưởng, rèn nghề cho nghề đó được to-tát thêm lên. Ai có thể hiểu cách làm cho mọi nghề tinh-tiến như là cách làm đồ tơ thế nào thời tốt, cách dệt đồ vải thế nào thời trắng và bền, đem bàn rõ ra ở mục này thời lại càng hay lắm. Lại nên xét cả trong bao nhiêu xã cùng làm một nghề, song nhân-công ở những xã nào là chăm-chỉ và kỹ-càng hơn, thời nên nói rõ.

10° Mục thương-mại. — Ở mục các đường giao thông trên kia đã chép những lối đi lại, những đường vận-tải, cùng là các phố chợ, các bến đò đong bán, kể cũng đã là tiện cho các nhà thương-mại rồi. Về mục này thời nên xét về việc buôn bán trong tỉnh gần đây có phát-đạt hơn trước hay là chưa mở-mang được mấy. Nên chép trong hạt những đâu là chỗ buôn bán đông, người mình có những cửa hàng nào buôn to, mà buôn bán những thứ hàng gì, để cho những nhà buôn tỉnh khác được biết mà tiện sự giao-dịch. Lại nên xét những đâu có nhiều cửa hàng người khách buôn to, và những chỗ đong bán có do người mình hay là thuộc người khách cả, mình có thể dùng cách gì thu lấy lợi-quyền lại được không. Sau nữa lại nên chép những nơi có thể buôn những hàng gì là chạy, mà ta chưa có mấy hiệu buôn bán, thời phụ-ý khích-khuyến cho các nhà tư-bản kíp dựng hiệu buôn.

11° Mục lịch-đại nhân-vật. — Mục này cốt là chép những bậc anh-hùng, đạo-đức, danh-vọng, cùng các bậc hiếu-tử, tiết-phụ, liệt-nữ đời trước và đời gần đây, trước là để làm gương cho mọi người, sau là để tiện cho người muốn học sử truyện các bậc tiền-bối. Vậy thời nên xét những tinh danh cùng sự-tích các cụ ở trong hạt mình về đời trung-cổ và đời cận-đại mà chép cho sác-thực. Tỉ như tỉnh Hà-đông thời nên chép về đời nhà Trần có cụ Chu-Văn-An ở huyện Thanh-đàm (Thanh-trì bây giờ), về đời nhà Lê có cụ Nguyễn-Trãi ở làng Nhị-khê; còn về bản-triều thời văn-chương, danh-vọng như cụ Phương-Đình ở làng Kim-lũ, đạo-đức văn-học như cụ Tư-nghiệp ở làng Nhân-mục v. v., đều phải chép sử-truyện cho rõ. Còn như những người hiếu-tử những bà tiết-phụ, liệt-nữ trong hạt, cũng nên lựa chọn mà chép cho rõ và gọn. — Nếu những phương-danh cùng sự-tích các cụ đời trước, xứ ta chưa có chép mà nay người soạn sách tìm chép được rõ, thời thật là một sự rất hay.

12° Mục phong-dao. — Phong-dao là quốc-túy, quốc-hồn của ta, nhiều câu có tính-tình mà có ý-vị rất hay, cảm-động lòng người rất

chóng. Tìm được nhiều câu phong-dao hay mà chép ra tức là một cách gián-tiếp để bổ-ích cho phong-hóa đó. Không những thế, chép được nhiều câu phong-dao trong hạt mà chưa mấy người biết thời lại là mới, mà rất có bổ-ích cho quốc-văn sau này, vì các nhà làm quốc-văn lại thêm được tài-liệu vậy. — Những câu phong-dao của ta đã lưu-truyền khắp cả, ai ai cũng biết, thời không gọi là ca-dao riêng từng hạt được, (như là các câu ca, nhiều người đã trích ra in, nhiều người đã đăng vào báo), vậy mục này không nên chép những câu ấy, chỉ nên cố tìm mà chép các câu hát riêng trong tỉnh mình mà thôi. Tỉ như những câu hát riêng trong hạt phủ Đa-phúc:

Xuân-tình có bãi Đồng-hè, (1)
Có đường cái xứ, có chè nụ ngon.

Cũng là:

Nhất ngon là mía Soi-đành, (2)
Trai khôn làng Bến, (3) *gái lành Phù-lỗi.* (4)

Ấy là những câu hát hay, mà riêng trong hạt ấy, hạt khác chắc chưa mấy người biết.

Thuyết-giả trộm tưởng hạt nào cũng có những câu hát riêng như thế cả. Người soạn sách nên cố tìm tòi mà ghi chép, sao cho được những câu chính-đính dễ nghe, hoặc là những câu kỷ-thực công-việc các làng cũng được. Nhưng tất phải là những câu người trong hạt mình công-nhận là có, đừng nên biên chép lờ-mờ; mà câu nào thuộc về tên riêng cùng là sự vật riêng trong hạt thời lại nên chú-thích cho rõ nghĩa, để dễ cho người đọc nhận biết.

13° Linh-tích, thắng-cảnh. — Về mục này cốt để cho các nhà khảo-cổ cùng các nhà du-lịch cần xem xét đến, vậy trước hết chép những chỗ hình-tích, như là: núi Sóc-sơn, thành Cổ-loa (Phúc-yên), Núi Tản-viên, núi Sài-sơn (Sơn-tây) v... v... mà như kể núi Sóc-sơn thời nên trước hết chép truyện Phù-Đổng Thiên-vương, kể núi Tản-viên thời nên trước hết chép truyện Tản-Viên Sơn-Thần, các ngài khi xưa phi-thăng và nay hình-tích còn lại như thế nào, không nên kể lược. Sau chép đến những chỗ thắng cảnh trong hạt, như là chùa Hương-tích ở Hà-đông, núi

(1) Xuân-tình Đồng-hè là tên hai xã.
(2) Soi-đành là tên nốm của làng Đa-hội.
(3) Bến là làng Bến-thôn.
(4) Mấy làng nầy đều thuộc phủ Đa-phúc tỉnh Phúc-yên cả.

Dục-thủy ở Ninh-bình, các động ở vịnh Hạ-long vân vân... Nên chép những cái danh-thắng đặc-sắc cũng là những đường lối đi vào thế nào là tiện. — Mục này lại là một mục các nhà văn nhiều khi phải nghiên-cứu đến, vậy soạn-giả nên khéo dùng lời văn mà chép cho thật hay, để đọc đến tưởng-tượng được rằng linh-tích càng thêm linh, thắng cảnh càng thêm nổi vậy.

* * *

Ấy là sự biên chép các mục, thuyết-giả trộm nghĩ như thế, song chắc còn khuyết-lược nhiều, cho được kỹ-càng hơn nữa, thời sự thêm bớt lại mong ở cái tài các ngài sau khi soạn sách.

VI

Biên-tập và xuất-bản nên do Thư-xã

Nay nếu các nhà có nhiệt-thành về sự học, có công kê-cứu, có tài trước-thuật, đã tra xét những sự trong tỉnh mình mà soạn thành tập địa-dư được rồi, song không lẽ lại đem in riêng làm một tập địa-dư một tỉnh được, mà muốn hợp cùng các nhà soạn sách các nơi để in thành sách, thời sự đó cũng hơi khó, vì tất phải có một cái thư-cục tổng-hợp cả các tập lại mà lựa chọn, xếp đặt cho được có thứ-tự thời mới có thể in xong. Huống nữa, ngày nay muốn soạn một bộ sách quan-trọng như thế mà không có các nhà danh-vọng trong nước hợp lại xem xét thời sao được.

Ích-hữu thư-xã hiện nay sắp lập xong tòa Tu-thư, mà việc soạn sách, kiểm-duyệt các sách, toàn là các quan Đại-thần danh-vọng đứng chủ-trương cả. Nếu các tập địa-dư các nơi đều gởi cả về Thư-xã, thời tòa Tu-thư sẽ dồn lại mà xem xét, rồi lựa xếp đặt từng-tỉnh trước sau cho có tằng-thứ, tựa của các nhà danh-vọng đề vào, ý-kiến các nhà học-thức phụ thêm vào, rồi cho in và xuất-bản, thời tất thành bộ sách hoàn-toàn, mà sự tiêu-thụ rất dễ.

Thư-xã sẵn có nhà in, sẵn có báo để cổ-động, lại sẵn có thư-cục, thời sự in và sự rao hàng cùng sự bán sách đều tiện cả. Vả tòa Tu-thư soạn sách cốt để giúp vào sự học cho quốc-dân để làm việc công-ích, thời những nhà soạn sách mà được tòa Tu-thư nhận in, tất cũng được hưởng một phần quyền-lợi vào đó. Nay ta có công soạn riêng thành tập địa dư đem góp với tòa Tu-thư để in thành bộ, thời ta có một phần vào đó, sau này sách ấy tiêu-thụ lo gì quyền-lợi ta không dự có một

phần. Còn về phần giá-trị người soạn, thời sau khi in thành bộ sách về phần tỉnh nào tất cũng phải in rõ tên người soạn địa-dư tỉnh ấy, vậy tên người soạn vẫn là có ghi chép cả.

* * *

Thuyết-giả dám xin các nhà cựu-học tân-học kíp nghĩ đến công-ích trong học giới mà kê-cứu để soạn ngay thành tập địa-dư trong hạt các ngài, rồi xin gởi ngay về Thư-xã để tòa Tu-thư góp lại mà lựa in thành bộ. Nếu bắt đầu các ngài soạn ngay từ nay, thời đến sang năm, may có thể dồn lại được đủ mà in ra được vậy.

Không có các ngài kê-cứu mà soạn riêng để đem góp lại thời bộ sách này tất không làm xong, không có tòa Tu-thư để thu lại biên-tập thời cũng không thành bộ. Bộ sách này là một bộ rất cần cho quốc-dân ngày nay, ra sớm được ngày nào là có ích cho quốc-dân ngày ấy. Các nhà học-thức trong nước há tiếc công-phu mà không nghĩ tới ru ?

TRỊNH-ĐÌNH-RƯ

Tài-chính quan-hệ với văn-minh thế nào ?

Tài-chính là lợi-khí cho văn-minh. Hãy cứ nói một người, người bé tiêu bé, người lớn tiêu lớn, cả thuyền cả sóng, thì kinh-tế lại càng phải cần hơn. Nếu mà người muốn cho kiến-thức hơn người, thì học phải rộng, du-lịch phải nhiều, nếu không có của thì lấy gì làm học-phí và hành-phí ; cái khó bó cái khôn, còn mong gì nữa ! Ấy là cá-nhân còn như thế, huống chi là toàn-thể xã-hội, công việc to-tát, chi-khoản rộng biết là nhường nào. Nào là phí về binh-lính, nào là phí về quốc-tế, nào là phí về chính-trị.... Lại còn chấn-hưng thực-nghiệp, mở đường giao-thông, số chi không đủ, trù-khoản không ra, thì bó cánh mà chịu, còn có hi-vọng gì văn-minh !

Văn-minh lại là đại-động-mạch cho tài-chính. Vì chi-tiêu có rộng thì sinh-lý phải quẫn, sinh-lý đã quẫn, thì học-thuyết tài-chính phải chịu khó mà nghiên-cứu. Học-thuyết đã nghiên-cứu thì tài-nguyên chắc có ngày phát-đạt to. Kìa kho vô-tận của trời đất đã sẵn bầy ra khi mới có loài người, như lâm-sản, khoáng-sản, biết bao nhiêu là tiền rừng bạc bể ? Cao-nguyên, bình-nguyên, biết bao nhiêu là bờ sôi ruộng mật? Người mà biết dùng của thì của quí mà là vật có ích cho đời ; người mà không biết dùng của, thì của bỏ phí hoài đi mà là vật vô-ích cho đời. Cái trình-độ biết tiêu của, cũng theo y như cái trình-độ tiến-hóa của loài người ; cho nên đời thượng-cổ là

đời săn-bắn, đời chăn-nuôi, kiếm gì ăn nấy, ở đâu biết đấy, không giao-thiệp gì, thì không cần gì tài-chính. Đến khi phong-hội càng mở-mang ra, người càng khôn, của càng khó, bấy giờ loài người khôn mới một ngày một thịnh-vượng, loài ngu dại mới một ngày một sa-sút đi; mà của mới thành ra huyết-mạch quan-hệ cho tinh-mạnh loài người.

Hãy xin đem lịch-sử tài-chính của các nước văn-minh mà so-sánh với trình-độ tiến-hóa, có thể chia ra làm nhiều thời-đại:

1· Thời-đại chưa cần tài-chính;
2. Thời-đại tài-chính còn sơ-lược;
3· Thời-đại tài-chính riêng một nhà;
4· Thời-đại tài-chính chung một nước.

Đương khi dân-tộc A-lợi-an mới sang châu Âu, dân-tộc Cao-lư còn đi săn bắn. Chẳng khác gì bên Á-đông ta về đời Vô-hoài, Cát-thiên; mà cũng chẳng khác gì nước ta đương đời Hùng-vương, vua và dân cùng nhau cầy ruộng Lạc, dậy nhau làm nghề trài, đủ ăn đủ mặc, đã lấy làm thái-bình lắm rồi, nào có cần gì tài-chính.

Đến đời nước Hy-lạp, nhóm có văn-hóa, thì đã phải cần tài-chính ngay. Ông Trát-na-phong, ông Á-lợi-ty-đặc-thoát, mới bàn ra sự hạng tài-chính, nhưng cũng hãy còn sơ-lược, vì bấy giờ đi đánh dẹp nơi nào, thì nơi phải đánh dẹp ấy chịu cống-hiến. Số tuế-nhập năm phần thì ba phần là cống-hiến của các nước đồng-minh, còn là thuế kinh-thường, thuế phi thường, mà không có định-ngạch. Chẳng khác gì bên Á-đông đời Hạ-vũ văn-giáo mở mang ra thì cống-phú phải đủ ngay; nhà Thương đổi ra thuế «trợ», nghĩa là mượn sức dân mà làm ruộng công-điền; nhà Chu đổi ra thuế «triệt», nghĩa là hợp cả phép «cống» và phép «trợ». Ấy là thời-đại tài-chính sơ-lược. Đến đời La-mã là nước có cường-quyền. Lấy được của nước nào thì nhà-nước với tướng-sĩ chia nhau làm lĩnh-thổ, đi đánh dẹp nhiều thì binh-phí nhiều, thuế kinh-thường không đủ chi. Mới cho người bao thầu các hạng thuế, mà chính-phủ chỉ ngồi thu một món cự khoản. Chẳng khác gì đời Tần trở xuống, chăm chăm cầu lợi riêng cho trung-ương chính phủ, chẳng nghĩ gì đến sản-nghiệp của quốc-dân, tuy từ Hán, Đường trở xuống, cũng có nhiều bậc vua hiền biết thương đến dân, nhưng chẳng qua một đôi điều chính-sách cô-tức, đại-loại như phát chẩn, cho nửa thuế, ơn nhỏ một lúc ấy mà thôi. Mà những quan-lại tụ-liễm như những bọn Tang-Hoàng-Dương đời Hán, Lưu-Ấn đời Đường, Vương-an-Thạch đời Tống, tìm hết cách lý-tài để làm giầu riêng cho nhà-nước; mà cũng chẳng khác gì hồi ta Bắc-thuộc, quan-lại Tàu chỉ lấy sự bòn của ta làm tôn-chỉ đô-hộ, nào có chấn-hưng sự ích-lợi cho mình được việc gì. Ấy là thời-đại tài-chính riêng một nhà.

Từ khi Thập-tự-quân, xuất-hiện, thì bao nhiêu của riêng đời phong-kiến mới phá-hoại đi, mà tài-chính của xã-hội chung dần dần thành-lập. Cũng nhân cuộc chinh-chiến ấy, khốn nạn về sự vận-tải quân-lương khí-giới, mới khổ-tâm mà sáng-lập ra các thành-phố lớn, để có nhà buôn cho tiện. Cũng nhân có các nhà buôn, lại phải tìm cách để bảo-hiểm các nhà buôn, mới tổ-chức ra thương-đoàn. Cũng nhân chiến-phí ấy, mà ngạch tài-chính ở cận-địa không đủ cung, mới phát-minh ra học chế-tạo, nghiên-cứu ra cách vượt bể, để kinh-lý ở nơi xa-mông-mênh mấy bể Đại-dương, mới thành ra một cái tài-nguyên to cho các nước văn-minh, mà quyền-lợi ở bể Thái-bình là thịnh nhất.

Bấy giờ cái học thuyết về phú-quốc-sách của ông Á-đán-tư-mật mới thịnh-hành. Đem tài-chính của nhà-nước với kinh-tế của cá-nhân hợp lại làm một. Đến thế-kỷ thứ mười tám, nước Đại-pháp đổi ra chính-thể cộng-hòa, thì tài-chính lại thành ra cuộc biến-cải nữa. Nghĩa bình-đẳng tự-do xướng-minh ra, thì ai nấy đều có quyền-lợi. Các nhà tư-bản dựng ra nhiều sưởng to, mà nhà nghèo cũng có chỗ làm công, Chính-phủ cũng hết lòng chấn-chỉnh, dù việc binh, việc luật, đều là bảo-hiểm cho các nhà thực-nghiệp, việc công-chính mở đường thủy-bộ, khai-khẩn ruộng hoang, hay là mở phụ-đầu, đều là chấn-hưng cho nhà thực-nghiệp, chủ-ý làm cho nước giầu, trước hết làm cho dân giầu, cho nên kể các hạng thuế trong nước đối với các khoản chi-tiêu trong nước từ năm 1830, trong khoảng hơn 30 năm trời không năm nào không thiếu; mãi đến năm 1869 so sổ tuế-nhập với sổ tuế-xuất mới là quân-hành, chính-phủ có giầu gì đâu, nhưng dân giầu tức là nước giầu, chẳng những thành Paris là các chợ lớn giầu thịnh nhất thế-giới, mà những đồ chế-tạo mang ra xuất-cảng cũng có giá-trị hơn. Cái ảnh-hưởng ấy biến-động khắp cả châu Âu, mà lại xa kịp đến châu Mỹ. Đến nay nước Hoa-kỳ cũng thành nước giầu thịnh có tiếng ở thế-giới. Ấy là thời-đại tài-chính chung một nước.

Chúng ta nhân thế mới có hy-vọng tương-lai cho chúng ta. Bởi vì nước ta cũng là một nơi sẵn có nếp làm giầu: lâm-sản có, khoáng-sản có, cửa bể có, cao-nguyên bình-nguyên có. Người các nước văn-minh đã cho là xứ lý-tài được. Huống chi có nước Đại-pháp là nước giầu thịnh, đem cách lý-tài mà khai-đạo cho chúng ta. Này như đường xe-hỏa, đường tầu-thủy, các thành-phố, các hải-cảng.... lại dựng ra hội-chợ, đấu-xảo để khích-khuyến thực-nghiệp, kinh-phí biết bao nhiêu. Nhà-nước Bảo-hộ đã xuất tiền ra bổ-trợ cho ta; những mong có một ngày cùng hưởng chung cái kết-quả ấy. Kìa như bọn Tây-đen bọn Hoa-kiều cũng còn lợi-dụng dịp ấy mà phát-đạt được; huống chi quyền-lợi chính là của chúng ta. Cơ-hội ấy đáng mừng thật. Chúng ta cũng đã biết tìm cách lý-tài, nhưng tính-chất còn có điều thiên, phương-pháp còn có điều lầm, cho nên tài-chính vẫn đình-đốn, chưa đắng-đạt được.

Vì tính-chất thiên, nên phương-pháp lầm.

1· Huyễn-hoặc sinh ra vọng-cầu. Nào là cúng-cấp đồng-bóng để cầu tài cầu lộc, mà tiền vàng-mã hại biết bao nhiêu.

2· Lười biếng muốn ăn không. Nay cờ mai bạc để khởi-hóa, ăn nhau về đen đỏ; được ra thì coi tiền được không phải mồ-hôi nước mắt, tiêu phí tiêu hoài; mà thua thì sơ-sác, quá đến nỗi khuynh-gia bại-sản, túng thế phải tìm cách gỡ. Người có quyền-thế xoay về dân-cao dân-chi; người không có thì đâm ra vay-chầy vay-cối, đã đeo nợ lại, không ngóc đầu lên được, bậc hạ-lưu cùng quá sinh ra trộm cướp, hại lây đến lương-dân.

3· Lòng riêng tham cận-lợi. Người thì thần-giữ-của, khư-khư giữ chặt, không dám bỏ ra làm việc gì, còn bao giờ nẩy-nở ra nhiều được. Hoặc có lập-thành hội để sinh-lợi, mà tùng-trung đã ăn bớt nhau, khuynh-phúc nhau, còn thành-hiệu sao được!

Nào có những thế, lại còn phồn-hoa chuộng hư-văn. Nào là đám cưới, đám ma, đám khao-vọng nhà quê, hư-phí biết là bao nhiêu!

Cái hiện-tình tài-chính của ta sinh-sản có bao nhiêu, mà đem phí vào hồ-thổ, bỏ ra chỗ hà-hồng, đốt ra làm tàn vàng sác pháo, tan ra làm hơi rượu, khói nha-yên, sinh-nhai chắc có ngày khốn-nạn, mà huyết-mạch hao-mòn. Nhân-bần trí-đoản, còn hy-vọng gì là văn-minh! Ngán thay! Đường xa nghĩ nỗi sau này mà kinh!

Đương lúc thế-giới hoàng-kim này, chỉ có của là hơn, trong tay đã sẵn đồng tiền, thì làm gì mà chẳng được. Dù có tư-tưởng cao bao nhiêu, mục-đích xa bao nhiêu, hy-vọng to bao nhiêu; đến không của là hết! Bởi vậy ta sinh vào đất lý-tài này, đương vào thời-đại giao-thông này, một khắc đáng nghìn vàng, một tấc đất đáng nghìn vàng, một bước đường đáng nghìn vàng, ta lại phải biết tiếc của, biết dùng của, thì của mới sinh-sản ra được, trong nước có nhiều nhà giầu, ấy là nước giầu. Cái văn-minh vũ-đài gây nền ra cũng bởi đó.

Các nhà thực-nghiệp nước ta ơi! Cái mạnh-mạch giang-sơn, thực là quan-hệ ở các ngài đấy!

Nông-sơn *Nguyễn-Can-Mộng*

Cuộc hòa-bình của thế-giới với nông-nghiệp

Cam Thủy-đường thì ngọt, đem trồng sang nơi khác hóa cam-giấy; Húng kẻ Láng thì thơm, đem trồng sang đất khác hóa bạc-hà. Sao vậy? Vì địa-vực khác, thổ-nghi cũng phải khác vậy. Tuy cổ-thời cái trí-thức về khoa-học chưa có gì, song cũng đã xét biết như thế; duy chỉ biết như thế, chỉ biết đó là vì *khí-hậu* vì *phong-thổ*, mà không xét được cho tới cái căn-do nó ra sao. Tới nay, khoa-học đã phát-đạt, những điều phát-minh của cổ-nhân đã có thể nhờ học-lý mới mà thực-nghiệm được. Cứ theo như nông-học, thì *khí-hậu* và *thổ-nhưỡng* không những chỉ quan-hệ tới chủng-loại và sự thâu-hoạch các sản-vật canh-nông mà thôi, lại ảnh-hưởng cả đến phẩm-chất nó nữa. Những điều có quan-hệ đến sản-vật canh-nông, thì phức-tạp lắm, lệ như: về *khí-ấm*, thì có ôn-độ quân-bình, ôn-độ cao thấp, cùng là ôn-độ thay đổi về tứ-quí và sai khác về đêm ngày, v... v.. ; về *nước*, thì có cái tổng-lượng nước, cái tình-hình phân-bố và thời-kỳ thăng-giáng, v... v...; về *gió*, thì có sức gió, hướng gió, tính-chất gió (như khô, ẩm, ấm, lạnh, v... v...) Ngoài ra, như thấp-độ không-khí, như thời-kỳ xương xuống, cũng đều là những điều thuộc về khí-hậu mà rất có quan-hệ đến nông-nghiệp cả. Về *thổ-địa*, thì không những cái chất bổ-dưỡng của đất có nhiều ít khác nhau, lại còn như các cách tổ-chức, cấu-tạo, phản-ứng, lượng ngấm nước, sức giữ nước, cho đến những tình-hình sinh-hoạt của các giống côn-trùng nhỏ cùng là độ-số và phương-hướng khuynh-tà của đất, v... v..., đều cũng mỗi nơi một khác, không đâu giống đâu cả. Xem đó thì khí-hậu và thổ-nhưỡng là do tự nhiều những phần-tử có đủ tính-chất biến-dị họp lại mà thành ra. Đã vậy thì tất-nhiên là nó phải tùy theo một phần-tử hoặc hai ba phần-tử mà thiên-biến vạn-hóa vậy. Trên mặt địa-cầu này, khí-hậu và thổ-nhưỡng đã mỗi nơi một khác, thì các sản-vật canh-nông, thổ-nghi cũng phải mỗi nơi một khác, điều đó là chắc hẳn như thế, không đợi phải nói, ai cũng đã biết. Đất có thổ-nghi, trồng cấy phải biết lượng thổ-nghi mới được. Ví như chỗ đất ưa trồng cây này thì không trồng, lại đem trồng cây khác vào, cây đã không được thổ-nghi, hoa-lợi tất-nhiên phải kém, có khi không những kém, lại không có một mầy lợi-ích gì cũng nên. Cái sức chi-phối thiên-nhiên ấy, to-tát biết bao, dẫu cho đến những tay đại-nông-học hiện-thời cũng phải phủ-thủ thính-mệnh mà không thể cưỡng-ép được.

Sự cần-dùng của người đời không phải một đôi chút sản-vật có thể cung đủ được. Vậy muốn cầu cho được đủ vật dùng, phải thế nào? Tất phải tùy thời, tức là thời-đại tự-cấp kinh-tế và thời-đại thế-giới kinh-tế vậy. Về thời-đại thế-giới kinh-tế lại phải tùy cái hiện-tượng hòa-bình thế nào mà khác nhau, chia thuật ra như sau này:

Đương thời-đại tự-cấp kinh-tế, việc giao-thông chưa phát-đạt, việc mậu-dịch còn sơ-sài, sự tiếp-tế ở ngoài đã thiếu, thì những tư-liệu sinh-hoạt cần dùng của một địa-phương, vô-luận là cái tình-hình tự-nhiên của địa-phương ấy ra thế nào, nhưng các vật cần dùng đó đều cố cưỡng làm cho sinh-sản được đủ dùng cả. Tuy biết rõ là vật mỗ rất thích-nghi với bản-địa, mà không chịu gia sức tài-bồi; biết rõ là vật mỗ không thích-nghi với bản-địa, mà cũng không toàn-nhiên tinh-lược, hoặc lại còn phải cố sức tài-bồi vào nữa. Bởi thế, sức sinh-sản của bản-địa thành ra kém-sút, rút lại uổng-phí biết bao công-của, mà thu-hoạch chẳng ăn-thua gì. Những vật không thể sao sinh-sản ép được, thì cũng đành phải bỏ hoặc tìm vật khác dùng thay, hoặc lại át-chế sự nhu-dụng vật-phẩm ấy nữa. Cho nên nhân-dân về thời-đại tự-cấp, phần nhiều đều quanh năm làm-lụng vất-vả khó-nhọc, mà thu-hoạch cực ít, cái tình-hình sinh-hoạt cũng rất sơ-sài.

Từ lúc việc giao-thông đã mở-mang, sự vận-thâu thủy bộ đều được nhanh chóng tiện-lợi, mà cước-giá lại rẻ. Sản-vật chỗ này có thể cung cho chỗ khác, nhu-dụng xứ nọ có thể cầu ở xứ kia, dẫu rằng xa ngoài trùng-dương, cũng như gần trong gang-tấc. Bởi đó có thể nhân cái sở-nghi về tình-hình kinh-tế và khí-hậu thổ-nhưỡng từng nơi mà sinh-sản các vật-sản canh-nông rất thích-nghi của từng xứ, nhân thế nơi nào cũng có thể được lợi-dụng hết cái sức sinh-sản của bản-địa, kết-quả đều là phải dùng sức làm rất ít, mà hưởng phần lợi-hoạch rất nhiều.

Song le, các nước lại thường không lấy sự lợi-dụng sức sinh-sản rất lớn ấy làm mục-đích, có khi lại cưỡng làm cho sức sinh-sản ấy phải giảm kém đi nữa. Phàm nhất-thiết sản-vật cần-dùng trong nước, chẳng cứ là có thích-nghi với bản-địa hay không, đều muốn tự trong nước mình có thể sinh-sản cho đủ được hết thảy, là vì lẽ gì? Đó chẳng qua chỉ vì phòng sự chiến-tranh bất-kỳ xảy đến, việc buôn-bán nước nọ với nước kia nhất-đán đình-trở, nếu trong nước không tự-biện đủ được đồ dùng, thì lương-thực lấy đâu mà tiếp-tế, cho nên họ phải phòng xa mà dự-bị như vậy. Nên

theo cái chính-sách ấy hay không, phải coi tiền-đồ cuộc hòa-bình của thế-giới và chủ-nghĩa của quốc-gia hoài-bão thế nào mà đoán-định. Nếu như nước nọ đối với nước kia đều nguyện cùng giữ vững sự hòa-bình với nhau, thừa-nhận những quyền-lợi về các phương-diện và sự lợi-ích về việc giao-hoán vật-sản, như thế thì có thể lợi-dụng được cái phân-công quốc-tế và việc buôn-bán quốc-tế bởi đó mà sinh, cũng đều được hưởng sự lợi-ích vậy.

. . . . . .

Nay muốn xét xem cuộc hòa-bình của thế-giới cùng với nông-nghiệp quan-hệ thế nào, trước hết hãy đem cái thế-giới không hòa-bình, ảnh-hưởng với nông-nghiệp thế nào, thì sự quan-hệ của nông-nghiệp với thế-giới hòa-bình khác là nhường nào, tự có thể so-sánh mà biết rõ được.

Nông-sản-vật thâu-nhập của các nước văn-minh thế-giới, có thể coi ở cái trình-độ sinh-sản của bản-quốc phân-biệt chia ra như sau này ;

I. — Nông-sản-vận ở ngoài đem vào cũng nhiều vật không thể cứ để nguyên theo cái tình-hình tự-nhiên của bản-quốc mà sinh-sản ra cho có được. Đó là vì sự chướng-ải của vật-lý mà ra, tức là vì khí-hậu cùng thổ-nhưỡng không khích-hợp với sự sinh-trưởng của vật ấy. Như thế thì phi lấy sức người dùng hết các phương-pháp duy-trì lấy, không thể nào tài-bồi được. Lệ như : Cao-xu, dừa, hương-tiêu, cà-phê, v. v., là những sản-vật ở về nhiệt-đái, mà đối với sự sinh-hoạt của dân các nước Âu, Mỹ ở về ôn-đái đều chiếm được cái vị-trí rất trọng-yếu. Tuy hoặc đó là thuộc về xa-xỉ-phẩm, trong lúc chiến-tranh có thể không cần dùng đến ; song, như cao-xu, về việc công-thương, dụng-đồ rất lớn, trong thời chiến-tranh, không có tiếp-tế, cũng là một điều rất đáng lo. Cho nên nước nào vì kế muốn dự-bị khi đoạn-tuyệt sự giao-thiệp quốc-tế, thì không thể không dùng những thủ-đoạn để cổ-lệ sự sinh-sản, hay là phải trữ-bị súc-tích cho thật nhiều.

II. — Nông-sản-vật ở ngoài đem vào cũng nhiều vật bản-quốc có thể sinh-sản ra nhiều được, duy cái sức sinh-sản tự-nhiên của bản-địa thì không bằng của nước khác thích-nghi với những vật ấy hơn. Lệ như đay, gai, cây ninh-mông, v. v. ở nước Mỹ. Nếu thế-giới giữ vững được hòa-bình, thì thà rằng những vật ấy mua ở nước ngoài về dùng là hơn ; nhưng ví nếu không giữ vững được hòa-bình, th tất phải chịu bỏ ra cự khoản mà tìm cách tự-biện lấy cho đủ dùng.

III. — Nông-sản-vật ở ngoài đem vào cũng có vật bản-quốc có thể sinh-sản ra được ngang với số thâu-nhập, và cái sức sinh-sản tự-nhiên của bản-địa cũng rất thích-nghi với những vật ấy không kém gì nước ngoài ; nhưng trong lúc hòa-bình thì thà rằng cứ vận thêm cả ở ngoài vào mà dùng là hơn, không nên nhất-thiết tự sinh-sản lấy cho đủ. Cái đó là vì có hai nguyên-nhân : 1. — Các nơi thích-nghi với sản-vật ấy của bản-quốc, có thể dùng để sinh-sản các vật khác lại được lợi hơn, nên những vật ấy tuy ở đất mình vẫn là thích-nghi, mà số sinh-sản thành ra kém của nước ngoài. 2. — Nhân tư-bản và nhân-công của cái nước cạnh-tranh với mình đó nhiều hơn, dụng-kim và lợi-tức nhẹ hơn. Lệ như thứ củ cải làm đường, nước Mỹ có thể trồng được tốt không kém gì ở Âu-châu ; song ở nước Mỹ mà muốn trồng thứ cải ấy, tất-tu phải nhờ đến chính-phủ bồ-trợ, hoặc đặt thứ quan-thuế rất cao để bảo-hộ cho, mới hòng có lợi được. Sở-dĩ như thế, là bởi hai nguyên-nhân kể trên này khiến nên vậy. Vì nước Mỹ tuy có cái địa-diện rất lớn thích-nghi trồng thứ cải ấy, song trong những khoảng đất ấy lại có các giống lúa-mì, thuốc-lá cùng cạnh-tranh với nó ; còn như ở đông-bắc-bộ Âu-châu, thì những nơi sản thứ cải ấy, không có hai thứ cây kia cạnh-tranh. Cho nên cứ cái tình-hình cạnh-tranh, thì nước Mỹ thà mua đường ở ngoài về dùng còn có lợi hơn là đem những đất sản lúa-mì và thuốc-lá kia mà trồng củ cải làm đường. Ngoài cái phạm-vi ấy, như những xứ Colorado, Utah và Idaho dẫu cũng có những giống khoai núi và mục-túc, v. v. cạnh-tranh, song điều chướng-ngại nhất là vấn-đề công-giá quá cao. Lại như chè và tơ-sống là cái đặc-sản của Đông-Á ta, mà ở nước Mỹ cũng cơ-hồ không có một chỗ đất thừa nào là không sinh-sản. Cái ấy đó không phải là vì cái tình-hình thiên-nhiên không thích-nghi đâu, chỉ vì công-tự cao hạ khác nhau, nên mới thành ra khác xa hẳn như thế. Hai nguyên-nhân kể trên, nguyên-nhân thứ nhất thuộc về vĩnh-cửu, là bởi cái thế-lực thiên-nhiên khiến nên ; nguyên-nhân thứ nhì là đại-đề gốc ở cái mật-độ nhân-khẩu các xứ trong thế-giới có khác nhau, cho nên thuộc về tình-hình của xã-hội, mà cũng có khi khả-dĩ biến-cạnh được.

IV. — Cũng có vật sinh-sản ít thì mới có lợi, duy chỉ có thể tranh-thắng được với vật khác ở cái địa-diện có hạn thôi, nên không thể sinh-sản đủ được cả toàn-bộ cái sở-nhu của quốc-gia. Lệ như thứ dương-mao ở các nước Âu, Mỹ. Dương-mao ở vào những nơi cao-nguyên khoáng-dã ít người và lại không có những sự cạnh-tranh với giống bò sữa, thì đều là sản-vật rất có lợi, như ở về khu đất cao-ráo dưới dải núi Lạc-cơ thuộc tây-bộ nước Mỹ là nơi sản-xuất thứ này vẫn có tiếng xưa nay. Ngoài ra, các tầm-thường nông-gia cũng có nuôi được ít, nhiều miên-dương, duy nghề mục-dương rút lại vẫn không thể khuếch-trương được tại những ruộng đất ở vào nơi nhân-khẩu trù-mật. Vả những dương-mao sản ở các xứ về Úc-đại-lợi, Nam-Mỹ-châu giá lại rất rẻ, cho nên thà mua ở ngoài về dùng, lại được tinh-phí hơn là mình tự sản lấy mà dùng. Cho dẫu có đặt ra quan-thuế để bảo-hộ cho nội-sản, nhưng cũng không thể đổi lại được. Lúa tiểu mạch ở nước Anh cũng vậy, từ lúc có thứ lúa ở Mỹ, Gia-nã-đại và châu Úc đưa vào bán, thì nông-nghiệp nước Anh lại đổi nghề trồng lúa ra nghề nuôi bò sữa, trồng dau quả, nuôi gà, v. v., còn nghề trồng lúa tiểu mạch, thì thu hẹp vào những trường sở có lợi-ích đặc-thù, không được lấn vào những địa-diện dùng về nông-nghiệp khác.

V. — Một vật cũng có nhiều phẩm-chất ; có nước chỉ có thể sinh-sản được một phẩm-chất thôi, còn các phẩm-chất khác cũng thuộc về loài ấy thì không có. Tức như bông ở Mỹ sản nhiều đã có tiếng trong hoàn-cầu, vậy mà đến thứ miên-hoa thì vẫn phải mua ở Ai-cập về dùng, đó không phải bông của Mỹ sinh-sản trong nước không đủ dùng đâu, chỉ vì ở Mỹ không có thứ miên-hoa đặc-biệt ấy vậy. Thuốc-lá cũng là một đặc-sản của Mỹ, mỗi năm đem bán ra ngoài nhiều biết là bao, vậy mà trong nước cầu lấy một thứ thuốc-lá thật tốt, lại phải mua ở những xứ Ba-cô và Tô-môn-đắc-lập về dùng.

Như trên này đã nói, thì có thể biết được thực-nghiệp sở-dĩ hưng-vượng, thật cũng bởi những điều-kiện đó có

khác nhau mà ra vậy. Coi đó mà xét kỹ xem, thì biết rằng nên lấy cái lao-lực và tư-bản nhất-định mà sinh-sản những vật-phẩm có lợi nhiều; còn những vật-phẩm mà trong nước không thể sinh-sản được, hoặc dẫu sinh-sản được, nhưng phần lợi-ích ít kém, thì thà rằng mua ở ngoài về mà dùng còn hơn là cũng đem một cái lao-lực và tư-bản như thế mà cùng sinh-sản cầm-cập cả những vật thích-nghi và không thích-nghi. Nói cho rõ, tức là lợi-dụng cái thế-giới kinh-tế mà dùng cách quốc-tế phân-công so với dùng chính-sách quốc-gia tự-túc, thì lao-phí ít mà thâu-hoạch nhiều, đó là một sự kết-quả chắc-hẳn vậy. Tại những nước nhỏ, đất cát hẹp, các chủng-loại về khí-hậu và thổ-chất đơn-giản không có gì thì không kể, tức đến như Tàu và Mỹ là hai nước đất rộng vật nhiều, mà sự thực cũng không giảm bớt chút nào. Lệ như nước Mỹ lấy các thứ lúa và bông làm đại-tôn xuất-cảng của nông-sản; mà sa-đường, đường-mật và cà-phê v... v..., là những yếu-vật nhập-cảng. Ví khiến nước Mỹ muốn làm một nước tự-túc, thì tất-tu một mặt phải giảm bớt đất trồng lúa và bông, một mặt phải mở rộng thêm nghề trồng mía và củ cải làm đường và đình-chỉ sự tiêu-dùng cà-phê hay là học lấy những phương-pháp tài-thực mà chọn những khu đất về nam-bộ trồng lấy cho nhiều. Song, làm như thế, thì có lợi hay không? Cứ như lời của nông-nghiệp kinh-tế học-giả nước Mỹ nói, thì nếu nước Mỹ mà dùng cái chính-sách tự-túc kinh-tế, chắc là số thâu-hoạch nông-sản-vật sẽ phải kém lúc dùng chính-sách thế-giới kinh-tế nhiều. Nước Tàu thì tơ, chè, lạc, đậu, v.. v.., đem ra ngoài bán rất nhiều, mà thóc, gạo, sa-đường, v.. v.., mua ở ngoài về dùng cũng lắm, đó là vì cái tình-hình thiên-nhiên khiến nên. Nay vì muốn dùng đảo đi, đem những đất sinh-sản các vật-sản xuất-cảng đổi sang dùng để sinh-sản các vật-sản nhập-cảng, thì khó lòng mà làm được, vì lẽ có lợi cùng bất-lợi và có thích-nghi cùng không thích-nghi vậy.

Tuy-nhiên, cuộc hòa-bình của thế-giới, ví còn phải lo, thì dẫu rằng mua ngoại-hóa được giá hạ nữa, mà nhất-đán lỡ ra không có tiếp-tế, bấy giờ dù có chịu phí mà cầu tự làm lấy, cũng không thể được. Cho nên nói rằng nước nào muốn cân-nhắc chọn dùng cái phương-châm kinh-tế nào cho được thích-đáng, thì phải coi ở cái tình-hình cuộc hòa-bình của thế-giới và cái trình-độ quốc-tế thương-nghiệp như thế nào mà đoán-định mới được. Vì nếu cuộc hòa-bình của thế-giới có cơ trông mong được, thì dùng chính-sách thế-giới kinh-tế là đắc-sách, thứ nào nên tự sinh-sản lấy thì tự-biện lấy, thứ nào nên mua ở ngoài vào thì mua mà dùng, bất-tất tăng cao suất thuế nhập-cảng để mong gây nên cái sự-nghiệp không thích-hợp, mà làm giảm kém mất cái thích-nghi nguyên có của mình. Song le, từ thế-kỷ thứ XIX trở lại đây, liệt-cường xô nhau chủ-trọng về binh-lực, nước nào nước ấy đều phải giới-bị. Quan về vấn-đề thực-liệu, thì nước nào cũng vậy, học-giả phân-vân tranh-luận, người thì bảo công-thương là cơ-sở làm giầu cho nước, lúa thóc mua ở ngoài về dùng cũng bất-phương; kẻ thì bảo canh-nông cần phải tưởng-lệ, lương-thực cần phải tự-biện cho đủ... Thôi thì những chủ-nghĩa trọng-nông, trọng công-thương, cùng là bảo-hộ mậu-dịch và tự-do mậu-dịch, mỗi người một ý-kiến, mỗi người giữ một lẽ, cùng nhau tranh-hành, mà ở nước Anh lại càng kịch-liệt lắm.

Hiện nay cuộc đại-chiến đã cáo-chung, dân khắp toàn-cầu, đâu đấy đều ngong-ngóng trông cuộc trị-an, cuộc hòa-bình thế-giới. Cuộc hội-nghị tài-giảm quân-bị xướng lên, thì các nước đều biểu-đồng-tình. Gần đây sự vận-động cuộc hòa-bình và việc tài-binh của dân Mỹ thật là náo-nhiệt, hoặc cổ-động trên báo-trương, hoặc vẽ ra các đồ-họa, cùng là diễn-giảng ở các nơi, đều rất cảm-động được lòng người. Cứ lấy đó mà quyết-đoán là cuộc hòa-bình của thế-giới có thể vĩnh-cửu được, thì cũng chưa dám chắc đâu, song cuộc đại-chiến long trời lở đất như vừa qua đây, thì quyết cũng không phải là việc thường có vậy. Ta thử xem từ hồi vua Napoléon chiến-tranh về sau, thế-giới hòa-bình, tưởng cũng đã được một thời-kỳ khá dài; tuy trong khoảng đó, cuộc cạnh-tranh quốc-tế không phải là hẳn không, song chẳng qua chỉ là riêng nước nọ với nước kia thôi, mà việc xảy ra rồi lại yên ngay, không khi nào đến mỗi man-diên quá lắm. Vậy thì có thể nói rằng ngày nay chính là ngày kỷ-nguyên mới cuộc hòa bình của vạn-quốc, tưởng cũng không phải là nói ngoa vậy. Cho nên ở vào buổi này mà tất muốn kế-tục theo cái chính-sách tự-túc kinh-tế của từng nước, để dự-bị về lúc chiến-tranh, thật không phải là đắc-sách.

Cái kế rất diệu, rất hợp-thời bây giờ, là các nước, nước nào cũng vậy, đều nên chọn những nông-sản-vật nào rất thích-nghi với bản-địa mà tài-bồi. Lấy cái điều có thể khiến cho nhân-dân được phúc-lợi về lâu dài làm chốt, mà thực-hành cái quốc-tế phân-công của nông-nghiệp. Như thế sẽ có thể được những lợi-ích như sau này:

1· — Nhân khí-hậu thổ-nhưỡng đều được thích-nghi, thì chỉ phải tốn công của ít, có thể thu hoa-lợi nhiều. Xem cái tình-hình nông-sản-vật thâu-nhập của các nước thế-giới như đã kể trên đây thì rõ.

2· — Có thể được cái ích-lợi phân-công. Cái khuyết-điểm rất lớn của nông-nghiệp, là ở như không theo chế-độ phân-công; nếu biết nhân cái văn-minh cận-thế và cuộc thế-giới hòa-bình này, mà lợi-dụng chính-sách quốc-tế phân-công, thì dẫu không thể làm được như cách phân-công của công-nghiệp, đem những sự cấy-cấy, thu-hoạch chia tách mà làm; song nhân quốc-thổ có khác nhau, mà mỗi nước đều chuyên-tinh về một số ít sản-vật chủ-yếu, thì tự cũng có thể thu được cái hiệu-quả phân-công.

3· — Có thể khiến cho kỹ-thuật về nghề nông tiến-bộ chóng được. Trong một khu-vực đã có cái đặc-sản cộng-đồng, tự-nhiên có thể cộng-đồng nghiên-cứu được cách cải-lương phẩm-chủng và phương-pháp tài-bồi.

4· — Sự phòng-giữ về cái hại sâu-bọ, có thể dung-dị cử-hành được.

5· — Việc cấu-mãi, và bản-mại tổ-hợp có thể dung-dị tổ-chức. Vì trong địa-phương đã lấy hẳn vật-phẩm nào làm đại-tôn xuất-cảng, thì mọi việc đều dễ tập-hợp mà cộng-đồng biện-lý được.

Cứ theo như những điều vừa thuật trên đây mà luận cái tình-hình mục-tiền nông-nghiệp, thì nước Anh đổi nghề trồng lúa ra nghề nông khác (đã nói rõ ở trên), có thể cho là một sự đổi nghề thích-hợp, hay là một việc cải-cách về kinh-tế, không nên coi đó là một cái kiếp-vận của nghiệp nông, mà cũng bất-tất đem những nơi canh-mục lại trồng lúa tiểu-mạch, vì cái lợi trồng lúa của Anh không bằng nuôi bò sữa vậy. Nước Đan-mạch từ khi có thóc lúa ở Bắc-Mỹ đem vào bán, thì nghề cày cấy đổi ngay ra nghề chăn nuôi (như nuôi bò sữa, lợn, gà, v. v...); thì cũng nên cứ theo nghề

chăn nuôi là hơn, bất-tất lại đổi về nghề cầy-cấy nữa. Lại như ở Gia-nã-đại so với ở Mỹ thì thích-nghi nghề trồng tiểu-mạch hơn, mà ở Mỹ so với Gia-nã-đại, lại thích-nghi nghề trồng ngọc-mễ hơn. Nước Gia-nã-đại đã trở nên một xứ xuất-sản tiểu-mạch rất nhiều trong thế-giới, có cái thế áp-đảo được nước Mỹ. Vì khiến nông-dân Gia-nã-đại quả hay so-sánh với nông-dân Mỹ mà sản-xuất được thứ tiểu-mạch giá hạ vật tốt và nông-dân Mỹ cũng so-sánh với nông-dân Gia-nã-đại mà sản-xuất được thứ ngọc-mễ giá hạ vật tốt, thì nông-dân Mỹ chẳng những không nhân thứ tiểu-mạch giá hạ của Gia-nã-đại đem vào bán tranh mà đến nỗi bị thiệt-hại, vả còn có thể cứ mua tiểu-mạch của Gia-nã-đại mà lấy thứ ngọc-mễ của mình bán bù lại nữa. Như thế thì can chi phải chăm chăm sinh-sản lấy thứ tiểu-mạch làm gì? Hai đằng cùng có thể bỏ ra cái phí-dụng rất ít mà thu-hoạch lợi-ích rất nhiều, có phải là đều thâu được cái hiệu quả lợi-ích quân-chiêm không? Vậy thì còn can chi mà chẳng chịu làm? Nói tóm lại, thì nước nào cũng vậy, phàm những cái lợi-ích lớn, đều phải cực-lực suy-quảng, nếu dùng còn dư-dụ, đem xuất-cảng lại càng hay; còn những cái lợi-ích nhỏ, thì giảm bớt đi, nếu dùng mà không đủ, mua thêm ở ngoài cũng bất-phương. Nhất-thiết chớ có một ly-thí gì cũng cố cưỡng cầu tự-biện lấy cho đủ cả, mà rồi làm giảm mất cái hiệu-năng sinh-sản đi, thì rất không nên.

Song, tuy vậy cũng phải nên chú-ý lắm mới được. Những cái ích-lợi rất lớn, thì nên trọng trước hết, mà cũng cần phải lo xa đến những lúc chiến-tranh muôn-một xảy ra, để phòng lúc chiến-sự bạo-phát, có thể cải-tạo nông-nghiệp của nước mình ngay, khiến cho được thích-nghi với tình-hình trong thời tranh-chiến. Xưa ông Sir James Caire tầng chủ-trương việc cho lúa tiểu-mạch tự-do vận vào nước Anh, cái lý-do của ông giữ, đại-khái bảo là lúc ấy tiểu-mạch đã không lợi cho quốc-gia bằng nghề mục-súc, vả ở lúc thái-bình nên phải lấy nghề chăn-nuôi làm chủ, còn tiểu-mạch thì mua ở ngoài về mà dùng cũng không sao. Túng-sử nhất-đán việc chiến-tranh xảy đến, không có lúa tiếp-tế ở ngoài, thì bấy giờ những nơi mục-trường lại đem mà cầy-bừa, đổi ra trồng tiểu-mạch, cung-cấp cho đủ dùng trong thời chiến-tranh, như thế chẳng những không đến nỗi muộn gì, mà lại khiến cho số sinh-sản lúc đó có thể nhiều hơn là cái số nếu cứ kế-tục trồng luôn xưa kia. Cái học-thuyết đó, sau người nước Anh rất hoan-nghênh thái-nạp. Đến cuộc đại-chiến vừa rồi, thì lại càng tỏ ra rằng lời của ông là rất phải.

Vậy thì ở vào thời-đại thái-bình, không nên dùng cái chính-sách tự-túc kinh-tế, lại càng rõ lắm.

Ôi! sơn-xuyên phong-vực mỗi nơi một khác, khí-hậu thổ-nhưỡng mỗi nơi một khác, nhà nông cần phải lượng cái thổ-nghi từng khu-vực, tùy theo sự lợi-hại mà làm, không thể cầm-cắp làm cưỡng làm ép cầu tự-biện lấy cho đủ cả được. Vả, thế-giới này, phỏng có một nước nào có đủ thổ-nghi tự-biện hết các thứ cần-dùng, không phải cầu ở ngoài mà đủ được không? Quyết là không; đã không thể một nước mà tự-biện được đủ hết các vật-sản cần-dùng, thì tất phải dùng cái chính-sách thế-giới kinh-tế, nước nọ sản nọ, nước kia sản kia, buôn đi bán lại, mậu-dịch lẫn với nhau, như vậy thì cái thổ-nhưỡng của nước nào nghi với sản-vật nào mới được chuyên-tinh mà làm, nông-nghiệp của thế-giới mới mong cho chóng phát-đạt, chóng hoàn-toàn được. Song, muốn cho được như thế, muốn cho quốc-tế giao-thiệp được yên-ổn đặng mà nước nào nước ấy được chăm lo việc khuếch-trương nghề nông riêng của mình, thì tất phải trông cậy về cuộc hòa-bình của thế-giới, nghĩa là thế-giới có hòa-bình, có đại-đồng, thì nghề nông chung của các nước thế-giới mới có thể chia nhau tùy-địa mà làm chuyên được. Nghề đã chuyên thì tinh, vật đã được thổ-nghi thì tốt; nghề tinh vật tốt, nông-nghiệp còn phải lo gì. Vậy nên muốn cho nông-nghiệp thế-giới được phát-đạt, được hoàn-toàn, thì trước hết thế-giới phải lo giữ cho vững cuộc hòa-bình vĩnh-viễn.

Mạnh-Mai, NGUYỄN-BÍNH-GIAI

TIẾNG THẾ-GIỚI

Trong kỳ trước, bài « *Tiếng quốc-tế* » đã nói chỉ có thứ tiếng thế-giới của ông *Zamenhof* đặt ra là có thể dùng làm tiếng quốc-tế được thôi. Vậy nay tưởng nên nói qua về cái tiểu truyện của người đặt ra tiếng thế-giới và sự phổ-cập của thứ tiếng ấy như thế nào, để các bạn độc-giả cùng rõ.

Truyện ông Zamenhof là người đặt ra tiếng thế giới

Ở tỉnh *Warsau* nước Ba-lan (*Pologne*) có một cái nhà lúp-súp chật hẹp. Trong nhà có một cái bàn, bảy tám người học-sinh trẻ tuổi quây-quần ở đó.

Hôm đó là ngày mồng 5 tháng 12, ngoài đường thì rét buốt đượng mùa đông, trong nhà thì ấm-áp như mùa xuân, một chàng trẻ tuổi tay hữu cầm mảnh giấy, tay tả tì vào bàn, đứng nghiêng mình mà đọc thơ; tiếng đọc ra không phải tiếng Pháp, không phải tiếng Đức cũng không phải tiếng Ba-lan, thực là một thứ tiếng tai người đời chưa nghe qua bao giờ. Đó tức là ông *Ludoviko Lozaro Zamenhof* đã làm thành cái sơ-chí lúc thiếu-niên, thống-nhất được ngôn-ngữ của thế-giới, mà bấy giờ là năm 1878, đem phát-biểu ra cùng các anh em bạn lần đầu vậy.

Thơ vừa đọc xong, thì cửa mở rộng ra, có một người đàn-bà đứng tuổi cầm cái dỏ đựng các thứ quà đi vào; ông *Zamenhof* to tiếng nói lên rằng: « Thưa mẹ, xin mẹ cho ít quà để thết các bạn con ». Trong chỗ đọc thơ, có cả bà mẫu thân ông ta ngồi đó, ông ra dáng vui vẻ lắm. Thân-phụ ông là người rất nghiêm-khắc, con-cái thường phải mắng luôn, có khi lại bị trọng-trách phải đuổi ra ngoài nhà học nữa, những lúc ấy dỗ-dành vỗ-về, chỉ có bà thân-mẫu thôi; lại có lúc ông bị phạt không được ăn, thân-mẫu ông lừa lúc thân-phụ ông ngủ trưa rồi cho ăn dấu-diếm.

Tiếng thế-giới hoàn-thành, thân-mẫu ông rất lấy làm khen, song thân-phụ ông thì lại rất ghét. Ông phát-hiểu tiếng ấy được vài hôm thì thân-phụ ông liền lấy hết cả những bản thảo đem đi, rồi ba năm sau lại đốt đi hết. Đó thực là một cái hiệu-kiếp cho tiếng thế-giới vậy!

Song-thân ông *Zamenhof* đều là người Do-thái. Thân-phụ ông là một kẻ học-giả tinh rất cần-cẩn, làm thầy giáo dậy tiếng ngoại-quốc và địa-lý ở trường học xứ Bialystok là chỗ sinh ông và ở tỉnh Warsau là nơi ông ở sau này. Ông *Zamenhof* sáng-tạo ra được tiếng thế-giới có lẽ cũng là bẩm-thụ ở

cái thiên-tài ngữ-học của thân-phụ ông mà ra.

Thân-phụ ông sinh-hạ được bảy người — bốn trai ba gái, ông là con trưởng — một đời nghèo túng, thường phải nhận chức hiệu-duyệt ở một nhà báo tiếng ngoại-quốc để kiếm thêm tiền vậy.

Cái cơ-sở sự sinh-hoạt không được vững-vàng như thế, một đời ông *Zamenhof* phải chịu lụy vì đó thực nhiều; năm 26 tuổi, được giấy cho làm thầy thuốc, song cũng vì cớ ông hay thương xót cứu giúp những kẻ nghèo-khổ mà thu vào chẳng được mấy đồng, thường có khi những người ông chữa thuốc, không may mà chết đi, người nhà đem tiền lại trả, ông lại có dáng thẹn mà từ chối rằng: « Tôi đã không chữa khỏi bệnh, thì dám đâu lại nhận thế này. » Ông là người nhân-hậu đến như thế. Sau ông không nỡ trông thấy cái nỗi đau-đớn của kẻ còn người thác, mà bỏ nghề xoay ra làm thầy lang chữa mắt.

Năm 1887, ông 28 tuổi, kết-hôn cùng bà *Klaro-Zilbernih*. Quyển sách thứ nhất bằng tiếng thế-giới mà lấy tên ông bác-sĩ Hy-vọng (*Dro Esperanto*) đặt tên, phát-hành ra khắp thế-giới, tức là tự bà *Klaro* một tay giúp đỡ. Từ đó ông mới có thể đem cái phương-án tiếng quốc-tế một đời kinh-doanh mà công-bố ra đời vậy.

Những ngôn-ngữ mới hoàn-thành lúc bấy giờ, là sau khi thân-phụ ông đã đốt hết những bản thảo mà ông lại phải tích công-phu trong bảy năm để làm ra vậy. Trong khoảng đó ông tự phiên-dịch, lại gia sức luyện-tập; tự xuất vốn ra in thì không lấy đâu được tiền, nhờ có nhạc-phụ ông giúp vốn cho, ông mới đem được tiếng thế-giới ra mà công-bố cùng khắp thế-giới.

Lấy cái sự sáng-tác của riêng mình và cũng lại là cái toàn-thể sự sinh-hoạt riêng mình nữa mà đem công-bố ra cùng thế-giới, thì trong lòng ông *Zamenhof* mừng hả thế nào, cũng không cần phải đợi nói nữa. Nhưng cũng lại không phải không còn chút lo ngại, vì không biết rằng người khác thấy thế thì cái cảm-tưởng họ thế nào vậy.

Bấy giờ ông thường hồi-tưởng đến những sự quá-khứ mắt mình đã trông thấy từ khi ra đời, thì nó bời bời lên như mây tuôn ở trong trí nhớ. Nào là nhớ đến cái nhà nọ, cái phố nọ, người bạn nhỏ nọ, lại nhớ đến lúc mình còn đương nhỏ tuổi, một hôm đó đi qua phố kia, nghe thấy tiếng người ồn-ào, chạy lại gần xem, thì thấy một người Do-thái đầu bạc phơ-phơ đương bị một viên thổ-quan nước Nga làm nhục; những trẻ con ở phố cũng xô vào lấy đá ném đánh và mắng rằng: « Đồ chó Do-thái! » (mắng bằng tiếng Nga).

Ôi! cùng một loài người, sao lại có điều thảm-ngược đến thế! Vì thử người ta dù theo cái tập-quán khác, tôn-giáo khác, mà cũng đều hiểu lẫn nhau cả thì thế nào! Vì thử phàm đã là người Ba-lan, người Do-thái hay người Đức, mà cũng chung một thứ ngôn-ngữ thì thế nào!

Chỗ phố đó, bốn hạng người nói trên này cùng ở lẫn-lộn với nhau, thường vì cớ ngôn-ngữ bất-thông mà sinh chuyện ỏm-tỏi khó chịu. Ông *Zamenhof* thường đã đau đớn vì những điều trông thấy mà in sâu vào trong lòng, việc xảy ra hôm đó lại càng khiến cho ông sinh ra một cái thống-cảm lạ-lùng nữa.

Từ đó ông thực cố-sức tiến-hành, trước hết thì muốn chế ra thứ chữ mới, như những chữ « *ba, ca, da, be, ce, de, ab, ac, ad* » đều phụ thêm ý-nghĩa vào; sau ông lại nghĩ nên cải-tạo chữ Hy-lạp và chữ *Latin* là tiện hơn. Nhưng cái kế-hoạch trước thì phức-tạp quá, mà hai thứ chữ sau thì lại khác xa hẳn lối bây giờ nhiều quá, cũng khó thực-dụng, bèn quyết chọn ở trong thứ tiếng đời nay mà sáng-tạo ra một thứ tiếng trung-lập.

Song đó lại vì văn-pháp phức-tạp, số chữ lại nhiều, làm cho khốn-hoặc, sau may nhờ sự nghiên-cứu tiếng Anh mà được nẩy tứ ra, đặt thành cái văn-pháp đơn giản; thế là bỏ được một sự khó. Sau lại nhân thấy cái biển chiêu hàng của một cửa hàng bán các thứ quả ở phố thấy lối chữ tiếp-vĩ của Nga là *Skâja* mà nghĩ bật ra được cái cách dùng chữ nối đầu nối đuôi là rất tiện.

Những cái khổ-tâm cô-nghị ấy cứ quanh-quất ở trong trí nhớ của ông *Zamenhof* đến hai ba tháng, mãi sau ông mới được dai-âm. Những thư phúc-tạ và chất-vấn về quyển sách thứ nhất của ông, gửi lại rất nhiều, có một điều khiến cho ông hả dạ nhất, là trong đó lại có nhiều người dùng thứ chữ mới ấy viết thư, như ông *Privat* nói rằng: « Thứ tiếng này đã dùng qua một lần thì thấy tiện-lợi lắm ».

Từ đó ông *Zamenhof* càng tự-tin lắm, năm 1894 ông đem những văn-pháp và tự-điển tặng một người mà lúc thiếu-niên ông vẫn hâm-mộ. Người này cũng phúc-đáp lại những lời biểu-đồng-tình.

Tự đấy mà đi, tiếng thế-giới lan khắp cả địa-cầu, đến đời nay thì lan ra càng chóng lắm, lại lìa tay ông *Zamenhof* mà tự trưởng-thành rồi.

Ông *Zamenhof* thường nói rằng tiếng nói không phải bởi lý-luận mà thành được, tất phải đợi thực-dụng mới thành. Trong quyển sách thứ nhì, ông lại nói rằng ông không phải là người sáng-tạo ra thứ tiếng ấy, chỉ là người phát-án mà thôi. Cứ về thực-tế, thì người các nước đều có cái trí-thức về quốc-ngữ khác nhau; dẫu rằng khi dùng tiếng mới cũng không khỏi có sinh ra những cái quán-lệ mới, song cái cơn-bản của tiếng thế-giới vẫn không vì đó mà rao-động. Đó thực cũng nhờ ở ông *Zamenhof* hết sức về cách đặt văn-pháp vậy.

Năm 1905, tại Boulogne khai đại-hội vạn-quốc về tiếng thế-giới lần thứ nhất, ông *Zamenhof* bị mời lên diễn-giảng. Việc đó khiến cho ông trù-trừ mãi không quyết được, vì sinh-tính ông bạc-nhược, cho nên đối với công-chúng mà diễn-giảng thì ông lấy làm khó lòng lắm.

Ông *Zamenhof* thường phản-đối cái thuyết « tiếng thế-giới chỉ là một thứ khí-cụ tiện-lợi » mà nói rằng: « Lấy hiệu-lợi mà coi tiếng thế-giới, là cái tà-đạo của tiếng thế-giới; chứ cái chủ-nghĩa của tiếng thế-giới tức là sự tiếp-cận tâm-hồn của người ta ». Ông lại nói rằng: « Phá-hoại à! Phải phá-hoại cái tường vách nó ngăn bờ cõi từng nước đi! » Khi ông nói những lời đó, thực trong lòng cảm-khích vì cái chính-nghĩa và bác-ái, cho nên phát ra được những lời nói mạnh-mẽ như thế. Khi ông đến Paris, quan Thị-trưởng và các quan Văn-bộ đại-thần đãi tiệc tại ngọn thiết-tháp (Tour d'Effel) thì trông ông thực là một ông già, mà tinh-mặc ôn-nhã như một người trẻ vậy.

Đến khi đã già, ông thường đi dự đại-hội, bước lên giảng-đàn, mỗi khi nói đến cái lý-tưởng và kế-hoạch của tiếng thế-giới, thì tiếng ông nói rất to rất hùng, nghiễm-nhiên còn có cái cảm-tình lúc thanh-niên vậy.

Tinh-lực một đời ông đều dốc cả vào sự khảo-xét tiếng thế-giới; thực là một chút mến-thích ở trong tấm lòng vi-diệu kia cùng là cái sức bình-sinh của ông cùng ngưng-hợp lại mà thành ra tiếng thế-giới vậy. Nhưng ông đặt ra đó mới là cái ngoại-hình của ngôn-ngữ mà thôi, chứ điều ông muốn, là cái chủ-nghĩa tiếng thế-giới kia, mà ông tích-phúc cho nhân-loại là cái sự hòa-bình sinh ra bởi ngôn-ngữ thống-nhất. Vậy ông đặt ra tiếng thế-giới, không những bởi cái hứng-thú về ngữ-học, mà thực lại bởi ở tấm lòng yêu nhân-loại nữa. Nhưng mà, than ôi! không may năm 1917 ông *Zamenhof* đã tạ-thế ở giữa chiến-khu nước Ba-lan rồi! Ôi! cái sự-nghiệp hòa-bình của ông chưa nên, mà cái thảm-họa chiến-tranh còn đương dai-dẳng, chẳng cũng đáng tiếc cho ông mà ngậm-ngùi cho nhân-loại lắm ru!

Cái tình-hình phổ-cập của tiếng thế-giới

Sự tuyên-truyền vận-động trong lúc buổi đầu.

Bác-sĩ *Zamenhof* phát-biểu ra tiếng thế-giới được 35 năm nay, thì 10 năm đầu, sự phấn-đấu khốn-khó của số ít người đi truyền-bá, không cần phải thuật lại nữa. Đến 10 năm sau, thì sự vận-động đã tiềm-tiệm có đoan-tự, năm 1905 kỳ đại-hội vạn-quốc khai-hội lần thứ nhất, ấy là cái kỷ-nguyên việc vận-động. Sau xảy có cuộc đại-chiến, tuy cũng gặp phải nhiều trở-lực rất lớn, tình-hình bấy giờ hầu muốn phải trung-chỉ, song lại nhân có sự kinh nghiệm thảm-đạm trong cuộc đại-chiến, thì lại nhận ra rằng quốc-tế cần phải hiểu biết nhau lắm. Cho nên sau hồi đại-chiến, thế-giới quốc-tế bèn thay đổi khuynh-hướng, soay ra cùng với cái tình-hình của tinh-thần dân-tộc hộ-vệ tiếng quốc-ngữ, sự tác-dụng chẳng khác chi nhau; tiếng quốc-tế bổ-trợ trung-lập dần dần thành ra là một mối yêu-cầu phổ-thông của toàn thế-giới, xem như các xã-hội Âu-châu, tiếng thế-giới ngày một lan khắp mãi ra thì đủ rõ.

Tiếng thế-giới là thứ tiếng dễ cho cả mọi người học-tập, cái đó chắc ai cũng đã nhận biết, song lại có nhiều người nói rằng: « cái lý-tưởng thì vẫn rất phải, sự tổ-chức cũng rất tru-mỹ, duy có học thì không thiết-dụng, vậy chúng ta nên đợi sau này cho lúc nào phổ-cập khắp thế-giới đã, bấy giờ hãy học cũng vừa ». Xem một chút đó, cũng có thể tưởng-tượng được cái tình-hình truyền-bá lúc ban-đầu khốn-khó nhường nào. Nhưng, cũng may, nay những cái thực-hiện đã bày ra nhãn-tiền, có thể chứng-minh được cái giá-trị thực-dụng của thế-giới, đủ khiến cho mọi người đều không còn phải hồ-nghi mà quyết theo học-tập tiếng thế-giới.

Cái mục-đích rất lớn của tiếng thế-giới là cốt mưu cho thế-giới quốc-tế hiểu biết nhau vậy, duy tiếng thế-giới không phải là thứ tiếng riêng của một số ít các nhà lý-tưởng, mà chính là của chung cả cho mọi người dùng; nên tất phải khiến sao cho hết thảy các xã-hội, hết thảy cả nhân-loại, ai cũng học được dùng được, tiện-lợi hết thảy, thì mới là hoàn-toàn đạt tới cái chủ-đích hiểu nhau được. Cứ theo đó mà nói, là phải khiến cho những hạng người thực-dụng, vì sự thiết-yếu về thực-tế sinh-hoạt, cũng đều học được tiếng thế-giới, đó là cái mục-đích và sự vận-động phổ-cập tiếng thế-giới, được như thế mới thật đáng mừng vậy.

Năm 1887 lúc ông *Zamenhof* mới phát-biểu ra tiếng thế-giới, trong một quyển sách thứ nhất (La Unua Libor) ông phê-bình thứ tiếng quốc-tế nhân-tạo (Volapük) của một ông Mục-sư nước Đức đương truyền-bá lúc bấy giờ và có dự nói cái vận-mạnh thứ tiếng ấy nữa, một đoạn ông nói rằng: « Sự thí-nghiệm tối-hậu của tiếng quốc-tế nhân-tạo, như quả chiếu theo từng người truyền-thuyết, được chừng nào người tín-ngưỡng, chẳng qua cũng là vì cái tư-tưởng « tiếng của toàn thế-giới » hàm có một cái sức dẫn-dụ cao-xa, sức dẫn-dụ đó khiến cho mọi người đều dễ cảm-thụ mà hoan-hỷ muốn làm người tiên-phong mưu cho được thành-tựu, nên chi mới chịu bỏ phí thời-giờ và tinh-lực để theo. Duy cái số người hạng đó cũng chỉ có chừng thôi, còn những hạng người thờ-ơ lãnh-đạm không có thành-kiến gì, thì khi nào họ chịu bỏ phí thời-giờ và tinh-lực của họ để lăm mưu lấy được cùng một số ít người kia cùng giao-thông... Cho nên tiếng thế-giới nhân-tạo cũng cùng với những sự thí-nghiệm tùng-tiền cùng như nhau, đều không có hiệu-quả gì, rồi cũng đến thất-bại đến diệt-vong thôi! » xem mấy lời đó, cũng có thể lại biết được rằng tiếng thế-giới sau khi đã sản-xuất, thì sự truyền-bá buổi đầu khốn khó thế nào.

Đoàn-thể, tạp-chí, đồ-thư và số người tín-ngưỡng tiếng thế-giới

Muốn biết rõ cái tình-hình phổ-cập của tiếng thế-giới, chỉ tiếc rằng chưa có cái tài-liệu gì thật thiết-đáng cả. Cứ như quyển niên-giám của hiệp-hội vạn-quốc về tiếng thế-giới năm 1921, thì số hiệp-hội quốc-tế và trung-tâm đoàn-thể các nước, cộng có 45; tổng số tập-hội của các địa-phương các nước trước hồi đại-chiến đã có 2.200; số tạp-chí tiếng thế-giới

của đại-biểu các nước cộng có 43 thứ, mà hiện nay thì phỏng đã có đến ngoại 60 thứ, như kể tất cả những tạp-chí tầm-thường nữa thì có khi cộng cả thấy được tới ngoại trăm thứ rồi. Trong đó thì cuốn báo « Vạn-quốc thế-giới-ngữ hiệp-hội cơ-quan » và cuốn « Esperanto-Triumfanta » của Đức là phổ-thông; còn như « Quốc-tế thương-nghiệp bình-luận » và « Quốc-tế khoa-học bình-luận » là về chuyên-môn; lại như cuốn « Esperanta Finlando » và cuốn « L'Esperanto » đều là cực-lực giới-thiệu ở trong nước vậy. Sự trước-tác đó, về việc khiến cho quốc-tế hiểu biết nhau có cái năng-lực rất lớn, không phải là những thứ dùng tiếng tự-nhiên của một vài nước có thể nhảy bằng được. Nhưng có người lại hỏi: « dùng tiếng thế-giới, có thể lĩnh-hội được hết các sách hay của các nước không?» xin đáp lại rằng: Từ lúc tiếng thế-giới phát-hiện tới nay, mới được hơn 30 năm trời, thì đã thập-phần hoàn-bị sao được, cái đó vẫn hẳn rồi; duy xét xem về các phương-diện tối-cận mà ta đã nhận ra, thì chắc rằng bước tiến-đồ thật rất có hy-vọng. Bây giờ những sự phiên-dịch, sáng-tác rất trọng-yếu ước có 5.000 thứ, vẫn cứ ngày ngày xuất-bản không rứt. Những kiệt-tác của văn-học thế-giới, dùng tiếng thế-giới mà phiên-dịch lại rất ưu-mỹ mà rất nhiều. Ông Zamenhof đã tự phiên-dịch ra được bộ Cựu-ước thánh-kinh và nhiều các sách của nước Anh, nước Đức và nước Nga. Một nhà bình-luận nước Anh là Stead có tán-giương quyển Hamlet dịch bằng tiếng thế-giới, nói rằng: « Từ lúc ông Zamenhof phiên-dịch, thì Sa-sĩ-tị-á nước Anh mới được thế-giới biết đến ». Xem đó cũng đủ biết được cái

đại-thể vậy. Ngoài ra như đem những văn-học kiệt-tác của một số ít các dân-tộc mà tùng-lại người đời không hiểu được, dùng tiếng thế-giới phiên-dịch để giới-thiệu với thế-gian, như thế chẳng là sự đáng mừng lắm sao?

Cái số người học tiếng thế-giới được là bao nhiêu, điều đó chưa thể nói đích-xác được. Cuộc đại-hội tiếng thế-giới lần thứ mười định khai-hội khoảng tháng 8 năm 1914, sau gặp việc đại-chiến xảy ra lại thôi, thì lần đó dự-định tham-gia có 5.000 người, sau số người nhận đến dự hội được 3.739, giả như số đó mà được là một phần nghìn số người biết tiếng thế-giới, thì tổng số có được tới 4.000.000, cứ phổ-thông mà tính thì có thể nói là vào số 5.000.000. Sau cuộc Âu-chiến, thì có phần lại nhiều bội lên rất chóng, hiện-tại có thể nói rằng đã tới 6,7 trăm vạn rồi, cũng không phải là nói quá vậy. Vả lại những người đó phần nhiều toàn là những người trọng-yếu của các nước, thì về cái giai-cấp tri-thức tiến-hóa họ lại càng phải chú-ý lắm.

Hiệp-hội Vạn-quốc về tiếng thế-giới và đại-hội Vạn-quốc về tiếng thế-giới.

Về thực-tế sinh-hoạt dùng tiếng thế-giới, thì cái cơ-quan rất lớn của sự lấy thực-hiện quốc-tế phải hiểu nhau làm mục-đích, có hiệp-hội vạn-quốc về tiếng thế-giới, bản-bộ lập tại Thụy-sĩ. Hiệp hội ấy xuất-bản một cuốn nguyệt-báo « Esperanto » làm cơ-quan, rất có thế-lực, người đọc rất nhiều. Hội đó lập ở các đô-thị lớn nhỏ trong khắp thế-giới kể đã được hàng nghìn nơi, đều có phái các đại-lý ủy-viên để báo-cáo tin-tức ở các nơi và đối với các nhà thương-nghiệp, nhà lữ-hành mưu những điều tiện-lợi, cái đó rất ích-lợi cho các hội-viên. Hội-viên chỉ phải mang một quyển hiệp-hội niên-giám để tiện tra xem trụ-sở các viên đại-lý, mà đi khắp thế-giới, đến đâu đã có các viên ấy giới-thiệu với các thân-bằng. Như thế, cứ đeo một cái dấu hiệu riêng, đi sang Âu-châu, thì ở trên tầu, trên xe sẽ gặp được những người hiểu tiếng thế-giới rất nhiều.

Tiếng thế-giới làm thế nào cho hoàn-thành được cái hiệu-dụng tiếng nói về quốc-tế? Sự đó từ năm 1905 trở lại (duy khoảng năm 1916-19 không có khai-hội) mỗi năm đại-hội vạn-quốc về tiếng thế-giới đều có khai-hội một lần, xem đó đủ rõ. Lần thứ 13 là kỳ khai-hội tại kinh-thành nước Tchécoslovaquie hồi tháng 8 năm ngoái, đến dự hội có tới 35 nước, số người tới hai nghìn rưỡi, đại-hội bỏ hết các cái chướng-ngại ngôn-ngữ về nhân-chủng, tôn-giáo, phàm nghi-thức, hội-nghị, diễn-thuyết, diễn-kịch, âm-nhạc, v... v.., nhất-thiết đều dùng tiếng thế-giới cả, êm-đềm hòa-nhã, thực hiện rõ ra một « nước dùng tiếng thế-giới » trong một tuần lễ. Đồng-thời lại có cả các nhà khoa-học, y-sinh, thương-nghiệp, giáo-viên, lao-động, thiếu-niên-đoàn, người lòa, và các đoàn-thể tiếng thế-giới khác nữa đều đến tham-dự đại-hội. Đại-hội lại chỉnh-thức chiêu-đãi các đại-biểu của quốc-tế liên-minh sự-vụ-cục, quốc-tế hồng-thập-tự-hội và quốc-tế lao động sự-vụ-cục. Bọn đại-biểu đó đều mãn-ý khánh-hạ sự phát-đạt của tiếng thế-giới, xem đó biết rằng bọn họ đã hiểu-thấu và chịu cái cảm-hóa của đại-hội rất thâm-thiết vậy. Kỳ đại-hội thứ mười bốn định vào từ ngày mồng 8 đến 16 tháng 8 năm nay và định họp tại Helsinfors thủ-đô nước Finlande là một nơi rất tú-mĩ ở về Bắc-Âu.

Quốc-tế thương-nghiệp-giới với tiếng thế-giới

Xưa nay thứ tiếng thông-dụng trong thương-nghiệp thế-giới, thì ai cũng biết là tiếng nước Anh chiếm cái thế-lực lớn hơn hết. Ngờ đâu chính nơi thương-nghiệp hội-nghị tại kinh-đô Londre nước Anh là nơi trung-tâm của thương-nghiệp, sau cuộc Âu-chiến lại thành ra chính là một nơi tiên-phong vận-động tiếng thế-giới. Cuối năm 1917, nơi hội-nghị ấy phát-khởi lên lấy 7 nước dùng 6 thứ ngôn-ngữ cùng khảo-xét những sự kinh-nghiệm về quốc-tế (International Experiment), kết-quả chứng-thực sự tiện-lợi của tiếng thế-giới dùng làm thương-nghiệp quốc-ngữ. Một hội ủy-viên về thống-nhất thương ngữ do các nhà thực-nghiệp tại địa-phương đó tổ-chức ra, bấy giờ bèn bắt đầu tuyên-truyền, đó có thể nói là một bước đầu tiên về sự vận-động tiếng thế-giới của thương-nghiệp-giới sau cuộc đại-chiến vậy. Về sau thứ-tự do nước Pháp, nước Đức khởi-xướng, rồi lần lần lan khắp các nước Âu-châu, mà ngày 9 tháng hai năm 1921 tại thương-nghiệp hội-nghị-sở thành Paris, toàn-thể quyết-định: đem tiếng thế-giới biên vào các khóa-mục trường thương-học ở địa-phương ấy và lại phát-biểu tuyên-ngôn mong thương-nghiệp hội-nghị-sở các nước đều hiệp sức tán-trợ cho tiếng thế-giới được phổ-cập, để mưu cho thương-nghiệp quốc-tế được phát-đạt. Hiện nay tại thương-nghiệp hội-nghị-sở ở các đô-thị Luân-đôn, Ba-lê, Bách-lâm, Nữu-ước, Cựu-kim-sơn và các đô-thị lớn khác nữa ở Âu, Mỹ đều chính-thức phát-biểu đáp-ứng thâu-phát các giấy-má bằng tiếng thế-giới, tất cả đã được tới ngoại số 30 xứ rồi; lại còn những nơi hội-chợ quốc-tế (foire) của các nước mới dựng lên sau cuộc chiến-tranh, dùng tiếng thế-giới làm thứ tiếng thông-dụng chính-thực, thì đến năm nay cộng đã có tới ngoại 20 xứ rồi. Cứ xem mấy cái đó, đủ biết tiếng thế-giới có thể suy-quảng dùng về thương-nghiệp-giới là thế nào.

Học-giới, Hồng-thập-tự-hội và các phương-diện khác đối với tiếng thế-giới

Tháng 9 năm 1920, tại Bất-nhật-lỗ cử-hành kỳ đại-hội thế-giới của quốc-tế hiệp-hội, trừ hai thứ tiếng Pháp và Anh, ngoài ra có dùng tiếng thế-giới thiết-lập lên hai giảng-đàn về y-học và công-học. Lại quyết-nghị suy-quảng tiếng thế-giới về học-thuật-giới nữa. Cuối thu năm 1921, Học-sĩ-viện nước Pháp, 21 ông học-sĩ thự tên tuyên-xưng suy-quảng tiếng thế-giới về học-giới, dự-bị biên-tập xuất-bản các sách thuật-ngữ từ-vựng và các sách về học-thuật v... v... Lại có một quốc-tế thế-giới-ngữ khoa-học hiệp-hội mà năm trước nhân việc đại-chiến phải đình-chỉ, thì năm ngoái tại Bách-lạp-khắc đại-hội đã nghị-quyết tổ-chức mới lại. Cận-lai mọi việc chuẩn-bị đã thành-thục, hiện đã có phát-hành cuốn tạp-chí khoa-học bình-luận làm cơ-quan; ngoài ra có hiệp-hội của quốc-tế y-sinh, cũng đương hoạt-động phi-thường.

Ngày 7 tháng 4 năm 1921, đại-hội Hồng-thập-tự vạn-quốc khai-hội tại Nhật-nội-ngõa, toàn-thể tán-thành nhận « tiếng thế-giới thật là một cái thủ-đoạn trong những thủ-đoạn rất có thế-lực của mục-đích sự-nghiệp hội họ », họ nghị-quyết khuyến-cáo các đoàn-thể Hồng-thập-tự các nước nên tưởng-lệ sự phổ-cập của tiếng thế-giới. Lại có những đoàn-thể quốc-tế về tiếng thế-giới của các nhà kiến-trúc, người thương-mại, quan cảnh-sát,

các giáo-sư, các công-nhân thiết-lộ, công-nhân bưu-chính, các nhà về đảng xã-hội chủ-nghĩa, phái lao-động, nhà tôn-giáo các học-sinh, thiếu-niên-đoàn, các người lòa, đều do mỗi phương-diện cùng hoạt-động mưu sự phổ-cập thực-dụng cho tiếng thế-giới.

Giáo-dục-giới với tiếng thế-giới

Năm 1916 17, tại trường tiểu-học Hạt-khả-nhĩ-tư nước Anh có một cuộc gọi là « sự kinh-nghiệm của Hạt-khả-nhĩ-tư » khảo-chứng cái giá-trị giáo-dục về việc dạy tiếng thế-giới, đối với sự vận-động tiếng thế-giới, sáng-xuất ra một thời-kỳ mới. Gần đây các trường tiểu-học, trung-học và thương-nghiệp-học các nước đã trục-tiệm đem tiếng thế-giới dạy thêm vào các khóa học. Hoặc lấy làm một học-khóa tất-yếu, hoặc lấy làm một học-khóa được tùy-ý. Kỳ đại-hội quốc-tế liên-minh lần thứ hai quyết-nghị, càng dẫn-khởi thêm sự chú-ý về giáo-dục-giới lắm. Học-viện Lư-thoa tại Nhật-nội-ngõa thảo-luận cái giá-trị kinh-nghiệm và các phương-pháp, v... v... về sự dạy tiếng thế-giới trong nhà trường, phát-khởi ra cuộc quốc-tế hội-nghị của giáo-viên các nước, ngày 18-20 tháng 4 năm nay tại Nhật-nội-ngoã đã khai-hội. Cái kết-quả sự nghiên-cứu của quốc-tế đại-hội ấy, tương-lai về giáo-dục-giới tất sao cũng sinh-xuất ra những sự cử-động trọng-yếu, đó là việc chắc hẳn vậy.

Quốc-tế liên-minh v i tiếng quốc-tế

Cái vấn-đề tiếng dùng về các hội-nghị quốc-tế, quan đến sự lợi-hại của các nước rất lớn; gần đây sự quan-hệ quốc-tế lại càng mật-thiết lắm, về việc ngoại-giao, không phải là một việc đặc-biệt riêng của nhà ngoại-giao chuyên-môn, mà chính là quốc-dân các nước trực-tiếp giao-thiệp, nhân-sĩ các phương-diện trực-tiếp đương-sung với nhau vậy. Hướng-lai vẫn duyên-tập dùng thứ tiếng ngoại-giao — tiếng nước Pháp, thì cầu lấy những người đảm nhiệm việc ngoại-giao đều hiểu biết cả thật là rất hiếm. Cuộc giảng-hòa hội-nghị Verseille và quốc-tế liên-minh, cũng còn phải dùng hai thứ tiếng Anh, Pháp làm tiếng công-dụng; cuộc liên-minh tổng-hội lần thứ nhất, đương lúc thẩm-nghị về cái đề-án lấy tiếng Tây-ban-nha làm thứ tiếng công-dụng, thì đại-biểu Ý-đại-lợi bèn tuyên-ngôn đề-xuất cái nghị-án xin dùng tiếng nước Ý-đại-lợi. Xem đó đủ biết cái vấn-đề dùng tiếng nói khó-khăn khốn-nạn là nhường nào vậy. Tây-ban-nha, Ý-đại-lợi, trước lúc đại-chiến, vẫn chuyên dùng tiếng Pháp đề ký-tái văn-thư, hiện nay thì thường thường lại đổi ra dùng tiếng bản-quốc, cái đó khiến cho các chính-phủ những nước khác chịu nhiều nỗi bất-tiện khó-khăn, cho nên kỳ đại-hội thứ nhất của quốc-tế liên-minh hồi tháng 10 năm 1920, có 11 viên đại-biểu các nước thự tên đề-xuất cái nghị-án: « Vì lẽ khiến cho quốc tế được dung-dị hiểu biết nhau khởi-kiến, thì xin các nước nên phải công-lập ra nhà trường để dạy tiếng thế-giới là thứ tiếng quốc-tế bổ-trợ » giao phó cho ủy-viên-hội thứ hai tra xét, bấy giờ đại-biểu Pháp thì giữ phần cho tiếng Pháp là hơn, mà tuyên-ngôn phản-kháng, lại nhân sự chuyên-chế của ông nghị-trưởng Y-man người Tị-lợi-thời, thành ra không quyết-định được. Đến cuối thu năm 1921 kỳ đại-hội thứ hai, đại-biểu Nam Phi là Tiết-tây-nhĩ hiệp-đồng với các đại-biểu 11 nước, lại đem đề-xuất cái nghị-án cũ. Ngày 16 tháng 9 đại-hội mới quyết-nghị rằng: « Vấn-đề này

nhân vì có quan-hệ rất lớn đến sự lợi-hại của nhiều nước, cho nên đại-hội định rằng trước khi thảo-luận vấn-đề này, cần phải có cuộc điều-tra thật kỹ-lưỡng đã, vả phải đợi thường-thiết sự-vụ-cục của liên-minh xem xét tình-tế hoàn-toàn rồi báo-cáo ra sao, thì có thể đề đến kỳ đại-hội thứ ba năm 1922 này sẽ ghi vào trong tập thảo-nghị ». Về sau sự-vụ-cục liên-minh bèn yêu-cầu chính-phủ các nước điều-tra cái tình-hình dạy tiếng thế-giới ở các trường. Cứ xem cái tình-hình hiện-tại, thì trong những trường học các nước đối với việc dạy tiếng thế-giới, đại-khái đều đã chú-trọng, cái nghị-án đó thường dễ kỳ đại-hội năm nay hội đồng đã có thể giải-quyết xong được cũng nên.

MẠNH-MAI *dịch-thuật*

Khảo về việc tế-lễ tổ-tiên

III

Sau thời Tam-đại

(Tiếp theo)

4° — Lai-nguyên của tục đốt giấy-mã trong việc cúng lễ

Trong thời Tam-đại, sách-vở biên-chép hãy còn dùng những thanh tre, chứ chưa có giấy; thế thì trong thời Tam-đại cũng chưa có tục đốt tiền giấy trong việc tế-lễ, thực là chắc-chắn lắm. Đến sau thời Tam-đại mới có tục ấy; vậy ta thử khảo-cứu xem bắt đầu là tự đâu?

Ông Thái-Luân ở về đời vua Hòa-đế nhà Đông-Hán sáng-kiến ra cách làm giấy. Trước ông Thái-Luân, tuy đã có tiếng *giấy*, song không phải là giấy như nay vẫn dùng, đó chỉ là lụa mỏng dùng để viết mà thôi. Sách nhà Hậu-Hán chép về chuyện ông Thái-Luân có nói rằng: « Sách và văn-khế đời xưa phần nhiều là biên bằng miếng tre; sau dùng lụa mỏng gọi là giấy. Ông Thái-Luân thấy dùng tre thì nặng, dùng lụa thì đắt, nên ông nghĩ cách dùng sợi đay chế ra giấy, năm Nguyên-hưng nguyên-niên tâu lên vua biết; vua khen là tài. Từ đó thiên-hạ đều theo dùng giấy và gọi là giấy thái-hầu ». Đục giấy làm tiền, hóa cho người chết để làm tiền tiêu dưới âm-phủ, thực là bằng thứ giấy thái-hầu, chứ không phải là lụa, vì giấy bằng lụa chỉ khi đã đóng thành sách mới gọi là giấy mà thôi, còn khi chưa viết ra sách thì vẫn gọi là lụa vậy. Thế thì khi giấy thái-hầu xuất-hiện, tục đốt tiền giấy cũng bắt đầu có hay sao? Không phải đâu. Trong sách Đường-thư « Vương-Dư-truyện » có chép rằng: « Từ đời nhà Hán, trong việc tang-ma người ta vẫn dùng tiền thật để chôn với người chết, mãi về sau những chốn quê-mùa mới hơi dùng tiền giấy, đến bây giờ Dư mới dùng vậy. » Thế là tục đốt tiền giấy xuất-hiện trong sử-ký thật khởi-đầu từ ông Vương-Dư làm quan Tế-sứ trong đền thờ nhà vua

Đường Huyền-tông. Dẫu rằng trước ông Vương-Dư, trong những chốn thôn-dã nước Trung-hoa cũng đã có người dùng tiền giấy trong việc tang-ma, song cứ như câu : « Từ đời nhà Hán vàn. v. . . » thì cũng đủ rõ rằng tục đó có sau đời ông Thái-Luân vậy. Xem sách « Phong-thi kiến-văn-ký » thì thấy nói sự lấy giấy làm tiền để thờ quỉ-thần là khởi ra trong khoảng giữa đời nhà Ngụy và đời nhà Tấn. Sách «Thông-dám cương-mục » có chép về vua Đường Huyền-tông khai-nguyên năm thứ hai mươi sáu rằng : « Hoàng-thượng hay cúng quỉ-thần, dùng ông Vương-Dư làm Thái-thường bác-sĩ coi việc tế-tự ở đền để đốt tiền giấy ; kẻ học lễ lấy thế làm xấu-hổ vậy.» Mấy năm nay, trong làng báo Tầu,có người bàn về giấy-mã có nói rằng : « Đời xưa, trong việc cúng tế, phải dùng vàng bạc để giao-thông với thần-linh, cũng như người ta tiếp nhau phải tặng lễ - vật thời mới có lễ-phép, như vậy không phải là không có ý làm lợi ở trong. Nếu dùng tiền giấy mà thay cho vàng-bạc thì thật là có ý đút-lót thần, giả-sử thần thực là thần thì đút-lót sao được, nếu thần mà có thể đút-lót được, thì cần gì mà còn phải thờ nữa ? Tuy thế, Vương-Dư làm như vậy người ta còn lấy làm xấu-hổ thì khi ấy người ta hãy còn chưa theo hết ; ngày nay bốn bể đều lấy đó làm lề mà không có ai ra tay cách-trừ đi, thì há chẳng phải là một sự đáng buồn lắm sao ?»

Người xưa cúng-tế tất phải có vàng bạc để hiến cũng vì như người ta có lễ-vật để đãi nhau trong khi giao-tiếp mà làm lễ-phép thì cũng như người thời Tam-đại dùng ngọc khuê, ngọc bích làm tế-phẩm, mà dùng lụa để tế-lễ thì cũng thế, chứ không phải để đốt mà thay tiền-bạc thật, mới gọi là đồ-mã như ta vẫn dùng đâu. Đọc lời luận trên này thực đã đủ phá tan cái mộng nghìn xưa của người ta vậy.

5° — *Lai-nguyên của tục đốt nến trong việc cúng-lễ.* — Cúng-lễ mà dùng nến, vốn có từ đời xưa,chứ không phải như hương với giấy-mã là sau mới thêm vào, tuy tục đốt nến cũng khởi-đầu từ sau thời Tam-đại, song người xưa đốt nến trong việc tế-lễ cũng có nghĩa, chứ không phải là nhắm mắt theo liều như trong tục đốt hương, đốt giấy-mã đâu. Sách « Chu-Lễ » chép rằng : « Ông Ti-Huyền-thị coi về nến để dàng đồ tế.» Ông Trịnh trú-thích rằng : « Ông thắp nến để soi sáng những đồ bầy cúng.» Ông Giả-công-Ngạn chua rằng : « Thắp nến để soi sáng những đồ bầy cúng ở bên đông trong nhà giữa, trời chưa sáng, nên phải thắp nến để cho sáng.» Xem như vậy thì đủ biết rằng người xưa chỉ dùng nến trong việc tế-lễ là khi còn tối trời mà thôi.

Trong quãng giữa niên-hiệu Hà-Thanh đời vua Võ-Thành-Đế nhà Bắc-Tề định rằng bốn mùa dâng tế trong miếu cùng ngày đầu năm, chỗ sân miếu phải đặt thêm hai nơi để thắp nến, gọi là *Đỉnh-liệu* ; từ đó mới có sự tế ban ngày cũng thắp nến ; song le, ông Giả-công-Ngạn là người đời nhà Đường, mà khi ông chua sách « Chu-Lễ » lại còn có thể chua rằng : « Buổi sớm ngày tế, đồ cúng bầy ở bên đông, nhà giữa, trời chưa sáng phải thắp nến cho sáng », thế thì đủ biết đời nhà Đường, Trung-hoa tất chưa có cái tục thắp nến ban ngày để tế, nếu là đã có như bây giờ thì khi chua lời trú sách « Chu-Lễ » của ông Trịnh chắc không chua như vậy được.

« Tục-thông-điển» chép rằng: « Năm thứ hai Ưng-Hi đời vua Thái-tông nhà Tống, Tông-thất thiếu-khanh Triệu-an-Dịch nói rằng : « Ngày nọ, Trần-lăng, Yên-lăng và Vinh-Xương-lăng, quan Quản-chỉ bầy rượu, thịt, hương, mà không thắp nến, dường như đã lỗi phép, vì chầu khi trời chưa sáng ». Vậy thì sự tế-lễ đến đầu đời nhà Tống vẫn còn là khi trời chưa sáng mới thắp nến mà thôi, khi đã sáng rồi thì không có dùng nến nữa, giả-sử đương lúc ấy, nến đã cần phải trọng như hương, thời chẳng khi nào đã bầy rượu, thịt, hương, mà lại không bầy nến bao giờ. Huống chi lại không bầy trong khi trời chưa sáng nữa, thì trong khi trời đã sáng, hẳn ta không có tục thắp nến, lại càng hiển-nhiên ra vậy. Sau khi nhà Tống chạy qua phía Nam mới có câu rằng : « Quan Thái-thường đặt nến trước thần-vị » ở lời trú về lễ-tế Thái-miếu ban ngày. Từ đó cho đến nhà Nguyên, thời có những tiếng *tiễn-chúc-đao* (dao cắt nến), *tiễn-chúc-quan* (quan cắt nến) xuất-hiện, mà cái ý-nghĩa của sự tế dùng nến của người xưa cũng mất hết cả.

Kinh «Cựu Ước» (l'Ancien Testament) sách « Xuất E-gip-tô-ký » đoạn 25, từ câu 31 đến hết đoạn chép về ông Mói-se vâng lời Đức Chúa Trời làm cây đèn để thờ-phượng Đức Chúa Trời là thể nào. Lại đoạn 30, câu 7, 8 chép rằng : « Mỗi sáng khi A-rôn xửa đèn thời phải đốt hương đã làm bằng thuốc thơm trên bàn thờ ; buổi chiều khi đặt đèn, thời cũng phải đốt hương trên đó . . . » Lại sách « Lê-vi-tích », đoạn 24 câu thứ 3 chép rằng : « Ở ngoài màn che khám Giao-ước trong nhà xếp, A-rôn phải xửa đèn, phải đặt luôn ở trước mặt Chúa, từ chập tối đến sáng ngày . . . ». Trong những câu ấy không nói là *nến* mà gọi là *đèn* là vì nến và đèn trong việc cúng-tế có thể gọi lẫn được, không phải cứ đồ quấn bằng vải, đính bằng rựa, đủ hình như nến-sáp mới gọi là nến đâu. Bởi thế cho nên trong « Tự-điển » (祀 典) nhà Bắc-Tống luôn luôn chép là *hương-đăng* ; có lẽ là cây đèn thời bấy giờ cũng tương-tự như cây đèn có bầy chén của dân Do-thái vẫn dùng chăng ? Lại xem lời trú chữ 燈 (tức là đèn) trong « Thuyết - văn » thời ông Từ-Huyền có nói rằng : « đặt nến trong cái 鉦 (*đỉnh*) thì gọi là 鐙 (*đăng*), nay tục viết 燈 thời là sai vậy ». Thế thời cái *đèn* trong chữ *hương đèn* trong thời Bắc-Tống có lẽ là *nến* trong chữ *nến sáp* cũng không biết chừng. Song chẳng luận *đèn* và *nến* là một hay là hai ; mà chắc là vật có lửa có sáng, và là vật chỉ thích-dụng về ban đêm hay là nhà tối mà thôi, nếu dữa sáng ban ngày cũng đốt đèn-nến ở trong cái nhà rộng-mở, để dúp sức soi cho mặt trời thời, nếu chẳng phải là người tuyệt-đại vô-ý-thức, không ai mê-mẩn đến như thế ; cho nên sự *đốt nến* trong « Chu-Lễ » sự *đặt liêu* trong « Thông-điển », sự *đề đèn* trong kinh « Cựu-Ước » đều là làm trong khi trời đã tối rồi hay trong khi trời chưa sáng, chớ như sự đã làm như ở Bắc-Tề, Nam-Tống, Hồ-Nguyên thời thật là vô-lý chi-thậm vậy.

6° — *Thanh-minh, tế-mộ.* — Người Trung-hoa cứ đến tháng ba thì dẫy đồng lấp nội, ngựa xe như nước áo quần như nêm,rủ nhau đi Thanh-minh tế-mộ, tục gọi là hội *Đạp-thanh*, nghĩa là dẫm trên đám cỏ xanh. Trong khi Thanh-minh lại đem giấy vàng, giấy bạc, hương,nến,thứ-tu thứ-phẩm cùng các thứ tế-phẩm đến bày trên phần mộ tiên-nhân mà cúng-lễ để cho linh-hồn tiên-nhân hâm-hưởng mà phù-hộ

độ-trì cho con cháu. Tục đó, hình như trong khắp nước Tàu, không mấy ai tự-vấn đến lai-nguyên là tự đâu, mà không mấy ai dám bỏ đi vậy.

Xem trong sách « Kinh-Sở tuế-thời-ký », thì thấy có chép : « Cách ngày đông-chí một trăm linh năm ngày thì có gió mưa và bão lớn, vị-chi là tết Hàn-thực. » Tiết Hàn-thực trước tiết Thanh-minh một ngày, tức là tiết Thanh-minh cách ngày đông-chí một trăm linh sáu ngày. »

Tiết Thanh-minh chẳng qua là một thời-tiết lạnh-lẽo về mùa xuân, hoa tươi cỏ đẹp, gió lặng mây trong, thì cổ-nhân mượn cảnh trời mà đi du-ngoạn, chứ trước thực không có lễ tảo-mộ bao giờ. Về sau người ta nhân mượn ngày kỷ-niệm ông Giới-tử-Thôi mà làm lễ cúng cả tổ-tông mình trong tiết đó ! Có người viện-lẽ về điều *Chu-lễ cấm-hỏa* mà nói rằng tiết Hàn-thực và tiết Thanh-minh vẫn có từ đời nhà Chu, song tục cấm lửa ở đời nhà Chu là một sự hoang-đường không có can-thiệp gì đến tiết Hàn-thực cả. Sự-tích tiết Hàn-thực là khi ông Tấn Văn-Công khai-phục được nước rồi, tìm ông Giới-tử-Thôi không ra, mới sai tả-hữu đốt núi Miên-sơn, thời ông Thôi ôm cây mà chịu chết cháy ở đó. Ông Văn-Công nhân cảm công kẻ làm bài ca « Long-xà » đã cắt thịt đùi cứu mình khi trước, mới cấm dân trong ngày mùng ba tháng ba không được dùng khói lửa, nên gọi là tết Hàn-thực. Về sau, người ta cứ mờ-mờ không hiểu, nhân thấy cùng hội Đạp-thanh trước sau một ngày, mới thành ra tục đi thăm mộ, thăm mộ rồi đến tế mộ nữa !

Ôi, chẳng nghe đức Khổng-tử đã nói rằng : « Chưa thờ được người, sao thờ được quỉ ?, » và « Xem ra không xửa mộ. », cùng là « Thay mồ không phải thành-pháp của cổ-nhân», huống chi là lại còn đi tế mồ nữa ư? Vua Ngụy Văn-vương đắp mộ Thọ-lăng, ban tờ chiếu rằng : « Sự chôn là sự dấu, muốn cho người ta không trông thấy được ». Nắm xương đã không biết đau-đớn gì, nơi mộ cũng không phải là nhà của linh-hồn người ở, mà trong « Kinh-Lễ » cũng không thấy nói phải tế-mộ tổ-tiên bao giờ. Thời sao người ta không biết mà bỏ tục tế-mộ đi ?

7° — *Địa-lý phong thủy*. Người đời xưa không dùng phép địa-lý, như thầy Tử-Sản chôn vua thì hạ huyệt ngay vào buổi chưa, đức Khổng-tử không biết mồ cha là ở đâu, ông Quí-chát chôn con ngay ở đất ngụ mà không đem về nước Ngô. Về sau, đến đời nhà Hán có ông Hoa-sơn Trần-sử-sĩ soạn ra bộ sách « Thái-cực » xuy-nguyên từ lúc mới khai-thiên lập-địa thì chỉ có *nước* với *lửa* là hai *khí* không bao giờ lìa nhau, rồi lại phân ra *sơn* với *thủy*. Nghề địa-lý hình như khởi-nguyên từ đó, xong người nhà Hán chưa ai theo cả. Đến đời nha Tống có ông Quách-Phác soạn ra bộ sách « Trác-ngọc-phủ » chia ra *long, hổ, mạch-lạc*, và lại chia ra *âm-mạch, dương-mạch* nữa. Như vậy thì nghề địa-lý bắt đầu có từ ông Quách-Phác vậy. Về sau có ông Dương-quân-Tùng soạn ra sách « Cẩm long-kinh », ông Tăng-văn-Địch soạn ra bài « Thanh-nang-tự » mới bày ra *phương-hướng phân-kim* ; lấy *kim, mộc, thủy, hỏa, thổ*, làm *ngũ-hành* ; *đông, tây, nam, bắc, trung-ương* làm *ngũ-phương* ; đất *nóng, lạnh, khô, ướt* khác nhau, mầu đất *xanh, đỏ, trắng, vàng* cũng khác nhau ; mượn sự khô nóng trong huyệt làm *sinh-khí* ; mượn sắc đất đỏ vàng làm *chính-mạch* ; phân-kim thì dùng *địa-bàn* dữa có đá *chỉ nam*, trong bàn cũng chia ra ngũ-phương, ngũ-hành cùng *can chi* và theo với *càn, khảm, cấn, chấn, tốn, li, khôn, đoài* vân. vân.

Phàm những sách địa-lý là đều nói đất cát làm hạnh-phúc cho giống-nòi, nắm xương của ông cha được nằm vào nơi chính-huyệt thì con cháu sẽ được thịnh-vượng cùng phú-quí vinh-hoa.

Phần vì thói-tục, phần vì hi-vọng, người ta khi bố mẹ qua đời, đều đua nhau mà đón thầy địa-lý để tìm lấy đất hay rồi mới chôn. Có khi tìm đến dăm mươi năm chưa được, thì hãy đem quan-quách quàn tạm ở chùa-chiền hay dâm soàng ở bãi vắng; nhiều khi con cháu xa-xút đi không có sức chôn được nữa, mà đành để cho ngập đầy bụi-bậm, tơi-tả gió-mưa ở trong những nơi nhà đổ túp nát, kẻ có nhân thực lấy làm thảm trong lòng. Làm như vậy mà gọi là hiếu được thì thực là lạ lắm vậy.

Ôi, ông Trang-Tôn nước Lỗ có con, chẳng phải bởi sự chôn mà được lành, người Nhược-Ngao nước Sở tuyệt-tự, chẳng phải bởi sự chôn mà gặp dữ, thế thì chôn không có can-thiệp gì với sự lành-dữ cả. Ông Lã-Tài bàn về sách địa-lý có nói rằng: « Điều lành điều dữ của các thầy địa-lý nói không nên tin, ngày giờ âm-dương không nên chắc. » Ông Tư-Mã Ôn-công nhà Tống nói : « Sách địa-lý lừa đời dối người, dèm-cợt Tạo-hóa, chỉ đáng để cho một ngọn đuốc của vua Thủy-hoàng (Vua Tần-Thủy-hoàng đốt sách, chôn học trò.) phá tan sự huyền-ảo. » Thực là chí-ngôn cả vậy.

Non sông có hình có thể là lẽ tự nhiên, nhẽ nào miếng đất này hình con qui con tượng, vũng hồ kia hình cá; khánh cái nghiên mà có thể làm cho nắm xương ông cha có thế-lực làm phúc-họa cho con cháu được ư ? Phải nhận kỹ rằng, khi ông cha còn sống, đem hết tâm-tư tài-lực làm cho con cháu được nên người, cũng còn thấy người nầy kêu con hư, kẻ kia buồn cháu dại, nữa là nắm xương thừa lại có tài hơn người sống được ư ?

Nếu các thầy địa-lý có tài dòm xuống đất thấy được huyệt vinh-hoa, thì sao không làm đất cho ông cha mình trước, mà đi làm cho người. Ta chẳng thấy chính nhà sáng-lập ra nghề địa-lý là Quách-Phác cũng không khỏi tay Vương-Đôn chém chết mà chỗ đất chôn ở liền bờ sông, một nửa ngậm vào dòng nước chầy. Người sau đi qua đất ấy đều ngậm-ngùi mà nói rằng : « Đây là mả người Quách-Phác làm thầy địa-lý đây ! » Người Quách-Phác sống không giữ được mình, chết không giữ được mồ, thì phép địa-lý sao lại gọi là linh-nghiệm được ?

Sau người Quách-Phác, những người Dương-quân-Tùng, Tăng-văn-Địch vân vân, cũng chẳng ai ra gì cả, mà các thầy địa-lý về sau có phải toàn là những bác lạo-đảo trường-ốc, vô-kế sinh-nhai, kiết sơ kiết sác cả không ? Mấy năm về trước, ký-giả có nghe một ông tú-tài Tầu sang du-lịch đất Bắc-kỳ ta đọc cho nghe mấy câu thơ truyền-tụng bên Trung-hoa, nói về các thầy địa-lý rằng :

Địa-lý tiên-sinh quán thuyết không,
Chỉ nam, chỉ bắc, chỉ tây đông.
Thế-gian quả hữu vương-hầu-địa,
Hà bất tiên-mưu tảng nãi-ông ?

Nghĩa là :

Cụ địa quen mồm nói chống không,
Chỏ nam, chỏ bắc, chỏ tây đông.

Thế-gian có đất vương-hầu thật,
Sao trước không chôn lấy tổ-tông?

Tuy là không được thanh-nhã lắm, song cũng là chí-ngôn vậy.

Than ôi! người thế-gian cứ lấy nắm xương tổ-tông mình làm mở hàng-hóa để cầu hạnh-phúc mà cứ nói rằng thế là đạo hiếu thì thực là lầm to lắm vậy. *(Còn nữa)*

Kinh-Đài NGUYỄN-THỐNG

Tục cưới-xin ở các nước

Hai người khác họ-hàng làng-xóm mà tự-nhiên gửi can-tràng cùng nhau, hợp hai cái vận-mệnh riêng làm một cái vận-mệnh chung, hợp hai cái linh-hồn riệng làm một cái linh-hồn chung, để cùng nhau mưu-tính trong lúc khốn-cùng và cùng nhau an-hưởng trong cuộc vinh-hoa; đó là cái quan-niệm của lễ sinh-hôn trong đời người ta vậy. Trong đó có nhiều những cái cao-vọng của linh-hồn người ta, nào là gửi thân cho một người mình yêu, nào là làm cho thêm vui-vẻ cái đời mình cô-tịch; nói tóm lại là cốt để gây dựng lấy một cái gia-đình. Tuy đó chỉ là những cái cảm-tình riêng của người ta trong lúc cưới xin, song cũng nên tìm cách cải-lương thế nào cho hoàn thiện, vì đó chính là một cái vấn-đề rất quan-hệ cho cuộc tổ-chức xã-hội và phải nên theo cái trình-độ văn-minh của từng nước mà cải-cách để bênh-vực cái lợi-quyền và bảo-thủ cái danh-dự cho bọn nữ-nhi biết mấy mươi đời bọn râu mày chỉ coi như lũ tôi-đòi nô-lệ, biết làm những việc nặng-nề và rẻ-rúng như mớ rau mớ cỏ, muốn bỏ thì bỏ, dùng thì dùng, như cái tệ-tục ở những dân-tộc dã-man. Bởi thế mà những cái bi-kịch trai rẫy vợ, gái bỏ chồng khắp cả Âu Á, qua suốt cổ-kim, thường khiến cho những người thức-giả trông thấy mà phải sa châu rơi lụy.

Thời cướp lấy vợ

Mới xem câu đề-mục này chắc hẳn ai cũng phải lấy làm lạ mà tự hỏi ngay rằng: « Ở trên cái thế-giới mình ở này từ xưa đến nay có cái thời nào mà hiếm đàn-bà đến nỗi đàn ông phải đi cướp mới được vợ? » Không, không phải là đàn-bà ở thời nào ít-ỏi mà đàn ông phải cướp mới được vợ đâu, song đó chính là cái thời-đại nhân-loại chưa được văn-minh, tệ-tục chưa cải-lương được mấy, tức là thời « ăn lông ở lỗ » vậy.

Thời bấy giờ đàn ông lấy vợ không có cái mục-đích lấy vợ để gây cho nhân-loại sau này sinh-sôi nảy-nở mãi ra, họ cốt lấy vợ chỉ để làm nô-lệ và làm người sai-khiến mà thôi; như người La-mã muốn lấy vợ thì chỉ sang cướp con gái ở bên láng riềng, chớ không có nghinh-hôn sính-lễ gì cả. Người Úc châu (Australie) muốn lấy vợ thì phải đi rình như người đi săn chim bắn cộp vậy. Hễ họ vừa ý người đàn bà con gái nào, là họ theo cho kỳ được, túm lấy lôi về, nếu người con gái không thuận thì họ lấy roi ngựa quất; có khi quất mạnh đến nỗi đầu và lưng người con gái máu chảy lõa-lưỡi. Cái tệ-tục của miền Nam này, người miền Bắc cũng có. Ở đảo Grœland (gần Bắc-cực) con trai đến hỏi vợ, con gái sợ đến nỗi bất-tỉnh nhân-sự. Nếu nghĩ đến nỗi chồng con sau này thì lại càng sợ, bèn trốn vào núi ở và cắt cả tóc cho rõ nỗi bi-sầu. Bấy giờ người con trai vội vàng theo vết người con gái đi tìm, điệu về hang mà vùi hoa rập liễu.

Tục cưới-xin trong những nước đã tiệm cải-lương.

Có nhiều nước đã hơi văn-minh thì cũng biết bỏ bớt cái hủ-tục đó, nhưng cũng chưa bỏ tuyệt hẳn đi được. Sau họ cũng biết đặt lễ cưới và bỏ cái thói đi cướp vợ, mà đặt ra lệ đi cưới vợ là lối vợ về. Cái cách lố-lăng đó vẫn là người đàn-bà bị ép-uổng, chớ không được kén chồng. Tục người La-mã đi lấy vợ một cách dã-man như thế, cho nên còn ghi chép tới ngày nay.

Nay thử trích-dịch một bài văn-dịch của một nhà văn-sĩ La-tinh thuật lời than-thở của một cô con gái tả cái cảnh khi cô phải đi xuất-giá, xem sao. « . . . Lúc bấy giờ trong nhà tôi trương đăng kết-thái, hát-xướng rất là linh-đình. Mẹ tôi thì đang ẵm con gái ở trong lòng để sửa soạn đồ trang điểm cho tôi và đang hôn-hít tôi thì bỗng có một đám đông người đeo đồ khí-giới sáng choang, reo-hò la-thét rất ghê gớm, rồi họ sắp hàng kéo nhau vào phòng tôi. Tôi sợ quá nằm thiếp đi ở trên lòng mẹ tôi, bấy giờ rồi họ đến kéo tôi đi. . . »

Đó là cái tục của người La-mã đi đón dâu mà phải ra oai như thế, song đến lúc ra khỏi cửa nhà gái, lúc trở về nhà trai, thì họ có cử-nhạc và rước-đèn kế đến các quan-viên họ theo xe sau múa hát, thế là chú rể đón được dâu về.

Nghe những tiếng đàn đúng nhịp êm-đềm của bọn nhà nghề và những cái điệu ca-vũ của những bà nhan-sắc đua tài, rõ là một cảnh đẹp-đẽ vui-vầy đủ làm cho người quân-tử cũng phải siêu lòng! Xem cái cách dũng-dược trong lúc cưới-xin của những dân-tộc dã-nam như người Tartares ngày nay thì cũng đủ biết họ có cái tinh-thần hiếu-chiến và du đãng.

Sáng ngày hôm đi rước dâu, chú rể cưỡi ngựa đeo đồ khí-giới đi trước, một lũ người cưỡi ngựa thắng những bộ yên lịch-sự theo sau, sắp đủ các lễ-vật: nào là thảm làm bằng len, nào là áo vải phin, nào là yên ngựa v... v... rồi quầy gánh lên đường. Đến cửa lều (tente) nhà gái, họ rút gươm ra múa rồi kéo nhau vào trong lều, reo-hò rầm-rĩ.

Cô dâu biết trước tháo cửa sau lều trốn ra ngoài, thì đã có một con ngựa để chực sẵn, liền ôm một con dê hoặc một con cừu con, trèo lên ngựa cứ thế là phóng thẳng vào những chỗ đồi đất bỏ hoang. Họ nhà trai bèn lại lên ngựa đuổi, nhưng họ nhà gái cũng lên ngựa theo sau, làm cho rùng-rẫng để nhà trai không đuổi kịp ngựa cô dâu. Bấy giờ một hồi súng nổ, hết thảy mọi người đều kêu-la rầm-rĩ, rồi người nọ chìa súng bắn lẫn người kia. Nhưng bắn nhau bằng thuốc thôi chớ không có đạn. Đến khi chú rể đuổi kịp, cướp được con cừu con mà cô dâu cầm ở tay thì mới thôi.

Ở bên Anh-cát-lợi ngày xưa cũng có tục đi đón dâu bằng ngựa, cho nên bây giờ người Anh hễ trông thấy hai người cưỡi ngựa đi song đôi thì họ lại nhớ đến người xưa tục cũ.

Đã hay rằng cái tục đón dâu theo cách tập trận giả như thế cũng không có thiệt hại gì, song cũng đáng ghê lắm, vì rằng theo cách tập trận giả mà không có lúc thật ư?

Ở bên đảo Nouvelle Zélande (ở phía Bắc Âu-châu) đàn bà sức vóc cũng khỏe mạnh như đàn ông, cho nên chú rể phải ra sức đấu võ với cô dâu, đến nỗi toang quần rách áo trong mấy giờ đồng-hồ, thì chú rể mới bắt được cô dâu về. Nếu võ-nghệ của chú rể không giỏi hơn cô dâu thì việc đón dâu phải đình trệ lại, vì một người con gái đảo Nouvelle Zélande không bao giờ lại chịu theo một chàng con trai nhút nhát và không có đủ tư-cách đi đánh giặc. Cái tục chú rể đi đón cô dâu có thể đoạt được cô dâu thì mới đón được về nhà, hiện ngày nay cũng hãy còn.

Ở một vài tỉnh trong xứ Arménie xứ Mingrélie cô dâu lại đến đoạt chú rể thì mới tức cười chớ !

Đám cưới ăn uống cả ở bên nhà trai trong mấy ngày trời, đến bữa tiệc hôm sau cùng, ăn xong rồi, chú rể phải tìm đường đi trốn, hoặc trèo lên cành cây, hoặc rúc vào só bếp. Bấy giờ họ nhà gái đổ đi tìm, khi bắt được chú rể liền điệu về buồng cô dâu mà lắc và sô đẩy.

Việc lấy vợ theo lối mua hàng.

Cô dâu chú rể lấy cường-lực bắt về hơn hay để đôi bên cha mẹ đánh giá hơn ?

Cái tục đi bắt vợ về là tục của những dân-tộc vừa kể trên kia, nay xin kể đến tục đi mua vợ ở bên Tây-bá-lợi-á, xem sao.

Khi người con trai xứ ấy định lấy con gái ông nào thì mời ông ấy đến ngồi chơi ở bên một cái bàn. Bên ông nhạc thì đặt giá trước mà chàng rể thì mặc-cả sau. Mỗi lần giả tăng lên một giá thì lại rót một cốc rượu bia ra uống. Một bên ông nhạc, một bên chàng rể, đôi bên so-kè mãi, uống hết cốc rượu này đến cốc rượu khác, đến khi ngã giá thì hai người đều say khướt, ngã cả ra chân bàn...

Người Trung-hoa vốn là một giống người trọng thương-nghiệp, cho nên việc cưới-xin, họ giở cái thủ-đoạn mua bán trước tiên.

Ở bên Trung-hoa người con trai cũng không biết mặt vợ là người mặt ngang mũi dọc thế nào. Đã có đôi bên cha mẹ nói giá-cả với nhau, định là bao nhiêu nén là xong. Đến ngày làm lễ cưới cô dâu mặc áo thêu vàng rát bạc, trang-điểm má-hồng môi-son và bôi đen quầng mắt lại, đây là cách trang-điểm của đàn-bà Tầu học người Âu-châu. Lối cô dâu đi ra song-loan thì có trải một thứ chiếu đen và có dán những cánh hoa trò bằng giấy. Ngoài sân có để sẵn một cái song-loan sơn-son thếp-vàng ; những người khiêng song-loan đều mặc áo vàng ; chung-quanh song-loan thì bát-âm kéo, trước mặt song-loan có một người đánh cái chuông con và gõ cái thanh la bằng gang, như là đám rước ở bên ta vậy. Khi cô dâu trèo lên song-loan rồi thì có một người lão-bộc tín-cẩn ra khóa song-loan lại, rồi đi hướng-lộ đằng trước song-loan, đằng sau song-loan thì có những người đi đưa dâu bận phẩm-phục đi theo. Khi song-loan đến cửa nhà trai thì người lão-bộc trao chìa khóa cho chú rể mở song-loan ra. Bấy giờ chú rể mới được tường mặt cô dâu. Tối hôm cưới, rước dâu xong thì trong nhà đốt pháo, đốt cây bông, thắp đèn la-liệt. Hai vị tân-hôn vịn vai nhau đứng cửa phòng xem đốt pháo thăng-thiên ở ngoài sân, pháo thăng-thiên lên vót rồi tỏa ra ngọn xanh đỏ... Bấy giờ thanh-la đánh đinh tai, đàn sáo thổi nhức-óc, những người đến dự-tiệc và người nhà đọc lời chúc-tụng cho cô dâu chú rể mới. Cưới xong mấy hôm cô dâu lại trở về nhà cha mẹ để chơi, ở chóng cũng là dăm ba tháng mà lâu thì một vài năm cũng có, cứ tùy theo nhà cha mẹ giầu hay là nghèo, giầu thì ở lâu, mà nghèo thì ở chóng. Đàn-bà Trung-hoa là một giống người hiếu-thảo, cho nên đi lấy chồng được mấy hôm xong lại trở về thăm bố mẹ và nhất là khi cô dâu bước chân về nhà chồng, thương nhớ cha mẹ, khóc kể có đến mấy ngày mới ráo nước mắt, biếng ăn biếng ngủ, chứ không khóc chiếu lệ như các cô dâu Annam khi mới vào buồng ! Nếu người con gái Trung-hoa nào đã đi lấy chồng, tái-hồi ở chơi phụng-dưỡng bố mẹ mà làm sự phi-vi như san sẻ gánh tình cùng một người khác thì phải sử-tử và có khi cha mẹ cũng có lỗi, vì tục cưới-xin nước ấy nặng-nề lắm ! Như bên ta cưới một người vợ soàng mất năm sáu trăm thì ở bên Trung-hoa phải mất một vài nghìn bạc, cho nên trong nước phải ra luật nghiêm-ngặt lắm.

Bên Chà-và (Java) tục cưới-xin cũng làm long-trọng như bên Trung-hoa, có phần lại hơn thế nữa, nhưng lại còn thêm một vị nhầy múa lố-lăng.

Khi đi đón dâu thì vừa đi vừa nhầy múa và vỗ tay, chiêng chống và thanh la đánh ỏm-tỏi; rồi kế đến một cái kiệu trên có một cái long-đình ngoài chằng lá cây gồi và cành tre, trong thì chú rể và cô dâu ngồi, hai người đều mặc áo lụa điều thêu vàng, đầu đội mũ nhọn dát ngọc. Hai người ngồi rất nghiêm-trang như ông bụt ốc vậy.

Bốn người khiêng bốn góc kiệu, đều bận áo xanh quần vàng thắt lưng xanh và trắng, đầu đội khăn vàng ; đòn kiệu thì làm bằng cây tre, đầu có kết hoa ngũ sắc làm bằng giấy. Thỉnh thoảng những người phu khiêng kiệu lại reo lên, còn những người đi ăn cưới theo sau thì lộn sộn kéo nhau theo sau dòm mặt cô dâu.

Tục cưới-xin bên sứ Maroc lại còn vui nữa. Ở đây dẫn cưới thì dẫn bằng lạc-đà, cừu, ngựa. Khi con gái về nhà chồng thì ngồi tròn trong một cái thúng đan bằng mây đeo ở đằng khấu đuôi ngựa. Rước dâu toàn rước ban đêm và có phường nhạc thổi khúc não-nùng theo dịp hát. Đèn thắp sáng choang cả đám cưới. Những người đi đón dâu và đưa dâu đều đeo khí-giới đi theo sau. Cái cảnh đón dâu về ban đêm, trông rất là quái-lạ.

Những dân-tộc ở phương Đông mà thuộc về người Âu-châu thì cưới-xin có lễ-nghi, có trật-tự, chớ không có cướp vợ hoặc mua vợ về. Như bên sứ Monténégro, chú rể thì chỉ phải dâng bố mẹ vợ có mỗi một đồng tiền vàng là xin được vợ về. Người Hy-lạp ở Tiểu Á-tế-á thì dùng tơ lụa, thảm, bình hương, làm đồ dẫn cưới.

Lễ cưới-xin vui-vẻ

Muốn xem cái trình-độ văn-minh của một nước thế nào chỉ xem ngay tục cưới-xin của nước ấy thì biết.

Như ở nước Nhật-bản kia, cảnh-vật cái gì cũng buồn cười, vì rằng cách sinh-nhai trong nước dễ-dãi, dân cư không phải tư-lự cho lắm, cho nên lễ cưới-xin ở đó vui như một đám hội vậy. Vừa vui-vẻ, vừa ôn-hòa, lại vừa nhẹ....

Việc ăn uống ở cả bên nhà trai. Trong gian nhà rộng-rãi thênh-thang thì chỉ bầy có những ảnh thần-linh. Đến khi làm lễ thì cô dâu chú rể dắt nhau vào đấy quỳ xuống, cô dâu thì mặt đánh phấn trắng, điểm phấn hồng, hai mái tóc thì để bồng lên và gài ghim vàng, có hai người thị-tỳ theo hầu. Hai vị tân-hôn quỳ giữa, họ hàng

bè-bạn ngồi cả xung-quanh chiếu. Một người thị-tỳ bưng một hồ rượu có hai vòi ra dâng lên miệng cho cô dâu chú rể cùng uống, nghĩa là hai vợ chồng lấy nhau sau này sống chết cũng có nhau.

Ở bên nước Ba-tư (Perse) khi cô dâu về nhà chồng, vào gần đến cửa, chú rể chạy ra đón, cầm một quả cam ném thực mạnh vào người cô dâu, rồi cắm đầu chạy, cả nhà lại đuổi theo tìm về.

Ở xứ Scandinavie về thời trung-cổ, người con gái sắp về nhà chồng, phải đeo một bao gươm, chú rể phải lấy gươm của mình cắm vào bao ấy, nghĩa là người con trai cầm nổi thanh gươm là hạng người dũng-sĩ có giá-trị rồi, cho nên cô dâu mới thuận lấy. Ở trong một vài làng ở xứ Finland khi người con gái sắp cưới phải đeo một cái bao đựng dao găm, chú rể khi đón dâu bỏ dao vào đó.

Đám cưới bên đạo.

Từ khi có đạo đến giờ, lễ cưới rất là giản-dị mà con gái còn có đôi chút danh-dự.

Đây không nói về việc cưới của bên đạo ở trong toàn-thế-giới làm gì, vì ở đâu cũng thế chớ không có gì khác cả. Duy chỉ có ở bên nước Nga là lễ cưới hơi khác mà thôi.

Ở bên ấy làm lễ cưới cũng tại nhà thờ; khi cô dâu chú rể đến, Đức-cha làm phép cưới, gài cho mỗi người một cành lá cây, xong lấy một hồ rượu ra, Đức-cha nhấp trước một tý, còn thừa trao cho hai người uống, uống xong đập vỡ tan hồ ngay ra đó. Bấy giờ các bà lấy hạt đay và hạt gai tung lên đầu cô dâu chú rể. Trước khi làm lễ, ông thân-sinh ra cô dâu lấy roi đánh cho con gái mấy roi và nói: « Đây là ta dạy còn lần sau cùng, sau này đã có chồng con nó dạy con. »

Cái tục làm lễ cưới rồi uống rượu ngay trước nhà thờ thì người Arménie và Georgie cũng có.

Ở những nơi đó khi chú rể đi đón dâu thì đi trước họ hàng bằng-hữu và phường-hát phường-nhạc theo sau. Khi đến nhà gái mọi người đều ngồi ở ngoài hiên, duy chỉ có chú rể và mấy người bạn thân đưa lễ-vật vào, nào là áo, nào là gia-cừu, thảm, đồ nữ-trang, ngoài ra còn thêm hai thỏi đường đỏ và mấy thỏi đường trắng. Một thỏi đường đỏ thì để dâng Đức-Cha, còn thỏi nữa thì biếu bố mẹ vợ, còn những thỏi đường trắng thì họ hàng chia nhau ăn ngay ở đó.

Ăn xong, chú rể vào phòng cô dâu, khi đến cửa thì có một thằng tiểu-bộc đưa đến ngồi ở một cái ghế bên cạnh cô dâu. Đến khi làm lễ-cưới ở trong nhà thờ thì có gẩy đàn, thổi sáo đốt pháo, đánh trống còn những người đến dự tiệc đều hát.

Ở bên nước Pháp, nhà nào nghèo đến đâu, ngày cưới cũng cho phải thực lịch-sự, dự lễ cưới phải cho trang nghiêm, để cho ai nấy trông vào.

Từ khi nước Pháp qua cơn cách mệnh (Révolution) đến giờ, việc cưới lại thêm một điều nữa thêm chắc chắn và tăng giá-trị là hai bên trai-tài gái-sắc phải đưa nhau đến một phòng quan cai-trị ghi tên vào sổ giá-thú. Việc cưới từ đó phải theo luật-pháp cốt là để bảo-thủ danh-dự cho bọn nữ-nhi vậy.

Đà-giang thuật

LƯƠNG-TÂM

Lương-tâm là gì? - Ta đang dạo chơi trên quãng đường vắng-vẻ, chợt bắt được một cái ví da, đầy giấy bạc, tất nghĩ ngay rằng: « May cho ta biết chừng nào! Ta được món tiền này tha-hồ tiêu! Nào có ai biết mà ngại! Ta bắt được chứ có lấy trộm của ai! » Nhưng hình như trong tâm-linh ta lại có tiếng: « Ấy chớ! Tiền đó có phải của ta đâu? Ta có khó-nhọc mà kiếm ra đâu? Tiền đó là của người khác đã tốn bao mồ-hôi nước-mắt mới kiếm ra được! Ta chớ nên giữ lấy, phải tìm người mất mà trả lại. » Ta đứng hóng mát bên bờ sông, chợt thấy một đứa bé ngã xuống nước, ta toan nhảy xuống cứu, nhưng lại ngại ướt quần, ướt áo, sợ có nguy-hiểm đến tính-mạng ta. Nhưng trong tâm-linh đã có tiếng thúc-giục ta rằng: « Kia! Đứa bé sắp chết đuối! Ta phải kíp nhảy xuống mà cứu-vớt! Ngại ướt quần áo chẳng ích-kỷ lắm ư? Sợ nguy-hiểm chẳng hèn-nhát lắm ư?... »

Cái tiếng khôn-ngoan kia, biết phân-biệt điều phải lẽ trái, biết ngăn ta không cho làm việc sằng, biết thúc-giục cho ta làm việc nghĩa, cái tiếng ấy là lương-tâm của ta đó.

Lương-tâm thực là cái báu của linh-hồn, nhờ có lương-tâm mà ta cư-xử được hợp cương-thường đạo-nghĩa, nhờ có lương-tâm mà ta xét-đoán được rằng công-việc ta làm cùng công việc của kẻ khác là hay, hay là dở. Lương-tâm thật là một cái linh-tính mầu-nhiệm, tuyệt-luân, một người hướng-đạo sáng-suốt dìu-dắt ta trên thế-lộ cho khỏi lầm đường lạc lối.

Nói thế có người cãi rằng: « Trong trí-não con người không có gì khác là những cái bởi lịch-duyệt mà có; ta xét-đoán sự-vật chẳng qua chỉ bằng những điều sở-kiến sở-văn mà thôi ». Điều đó hoặc cũng có, nhưng không phải vì thế mà tất-nhiên bảo rằng loài người không có lương-tâm. Gián-hoặc cũng có một vài giống người quá mọi-rợ, phong-tục trái hẳn đạo-nghĩa cương-thường, nhưng đó thực là phần rất ít vậy. Xem ngay khắp thế-giới, cách xét-đoán nước nào cũng giống nước nào thời đủ biết: có nước nào làm tội những kẻ nhân-đức công-bằng không? Có nước nào ca-tụng những quân trộm cướp, những kẻ giết người không? Nước nào tất cũng lấy người đạo-đức làm trọng, kẻ gian-ác làm khinh, cái duyên-do đó là bởi đã là người thì ai cũng có lương-tâm như ai vậy.

Có người lại nói rằng: « công-việc người đời duy chỉ có hai lý-cố: lợi-ích và khoái-lạc ». Đành rằng lợi-ích và khoái-lạc là hai cái sức rất mạnh nó thường làm mê-muội lòng người, nhưng không phải vì thế mà nói được rằng loài người không có lương-tâm. Đành rằng vì lẽ đời bó-buộc, con người thường dễ sinh ra những thói nhỏ-nhen, nhưng đời nào, nước nào là không nhan-nhản những đứng anh-hùng hào-kiệt, những người trọng-nghĩa khinh-tài, những bậc trung-trinh tiết-liệt? Coi rẻ tính-mệnh, sông pha tên đạn để bảo-hộ cho đồng-bào, sao gọi là vị lợi được? Gái hóa mới đôi mươi tuổi, đóa hoa xuân đang buổi xanh tươi,

thế mà đứng vậy nuôi con, sao gọi là vì khoái-lạc được?

Chức-việc của lương-tâm. — Lương-tâm không phải chỉ mách ta trước khi xử-sự rằng việc ta định làm là hay nên làm, là dở không nên làm; lương-tâm lại còn nói rõ cho ta biết các việc ta phải làm tức là những việc nghĩa-vụ của ta vậy.

Khi ta đã làm được một việc hay, tất trong lòng khoan-khoái, nhẹ-nhàng, vui-sướng vô-hạn, vì ta yên dạ rằng đã làm được một việc có ích cho đời, rằng không phải ta sống thừa trên cõi-thế, vì ta chắc rằng làm được một việc hay ấy là cái phẩm-giá ta cao lên được một bực, là cái nhân-cách ta thêm hoàn-toàn vậy. Nếu ta đem tấm thân bầy thước của ta mà so với trời đất cao-dầy, vũ-trụ mông-mênh, thì ta có thấm vào đâu: con người chỉ là cái bụi đắm-đuối trong bể không bờ không bến mà thôi. Hình-hài ta tuy bé nhỏ thực, nhưng thần-hồn ta lại có một cái tư-tưởng rất cao-xa, một cái tri-độ rất cao-thượng là giúp ích cho nhân-loại. Muốn giúp ích cho nhân-loại, phải là một người đạo-đức, một người có sự-nghiệp. Đạt được cái mục-đích ấy, tất được hưởng một cái cao-thú lạ-lùng, cái cao-thú ấy chẳng là lương-tâm thưởng ta ru?

Nhưng lương-tâm cũng lại là một cái tòa-án để xử ta, khi ta trái lệnh của lương-tâm; mà hình-phạt của tòa-án này thì không tội-nhân nào tránh thoát. Có khi đêm thanh nhà vắng, một bóng một đèn, lòng tự hỏi lòng, chợt nghĩ đến việc mình làm trái đạo, tự biết là lầm, là lỗi, mình lại tự-sỉ mình, mình lại tự-mắng mình; ấy là hình-phạt của lương-tâm đó, cái hình-phạt ấy thường ta gọi là hối-hận. Đối với những trọng-tội, như giết người lấy của, tranh vợ cướp chồng, thì tòa-án lương-tâm mới lại rất là gớm-ghê ghê-gớm. Những tội-nhân ác-phạm cũng thường khi tránh được pháp-luật của xã-hội, nhưng tránh sao cho được cái lưới của ông thần Thiên-lương! Những quân giết người không chớp thì chầy cũng đến ngày bảo-phục, biết hối cái tội-ác của mình: bấy giờ thường ghê những nơi tăm-tối, chỉ những sợ oan-hồn nó hiện về báo-oán; bấy giờ ăn không ngon, ngủ không yên, tâm-thần thường hay hoảng-hốt, cứ tưởng chừng như oan-hồn vẫn phảng-phất quanh mình. Ôi! Lương-tâm thực là con ma của trí tưởng-tượng vậy.

Lương-tâm không phải chỉ biết xét-đoán những công việc của ta mà thôi; nhờ có lương-tâm mà ta lại biết phán-đoán những sự hành-vi của kẻ khác. Chị em bà Trưng-Trắc vì nghĩa bỏ mình, Mạc-Đăng-Dong tiếm ngôi Thiên-tử: lương-tâm mờ-ám đến đâu mà không biết khen ngợi hai bà nữ anh-hùng, mà thống-mạ đứa gian-thần cướp nước.

Đối với những việc anh-hùng hào-kiệt, tiết-liệt trung-trinh, bao giờ ta cũng sinh lòng qui-trọng, kính-mến, cảm-phục, hâm-mộ, mà hi-vọng có ngày ta cũng làm được những việc như thế. Đối với những việc càn-rỡ, dan-ác, như con mắng cha, vợ giết chồng, thì ta rất ghét, rất bỉ, rất khinh, rất mong-mỏi chóng tới ngày được xem họ bị hành-hình một cách xứng-đáng. Những tình-cảm đó toàn là phát-sinh ra bởi lương-tâm ta cả.

Tóm lại thì lương-tâm ví như một người *hướng-đạo* cho ta để dìu-dắt ta trên đường chính-đáng; như một *người chứng* rất cần-mẫn của ta, vì không có một việc nào, một chút tư-tưởng nào mà lương-tâm không rõ; như một quan thẩm-phán, vì lương-tâm quyết-đoán mọi việc ta làm là hay, là dở; như một *nhà hành-pháp*, vì lương-tâm có thưởng ta mà cũng có phạt ta. Lương-tâm thực là một cái năng-lực bảo-hộ ta, vì nhờ có lương-tâm mà ta xét-đoán được công việc của ta cùng công việc của kẻ khác.

Cần phải giáo-dục lương-tâm. — Ông Pascal có nói rằng: « Lương-tâm là sách luân-lý tốt hơn hết, ta phải thường chất-vấn đến luôn ». Đã đành như vậy, nhưng ta cũng phải biết rằng cái mệnh-lệnh của lương-tâm cũng có khi không đủ rõ-ràng để ta biết đường chính-đáng mà theo, hoặc không đủ thế-lực để thúc-giục ta làm những công việc khó. Bởi thế cho nên có khi ta làm một việc, làm rồi mới biết là lầm, mới biết rằng đáng lẽ phải làm thế khác mới là phải. Lại có nhiều khi ta biết rằng phải làm thế này mới chính-đáng, nhưng ta lại bị tình-dục nó mê-hoặc, tài-lợi nó cám-dỗ mà làm ra thế khác. Vậy thời lương-tâm cũng cần phải giáo-dục cho được sáng-suốt, cho được mạnh-mẽ.

Ta lại xét ngay những quân gian-phi ác-phạm: lương-tâm họ thực là tối-tăm quá chừng. Đến nỗi họ không còn biết chi là điều-thiện điều-ác nữa, thậm-chí có khi chỉ vì chút lợi nhỏ mà đang tay giết một mạng người! Vì rằng lương-tâm cũng như các khiếu khác của phần-hồn cần phải có khai-hóa mới hoàn-toàn được. Những kẻ kia đã không được học-hành để giáo-dục lương-tâm thời chớ, lại vì sự thiếu ăn thiếu mặc cưỡng-bách, thường phải làm những việc càn-rỡ ngang-tàng: lâu ngày quen đi, thành ra không còn một điểm lương-tâm nào nữa.

Giáo-dục lương-tâm phải sao? — Muốn giáo-dục lương-tâm phải có học-hành, phải đè-nén tình-dục, thường chất-vấn lương-tâm và soi gương những bậc anh-hùng hào-kiệt.

Phải học-hành để khai-thông trí-tuệ, để rõ-thấu chân-lý, vì trí-tuệ có khai-thông, chân-lý có rõ-thấu thì lương-tâm mới sáng-suốt. Đứa ngu-si vô-học, không biết nghĩa-vụ là gì, không biết thế nào là hay, thế nào là dở, tất cư-xử sai lầm, hành-vi trái-ngược. Đứa dốt đến cách cư-xử của mình còn không biết, mong đâu xét-đoán người một cách công-minh.

Tình-dục là cái lòng dục tự-nhiên của người đời. Kiêu-căn, ích-kỷ, ham lợi, mải vui, đó là thói thường vậy. Ta mà đã không biết trọng cái giá-trị của kẻ khác, ta mà đã quá ham lợi, mải vui thì lương-tâm ta ngay-thẳng sao cho được? Vậy thời nếu ta xét-đoán thường lầm là bởi tình-dục nó mê-muội; muốn giáo-dục lương-tâm, điều cốt nhất là đè-nén những tình-dục ấy. Ta phải biết rằng kiêu-căn là một thói rất nhỏ-nhen, rất vô-lý. Công-việc đời thiên-hình vạn-trạng ta hay cách này, người hay cách khác, có người kém ta nhưng lại có rất nhiều người hơn ta, vậy ta mà kiêu-có nghĩa-lý gì? Cầu lợi, tìm vui đó là cái bản-tính loài người, nhưng cũng phải sao cho chính-đáng mới được. Lợi ta đã đành rồi, nhưng có thiệt đến ai không? Nếu lợi ta thiệt người chớ có làm. Vui ta nhưng có phiền đến ai không? Nếu vui ta mà không phiền đến ai thì hãy nên vui. Vui ta mà có tổn đến sức-khỏe, đến nhân-cách ta thì cũng không nên vậy. Nếu trước khi hành-sự mà tự-hỏi lương-tâm như thế, thì lương-tâm ta ngày thêm tỏ-rạng ngày thêm quen xét-đoán một cách phân-minh chính-

đáng. Ta mà biết đè-nén tình-dục, thì chí-ý mỗi ngày thêm mạnh-mẽ mà khi ta gặp những công-việc khó quyết, lương-tâm ta cũng đủ sức khiến ta làm được những thủ-đoạn anh-hùng.

Ta lại nên đem ứng-dụng những lời khuyên của ông Franklin (1) mà mỗi ngày trước khi đi ngủ, ta suy-xét những công-việc ta làm ngày hôm ấy, việc nào hay, việc nào dở, việc nào ta làm là phải, việc nào ta làm là trái. Những việc dở ấy, những việc trái ấy có hại đến cái phẩm-giá của ta, ta nên ghi lấy mà từ sau không phạm tới nữa. Những việc hay kia, những việc phải kia có tăng cái nhân-cách của ta, cũng nên ghi lấy để sau này cứ thế mà làm. Xong rồi ta lại tính xem ngày hôm ấy ta làm được mấy việc hay, mấy việc dở, hay nhiều hay là dở nhiều, nếu dở nhiều thì ta phải nên lấy làm ân-hận, nếu hay nhiều tất-nhiên ta được thỏa-lòng, Chất-vấn lương-tâm như thế, bổ-ích cho đường đức-dục của ta nhiều lắm, mà phương-châm xử-thế của ta rồi cũng nhờ đấy mà rõ-rệt ra nhiều.

Sau hết ta phải chọn sách hay mà đọc, tìm bạn tốt mà chơi. Đọc một quyển sách dở rất, dễ mê-hoặc lòng mình, chơi với một người bạn sằng, rất dễ có dịp làm bậy như họ. « Học thầy không tầy học bạn » ta mà chơi được với những bạn tốt thì lợi cho đường ăn-ở của ta biết chừng nào! « Một quyển sách hay cũng là một người bạn quí », ta há lại chẳng nên tìm sách hay đọc ư! Đọc sách ta rất nên ghi lấy những cách cư-xử khác thường, nhớ lấy những anh-hùng thủ-đoạn, rồi đến khi ta gặp những cảnh-ngộ tương-đương, cố sức mà bắt chước.

Tổng-luận. — Vậy thời lương-tâm có hoàn-toàn, thì nhân-cách mới hoàn-toàn được; vậy thời lương-tâm còn có khuyết-điểm, còn có sai-lầm, còn cần phải có giáo-dục mới hoàn-toàn được; vậy thời nếu ta muốn đạt tới mục-đích cao-thượng của loài người là tu lấy một cái nhân-cách hoàn-toàn, thì ta phải giáo-dục lương-tâm cho hoàn-toàn vậy.

Phong-Di VŨ-ĐÌNH-LONG

(1) *Franklin* (1786 — 1847) nhà chính trị và ngôn luận Hoa-kỳ, sinh tại thành Boston. Ông là người khai sáng cho sự độc-lập của nước Mỹ. Chính ông đã chế ra thu-lôi-tiên và soạn một bộ sách rất có giá-trị nhan là: Khoa-học của bác Richard.

ĐỘC-GIẢ LUẬN-ĐÀN

Trách-nhiệm người Hương-hội quan-thiết với việc cải-lương thế nào?

Một nhà muốn cho làm ăn phát-đạt, người gia-trưởng tất phải hết sức mưu-toan, nhưng trước hết phải làm cho trong ấm, ngoài êm, thì nghiệp-nhà mới có cơ phát-đạt được; việc làng cũng vậy: người Hương-hội của một làng cũng tức như người gia-trưởng trong một nhà; muốn cho làng được thịnh-vượng, thì những người Hương-hội tất phải hết lòng mưu việc, nhưng trước hết phải làm cho quả-đoán, công-bằng, thì việc làng mới có cơ thịnh-vượng được.

Làng thịnh-vượng nhờ tay người Hương-hội, cũng như nhà phát-đạt nhờ tay người gia-trưởng, lẽ đó hiển-nhiên, tưởng ai ai cũng đã công-nhận vậy.

Nước ta từ xưa đến nay, làng nào cũng vậy: nào đặt ra tiên-chỉ, thứ-chỉ; nào bầu ra kỳ-mục, giám-trương... các danh-vị ở chỗ đình-trung, rất là long-trọng. Nếu những người có danh-vị ấy, ai cũng một lòng vị-nghĩa, coi việc dân như việc nhà, thì cái trình-độ dân-thôn ta đâu đến nỗi tới nay vẫn còn phải rát-cổ bỏng-họng!....

Chỉ vì hai chữ quyền-lợi mỗi ngày một đắt, lòng tham-muốn mỗi ngày một cao; những người có trách-nhiệm coi việc dân, trăm người chưa được một vài người công-bằng, quả-đoán. Cùng chung một giống, tình thân-yêu nguội-lạnh như khối-tuyết, hờn-hằng; cùng ở một làng, nghĩa đoàn-thể hờ-hững như kẻ Tần, người Việt! Bởi thế mà cái tiếng văn-phong mấy nghìn năm để lại, dần dần hóa ra hủ-tục, đồi-phong! Than ôi! thói đời di-chuyển, cái ma « tư-lợi » làm hắc-ám mất cái « lương-tâm », nếu không kíp chấn-áp tiễu-trừ ngay đi, thì kỷ-cương xã-hội bao giờ cho chỉnh-đốn lại được!

Chính-phủ cũng đã hiểu-thấu cái tình-tệ đó, nên mới đây đã có nghị-định thi-hành việc cải-lương hương-chính trong toàn-hạt Bắc-kỳ ta, đang chấn-chỉnh lại những hủ-tục đồi-phong và bồi-đắp lấy cái nền hưng-vượng cho các dân-xã. Ngửa trông cái lương-pháp mỹ-ý của Chính-phủ vị dân trù-nghĩ, ai là chẳng nức lòng vui mừng, nghền cổ mà ngóng trông cái hiệu-quả tốt đẹp, cái bước tiến-đồ hưng-thịnh của quốc-dân mai sau này!

Vậy mà nay xem ra trong số mười làng cải-lương, chưa được năm làng thành-hiệu! Cái nguyên-nhân đó tại đâu? Thiệt phải đợi người mà làm. Ôi! có chính-sách hay mà thừa-hành không có người, thì làm gì cho được! Cái cơ-quan thực-hành việc cải-lương hương-chính, là ở bọn người hương-hội; vậy việc cải-lương hương-chính mà không được thành-hiệu, trách-nhiệm không ở người hương-hội, thì còn đổ cho ai? Nay xét qua về cái cách hành-vi của bọn hương-hội ta xem thế nào.

1· Làm việc không công-bằng. — Người hương-hội đã do dân tuyển-cử

ra để đại-biểu công việc cho dân, đáng nên hợp-sức đồng-lòng mở-mang những điều lợi-ích, trừ bỏ những thói hủ-tệ là phải. Ngặt vì một khối tư-tham, dường như lửa bốc, bốn chữ « giả-công tế-tư » đó, hình đã in sâu vào óc tự bao giờ. Tuy rằng các việc thừa-hành, cái hình-thức bề ngoài, theo như qui-điều đã định: thu là thế, chi là thế, niên, nguyệt, nhật cũng thế,... mà « hữu-danh vô-thực », quan trên xa cách, dân-giai dẫu biết có làm chi! Cái bệnh hư-ứng đã quen rồi, thuốc nào chữa được! Bởi vậy mà những án « thông-đồng nhũng-lạm » làm bận thêm cho nhà chính-trị biết bao! (làng nào không biết, hiện làng ký-giả đây cũng đã cải-lương, mà mấy ông Hương-hội đã mông-phạt-bồi về việc thiện-mại trái-phiếu! Nói bao nhiêu lại thẹn thùng bấy nhiêu!).

2· *Làm việc không quả-đoán.* — Đã ra nhận cái trách-nhiệm đại-biểu việc dân, thì không cứ làm Thư-ký, Thủ-quĩ, hay là Hương-hội, nghị-viên, qui nhất phải công-bằng, mà lại cần nhất phải quả-đoán mới được. Đã nghĩ được điều gì công-bằng, thì cứ công-bằng mà nói; đã nói được việc gì công-bằng, thì cứ quả-quyết theo công-bằng mà làm. Nếu chỉ biết mà không dám nói; chỉ nói mà cứ do-dự không dám quả-quyết bắt tay làm, thì còn mong bổ-ích gì cho dân nữa!

Vẫn hay rằng những người cùng có trách-nhiệm với mình, cũng có người thế-vị hơn mình, hoặc tâm-địa khác mình chăng nữa, nhưng mình đã góp một phần trong sự cải-lương ấy, mình đã có một phần trách-nhiệm về việc cải-lương ấy thì phải nghĩ sao cho trọn-vẹn cái trách-nhiệm của mình. Nếu thấy người ta làm những điều ích-kỷ hại-dân, mà mình cứ ưu-nhu bất-đoán, lại bảo rằng: « Của là của dân, hơi đâu mà nói, nói ra sợ mang oán, mang thù! », thế thì dân còn bầu mình ra để làm chi. Mình còn ra nhận việc thay dân để làm chi! Ôi! cái oán-thù của cá-nhân là việc nhỏ, mà lợi-ích cho toàn-thể dân-xã là việc to. Như mình nói ra một điều mà trong số 10 người, chỉ được 3 người bằng lòng, 7 người không bằng lòng; nhưng mình phải xét xem điều nói đó nếu có thể bổ-ích cho dân, thì dẫu chỉ được 3 người bằng lòng, mình cũng cứ nói; mình muốn cùng nhau làm việc gì, mà hiện-tại số dân chưa được mười phần mãn-ý, nhưng việc đó nếu có thể bổ-ích cho dân-xã mãi mãi về sau, thì cũng cứ việc mà làm. Nếu quả mình chỉ toàn vị công-tâm cộng-ích, không bợn chút tư-lợi tư-tình gì, thì cứ việc nói cứ việc làm, can chi mà phải sợ điều nọ tiếng kia, can chi mà phải kiêng phải nể phải sợ oán sợ thù!

Ôi! việc cải-lương hương-chính ngày này là một việc rất cần thiết, rất thiết thời, một cái máy tốt dễ xây lại nền phong-tục, sự hưng-vượng cho quốc-dân, mà những người Hương-hội, tức là cái cơ-quan rất quan-thiết của bộ máy ấy vậy. Già nước, non lửa, hay là lắp trái bánh xe, thì máy tốt đến đâu cũng thành ra vô-dụng! Cái máy tốt kia mà đến nỗi vô-dụng, thì trách-nhiệm tại đâu?.....

Các ông hương-hội! Việc cải-lương hương-chính ở xứ ta ngày nay, rồi đây mà được có công-hiệu, phần nhiều cũng là còn trông ở các ông! Cái tiền-đồ của xã-hội dân-xã ta mai sau này mà được hưng-vượng ra, cũng là bắt đầu tự các ông, mà suy-kém ra cũng lại là trách-nhiệm ở các ông đó! Xin các ông nghĩ lại! Xin các ông cố lên!.....

Trần-Duyệt NGUYỄN-XUÂN-LÂM

Tính kiên-nhẫn

Ta thường hằng ngày được nghe nào là « *có chí thì nên* » nào là « có công mài sắt có ngày nên kim » v..v.. Những câu của tiền-nhân để lại răn người ta như thế thực không ít, thế mà than ôi! sự hiệu-nghiệm thực cũng không được nhiều! Khá tiếc thay!

Biết bao nhiêu người, nửa đường rẽ tắt, chưa làm đã vội chán, đến nỗi sự kết quả không được hoàn-toàn Ấy cũng bởi lòng người ta phần nhiều không được nhất định, tính người ta phần nhiều không được kiên-nhẫn vậy.

Kiên-nhẫn là gì? Tôi tưởng không cần phải giảng, chư độc-giả cũng biết là sự bền chí, có nhan-nại nghĩa là không hề chán nản, dốc chí làm một việc gì cho kỳ được mới nghe. Cách-ngôn tây có câu: « Bền chí thì làm gì cũng được » (La persévérance vient à bout de tout) thật là quá phải. Ta cũng phông cần phải nói tại sao?

Hãy nói như một cậu học-trò, bền chí theo được kỳ-cùng, ắt là phải đỗ, ví khiến thi một lần hỏng mà đã vội chán, bỏ học rẽ ngang thì bao giờ còn mong đỗ được nữa? Một việc chán, rồi hơi thấy sự khó khăn lại chán, thay lòng đổi dạ luôn luôn rồi thành ra không có gì là quyết-định cả. Thói ấy (caprices) thật nên xa lánh mà lại phải cố làm cho tiêu-diệt đi vậy. Ấy là mới nói một cậu học trò, mà đời bất luận hạng người nào trong tứ dân, nếu không có tính kiên nhẫn thì công việc đều hỏng cả. Người đi buôn có kiên nhẫn mới chịu khó tìm tòi của tốt, của rẻ mà cạnh tranh trong thương-trường rồi mới có cơ thịnh-đạt. Người làm thợ có kiên-nhẫn mới cố chí rèn tập nghề mình cho thêm tinh xảo, đồ làm mỗi ngày một khéo, công quyền do đó mà mỗi ngày một tăng, chẳng bao lâu chen vai vào hàng mỹ-thuật.

Người lâm ruộng cũng vậy, có kiên-nhẫn mới dốc lòng cấy cấy, tìm cách bón vun, mùa màng ngày thêm tươi tốt, hoa-mầu ngày thêm nhiều lợi, nông-nghiệp cũng vì đó mà mở-mang vậy.

Ấy là mới nói về các nghề sự kết-quả của kiên-nhẫn đã to là thế, huống chi đem lịch-sử các nước mà xem những bực hiền-triết ngày xưa, há chẳng phải ở sự kiên-nhẫn mà tìm tòi nên những khoa-học rất cần, những máy móc linh lợi, lại giải quyết những vấn đề quan-trọng về khoa cách-trí, văn minh ngày nay cũng vì đó mà sinh ra vậy.

Những bực anh-hùng hào-kiệt muôn đời để tiếng về sau ấy, ai là người có chút học-thức nghe đến mà chẳng sùng bái, gương rành rành trước mắt há ta lại bỏ nhãng làm ngơ ư?

Kìa đức Khổng-Tử đã trải bao nhiêu năm mới dựng nên đạo học mà người Đông-Á ta còn trọng-dụng đến bây giờ.

Đức Gia-Tô lập nền tôn-giáo trải bao nhiêu nỗi khó khăn, nên mới có đến nay, há chẳng phải nhờ ở sự kiên-nhẫn của tiền-nhân đó mà sự kết-quả ta còn hưởng tới ngày nay.

Lại nói về khoa cách-trí, kìa ông Đơ-ni Ba-banh (Denis Papin) lao-tâm khổ-tứ mãi mới tìm ra máy hơi nước, sự vận-tải ngày nay chẳng vì ông mà hưởng sự tiện-lợi chăng? Ông Phăng-cơ-lanh (Frankhin) trải bao nhiêu cách nguy-nan, tìm ra điện-khí mà ta lợi-dụng đến bây giờ. Ông Be-na Ba-li-si (Bernard Palissy) tìm tòi hết sức mới

thấy được cách làm đồ-sứ. Tìm mãi đến phát ốm, đun mãi đến hết củi, phải phá cả giường nằm làm củi nung. Cách kiên-nhẫn của ông tưởng đến thế là cùng.

Các cụ ngày xưa kiên lòng bền chí là thế, ta hậu sinh há lại không soi gương tiền-bối mà tỉnh-ngộ lại hay sao?

Có kẻ nói rằng: ở đời không có việc gì gọi là khó cả. Câu nói rất có lẽ, nếu ta nghĩ về phương-diện này. Mà thật đấy, đã nhất tâm làm việc gì thì phải coi như rất dễ, có coi như dễ thì trong bụng mới phấn-khởi mà nức lòng làm cho kỳ được. Nếu làm việc gì hoặc ban đầu thấy có sự khó-khăn, hoặc nửa chừng thấy sự ngăn-trở mà vội chồn lòng thì có khác gì cậu bé kia, chèo cây sắp với đến quả mà vướng một tí đã vội chụt xuống. Phương-ngôn ta có câu: « Chớ thấy sóng cả, mà ngã tay chèo », thật là rất có ý-vị trong sự kiên-nhẫn vậy. Ừ, sóng đương to, không thể đẩy thuyền được, không chịu cố sức, vội bỏ tay chèo thì không những không qua được sóng mà lại rất nguy-hiểm cho người trong thuyền nữa. Ở đời nhiều sự tương-tự như thế vậy. Sự nguy-hiểm ấy tới nay cũng không ít mà sự nản chí vẫn còn chưa bớt. Thật là đáng lo lắm vậy.

Nói tóm lại thì đã cố chí làm việc gì chắc là việc ấy phải xong, không xong cũng cố làm cho phải được mới nghe, dù trải bao nhiêu nỗi khó khăn cũng phải làm ngơ như không vậy. Ấy vì thế mới mong rằng có cơ thịnh-đạt mà không sợ tiếng chê cười là người hèn-yếu, nhút-nhát, vì có nhút-nhát mới sợ nỗi khó-khăn.

Ta phải có sự nhiệt-thành quả-quyết thì dù việc gì to tát đến đâu ta cũng coi như không vậy. Chủ-nghĩa chán đời đối với ta phải có vẻ vô-tình thì bổn-phận ta mới vì đó mà làm cho trọn-vẹn. Ta vừa làm trọn được bổn phận của ta, ta lại vừa làm thế nào cho trong công việc của ta có vẻ hơn người. Ấy mới là một sự thắng đạt cái mục-đích của ta vậy.

Tôi nói đến đây, sực nhớ một hôm có kẻ hỏi tôi rằng: « Anh đọc sách thường gặp những chữ anh không hiểu thì anh làm thế nào? » Tôi nghe nỏi mà không muốn trả lời vì lẽ cố nhiên thấy chữ khó thì phải tìm sách mà tra-cứu cho ra nghĩa. Sau họ lại nói luôn rằng: « Tôi ngại tra tự-vị, vì lâu lắm, mà thí-dụ trong một trang độ 3, 4 chữ khó thì ra chỉ cả ngày tra tự-vị, bao giờ đọc cho hết quyển sách? » Câu nói thật là khó nghe mà trong đám ngồi đó cũng có vài người biểu đồng-tình mà nói theo như thế. Về phần riêng tôi, nghe nói mà bàng-hoàng mọi lẽ, tự nghĩ rằng: nếu cái chủ-nghĩa chán nản ấy đã bành-trướng như thế thì cũng là một điều rất nguy cho nền văn-minh lắm. Kể một câu chuyện con ấy đủ biết rằng lòng người ta phần nhiều « gặp sao hay vậy », sự tìm tòi đã là số ít, mà sự dốc chí tìm-tòi lại còn ít hơn nữa. Than ôi!

Lại có kẻ hỏi tôi rằng: Sách tây có câu: « Vouloir c'est pouvoir » nghĩa là « *Muốn là được* », thế thì như anh cu-ly xe muốn lên làm ông quan có được không? — Câu hỏi ấy lại thật là ngang ngạnh khiến cho người nói lại cũng uổng công! Tuy trong nghĩa câu cách-ngôn có phần hơi rộng song ta phải nên đứng về phương-diện sức người có thể không, thì *muốn* mới vì đó mà *có thể* được hay không chứ. Hãy nói như cậu học-trò *muốn* thi đỗ, chắc là *phải được*, cậu lính *muốn* lên quan võ ắt là cũng *phải được*. Vậy thì câu « *Muốn là được* » đó có phải là vô-nghĩa đâu, miễn là cái sự *muốn* đó hợp vào *sức mình* thì mới có thể được mà được cũng là vì lòng kiên-nhẫn vậy.

Thế thì: kiên-nhẫn, kiên-nhẫn!! Hai chữ kiên-nhẫn chẳng phải là một vật-liệu rất cần mà nung-đúc nên *sự muốn* của ta hay sao?

Vậy nào ai ơi! *muốn* nơi cao, *muốn* danh-giá mà nhất là *muốn* đời sau kỷ-niệm, phải có *kiên-nhẫn* mới mong có sự kết-quả ấy vậy.

NGUYỄN-DZƯƠNG-Y

Một sự tân-kỳ trong khoa-học-giới

Lược khảo về chất quang.

(Tiếp-theo)

Cách chữa bệnh quang-tuyến Y (gamma) thì ngày nay là một cách có nhiều người biết, và là một cách đã nghiên-cứu rõ hơn cả: Chính là cách dùng để chữa bệnh ung-độc vậy. Chất sinh-quang để vào trong ống có thể dùng *radium* hay là *mésothorium* cũng được (mésothorium cũng là một chất sinh-quang như *radium* vậy.) Nhưng dùng *radium* thì hơn, vì sức mạnh của nó dù lâu năm cũng vẫn còn gần như cũ, chớ chất *mésothorium* thì sức mạnh chóng mất lắm. Vả lại chất *radium* lại còn có thể dùng được hơi nó nữa, như thế thì lợi lắm.

Hơi *radium* là một thứ lúc nào cũng có, vì chất *radium* biến-hóa mà sinh ra. Nếu đem *radium* pha vào một chất lỏng nào rồi để vào trong một cái bình kín, không có không-khí, thì thường có hơi bốc lên, và có khi sinh ra các thứ khí có thể nổ được, những khí ấy vì nước bị quang-tuyến *radium* phân chất mà sinh ra. Người ta thu lấy những khí ấy, rồi dùng cách lấy những hơi thật nguyên-vẹn ở trong ra mà làm cho mất những các khí lẫn vào hơi ấy đi. Hơi ấy không còn gì pha lẫn vào nữa, thì chỉ còn rất ít thôi, và có thể cho vào trong những bóng nhỏ dùng để chữa bệnh. Hơi ấy dùng cũng công-hiệu như chất *radium*, vì nó cũng chiếu ra những thứ quang-tuyến Y (gamma) như là *radium*; như thế là vì chính thực ra thì *radium* chiếu ra quang-tuyến Y, chẳng qua cũng là nhờ ở như hơi nó vậy. Vả lại hơi ấy cũng không có được lâu, chỉ trong bốn ngày là tan đi mất, nên khi dùng nó phải biết cái tính nó chóng mất mới được.

* * *

Sự bốc hơi là một điều kỳ-lạ của *radium*. Hơi ấy làm cho chất *sulfure de zinc* sinh ra ánh sáng xanh xanh coi rất đẹp; hơi ấy lại có thể để vào trong ống thủy-tinh, đem ngâm vào trong không-khí lỏng, thì trông như là ánh sáng chiếu qua thủy-tinh vậy. Ở khoa-học-viện chuyên khảo về chất *radium* (*Institut du radium*) thường chế ra những ống hơi ấy, thật là một điều thí-nghiệm về khoa-học rất đẹp-đẽ lạ-lùng.

Cách dùng ống hơi *radium* để chữa bệnh thật là tiện-lợi, vì trong các ống ấy muốn cho vào một số hạn-định là bao nhiêu cũng được, vả lại dùng như thế thì không hao-phí đi nhiều. Trong

những bệnh-viện to dùng *radium* chữa bệnh, thì thường phần nhiều *radium* đem pha vào chất lỏng, giữ-gìn một cách rất kỹ-càng để lấy hơi mà dùng.

Người ta lại còn thấy một ít hơi *radium* ở trong nước có kim-khí bốc ra, hay là ở trong những khí bốc ở các suối nước có kim-khí, hoặc ở dưới đất bốc lên.

Tính lượng hơi *radium* thì tính từng *curie* một, mỗi *curie* tức là một đám hơi sức sinh-quang mạnh bằng một gam *radium*, có khi tính từng *millicurie*, là một phần nghìn *curie* một. Tính lượng *radium* hay là hơi *radium* phải dùng cách đo tính bằng điện-khí mới thực đúng. Cái mẫu dùng để tính lượng *radium*, theo lời thỉnh-cầu của một hội-đồng liệt quốc mà tôi đã chế ra là một cái bóng con bằng thủy-tinh trong có đựng một ít *chlorure de radium* nguyên-chất đã cân kỹ-lưỡng rất đúng. Cái mẫu ấy để ở viện chứa những mẫu dùng để đo lường (*Bureau des Poids et Mesures*) ở tỉnh *Sèvres*, mà những mẫu phụ dùng ở các phòng thí-nghiệm chính đều đem so với cái mẫu chính ấy cả. Ở những nước lớn, mỗi nước đều theo cách ấy mà dùng nên một công-sở trông nom về các mẫu đo lường. Ở nước Pháp, thì chính khoa-học-viện *radium* (*Institut de radium*) trông coi về sở ấy.

* * *

Xem như thế thì biết ngay rằng một khoa-học-viện trung-ương cần phải xếp-đặt rõ tốt mới được. Viện trung-ương ấy phải có những tay chuyên-môn thực khéo, có thể vừa chế ra hơi vừa làm những mẫu đo lường, lại có thể nghiên-cứu tìm cách làm cho những máy dùng để thí-nghiệm được hoàn-bị mới được. Ở viện trung-ương lại phải có những tay y-sư thật giỏi, không những là đi chữa bệnh mà thôi, lại còn để xem xét xem những quang-tuyến ấy có ảnh-hưởng gì về phương-diện sinh-vật học nữa. Các khoa-học-viện của nhà nước phải dạy những nhà y-sư ấy một cách thật cẩn-thận, và thường khi cho họ những hơi đã chế ra để họ dùng mà chữa bệnh.

Cái chức-trách ấy các khoa-học-viện ngoại-quốc đều nhận làm cả. Còn ở nước Pháp thì cái vấn-đề ấy hiện nay thế nào? Than ôi! Chúng ta chưa có một cái khoa-học-viện công để làm mẫu-mực mà ta cần phải có, vì cách chữa bệnh *curie* ngày nay quan-hệ vô cùng. Về phương-diện ấy, so với người Anh, người Mỹ thì ta còn kém họ nhiều lắm; nhưng hiện nay chúng ta có một khoa-học-viện *Radium*, viện ấy sau này có thể tổ-chức thành một khoa-học-viện xứng-đáng với nước nhà, xứng-đáng với kinh-đô của nước nhà được. Khoa-học-viện ấy, theo cách xếp-đặt ngày nay, thì có hai phòng thí-nghiệm: phòng thí-nghiệm *Curie* để nghiên-cứu những đặc-tính của các chất quang về vật-lý và về hóa-học; phòng thí-nghiệm *Pasteur* để nghiên-cứu xem các quang-tuyến có ảnh-hưởng gì về sinh-vật-học. Phòng thí-nghiệm sau này, có quan giáo-sư *Regaud* quản-trị, đang hết sức nghiên-cứu về cách chữa bệnh *curie* và *rœegen* (Curiethérapie et Rœgenthérapie). Nhưng hai phòng thí-nghiệm ấy còn khiếm-khuyết nhiều điều lắm: tiền thì ít, người thì thưa; bệnh-viện không có, sở thí-nghiệm phụ cần để nghiên-cứu cũng không. Vì thế nên khoa-học-viện hiện nay phải dùng những cách tạm-thời và phải nhờ có mấy nhà hảo-tâm tư-trợ, để theo đuổi công việc khó-khăn của mình. Tuy thế, công việc chữa bệnh của khoa-học-viện *radium*, nhờ về cái lòng tận-tâm, nhờ về cái nghị-lực của quan giáo-sư *Regaud* và của các người giúp việc ngài, nên đã có nhiều kết-quả rất hay. Mong rằng Chính-phủ giúp sức và quốc dân tán-trợ vào, để cho khoa-học-viện *Radium* tổ-chức được hoàn-toàn, để nghiên-cứu về chất *radium* và các chất sinh-quang khác cùng để tìm cách dùng các chất ấy vào việc chữa các tật bệnh thì hay lắm.

* * *

Ta không nên cho là cái vận-mệnh tương-lai của chất *radium* ở như sự càng ngày càng dùng nhiều những cách đã tế-nhận ngày nay, chỉ hoán-cải ít nhiều mà thôi. Đã đành rằng những cách dùng đó kết-quả thật là tốt-đẹp, vì khoa-học nhờ đấy mà đổi mới lại nhiều, và chữa bệnh bằng *radium* thật là điều rất hay cho nhơn-loại. Song ta không nên quên rằng những việc đó chẳng qua làm mới chưa đầy hai mươi năm nay thôi; và chúng ta mới là bắt đầu vào một thời kỳ tiến-hóa về sự đã tìm được chất *radium* mà sinh ra. Theo về phương-diện vật-lý-học và hóa-học, thì chúng ta trông thấy hiện ra trước mặt chúng ta một thế-giới nguyên-tử mà chúng ta mong rằng sẽ biết các nguyên tử kết-lập làm sao. Chúng ta lại trông thấy xuất-hiện những khe mãnh-lực mà trước ta không ngờ rằng có, những mãnh-lực ấy hành-động làm cho các nguyên-tử biến hóa đi; và chúng ta tự hỏi rằng rồi ra có ngày ta lợi-dụng được cái mãnh-lực ấy hay không? Về phương-diện ứng dụng về sinh-vật-học và y-học, thì cũng là một vấn-đề nghiên-cứu rất rộng rãi mênh mang. Ta cần phải biết rõ cái thế-lực lựa chọn của các quang-tuyến đối với các phần-tử trong cơ-thể là thế nào, để dùng nó một ngày một thêm ích-lợi hơn. Ta cần phải tìm tòi cho rõ cái cách dùng quang-tuyến hiện nay còn mập-mờ, để cho được dùng tất cả cái nghị-lực của *radium* không để phí đi tí nào, nghĩa là dùng cả được thứ quang-tuyến A (alpha) là thứ yếu sức hơn cả. Ta phải tìm cách lợi-dụng được hết cả cái chất sinh quang mà ta đã biết, mà hiện nay không có cách chế-tạo cho đủ dùng để tiện việc nghiên-cứu. Cách chữa bệnh bằng *radium* mới còn ở thời-kỳ phôi-thai, chắc sau này phương-pháp sẽ hoán-cải một ngày một hoàn-toàn, và chắc rằng sau hai mươi năm nữa sẽ khác hẳn với ngày nay. Như thế thực là một công việc nặng-nề cho viện *Radium*, vậy cần phải tổ-chức viện ấy cho có thể đương được cái công việc ấy.

* * *

Tôi lại xin nhắc lại một lần nữa rằng sự nghiên-cứu về khoa-học thật có một chức-trách cốt-tử, làm cho sự văn-minh một ngày một tiến-bộ thêm lên. Bao nhiêu những điều làm cho đời người được nhẹ-nhàng, được giàu có, được nhiều vẻ vui thú, nguyên-nhân đều ở tư-tưởng một nhà nghiên-cứu mà ra, mà nhà nghiên-cứu ấy thường thường mục-đích là chỉ cốt tìm cho rõ chân-lý mà thôi. Ngày nay chất *radium* là một chất có ơn lớn với nhân-loại; nhưng mà khi chúng tôi làm những việc nặng-nề quá sức chúng tôi, để tìm tòi cho ra, thì thật không có gì làm cho chúng tôi có thể quả-quyết có thể đoán trước được rằng về sau này sẽ lợi-dụng được chất *radium* để chữa được một bệnh ghê-gớm dữ-dội. Kể ra thì thật không biết bao nhiêu là việc cũng tựa-tựa như thế. Xưa kia ai là người có thể biết trước được cái thế-lực của điện-khí và của hơi nước, là hai thứ bắt đầu dùng ở trong phòng thí-nghiệm mà ra. Thế-gian tiến-bộ là nhờ ở cái tư-tưởng lúc nào cũng hành-động để tìm cho ra những chân-lý mới; không có nó thì mọi việc chỉ là nệ-cổ mà rồi suy-đồi thôi; vậy ta phải giúp đỡ, phải khuyến-khích, phải

tưởng-lệ, phải bồi-đắp cái tư-tưởng ấy cho nó càng ngày càng hiển cho nhân-loại lắm sự kỳ-khôi mà trước chưa ai biết đến.»

***

Bài diễn-thuyết của bà Curie được cử-tọa rất hoan-nghênh, thường thường vỗ tay khen ngợi; đến khi xong cuộc diễn-thuyết, cử-tọa đều đứng dậy hoan-hô, trên diễn-đàn đông nghìn-nghịt các bà, các cô trèo lên để bắt tay bà và ném hoa tứ-tung để tỏ lòng kính-phục một bậc thiên-tài về nữ-giới đã làm vẻ-vang cho khoa-học, đã làm ơn lớn cho loài người.

Ta xem bài diễn-thuyết trên này, thì biết rằng hi-vọng về chất *radium* còn nhiều, chứ không chỉ có thế mà thôi. Mong rằng những cái kết-quả tốt tươi của sự tân-kỳ trong khoa-học-giới ấy, người Việt-Nam mình cũng được hưởng ít nhiều, thì thật là may mắn vô cùng. Điều đó ta trông mong ở các nhà hảo-tâm đã có ý lập một nhà bệnh-viện dùng *radium*, và trông mong ở các nhà có thế-lực, có tiền-tài, ra tay tán-trợ cho công cuộc ấy chóng thành, thì thật là không ơn đức nào bằng.

NGUYỄN-VĂN-HIẾU lược dịch

VĂN THƠ

Đêm buồn

Canh tàn bóng sế mái tây hiên ;
Khách hết ngồi thôi lại đứng lên !
Thân-thế soay quanh đà mấy độ ;
Giang-hồ từng trải bấy nhiêu niên !
Năm canh tâm-sự than cùng bóng !
Hai chữ tình-chung thẹn với duyên !
Ai tới Bồng-lai xin nhắn hỏi,
Rằng : tu bao kiếp mới nên tiên ?

Tùng-long, Nguyễn-Khánh-Vân

Thuật-hoài gửi cho bạn cũ

Vẩn-vơ vơ-vẩn nghĩ xa gần,
Sực chạnh niềm tây nhớ cố-nhân.
Âu cũng mưa xa là số phận !
Mà hay da sạm bởi phong-trần !
Ba năm tình-hải lênh-đênh mãi !
Một giấc Vu-sơn tỉnh-tỉnh dần !
Chan-chứa xiết bao lòng cảm-cựu,
Thương ai, mà lại ngán cho thân !...

Mộng-tiên, Phạm-Tuấn-Tài

Thấy cảnh nhớ người

Một mình thơ-thẩn bóng tà,
Rộn đường gần với nỗi xa bời bời !
Trông phong cảnh nhớ đến người,
Mạch sầu lai-láng, bể trời mông-mênh !
Quản bao lên thác xuống ghềnh,
Thuyền bồng một lá lênh-đênh nơi đâu.
Trời xanh nước biếc một màu,
Bắc, nam, mong lại gặp nhau chốn [này !

Ế chồng

Nỗi lòng riêng thẹn với non-sông !
Mà hở môi ra luống ngại-ngùng !
Ngày những mong tin đêm những [ngóng !....
Cao không với đến thấp không thông !
Trời xanh nghĩ cũng chẻu ngươi nhỉ !
Má phấn rầy xem ngán nỗi không !
Tri-kỷ hỡi ai, ai đó tá ?....
Biết ai mà gửi tấm tình chung !

Phạm-Hữu-Vy

Gái chưa chồng

Đêm thu khép mở cánh buồng không !
Chán lắm ai ơi, một nỗi chồng !
Thư nhạn tin hồng còn vắng ngắt !
Chim trời cá nước biết đâu mong !
Thẹn cùng non-nước vừng trăng bạc !
Giải với phong-sương chiếc má hồng !
Một cánh hoa đào xuân chửa nhạt ;
Vì ai ngăn đón ngọn đông-phong !.....

Đề ảnh hai người

Trần-ai ai đã biết cho ai,
Thực lửa đôi ta đứng cõi đời.
Một khối tình-chung còn để lại,
Nghìn năm sắc-tướng vẫn chưa phai !
Gió trăng sum-họp, người chung bóng,
Non nước vui vầy, bạn sánh vai.
Một áng phồn-hoa xuân một vẻ,
Làng chơi chơi với khách làng chơi !

Cảnh trời thu

Một vẻ thu in một sắc trời,
Gió vàng hiu-hắt lá vàng rơi !
Nước non muôn dặm người đôi ngả !
Tin nhạn chưa về, biết hỏi ai !

Tin nhạn chưa về, biết hỏi ai !
Một mình ngồi tựa chốn thư-trai,
Ngọn đèn hiu-hắt khi mờ tỏ,
Nông-nỗi buồn-tênh đứng lại ngồi !

Nông-nỗi buồn tênh đứng lại ngồi !
Tri-âm xa cách, lấy gì vui ?
Mái tây lạnh-lẽo vừng trăng bạc,
Một vẻ thu in một sắc trời.

Qua chùa trăm-gian

Cảnh cũ lưa-thưa mấy cỗi tùng...
Trăm gian chùa cũ rộng mênh-mông
Quan-Âm hóa kiếp còn ngồi đó.
Ông-Trọng ra đời có nói không ?
Dấu cũ phản-minh nền hạ-mã,
Bóng chiều phảng-phất khi Thăng-[long ?
Dừng chân đứng lại càng ngao-ngán,
Một mảnh bia tàn nét chữ phong !

Kinh

Tự thọ

(Năm 1915)

Giữ trong đạo-nghĩa một hai câu,
Dẫu lắm tai-nàn cũng sống lâu !
Vừa gặp nước-non đương trẻ lại,
Vả còn bác-mẹ, dám già đâu !
Ba khoa nối dõi nhờ hồng-phúc ;
Đương lúc đua chen đã bạc đầu !
Chén rượu thăng-bình ràn qui-tị,
Chờ xem thắng-cục ở phương Âu !

Cử-nhân Tuy-giang Phạm-Sĩ-Vỹ.

***

(Họa bài trên)

Biết nói cùng ai chuyện mấy câu !
Những ngày ta trước nghĩ mà lâu !
Chốc là xuân đuổi già theo nhỉ !
Nào có vui gì trẻ lại đâu !
Hãy khoác ban-lan nhơn dưới gối,
Còn nhiều sương-tuyết đượm trên đầu !
Trời cho khỏe-khoắn ta còn trải,
Sống mãi mà xem hội Á Âu !

(Bài nữa)

Đã cam yêu một phận,
Thêm khổ biết vài câu !
Ngày ngắn nói sao hết,
Đêm dài thức phải lâu !
Tồ-tôm đen hãy chịu ;
Tóc bạc trắng vì đâu !
Mượn chén cho tươi mặt,
Soi gương vẫn lắc đầu !
Ước gì ta trẻ lại,
Duyên mới người càng âu !

Nông-Sơn

Nhớ bạn tri-âm

Đè chừng ngọn gió lần theo,
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt-tha.
Một mình lặng ngắm tố-nga,
Phải khi mình lại xót xa nỗi mình.
Cho hay là thói hữu-tình,
Làm chi đem thói khuynh-thành chêu [ngươi ?

Nỗi riêng lớp lớp sóng dồi,
Biết bao giờ lại nối lời nước-non ?
Ruột tằm ngày một héo mòn,
Khuôn duyên biết có vuông tròn cho [chăng ?
Rút dây sợ nữa động rừng,
Lòng trên trông xuống biết rằng có [thương ?
Bởi lòng tạc đá ghi vàng,
Tình càng thấm-thía dạ càng ngẩn-ngơ [ngơ !
Sông Tương một giải nông sờ,
Tấm lòng thương nhớ bao giờ cho [khuây ?

Đào-Thao-Cảnh

Thúy-Kiều tạ tình quân biểu

(Bài này tương-truyền là của cụ Phó-bảng Nguyễn-Đình-Văn người ở Trung kỳ, dùng toàn những câu trong truyện Kiều mà xếp đặt làm ra, thực là một áng văn rất tiêm-xảo)

Phục-dĩ :

Châu ném vàng gieo, muôn đội ơn lòng hạ-cố.

Bề thề non chỉ, nghìn trùng lạy tạ cao-thâm.

Số đã long-đong ;

Nói càng hổ-thẹn.

Thiếp thiết-duy :

Kẻ thiên-tài, người quốc-sắc, đề chữ tương-phùng.

Trai anh-hùng, gái thuyền-quyên, chọn người tri-kỷ.

Ngẫm duyên kỳ-ngộ, lứa-đôi xưa có Thôi, Trương.

Những bậc tài-hoa, phúc-giá cũng đâu Ban, Tạ.

Như thiếp giả :

Thói nhà băng-tuyết,

Tấm lòng nữ-nhi.

Cửa các buồng khuê, biết có con-con chút phận ;

Đào thơ liễu yếu, nghĩ cũng thường-thường bực trung.

Theo đòi vả cũng bút-nghiên, tài-tình chi lắm ;

Ca-ngâm pha nghề thi-họa, chút-đỉnh gọi là.

Hoa phong nhị, trăng tròn gương, đi về mặc tường đông chi ong-bướm.

Chim dứt đường, dòng cạn lá, xôn-xao đầy ngoài cửa chi yến-anh.

Khóa buồng xuân để đợi đào non, chi vội nài hoa ép liễu.

Dù trướng đào càng treo giá ngọc, chút riêng chọn đá thử vàng.

Gặp tuần đố lá tìm hoa, kẻ nhìn rõ mặt.

Trong khi liền cành chắp cánh, chàng nặng vì tình.

Rằng trong lân-lý ra vào, công-trình biết mấy.

Có khi thu-phòng vắng-vẻ, gắn-bó một hai.

Son cợt phấn cười, trẻ-thơ dâu mà đã biết.

Chén thề quạt ước, cửa-nhà dù tính về sau.

Mọi nỗi đinh-ninh,

Chút lòng ân-ái.

Sự đâu chưa kịp, đau lòng kẻ ở người đi !

Xuân hãy còn dài, bao quản năm chờ tháng đợi !

Ngộ khi mưa sa gió táp, của xưa còn nhớ đến đàn gương.

Dẫu rằng vật đổi sao dời, tấm riêng những nặng vì non nước !

Nào ngờ :

Gặp cơn vạ gió ;

Xá nghĩ hạt mưa.

Thề hoa chưa cạn chén vàng, vang tiếng ruồi xanh, thay đen đổi trắng.

Kết duyên mách tin họ Bạc, mượn mầu son-phấn, tô lục chuốt hồng.

Biết đâu tằm cá bóng chim, Lâm chi từ thủa.

Này chốn miệng hùm nọc rắn, Vô-tích toan đường.

Mười lăm năm sóng vỗ bèo trôi, đã dành phận thiếp !

Ba bốn lần vàng thề ngọc dặn, đem buộc duyên em !

Nghĩa bể tình sông, tóc tơ trăm nghìn gửi lạy !

Duyên kim phận cải, quả mai ba bảy đương vừa !

Rồi dày bèo hợp mây tan, cố-nhân đã dễ !

Tuồng chi hoa thừa hương thải, quân-tử đa mang !

Tri-kỷ một phen ;

Đồng-tâm hai chữ !

Chút thân bỏ-liễu,

Nhờ bóng tùng-quân !

Tư-cải phục-ngộ Tình-quân trướng hạ:

Thông-minh tính trời,

Văn-chương nếp đất.

Tót vời tài-mạo, trong phong-nhã ra ngoài hào-hoa.

Trộm liếc dung-quang, chẳng kim-môn cũng sân ngọc-bội.

Văn-nhân trông chừng thấy một, đội phen nét vẽ câu thơ.

Anh-hùng tiếng đã gọi rằng, bỗ chi chim lồng cá chậu !

May thay giải-cấu,

Lượng cả bao-dong.

Rộng thương cỏ nội hoa hèn, đã cho vào bậc.

Những từ đào tơ sen ngó, còn nghỉ có rầy.

Riêng tưởng bấy lâu,

Tạ lòng dễ xứng !

Thiếp duy-hữu :

Gin vàng giữ ngọc,

Phong gấm dủ là.

Gọi có xướng-tùy, vườn xuân để bia một cưa ?

Từ sau trinh-bạch, chữ đồng ghi tạc trăm năm !

Thứ cơ ;

Hương càng đượm, lửa càng nồng, tuyết-xương che thân đẳng-cát.

Đàn còn đây, gương còn đó, vinh-hoa bỗ lúc phong-trần !

Chắc rằng mai-trúc lại vầy, hưởng-thụ còn nhiều, nghìn năm quan-giai chi đẳng-đặc.

Có phen mây rồng được thấy, phong-lưu rất mực, một ngôi mạnh-phụ chi đường-đường.

Thiếp xiết bao mừng-mừng tủi-tủi, liên hoa trình trước án phê xem tường.

Nguyễn-Thượng-Huyền sao-lục.

Lời non nước

Nước xanh biếc lững-lờ một giải,
Kề trên bờ một trái non cao.
Nhân khi ngẫu-nhĩ gặp nhau,
Nước non bày tỏ nông sâu mấy lời :
Non bảo nước : « bác người lịch-duyệt,
« Khắp xa gần đi hết mọi nơi !
« Đục trong đã trải mùi đời,
« Gốc nguồn xin ngỏ cho tôi biết cùng ! »
Nước nghe nói, nỗi lòng tỏ giãi,
Rằng : « tôi đây tứ-hải vô-gia.
« Thênh-thênh đâu cũng là nhà,
« Khi vào lục-địa, khi ra hải-tần ;
« Khắp thiên-hạ nhân-dân mong-mỏi,
« Mong gặp tôi mới khỏi khô-khan ;
« Các loài sinh-vật thế-gian,
« Công tôi bón tưới muôn vàn năm nay.
« Lúc thở hơi thành mây ngũ-sắc,
« Phun ra mưa, ơn khắp mọi nơi.
« Biết bao tiện-lợi cho đời,
« Tầu-bè mở lối cho người giao-thông.. »
Non nghe nói, trong lòng chán ghét,
Bảo nước rằng : « bác thiệt rồi hơi !
« Hơi đâu chìm nổi với đời,
« Mà trong, mà đục, mà vơi, mà đầy !..
« Cứ như tôi thế này cũng rảnh,
« Chiếm một bầu điểm-tĩnh mà vui !
« Trơ trơ đứng vững giữa trời,
« Trăng trong gió mát ấy người tương-tri !
« Cảnh hoa-thảo bốn bề bát-ngát,
« Dọng chim kêu như hát bên tai.
« Sẵn kho vô-tận của trời,

« Còn trời còn đất, vui chơi còn nhiều!»
Nước nghe nói những điều yếm-thế,
Bảo non rằng : « Nghĩ thế phải đâu !
« Ngẫm xem một giải địa-cầu,
« Cổ-kim từng mấy bể dâu đổi-dời!
« Kia thử lấy mặt trời mà nói,
« Sáng phương đông, chiều tối [phương tây!
« Mặt trăng khi khuyết khi đầy,
« Bốn mùa khí-hậu, ngày ngày khác
« Lẽ tạo-hóa ngẫm âu vô-định,[nhau!
« Phải tùy-thời suy tính mới xong!
« Nên tôi quyết chí khai-thông,

« Dẫu rằng trong đục, đục trong quản gì!
« Nếu cứ giữ thói kia như bác,
« Coi sự đời chẳng khác chiêm-bao!
« Tháng ngày phong-nguyệt tiêu-[dao,
« Dẫu ai muốn khoét, muốn đào cũng [thôi!
« Thế còn mọc ra đời chi nữa,
« Chật đất thêm, mà có ích chi!
« Thôi thôi bác cũng nên suy,
« Đá kia nước chảy có khi cũng mòn!..»

Thần-duyệt Nghiêm-Xuân-Lãm

MỘT THƯƠNG

Đây là một bài thơ khóc người thiếu-nữ ở cuối quyển tiểu-thuyết Grasiella *của* Lamartine *tiên-sinh mà tôi đang tập-dịch.* Tiểu-thuyết Grasiella *là một quyển ái-tình tiểu-thuyết mà lời lẽ của* Lamartine *tiên-sinh thời phảm người đã đọc tiểu-thuyết tây, tất ai cũng phải chịu tiên-sinh là một nhà văn-sĩ khéo dùng câu văn bậc nhất. Tiên-sinh vốn là nhà thi-sĩ nên chi câu văn của tiên-sinh lại càng có ca điệu thanh-âm. Đọc xong một bài văn của tiên-sinh thời tưởng như mới được nghe qua một khúc âm-nhạc vậy. Đoạn vui đoạn thảm, khi hợp khi tan, mỗi chỗ một cái hay mà mỗi một cái hay một khác. Biết được cái hay mà khó tả được cho thực hay, đó là một cái khổ-tâm của nhà dịch-giả vậy.*

Nguyên truyện là truyện một chàng thiếu-niên (1) sang phiếm-du bên nước Í-đại-lợi (Italie) Du-lịch khắp đó đây, gặp lắm cảnh vui mà cũng nhiều nỗi khổ-lòng.

Sau gặp được một ông ngư-phủ, chàng bèn xin theo học nghề ngư-giả cốt là để ngoạn-thưởng cái phong-thú trên trời dưới nước. Nhưng chẳng may một buổi chiều kia trời đang êm-ả, gió lặng nước yên, bỗng dâu cơn phong-ba kéo đến. Thôi, thân-thế kẻ phiêu-lưu kia bấy giờ đành là phó mặc cho ba-đào vùi-dập. Niềm cố-quốc, nỗi tha-hương bời bời trăm mối. Đã tưởng như giấc mộng sau cùng nằm nơi đáy biển. Song kiếp còn nặng nợ, trên thiên-đình chưa trắng sổ đoạn-tràng, nên gió đưa sóng đẩy, chiếc thuyền câu bỗng giạt bến gia-hương. Lên tới nhà ngư-ông, chàng mới biết nợ tang-bồng còn nặng gánh mà bước hạnh-phúc tưởng là đây.,,,..

Chùa nát bụt vàng, nhà ngư-ông tuy lều tranh vách đất mà châu ngư-ông là nàng Grasiella *thật là sắc nước hương trời, lại thêm tinh-hạnh nết-na trăm điều chẳng trai, mọi về đều ưa. Chàng ở đó ít lâu, dần-dà quen thuộc. Đôi lứa yêu nhau một bước chẳng dời. Khi đọc sách lúc giao-du, cũng lắm phen con thuyền mặt nước, gió núi trăng ngàn, câu cười tiếng hát. Nhưng than ôi !*

(1) Chàng thiếu niên đó là ai ? Chính là LAMARTINE tiên sinh vậy. mà bài thơ sau này là cái kết-cấu cuốn tiểu-thuyết GRASIELLA.

Ngày vui ngắn chẳng đầy gang !

Một hôm chàng nhận được bức thơ của nhà-huyện gửi bảo chàng phải về ngay không thì chữ hiếu khôn đến.

Đất bằng sấm dậy! Vừng trăng kia ai đã xẻ làm đôi, để đến nỗi câu cười tiếng hát đã hóa ra nỗi thở niềm than. Bước phân-ly đã làm mất bao hàng lệ thảm! Chàng có hẹn năm sau sẽ tới.

Song từ khi chàng về tới nhà thời việc đời bề-bộn khôn dứt ra đi. Còn nàng thời buồng xuân chờ-đợi, liễu ủ đào phai.

Một hôm chàng nhận được một phong thơ với một gói giấy, giở ra xem thời ra lóc mấy một đoạn mà nàng đã cùng chàng cắt lúc năm xưa.

Còn nàng thời đã nước nhược xa chơi.

Mười lăm năm về sau có một hôm chàng lại tới chốn cũ năm xưa, thời thấy :

Nhà tranh vách đất tả-tơi,
Lau treo dèm nát, trúc cài phên thưa....

Bâng-khuâng thấy cảnh nhớ người, vì vậy nên chàng đã làm ra bài thơ sau này nhan-đề là Một-thương « Premier Regret »

Biển Sở-giang sóng cồn xanh biếc
Khách nhàn-du ai biết chăng ai !
Một non, một nước, một trời.
Kìa kìa trên bến mộ người cửu-nguyên
Cây cam mọc một bên mộ chí,
Đá một vừng ghi để ngàn thu.
Quá chân hỡi khách giang-hồ,
Vạch vùng lau sẽ thấy mồ hồng-nhan.
« Tuổi đôi tám suối vàng sớm vội ! »
Khách xem bia xiết nỗi thở-than :
« Than hoa chưa nở đã tàn
« Khiến lòng quá-khách muôn vàn xót xa.

« Ai dun-dủi cho ta tới đó ?
« Để lòng này nhớ chỗ năm xưa.
« Giấc chiêm-bao kheo hững-hờ
« Người xưa cảnh cũ bây giờ là đâu ?
« Trông mây nước hạt châu tầm tã
« Nỗi bi-ai khôn tả nên lời ..

Nhớ xưa gặp buổi êm trời,
Con thuyền mặt nước miệng cười mắt đưa.
Tuổi đôi tám xuân vừa đang độ,
Dẫu Hằng-nga khôn đọ được nào,
Mắt nhìn mắt sáng hơn sao,
Miệng cười hoa nở biết bao nhiêu tình!
Tuy chẳng phải nghiêng thành đổ nước,
Song Tây-thi ao ước mầu da.

Người đâu trong ngọc trắng ngà,
Vẻ đâu muôn vẻ đậm-đà xinh thay !
Mắt chẳng thấy lòng này còn thấy,
Thấy cùng nhau trong đáy thuyền lan.
Dung-dinh gió núi trăng ngàn,
Phất-phơ ngọn gió bay làn tóc mây.
Ngồi dưới bóng buồm bay phất-phới
Lắng tai nghe như cởi tấm lòng,
Nhặt khoan giọng hát ngư-ông,
Gió chiều càng thổi tiếng đồng càng cao.
Nàng mới hỏi: — « Trời sao sáng to ?
« Nọ chị Hằng lấp-ló trong mây,
« Rằng sao sáng khắp đó đây ?
« Từ làn bọt bể đến cây giữa rừng.
« Lòng đây cũng bừng bừng sáng rợi,
« Hỏi căn-nguyên đó bởi cớ sao ?
« Cỏ cây sóng gió rì-rào,
« Khiến cho đây cũng nao-nao tinh-thần.
« Hay là bởi lòng trần còn vướng,
« Nên đêm nay mơ-tưởng lạ nhường,
« Xưa sao chẳng thấy mơ-màng,
« Nay sao bỗng thấy bàng-hoàng niềm tây.
« Hay là bởi lòng này vui sướng,
« Bởi mình vui cảnh-tượng đều vui,
« Hỏi chàng quê-quán xa-xôi,
« Quê chàng vắng thiếp có vui chăng chàng? »

Dứt lời nói, mặt nàng thờ-thẫn,
Đưa mắt nhìn vơ-vẩn nhà huyên,
Đoạn rồi tựa gối ngủ liền,
Khiến người nghĩ đến muôn nghìn xót-xa.

« Ai dun-dủi cho ta tới đó,
« Để lòng này nhớ chỗ năm xưa,
« Giấc chiêm bao khéo hững-hờ,
« Người xưa cảnh cũ bây giờ là đâu?
« Trông mây nước hạt châu tầm-tã.
« Nỗi bi-ai khôn tả nên lời,

Nhớ ai khi nói khi cười,
Khóe thu-ba khiến cho người say mê.
Môi son nọ khôn thuê thợ họa,
Trăng thu kia chưa quá hàn-quang.
Buồng xuân còn khóa then sương,
Mắt xanh còn giữ mầu gương khuynh-thành.
Cõi nhân-thế sắc đành có một,
Ngỡ Hằng-nga đội lốt người phàm.
Há thua nữ-hạnh cho cam,
Hiếu, trinh, tiết, nghĩa, lại càng đáng yêu.
Sách giáo-huấn trăm điều chẳng trái
Nết đứng ngồi chẳng phải ai răn.
Lắm khi dạo bước xa gần,
Vui chơi cất giọng tiếng xuân càng ròn.
Tuổi còn trẻ giọng non còn thấy:
Như rì-rào nước chảy thâm-khê.
Khiến cho mây gió đều nghe,
Mà người lắm lúc cũng tê-tái lòng.
Nay sao bỗng lầu hồng vắng mặt?
Để non sông lặng ngắt như tờ.
Rừng thu còn lá trơ trơ,
Hoa xuân tìm kiếm bao giờ cho ra!

« Ai dun-dủi cho ta tới đó?
« Để lòng này nhớ chỗ năm xưa.
« Giấc chiêm-bao khéo hững-hờ,
« Người xưa cảnh cũ bây giờ là đâu?
« Trông mây nước hạt châu tầm-tã,
« Nỗi bi-ai khôn tả nên lời....

Nhớ ai từ thủa ra đời,
Mắt xanh mới biết có người tình-chung.
Còn nhân-thế không trông đâu nữa,
Riêng cùng nhau sẻ nửa gánh tình.

Mơ-hồ thay tuổi xuân xanh!
Tưởng chừng thế-giới có mình với ta!
Niềm tâm-sự cửa nhà khôn dấu,
Muốn cùng nhau lòng thấu nỗi lòng.
Cuộc đời đây đẩy cùng chung,
Bi-hoan cùng trải, non sông cùng chèo.
Nào có biết cánh bèo mặt nước,
Kiếp phù-trầm phỏng được là bao!
Thương ôi! yếu liễu thơ đào,
Quá vui toan những lối vào thiên-thai.
Chẳng còn tưởng đường dài ngày vắn,
Cuộc truy-hoan quyết hẳn từ đây.
Thuyền tình phó mặc nước mây,
Liều-bồ phó mặc cho tay thợ trời.
Chửa gặp ta nợ đời chửa biết,
Từ gặp nhau khăng-khít giải nồng.
Nhớ đêm chiếc bách giữa dòng,
Xiết bao tình-tự giãi cùng nước mây.
Lại nào lúc cầm tay, nàng dắt,
Dắt díu ta lên bậc đền thờ.
Khác nào như đứa trẻ thơ,
Nàng quỳ ta cũng liệu cơ theo quỳ.
Nàng sẽ bảo: « Khấn đi cùng thiếp,
« Nếu vắng chàng thiếp biết chi chi..
« Trời kia bụt nọ thiết gì!
« Vắng chàng thiếp có tin chi đâu mà.»

« Ai dun-dủi cho ta tới đó?
« Để lòng này nhớ chỗ năm xưa.
« Giấc chiêm-bao khéo hững-hờ,
« Người xưa cảnh cũ bây giờ là đâu?
« Trông mây nước hạt châu tầm-tã,
« Nỗi bi-ai khôn tả nên lời...

Mạch sầu ai tát ai khơi?
Gớm cho con tạo chêu người trầm-luân!
Kìa suối nước trắng ngần trong vắt,
Thiên-nga bơi trên mặt nước trong.
Khen thay bức họa thiên-công,
Chim trời nước suối càng trông càng tình.
Suối có ngan càng xinh càng đẹp,
Dẫu bút thần khôn chép nên văn.
Mình ngan lặn-lội thung-thăng,
Sao soi mặt nước lăn-tăn sóng cồn.
Nước trong xanh xa nguồn nắng gió,

Ánh trời hè cũng khó mà vơi.
Giao-trì cảnh ấy ai khơi?
Khiến cho nhân-thế ngỡ nơi tiên-bồng.
Thiên-nga kia vì lòng chẳng thiết,
Vỗ cánh hồng bay tít mù xanh.
Nước lầm, trời vẩn, mây thành,
Bấy giờ mây nước như hình nhuộm nâu.
Chẳng khác nào diêu-hâu nghịch-tặc,
Cùng ngan kia xung khắc giống nòi.
Từ ngan xa lánh cõi đời,
Đã đem dấu vết gieo ngoài suối xưa.
Song cảnh cũ bây giờ khác hẳn,
Trước trong xanh nay vẩn cát lầm.

Từ nàng xa vắng tri-âm,
Đêm ngày luống những âm-thầm chiếc thân.
Áng thiều-quang dần dần càng nguội
Ngọn đèn tàn theo lối thiên-cung.
Có vẽ đâu nữa mà mong,
Má-hồng thôi thế là xong một đời!
Khen cho nàng khôn dời tấc dạ,
Đã đinh-ninh quyết chả nghi ngờ.
Một đời đi một chuyến đò,
Chẳng thèm mong-mỏi hẹn-hò cải duyên.
Gặp bao nỗi chuân-chuyên khám khổ
Đành ôm lòng chẳng đổ trời xanh,
Cũng liều sống thác với tình,
Đoạn-trường đã bắc thời mình phải qua.
Chẳng khác nào như nga trên nọ,
Buổi chiều hôm cắm cổ ngủ yên.
Nhưng nàng trăm mối lửa phiền,
Khối-tình mang xuống hoàng-tuyền chưa tan.
Thương cho nàng hồng-nhan mệnh bạc,
Còn đây tu chưa được vẹn toàn.
Nên hoa chưa nở đã tàn,
Khiến lòng nghĩ đến muôn vàn xót-xa.

« Ai dun-dủi cho ta tới đó?
« Để lòng này nhớ chỗ năm xưa.
« Giấc chiêm-bao khéo hững-hờ,
« Người xưa cảnh cũ bây giờ là đâu?
« Trông mây nước hạt châu tầm-tã,
« Nỗi bi-ai khôn tả nên lời...

Ngày giờ thấm-thoát đưa thoi,
Mà người nằm đó đã mười lăm năm.
Chẳng còn vết kẻ thăm người viếng,
Bên hàn-gia vắng tiếng khóc thương.
Lòng người như giải sông Tương,
Nhớ quên quên nhớ như cơn nước nguồn.
Chắc mồ nọ chẳng còn ai tưởng,
Họa riêng ta còn vướng chút lòng.
Khi buồn lấy ảnh ra trông,
Khóc than những ảnh người không thấy còn.
Mắt chỉ thấy cỏn con dấu vết,
Nguồn tương kia khôn xiết nhỏ xa.
Khóc đời biết mấy mươi mà....
Khóc nàng ta chắc vẫn là phần hơn.
Mảnh gương-nga vẫn còn sáng tỏ,
Tấm can-tràng hẳng có soi chung.
Từ nàng xa lánh bụi hồng,
Đề thương đề nhớ cho lòng xót-xa.

« Ai dun-dủi cho ta tới đó,?
« Để lòng này nhớ chỗ năm xưa.
« Giấc chiêm-bao khéo hững-hờ,
« Người xưa cảnh cũ bây giờ là đâu?
« Trông mây nước hạt châu tầm-tã,
« Nỗi bi-ai khôn tả nên lời...

Cảnh nầy ai khéo vẽ-vời,
Hay là non nước nhớ người hồng-nhan
Trồng cam nọ để làm ghi tích,
Vầng lá xanh tịch-mịch phương trời.
Giãi giầu gió tập nắng soi,
Dẻ leo ăn lá cát phơi đầu cành.
Tuy rằng gửi đá xanh cụm rễ,
Song bóng râm chẳng để lại cho.
Khác nào lòng đã hẹn-hò,
Mà rồi chỉ để lại cho mối phiền.
Tình non nước khôn đền tấc dạ,
Nỗi nhớ thương khó tả nên thơ.

Chúa xuân sao khéo thờ-ơ!
Hoa xuân sáng nở sao trưa đã tàn.
Ngán cho hoa vội vàng chi mấy!
Tàu từ khi chưa thấy mùi hương.
Cùng hoa cùng số đoạn-trường,
Số nàng có lẽ lại thường bạc hơn.
Thấy hoa những ngậm-ngùi [thương,
Chẳng hay trần-giới có đường tái-sinh?

« Này tư-tưởng có linh chăng tá?
« Trở lại đây cho thỏa mong chờ.
« Trở về cảnh cũ dấu xưa,
« Cho cung cầm khỏi ngẫn-ngơ tiếng [đàn.
« Giúp ta gẩy đoạn-tràng nhất khúc,
« Câu khóc than than khóc mặc dầu.
« Than ôi! một cuộc bể dâu,
« Càng trông thấy cảnh càng đau-đớn [lòng!

Năm-vân VŨ-VĂN-ĐỊNH, dịch

N° 2

TÙY-ĐƯỜNG DIỄN-NGHĨA

NGUYỄN-BÍNH-GIAI *dịch thuật*

HỒI THỨ II

Tấn-vương dò biết Hoàng-hậu có ý ghét Thái-tử Dũng, từ đó cố sức chiều ý Hoàng-hậu. Biết rằng Hoàng-hậu tính hay ghen, thì làm ra bộ chín-chắn, bỏ ngay thói hoa-nguyệt; biết rằng Hoàng-hậu ưa phác-kiệm, thì làm ra bộ tiết-kiệm, bỏ ngay nết xa-hoa..... thành ra Hoàng-hậu từ đó càng ghét Thái-tử bao nhiêu lại càng yêu Tấn-vương bấy nhiêu. Bọn Hoạn-quan, Cung-nữ thấy Hoàng-hậu có ý thiên yêu Tấn-vương, cũng đón ý mà ton-ngót dua-nịnh, ngày ngày kiếm truyện để tâng-bốc Tấn-vương, gièm-pha Thái-tử, chẳng thiếu điều gì. Tấn-vương cùng vợ là Tiêu-phi lại khéo hay chiều-chuộng những kẻ hầu-hạ thân-tín của Hoàng-hậu, thường khi bọn ấy đi lại, đều khoản-đãi quà-cáp rất hậu; nên chi trước mặt Hoàng-hậu, ai nấy đều hết sức nói tốt cho Tấn-vương. Tấn-vương bấy giờ biết rằng việc mình mười phần đã được đến bảy tám. Lại lúc sang đánh Trần có kết thân với Vũ-văn-Thuật là Tổng-quản ở An-châu, vốn là người mưu-trí, thời-nhân vẫn gọi là Tiểu-Trần-Bình, khi Tấn-vương ra trấn Dương-châu, liền đem Vũ-văn-Thuật về làm Thứ-sử Thọ-châu, cho được gần-gụi tiện lối thời-thường đi lại. Một hôm, Tấn-vương đem việc muốn mưu tranh trừ-vị để hỏi ướm, thì Vũ-văn-Thuật nói rằng:

— Nay Đại-vương được Hoàng-hậu có lòng thương, thì vẫn đành là đã sẵn tay-trong rồi; nhưng hạ-quan thiết nghĩ Hoàng-hậu dẫu nghét Thái-tử, yêu Đại-vương thật, song ghét chắc chưa đến quá ghét, mà yêu cũng chưa hẳn thật yêu; cứ như ý hạ-quan, thì chuyến này về Triều, Đại-vương tất-tu phải làm một kế thật đau-đớn thống-thiết cho động lòng thương mà khơi lòng giận của Hoàng-hậu, để giữ cho vững tấm lòng yêu Đại-vương đã. Rồi bấy giờ Đại-vương lại phải có một vị cận-thần của Thánh-thượng để thời-thường thừa-cơ dâng lời gièm-pha Thái-tử. Như vậy là trong ngoài ta đều có viện-trợ rồi; nhưng, phế-lập là việc trọng-đại, tất-tu phải đợi khi Thái-tử có đại-tội mới có thể hạ-thủ làm được, vậy nên Đại-vương lại cần phải dùng một người rất tin-cẩn xưa nay, khiến hắn tự ra thú-nhận, không đặt nên có, nhỏ giọ ra to, cứ nhất-mực đổ riết tội cho Thái-tử, thì tự-nhiên Thái-tử không còn lối biện-bạch cho ra được nữa. Làm như vậy, lo gì Thái-tử chẳng bị truất, mà ngôi Đông-cung chẳng về tay Đại-vương. Vả lại, Đại-vương trên có Hoàng-hậu chủ-trương ở trong, thì hai việc này hạ-quan quyết xin cố sức làm trôi được; duy Đại-vương cần phải chịu bỏ ra vàng ngọc châu báu cho thật nhiều để thưởng công, cái đó kẻ hạ-quan thật nếu khuynh-gia để giúp Đại-vương được, cũng không dám tiếc, chỉ e sức hạ-quan không sao trù nổi được thôi, vậy xin Đại-vương phải liệu cho chỗ đó mới được.

Tấn-vương nói:

— Có làm chi cái đó, lúc nào mà ta chẳng sẵn, chỉ cần nhà ngươi thật lòng cố giúp ta cho kỳ được, thì sau này cùng hưởng phú-quí, còn phải nói chi!

Năm đó vừa gặp kỳ triều-cận, hai người cùng sắm-sửa về kinh, công việc dự-định đâu đấy, về tới kinh cứ việc chia tay nhau mà làm.

Một đằng thì Tấn-vương vào chầu Tùy-chủ và Hoàng-hậu, xong rồi đi thăm suốt lượt các đình-thần cho chí các liêu-thuộc, đều có quà-cáp, và bọn hoạn-quan, cung-nữ cũng đều có ban-thưởng hết thảy. Duy có Lý-Uyên nói rằng tuy là cựu-thuộc, nhưng phận làm tôi không dám tư-giao, không chịu nhận quà của Tấn-vương cho.

Một đằng thì Vũ-văn-Thuật đi yết-kiến khắp các quan đại-thần để tạ ơn xong đâu đấy, rồi đến yết quan Đại-lý-tự thiếu-khanh Dương-Ước. — Dương-Ước là em ruột Việt-công Dương-Tố, Dương-Tố hiện làm Thượng-thư Tả-bộc-sạ, uy-quyền lừng-lẫy đương-thời, vua cũng phải vị-nể, vả tự lúc bình Trần, đem những nhan-sắc ở Trần-cung về làm hậu-phòng tỳ-thiếp, đêm ngày say-mê tửu-sắc, không ra tiếp khách mấy khi; ai cầu-cạnh việc gì, muốn vào tư-yết, tất phải đi lại nhờ Dương-Ước chuyển-đạt, chứ không được trực-tiếp. Thành-thử nhà Dương-Ước người ra kẻ vào đêm ngày tấp-nập như họp chợ, Vũ-văn-Thuật đến nơi, phải ngồi đợi ở phòng chực hồi lâu mới được vào tiếp-kiến, đưa một cái lễ hơn trăm lạng vàng, uống xong chén nước chè rồi cáo-từ lui ra về. — Vũ-văn-Thuật với Dương-Ước nguyên là chỗ bạn thân lâu ngày, nên sau Dương-Ước có lại tư-ngụ Vũ-văn-Thuật đề đáp-lễ. Vũ-văn-Thuật mời Dương-Ước vào ngồi chơi phòng khách, Dương-Ước thấy bày-biện những cổ-ngoạn cổ-khí choáng-loạng đầy nhà, lấy làm thích lắm, ngắm hết cái nọ, nhìn đến cái kia, không biết chán mắt. Vũ-văn-Thuật thấy vậy liền nói:

— Đây toàn là đồ của Tấn-vương cho tiểu-đệ cả, huynh-ông là người biết của, vậy xin chỉ-thị cho xem thế nào?

Dương-Ước nói:

— Chẳng dám dấu quan-bác, nhà đệ kể vàng ngọc châu báu cũng nhiều, song những vật này thật quả là hiếm, mà đến ngay nhà gia-huynh cũng không thấy được nhiều qui-vật như thế này!

Dương-Ước đương nói, trông thấy gian bên bày một cái bàn cờ bằng bạch-ngọc, quân-cờ toàn bích-ngọc, liền hỏi :

— Đã lâu đệ không được cùng quan-bác thưởng cái nhã-thú này, vậy chứ ở đây quan-bác thường vẫn thưởng với ai ?

— Đứa tiểu-thiếp đi với đệ đây cũng có biết vọc-vạch đôi nước.

— Đó là con-gái ở Dương-châu hẳn? Con gái Dương-châu phần nhiều hay có nghề mọn, đệ đã được biết.

— Vâng ; tiện có bàn cờ, xin hầu huynh-ông một ván, thế nào ?

Vũ-văn-Thuật nói vậy, rồi đem bàn cờ ngọc ra và lấy những bảo ngoạn đặt giải, cùng Dương-Ước đánh cờ.

Vũ-văn-Thuật cố ý để thua luôn mấy ván, Dương-Ước thu được quá nửa các bảo-ngoạn. Đoạn rồi mời Dương-Ước sang phòng ăn, đã thấy la-liệt trân-hào mỹ-vị, đựng toàn bằng những cổ-khí từ đời thượng-cổ cả ; có một bộ đồ uống rượu bằng vàng và ngọc, coi rất ngoạn-mục, Dương-Ước thấy, lấy làm thích, liền tay ngắm-nghía mà rằng :

— Đây hẳn là đồ Dương-châu, chứ ở vùng Bắc ta làm gì có được những kỹ-nghệ tinh-xảo như thế này ?

Vũ-văn-Thuật nói :

— Vâng ; huynh-ông có ưng, đệ xin để lại huynh-ông dùng.

Rồi liền gọi gia-đình thay bộ đồ uống rượu khác đưa ra, còn bộ kia và các bảo-ngoạn khác nữa, thì sai gia-đình đóng hòm đưa lại nhà Dương-Ước. Dương-Ước hai ba lần từ chối, nói rằng không có công-cán gì, quyết không dám nhận đồ tặng-hảo quá hậu như thế.

Vũ-văn-Thuật nhất-định không nghe mà rằng.

— Bác Dương ! xin bác chớ quá nghĩ thế ! để tiểu-đệ phân lại bác rõ : Tiểu-đệ đây trước làm Tổng-quản, quan võ thì còn kiêm-trác vào đâu ; đến nay dẫu sang Thọ-châu cũng vậy, còn có gì mà bảo rằng dám quà-cáp quan-bác, hẳn quan-bác cũng đã lượng biết cho thế rồi. Đây chẳng qua là Tấn-vương nhân có chút muốn sở-cậy ở quan-bác, nên sai tiểu-đệ đem vô đây để kính quan-bác, gọi là kiến-tình một chút đặng sau này đi lại đó thôi.

Dương-Ước nói :

— Chết nỗi ! Đến của quan-bác cho, đệ còn chả dám lạm-nhận, huống-hồ là của Tấn-vương, khi nào đệ lại dám vô-lễ quá thế !

— Quan-bác chớ nghĩ thế ! Đó là lễ mọn, vật-thử có là mấy, tiểu-đệ còn đương tính đường để hiến quan-bác và lệnh-huynh sự phú-quí thật lâu dài về sau này nữa kia !

— Chết ! Bác dạy lẫn ! chứ như đệ đây đời nào lại dám có cái xa-vọng ấy ! còn như gia-huynh, thì nhờ ơn Thánh-thượng được như bây giờ kể cũng là phú-quí chi-cực rồi, lại còn dám mong gì nữa !

— Vẫn đành thế, như nhà lệnh-huynh-đệ thì nay là cực-thịnh hẳn rồi ; song mà đệ thiết nghĩ mong cho được trường-cửu mãi thế này, e cũng còn khó lắm đấy, bác ạ ! bác có biết Thái-tử vẫn không được mãn-ý với lệnh-huynh đó không ? Ấy bây giờ vẫn đành Thái-tử chẳng làm gì nổi lệnh-huynh thật, nhưng một mai mà Thái-tử đắc-chí, thì người chỉ thân đã có bọn Vân-định-Hưng, cung-liêu đã có bọn Đường-lệnh-Tắc, khi đó phỏng lệnh-huynh liệu có chuyên-quyền cố-vị mãi được chăng ? Huống-hồ quyền cao lắm kẻ ghét, thế cả lắm

người gièm là sự thường ; này, bọn kém về phải khuất-nhục ở dưới tay lệnh-huynh-đệ bây giờ, chắc đâu mai ngày chẳng tìm mưu kiếm kế để khuynh đảo lệnh-huynh-đệ mà vượt lên trên ? Tiểu-đệ xin lấy tình thân mà nói thật đấy, đệ lấy làm e lắm ! quan-bác thử nghĩ kỹ mà coi ! . . . . Nếu bây giờ ta biết mà sớm liệu ngay đi, đệ thiết nghĩ không còn cơ-hội nào cho tốt bằng cơ-này, bác ạ ! Nay đương lúc Thái-tử thất-đức, mà Tấn-vương thì vốn sẵn được Hoàng-hậu thiên yêu ; Thánh-thượng xem cũng có ý muốn thay đổi trừ-vị nếu thừa dịp này mà lệnh-huynh-đệ tán-thành vào cho nên việc, thì tương-lai cái công đỡn-hộ của lệnh-huynh-đệ, chắc là Tấn-vương khi nào lại có quên được, như vậy thì còn phú-quí nào vĩnh-viễn cho bằng ! Ấy sự-thể như thế, nếu lệnh-huynh-đệ mà làm được, ấy là lệnh-hnynh-đệ tránh được cái nguy-cơ trước mắt, mà lại còn được cái quí-hiển về lâu dài nữa ! Quan-bác nghĩ có nên chẳng ?

Dương-Ước nghe trót hồi lâu, gật đầu mà rằng :

— Bác nói cũng có lẽ ! Song phế-lập là việc hệ-trọng, đệ chưa thể dám tự-quyết mà nhận lời ngay được, xin hãy cứ biết vậy, để đệ bàn kỹ với gia-huynh xem.

Hai người chén tạc chén thù, nhỏ to đàm-đạo, mãi đến đêm khuya mới tan cuộc rượu, Dương-Ước cáo-từ trở ra về.

Ngày hôm sau, lại nghe được đích là Thái-tử có một người thân-tín tên gọi Cơ-Uy, vẫn thường đi lại thân với Đoàn-Đạt là bạn thiết của Vũ-văn-Thuật ; Vũ-văn-Thuật bèn đem vàng bạc mượn tay Đoàn Đạt đưa làm của-đút cho Cơ-Uy, để nhờ hắn làm tay-trong dò-la sự động-tĩnh của Thái-tử và lại rặn Đoàn-Đạt mật bảo Cơ-Uy và vẽ mưu cho hắn hễ đến lúc dụng-sự thì cứ y thế mà làm . . . . lại hứa với hắn những sự phú-quí để báo công sau này. Đoàn-Đạt nhất-nhất nhận lời và hẹn sẽ hết sức giúp.

Nói về Tấn-vương ở kinh-đô ít lâu, khi sắp trở lại Dương-châu, bèn y kế của Vũ-văn-Thuật vẽ cho lúc trước, vào bái-từ Hoàng-hậu, liền phục xuống đất khóc mà rằng :

— Muôn tâu mẫu-hậu, con vốn ngu-xuẩn, không biết tị-hiềm ; chỉ nhân ở xa mẫu-hậu, lòng hằng thắc-mắc mong nhớ, nên thời-thường không thân-hành về chầu được, thì lại phải ủy người về chầu thỉnh-an, mới được yên-tâm. Con có tưởng đâu anh con thấy thế, ngờ-vực cho con là chực dòm-dỏ nọ kia, đem lòng giận-dữ, muốn sự hại con. Con e rằng lỡ ra anh con quá nghe lời gièm mà dùng độc-thủ đoạn-tuyệt tình cốt-nhục chăng, cho nên con lo không biết sau này con có được thế này mãi để đi lại hầu-hạ mẫu-hậu cho trọn được chăng ? . . .

Dứt lời lại thổn-thức khóc hoài, nói không ra lời. Hoàng-hậu nghe xong, cũng cảm-động không cầm lòng được, bèn nghiến răng mà rằng :

— Chà ! Ta đây cũng vẫn bực mình lắm không chịu nổi ! Ta cưới Nguyên-thị về cho nó, thì nó bỏ liều không nhìn-nhận tới, chỉ mê-mệt với con tiểu-thiếp Vân-triêu-Huấn, thì còn có ra giống người sao ! Ừ ! mà thật đấy ! có ta đây nó còn đè-lấn my, thôi ! một mai ta mà chết đi, my cũng khó lòng đã yên được với nó ! Không nữa, thì my cũng lại đến cung phải cúi đầu luồn-lọt lạy-lục con Vân-triêu Huấn mà cầu lấy ấm-no, thì cực-nhục đến đâu ! . . .

Tấn-Vương nghe lời Hoàng-hậu nói, lại càng nức-nở, rồi khóc òa lên.

Hoàng-hậu dỗ-dành yên-ủi mãi và phán rằng :

— Thôi ! My cứ yên-tâm trở lại Dương-châu, đã có ta đây, ta hãy còn sống đây, my chớ lo ! Nhưng, my ra ngoài đó, nếu hễ không có mật-chỉ ta vời, thì chớ nên khinh-xuất mà về ; ngôi Đông-cung, my hãy đành lòng chờ đó, trong một vài tháng sẽ hay, ý ta đã quyết rồi, my chớ lo, cứ yên-tâm mà đi đi ! Nghe !

Tấn-vương được lời như cởi tấm lòng, gạt nước mắt lạy tạ, rồi sùi-sụt lui ra. Vũ-văn-Thuật thấy vậy, mừng rỡ mà rằng :

— Thế là được rồi ! lọt rồi đó !..

Nói về Dương-Ước từ lúc được của-đút của Tấn-Vương rồi, bèn liệu cách để khởi chuyện nói với Dương-Tố. Thường khi giáp mặt Dương-Tố, thì làm ra bộ buồn-rầu lo-nghĩ. Một hôm, Dương-Tố thấy vậy liền hỏi, Dương-Ước nói :

— Thưa anh, anh còn nhớ lớp trước anh đổi quan Đông-cung Phụ-đạo Tô-hiếu-Từ ra ngoại-chức đấy chứ ? Việc đó tựa-hồ anh có ý quá-chấp, thành ra Thái-tử không bằng lòng. Em thường nghe Thái-tử vẫn nói ra miệng : « Thế nào cũng phải giết đứa lão-tặc ấy mới nghe ! » Lão-tặc, chẳng phải ám-chỉ vào anh thì còn ai ? Nay anh lúc tuổi già đầu bạc, phải hãm vào cái nguy-cơ ấy, nên em nghĩ mà em lo em buồn !...

Dương-Tố cười lạt mà rằng :

— Em chớ lo ! Chà ! dễ mỗi lúc đã làm gì được nhau, mà sợ !

Dương-Ước nói :

— Anh chớ nghĩ thế, không được ! Vẫn hay rằng bây giờ Thái-tử chẳng làm gì được mình thật ; nhưng mà em thật lấy làm e, e rằng một mai Thánh-thượng khuất-núi đi, Thái-tử lên nối ngôi, thì bấy giờ anh tính sao ? Cái tính-mạnh của ta, của cả họ ta, em lấy làm lo lắm đấy, anh ạ ! Anh thử nghĩ kỹ chỗ đó coi !

— Ừ, mà e cũng có lẽ ; nhưng ý em thì bây giờ tính sao ? nên cáo-thoái mà tránh hẳn hay nên cải-tâm mà lại chịu khó luồn-lọt hẳn cho êm việc mình, em nghĩ thế nào là tiện ?

— Thế không được, anh ạ ! Mình cáo-thoái thì thất-thế, mà luồn-lọt thì cũng chẳng nguôi được lòng thâm-oán của hắn nào. Bây giờ chỉ có cách làm thế nào bỏ phắt hắn đi mà lập người khác, thì mới yên được. Như thế thì có lẽ mình tiệt được cái di-hoạn, mà lại còn cái công lớn về sau này nữa là chắc hẳn ! Em nghĩ chỉ có thế mới ổn.

Dương-Tố vỗ tay xuống bàn mà rằng :

— Em nói cũng phải, cái đó thật anh không nghĩ tới !

— Nhưng, em thiết-tưởng ta đã nghĩ tới, thì phải hạ-thủ làm ngay đi, kẻo nữa để chậm mà nhất-đán Thái-tử dụng-sự, thì cái vạ chưa biết lúc nào đấy, anh ạ !

— Anh đã hiểu ; nhưng, cái đó tất-tu phải nhờ đến Hoàng-hậu chủ-trương cho ở trong mới được.

Dương-Tố vốn biết Tùy-chủ rất nể-sợ Hoàng-hậu, thường Hoàng-hậu nói gì cũng hay nghe ; nên từ đó mỗi khi chầu yến, Dương-Tố thường kiếm chuyện xưng-giương Tấn-vương để ướm lòng Hoàng-hậu. Nghề đàn-bà hay nông-nổi, liền ngỏ ý muốn phế-lập. Dương-Tố được dịp, cứ việc lựa lời nói chêm vào. Hoàng-hậu xem ý biết Dương-Tố là người có thể tin-cậy, bèn ngỏ lời ủy-thác Dương-Tố giúp việc phế-lập ; rồi lại sai người giấu-giếm đem cho Dương-Tố vàng bạc rất nhiều. Dương-Tố coi chừng biết là việc tất xong ; đôi khi được hầu cận Tùy-chủ, thường đơm-đặt nên nhời để súc-siểm Thái-tử và lại mật sai bọn hoạn-quan, cung-nữ thừa-khích cũng gièm-bàng Thái-tử, mỗi người một lời, mỗi ngày một thí, toàn-thị là soi-mói quá-thất của Thái-tử, dần-dà Tùy-chủ cũng phải siêu lòng. Đến tháng mười năm Khai-hoàng thứ hai mươi, Tùy-chủ ngự ra điện Vũ-đức, tuyên chiếu giáng Thái-tử Dũng bỏ làm thứ-nhân ; bấy giờ con Thái-tử là Trường-ninh vương tên Nghiễm có dâng sớ xin cho làm Túc-vệ, Tùy-chủ hồi-tâm nghĩ lại, cũng có ý thương tình, song lại bị Dương-Tố gièm-pha ngăn-trở ; sau có Ngũ-nguyên-công là Nguyên-Mẫn trực-gián và quan Hàn-lâm là Dương-hiếu-Chính dâng thư can-ngăn, cũng đều bị Dương-Tố gièm, rồi mắc tội cả. Công việc mười phần đã sắp-đặt đâu đấy, mưu-kế đã định, Tùy-chủ cũng phải nghe, đến tháng một năm ấy Tùy-chủ bèn xuống chiếu lập Tấn-vương lên làm Thái-tử, đem Vũ-văn-Thuật vào làm chức Đông-cung Tả-vệ. Tấn-vương được chỉ, dâng biểu tạ ân, rồi chọn ngày cùng với Tiêu-phi về châu và vào ở nội-cung. Tấn-vương và Tiêu-phi từ đó sớm khuya châu-chực hầu-hạ Tùy-chủ và Hoàng-hậu rất mực hiếu-kính, Tùy-chủ rất lấy làm đẹp lòng.

Lại nói về Độc-cô Hoàng-hậu có máu ghen lạ đời, nên trong cung tuy mỹ-nữ cung-tần không thiếu gì, mà Tùy-chủ thì chỉ được coi là đồ ngoạn-mục thôi, không hề dám sủng-hạnh một ai.

Một hôm, Hoàng-hậu hơi se-mình, phải kiêng ở trong cung uống thuốc, không sắc-mắc đi lại được như mọi ngày ; Tùy-chủ nhân dịp tốt vắng mặt Hoàng-hậu, liền đem một đứa nội-thị nhỏ theo hầu đi lẻn coi khắp các nơi hậu-cung, đến lầu Chi-thước dạo một hồi, tới điện Lâm-phương đứng một chốc, cung-tần mỹ-nữ lũ-lượt đua nhau ra nghênh-giá, tuy cũng đều những bậc hoa-ghen nguyệt-tủi, cá-lặn nhạn-sa, song coi khắp một lượt, chưa có người nào là thật được xứng-ý, Tùy-chủ từ-ngữ, toan trở lại cung ; trời kia khiến vậy, cũng là dun-dủi duyên đưa, lại vui bước qua chơi cung Nhân-thọ. Đến nơi, một người cung-nữ, trạc vừa đôi tám, đương cuốn mành ngồi trong, chợt thấy Tùy-chủ đi tới, vội giũ rèm-châu, chạy lại đứng bên bức bình-phong gấm, nghé mắt trông ra, rồi quì xuống nghênh-giá ; Tùy-chủ vừa giáp mặt hoa-đào, thì mọi vẻ mọi ưa, càng nhìn càng đậm, tần-ngần đứng lại, lặng ngắm tố-nga : Rõ-ràng trong ngọc trắng ngà ; Đào-nguyên lạc lối đâu mà đến đây ? Đoạn liền ban hỏi :

— Vậy chứ ái-khanh tiến-cung đã được bao lâu, mà sao không thấy vô chầu ?

Nàng được ban hỏi, liền cúi đầu tâu rằng :

— Muôn tâu Bệ-hạ, kẻ tiện-tỳ vốn là cháu Uất-trì-Hồi, từ mông-ơn tiến vô cung, thì liền vâng chỉ Hoàng-hậu cho đến ở chốn này và có lệnh cấm không được thiện-tiện ra vào chầu ngự, nên tuy được tiến-cung kể cũng đã lâu, mà chưa được thừa-ân Thánh-thượng.

Tùy-chủ cười mà rằng :

— Rộng phép cho ái-khanh cứ đứng giậy ! Buổi nay Hoàng-hậu se-mình, không có đây, thì được phép cho cứ tự-tiện, không phải ngại ! Đoạn rồi Tùy-chủ truyền chỉ ngự văn-thiện

ở đó. Một lát, yến dàng lên, Tùy-chủ cho Uất-trì-thị chầu yến. Chén thù chén tạc, trò chuyện mãi đến canh khuya, rồi Tùy-chủ lưu lại cung ấy với Uất-trì-thị. . . . . Cái đêm hôm ấy đêm gì ? Bóng dương lồng bóng trà-my trập-trùng !. . . . .nguồn ân bể ái, lai-láng chứa-chan, thật là cái đêm thiên-tải nhất-thời vậy.

Đêm xuân một giấc . . . . Sáng hôm sau Tùy-chủ giở giấy ra triều, rất lấy làm khoái-ý ; nhưng trong bụng vẫn e, sợ Hoàng-hậu dò biết, tất-nhiên sinh-sự . . .

Hoàng-hậu tuy-thị đau yếu nằm một chỗ, song bên lòng canh-cánh, không lúc nào là không nghĩ đến chuyện ghen, thường vẫn phái người hầu cận đi dò-la thám-thính trong cung. Tối bữa đó Hoàng-thượng ngự ở cung Nhân-thọ với Uất-trì-thị, liền có người báo tin ngay với Hoàng-hậu ; Hoàng-hậu tức-thời nổi giận, không còn tưởng chi, quên cả bệnh-tật, liền đem mười người cung-nữ thật hung-ác đi theo hầu đến cung Nhân-thọ. Bấy giờ Uất-trì-thị sáng sớm mới ngủ giậy, vừa rửa mặt trải đầu xong, đương đứng trước gương ngắm-nghía . . . Sực trông thấy Hoàng-hậu và một lũ cung-nữ theo hầu, từ đằng xa hầm-hầm đi lại, Uất-trì-thị sợ tái-xanh tái-tía, vội quì xuống lạy. Hoàng-hậu vừa tới nơi, chưa kịp ngồi, liền thét bọn cung-nữ lôi Uất-trì-thị lại gần để tra hỏi ; chúng xúm lại lôi kéo Uất-trì-thị đến quì trước mặt Hoàng-hậu. Hoàng-hậu cả mắng mà rằng :

— Con yêu-tỳ kia ! My lại cả gan dám hồ-my để mê-hoặc Hoàng-đế, làm loạn phép chốn cung-vi ?

Uất-trì-thị mặt tái-mét đi, cắt không được hột máu, run-rẩy mà rằng :

— Muôn tâu Hoàng-hậu, rộng lượng xét cho, con là phận nô-tỳ, đâu dám mạn phép Hoàng-hậu mà dám trông ơn Hoàng-đế sủng-hạnh. Số là buổi chiều hôm qua, con cũng không ngờ, bỗng nhưng Hoàng-đế tới ngự vãn-thiện ở cung này, rồi lưu lại ngự-tẩm ở đây. Kẻ tiện-tỳ đã ba bốn lần kêu xin ngài ngự về cung, ngài không nghe, con đâu dám cưỡng-mạnh. Thật quả bữa qua Hoàng-đế lưu lại đây là tự ý Hoàng-đế, kẻ tiện-tỳ không dám có điều gì, muôn trông Hoàng-hậu mở lòng soi-xét, tha tội chết cho !

Hoàng-hậu quát to lên rằng :

— Con yêu-tỳ ! tối qua my đã tonngót, đã hồ-my Hoàng-đế chán rồi, bây giờ my lại còn già-mồm chối biến ! Cung-nữ ! lôi nó ra đánh cho chết đi !

Uất-trì thị van-vỉ hết lời ; Hoàng-hậu càng thét to lên rằng :

— Con yêu-tỳ ! Hoàng-đế đã thương-yêu my, my sợ chết thì xin với Hoàng-đế, chứ còn xin gì ta ! My lại sợ chết à ? đêm qua sao my không biết sợ chết ! Con yêu-tỳ ! ta chỉ sểnh ra chốc lát, my đã giở ngay cái yêu-thuật ra làm loạn nơi cung-cấm ! Bây giờ ta đem giết my, cũng hối là chậm mất rồi ! cũng không đủ hả bụng căm-tức của ta rồi ! ta còn lưu my làm chi để di-họa về sau ! Cung-nữ ! đem nó ra đánh cho chết đi !

Bọn cung-nữ vâng lệnh xúm lại đánh túi-bụi : Máu rơi thịt nát tan-tành ! Ba cây chập lại một cành mẫu-đơn ! Cửu-trùng có thấu nguồn-cơn ? Suối vàng nuốt tủi ngậm hờn, riêng ai !

Hôm đó, buổi chầu sáng vừa bãi, Tùy-chủ tưởng lại cái vui-thú khi đêm, bâng-khuâng nhớ cảnh nhớ người, vội dời bước sang chơi cung Nhân-thọ . . . Ngờ đâu ! bước vô tới nơi, đã thấy Hoàng-hậu nét mặt hầm-hầm ngồi đó, dưới đất thì tử-thi Uất-trì-thị nằm gục trên vũng máu !... Sực thấy cái cảnh-tượng kinh-tâm thảm-mục, thì cũng biết ý, vừa thương vừa giận, nửa tức nửa kinh, chẳng hỏi chẳng rằng, liền quay gót trở ra đi thẳng... một quãng, gặp kẻ đương giắt một con ngựa thượng-tứ, bèn truyền giữ ngựa lại, nhẩy tót lên, phóng một mạch ra cửa hoàng-thành. Đương cơn phẫn-uất, nghĩ không còn thiết gì nữa, toan bỏ cả thiên-hạ, vào ở nơi thâm-sơn cùng-cốc cho rảnh ! ..... Cũng may, ngựa đương phóng, bỗng Cao-Cảnh ở triều đi ra trông thấy, liền liều chết cố xấn lên trước cản ngựa lại và tâu hỏi duyên-cớ. Tùy-chủ bấy giờ đương tức-giận, chẳng nói sao hết, bất-đắc-dĩ cũng đành phải quay ngựa trở về cung. Về đến đại-điện, liền truyền chỉ vời đình-thần vào chầu, rồi đem việc Hoàng-hậu đánh chết Uất-trì-thị ra kể tội cho nghe và nhất-quyết định phế-sích Hoàng-hậu. Cao-Cảnh bèn lựa lời tâu rằng :

— Muôn tâu Bệ-hạ, Bệ-hạ nghĩ vậy là quá nóng ; Bệ-hạ tồn bao tâm-lực, trải bao gian-nan, mới có ngày rầy, nay đương là lúc Bệ-hạ cần-thực tiêu-y, lo giữ-gìn lấy thiên-hạ, đặng mà trường-trị cửu-an ; muôn tâu Bệ-hạ, Bệ-hạ không nên quá nóng, vì một người đàn-bà mà khinh-khí thiên-hạ làm vậy !

Tùy-chủ vẫn chưa nguôi giận ; Cao-Cảnh cùng đình-thần hết sức can-gián mãi hai ba lần, mới bớt giận trở vô cung.

Độc-cô Hoàng-hậu, đương lúc đau-yếu, chợt gặp việc giận-dữ buồn-bực như thế, thành ra bệnh-thế càng ngày càng nặng ; thường thường trong lúc mệt nằm ngủ thiếp đi, thì lại bàng-hoàng thấy oan-hồn Uất-trì-thị về hành-hạ ; lâu dần thành bệnh mê-hoảng, tâm-thần bất-định, chợt tỉnh chợt mê, ngày nặng một ngày, trong vài tháng thì lìa trần.

Tùy-chủ từ lúc Hoàng-hậu mất rồi, chốn cung-vi vắng-vẻ, lặng-ngắt như tờ, rất nỗi phiền-muộn, bèn truyền-chỉ vô hậu-cung, chọn trong bọn cung-tần, người nào thật đẹp, dâng lên hầu ngự. Từ buổi có chỉ xuống, nơi hậu-cung rộn-rịt náo-nức, ai nấy truốt-hồng tô-lục, ngong-ngóng trông ân. Song, bậc quốc-sắc vốn là của hiếm, tuyển khắp sáu cung, chỉ được có hai người là Trần-thị và Thái-thị. Trần-thị là con gái Trần Tuyên-đế ; Thái-thị là người ở Đan-dương, đều bậc phong-tư tài-mạo tót-vời, yểu-điệu đoan-trang, mỗi người mỗi vẻ. Tùy-chủ rất lấy làm xứng-ý, cả mừng mà rằng :

— Trẫm trở về già, không còn có chi là hứng-thú ; nay được hai ái-khanh thị-chực bên mình, thì cái cảnh lúc vãn-niên cũng không đến nỗi tịch-mịch !

Bèn phong Trần-thị làm Tuyên-hoa phu-nhân, Thái-thị làm Dung-hoa phu-nhân. Hai người đều được sủng-hạnh cả, nhưng Trần-thị có phần hơn.

Tùy-chủ từ đó, ngày ngày yến-ẩm vui vầy, so với lúc Độc-cô Hoàng-hậu hãy còn, thì bấy giờ lại có điều vui-vẻ xứng-ý bội phần. Song, Tùy-chủ vốn là vua sáng-nghiệp, vẫn có cái khí-vũ anh-đoán, trong cung tuy vui chơi mà ngoài triều không nhãng việc, phàm các chương-tấu, một ly-thi gì đều là xem-xét tường-tận, không có bỏ xót bao giờ ; thường đêm nào cũng làm việc cho đến nửa đêm mới nghỉ. Một đêm, Tùy-chủ đương ngồi bên đèn,

giở phiến-tấu ra coi, thấy mỏi-mệt, liền ngả mình tựa ghế, rồi ngủ thiếp đi, bọn nội-thị cũng cứ để yên, không dám đánh-thức; đương lúc mơ-mơ màng-màng, bỗng thấy một mình đứng trên mặt thành, xa trông bốn mặt non-sông, bát-ngát mênh-mông, như gấm thêu hoa dệt, trong lòng rất khoan-khoái; lại thấy trên mặt thành có ba cây thật lớn, quả lúc-lỉu thật nhiều..... đương mải xem, thì chợt nghe có tiếng nước vỡ, cúi xuống nhìn, thấy ngoài thành nước ngập mênh-mang bạch-lạng, tiếng nước chầy, tiếng sóng dồn, ầm-ầm ào-ào như sấm như sét, rồi nước cứ lừ-lừ dâng lên, chớp mắt đã chàn ngang ngoài mặt thành. Tùy-chủ mộng-trung thất-kinh, vội-vàng nhảy xuống tìm lối chạy tránh, vừa chạy vừa quay đầu lại trông, thấy thế nước càng dữ, chốc-lát kéo đến ngút trời, sợ quá, kêu to một tiếng, giật mình tỉnh giấy, hóa ra giấc mộng. Bấy giờ tinh-thần hãy còn hoảng-hốt, ngồi yên một lúc, nội-thị dâng nước chè, uống luôn mấy chén, định-thần rồi, hồi-tưởng cái cảnh-tượng trong mộng, nghĩ ra thật điềm bất-tường: « Cớ sao lại nước ngập lủm cả kinh-thành? hay là điềm sắp có nạn nước lụt? có lẽ ta phải gia-tâm phòng-giữ sông-nước. Nhưng ở đây làm gì có thủy-hoạn? Hay là sắp có người nào chữ tên hay chữ họ có « chấm-thủy » bên cạnh, sẽ làm loạn chăng, cũng nên? có lẽ ta lại phải để tâm xem-xét, liệu kế khu-trừ, mới khỏi hậu-hoạn được..... ? »

Tùy-chủ vốn người mê-tín mộng-chiêu, bụng hay hồ-nghi, nay mộng thấy như thế, trong-lòng rất hồ hoặc, nghĩ-ngợi phân-vân.....

HỒI THỨ III

Từ đêm hôm nằm mộng thấy nước ngập kinh-thành, thì Tùy-chủ trong lòng phân-vân hồ-hoặc, nghĩ-ngợi quanh-co, nghi cho là tất có người chữ tên hay chữ họ bên cạnh có « chấm-thủy » sẽ làm loạn nước. Bấy giờ trong triều có Thành-quốc-công tên Lý-Hồn, là một vị lão-thần nước Trần, Trần mất về hàng Tùy, vẫn được giữ nguyên-tước là Thành-công. Tùy-chủ nhân sực nghĩ: « Tên là chữ Hồn thì một bên *chấm thủy*, một bên là chữ *quân*; vả tước phong là *Thành-công*, tiếng *Thành* trùng với tiếng *kinh-thành*: phương-chi chữ *quân* lại là có *binh-tượng*. Như vậy, dễ thường cái họa-thai chính là người này cũng nên! Nhưng, hắn đã già, binh-quyền lại không ở tay, thì làm gì được! Có lẽ mộng này ứng về con cháu hắn cũng chưa biết chừng!.... » Nghĩ vậy, bèn phán hỏi cận-thần rằng:

— Lý-Hồn hiện có mấy con, con tên chi?

Cận-thần tâu:

— Muôn tâu Bệ-hạ, Lý-Hồn hiện nay con trưởng chết rồi, chỉ còn người con trai nhỏ vẫn gọi là Hồng.

Tùy-chủ nghe thấy tiếng *Hồng*, liền giật mình, sực nghĩ ngay đến: « Trong mộng thấy trên thành có cây kết quả; cây là chữ *mộc*, mà quả là chữ *tử*; chữ *mộc* trên chữ *tử* dưới là chữ *Lý*. Nay con nhà họ *Lý* tiểu-danh là *Hồng*, mà lại chính chữ *hồng* là *hồng-thủy* nghĩa là nước lớn. Như vậy rất hợp với trong mộng. Nếu thật vậy, thì con nhà ấy tương-lai tất bất-lợi cho nước nhà! chi bằng bây giờ ta sớm liệu trừ quách ngay cho tiệt nọc đi là xong! » Bèn sai nội-thị truyền chỉ tới nhà Lý-Hồn, bắt con Lý-Hồn là Lý-Hồng phải tự-tử. Thương hại! Lý-Hồn đầu xanh có tội-tình gì? bỗng dưng phải thác oan một cách rất thê-thảm!

Từ bữa Tùy-chủ vì giấc mộng, giết oan con nhà họ Lý, việc huyên-truyền ra, làm cho hết thảy những người họ *Lý* đều kinh-khủng, ai nấy lo ngay-ngáy, không hiểu ra thế nào. Một người họ *Lý* tên Tĩnh, tự là Lạc-sư, quê ở Tam-nguyên, vốn là người mưu-trí, thâm-thông binh-pháp, văn-võ kiêm-toàn; từ bé mồ-côi cha mẹ, vẫn ở với cậu ruột là Hàn-cầm-Hổ. Cầm-Hổ thường cùng Lý-Tĩnh đàm-binh, vẫn ngợi-khen Lý-Tĩnh mai sau có thể theo được Tôn, Ngô đời xưa.

Bấy giờ Lý-Tĩnh tuy còn đầu xanh tuổi trẻ, mà đã hoài-bão chí cả; thấy Tùy-chủ vô-đạo, liệu biết cơ-nghiệp Tùy cũng không trường-cửu được; lại nghe thấy việc Tùy-chủ vì giấc mộng giết oan trẻ vô-tội, bèn mỉm cười mà nghĩ thầm rằng: « Chà! bậc đế-vương thì không giết, giết kẻ vô-cô, chỉ tổ thêm thù-oán, có ích gì! » Lại nghĩ: « Cứ như cái mộng của nhà-vua, thì cây có quả, có lẽ là ứng về chữ *Lý*; mà nước ngật lút trời, có lẽ là điềm thiên-hạ hỗn-nhất. Mộng đó mà ứng, thì sau này tất-nhiên là có người họ *Lý* ra giẹp yên thiên-hạ, chứ chẳng không! » Nhân-đó lại tự nghĩ tới mình chính là người họ *Lý*, nên cũng có ý tấp tểnh..... Một hôm, nhân có việc sang Họa-châu, đường qua Họa-sơn, nghe nói ở đó có đền thờ đức sơn-thần Tây-nhạc đại-vương, xưa nay vẫn có tiếng linh-ứng; bèn sửa lễ-vật và làm sớ vào đền mật-đảo xin chỉ-thị cho thời-vận su-hướng và lẽ tới lui của mình, để biết mà quyết-định. ..... Làm lễ xong, lại xin quẻ thẻ và khấn rằng: « Tôi là Lý-Tĩnh, nếu phải là phận có thiên-hạ, thì xin giáng cho một quẻ thẻ để nghiệm linh-ứng! » Khấn đoạn, cầm nắm thẻ gieo xuống; cũng lạ, tự-nhiên hai cái thẻ cứ đứng dựng thẳng trên mặt đất. Lý-tĩnh lấy làm ngờ, nhặt thẻ lên, ném xuống lần nữa, lại thế; phát-khùng lên, ra đứng trước ban thờ, nghiêm nét mặt, đập tay xuống hương-án nói to lên rằng: « Lý-Tĩnh này dầu mà không có phận được hưởng đại-phúc, thì trời sinh ra làm gì! Thần là bậc tiên-tri, hỏi tất phải đáp! Cớ sao hai lần gieo thẻ, đều bất-phân âm-dương! Nay ta lại gieo một lần nữa, nếu không hiển-ứng rõ-ràng, thì quyết đem phá tượng đốt miếu! » Nói xong, lại cầm nắm thẻ gieo xuống; một cái thẻ cứ tự-nhiên chạy vòng quanh mặt đất một lúc, rồi ngả xuống, xem ra là thẻ *dương*. Lý-Tĩnh bụng bảo dạ: « *Dương* là thuộc về tượng *Vua*, cũng là chiẹu tốt. » rồi thu-thập nắm thẻ để giả lại tử-tế, đoạn từ thần lui ra.

(Còn nữa)

GÁI PHỤC THÙ CHA

(Cô-long-ba thiếu-nữ)

Colomba par **Prosper Mérimée**

Bùi-Huy-Cường dịch-thuật

(Tiếp theo)

. . . Từ đó mà đi, Liếp-ba trung-úy đối với con mắt tinh-đời của Ni-viên thiếu-nữ đã thành ra một con người có địa-vị trong xã-hội. Trước tiểu-thư thấy trung-úy có dáng thực-thà vui-vẻ mà ăn nói nhẹ-nhàng như thế thì lấy làm khinh, nhưng bây giờ tiểu-thư lại coi vậy là một cái nết tốt của những con người có đảm-lực. Mà thật thế, người đã biết không để cho những tình-tình to-tát ở trong lòng biểu-lộ ra ngoài thì há chẳng phải là người cao hơn bực thường-nhân ru ?

Tiểu-thư lại coi trung-úy như có ý muốn giết mấy tên côn-đồ hơn là muốn giữ cho tổ-quốc thoát khỏi được vòng dã-man, thế nhưng mà tiểu-thư cũng không lấy thế làm khinh lắm, là vì rằng nàng tưởng như một sự trả-thù cho cha cũng chưa đã hẳn là dở. Vả chăng, những các cô con gái xưa nay, hồ dễ đã mấy cô muốn cho tình-nhân dày dến những việc lớn-lao trong quốc-gia xã-hội chửa !

Vì thế, tiểu-thư nhìn trung-úy chỉ thấy ngài có đôi con mắt to lóng-lánh, đôi hàm răng trắng, trắng-tinh và cách cử-chỉ nói-năng trang-trọng lịch-thiệp thôi. Nàng coi chàng như vậy, thành ra suốt mấy hôm sau, không hôm nào là nàng nói chuyện cùng chàng mà không thấy có vẻ thú đặc-biệt hết cả.

Vì chàng xa nơi tổ-quốc đã lâu năm, nên chi nay được dịp kể chuyện đến, chàng dùng lời nói rất là thiết-tha nồng-nàn, đến nỗi nàng nghe phải cảm-động một cách hiện ra nét mặt. Cái xứ Coọc kia mà chàng đã ly-biệt từ thủa trẻ-thơ, nay còn như in vào trong chí nhớ của chàng vậy. Nào là rừng sâu, núi rậm, nào là nước biếc mây xanh, bao những vẻ nên thơ ấy lúc nào cũng hiển-hiện ra ở trước mắt chàng, hình như muốn dục chàng chong-chóng mà về nơi cố-quận để hưởng cái thú thanh-niên vậy.

Nhưng trong câu chuyện chàng, chàng tuy đã hết sức giữ ý, mà cũng không khỏi pha một vài tiếng « Trả-thù » vào được. Ấy cũng là một cái tính đặc-biệt của những người Coọc. Song le, chàng cùng hơi trách xứ chàng về điều dã-man ấy một đôi chút. Chàng nói rằng : những người nhà quê mà giữ tục « báo-thù truyền-tử nhược-tôn ấy » thì còn khả-dĩ tha-thứ được, chớ như những nhà thành-tinh, óc đã nhiễm thói văn-minh, mà còn đeo-đẳng một cái thói không nên theo như thế mãi, thì thực là mọi-rợ. Người nhà quê có thể tha-thứ được, là vì trước khi họ bắn giết nhau, họ thường bảo nhau rằng : « Anh liệu-hồn anh đấy, tôi bảo cho anh biết trước ! ». Xem thế thì cách họ giết nhau cũng chưa đến nỗi hèn-mạt lắm. Vả chăng, trong những cuộc đấu-chiến ấy, không từng bao giờ hai người giết nhau lại vì một lẽ đê-tiện sốt cả.

Ở xứ Coọc, tuy có nhiều kẻ giết người thật, song không tìm đâu lấy ra được một người hiệp của.

Ni-viên nữ-sĩ nghe thấy một người Coọc hơi có ý chê việc báo-thù như vậy thì cũng lấy làm lạ. Nàng bèn chừng mắt trông chàng một cách xem-xét nhưng cũng không thấy chàng tỏ một ý chi là cảm-động hết. Nàng thấy vậy nàng lại càng phục chàng là người can-đảm ít có.

Tuy-nhiên, chàng can-đảm mặc lòng, tâm-lý của chàng dù có che mắt ai thì được, chớ như muốn che được mắt nàng thì khó lắm, là vì rằng nàng đã hơi thông-thuộc cả tâm-lý chàng rồi kia mà . . ! Nàng bèn nghĩ rằng trung-tá Liếp-ba được người con trai hùng-đảm như chàng đây, chắc cũng chẳng bao lâu mà ở dưới suối vàng sẽ rửa được oán cũ đấy nhỉ ?

Đang lúc ấy, người ở trong thuyền đã có thể trông thấy xứ Coọc được. Chủ thuyền bèn chỏ những nơi bờ biển gồ-ghề chơm-chởm cho hành-khách coi. Ni-viên tiểu-thư tuy không biết những bờ biển ấy bao giờ cả, song cũng cố hỏi cho biết tên mới nghe. Một thắng-cảnh mà ta không biết tên, quả buồn lắm thật.

Ni-viên trung-tá dùng ống viễn-kính, chốc-chốc lại nhìn thấy một vài người mặc áo dạ xám, đeo khẩu-súng tay, cưỡi con ngựa nhỏ, phi trên giốc đá. Tiểu-thư thấy vậy thì tưởng rằng những người đó hoặc là quân cướp, hoặc là những cậu con trai đi trả-thù cho cha ; nhưng Liếp-ba trung-úy vội bảo cho tiểu-thư biết rằng đó là những người nhà quê đi có việc bận, họ mang súng để trang-điểm thì nhiều mà để cần-dùng thì ít. Họ đeo súng cũng tỷ như các công-tử ở Ba-ly đi chơi mát thì thế nào cũng phải cầm một cái gậy lịch-sự vậy.

Tuy một khẩu-súng không đáng quý, không nên thơ bằng một con dao găm thật, song Ni-viên nữ-sĩ lại coi khẩu-súng là một vật đáng cầm cho những người thiếu-niên hơn là cái gậy. Cô coi thế, chẳng qua là vì cô nhớ rằng những vai anh-hùng ở trong truyện của Byron văn-sĩ cùng tạ-thế về hòn đạn *vinh-dự* cả, chớ không ai bỏ mạng về mũi dao *tầm-thường* hết. Ấy cũng là một cái đặc-sắc của cô.

Đi vừa được ba ngày thì thuyền đã tới quần-đảo *Lưu-huyết*. Người trong thuyền đi tới đó đã được trông thấy vịnh A-giác-xi-ô đẹp-đẽ một cách phi-thường. Người ta thường ví A-giác-xi-ô với Nạp-ba, thực quả không sai. Lại nhân khi ấy, một khu *Ma-ky* bị đốt, lửa khói bốc lên nghi-ngút, nhìn rõ ra cảnh Hỏa-sơn *Vê-duy* phun lửa. Nhưng muốn cho A-giác-xi-ô giống hệt như Nạp-ba thì phải có một đạo binh phi-nhân-loại nào đến phá quanh miền Nạp-ba cho thật sách cả dân-sự đi thì mới được, là vì rằng quanh miền A-giác-xi-ô cũng vắng-vẻ quạnh hiu, buồn-rầu lạnh-lẽo như một nơi có rặt những tử-thi vậy.

Từ khi thuyền nhổ neo đến giờ, giọc đường còn thấy lác-đác những công-sưởng nọ, những lâu-đài kia, chớ như quanh vùng A-giác-xi-ô này thì thật chỉ thấy những núi cao rừng thẳm thôi. Nhà cùng trại, tịnh không thấy một cái nào hết, chỉ thấy lác-đác ở trên chỏm núi cao ngất ở quanh chốn tỉnh-thành, những thửa nhà trắng xóa in trên không-khí xanh dờn... Những thửa nhà ấy là những nhà mồ cố-đạo cùng những mồ các nhà dòng-dõi quý-phái.

Cảnh-trí A-giác-xi-ô không phải là không đẹp, song đẹp một cách buồn-rầu và bệ-vệ.

Vào độ ấy, phong-cảnh ở trong phố-xá lại càng hiu-quạnh lắm nữa. Ngoài mấy người quen mặt nhàn-rỗi đi chơi rong ở trên đường cái, thì phố-xá thực không có chút chi là náo-động cả. Đàn-bà con gái qua lại trên đường thì chỉ cũng thấy có những các chị nhà quê ra tỉnh bán hàng thôi. Ta không nghe thấy một tiếng nói, một tiếng cười, một tiếng hát nào như ở những các phố-xá bên Ý-đại-lợi.

Thỉnh-thoảng, ở gốc cây bên đường, ta đi chơi cũng có gặp ít người quê-kịch, mình đeo nặng súng, ngồi đánh bài hay là đứng xem đánh bài cùng nhau. Những người ấy không to tiếng cãi nhau bao giờ; nhưng hễ khi nào cuộc chơi trở nên kịch-liệt quá thì ta thường được nghe thấy những phát súng-lục bắn lên khoảng không. Những phát súng ấy tức là họ bắn ra để đe-rọa nhau đó.

Người Coọc thường thường điềm-đạm và trang-nghiêm. Chiều chiều, ta cũng thấy ít nhiều mặt đi chơi mát, song hầu hết những mặt đó là người ngoại-quốc tới du-lịch cả. Người bản-xứ phần nhiều họ chỉ đứng cửa, hình như con diều-hâu nằm miệng tổ rình mồi để vồ-bắt lấy cả thôi.

IV

Thuyền vừa đậu ở Coọc được hai ngày, Ni-viên nữ-sĩ vừa thăm được cái nhà của Nã-phá-luân hoàng-đế sinh-trưởng và vừa tìm cách đạo-đức để kiếm được một ít vải vẽ thì nàng tự thấy buồn-rầu chán-nản lạ-lùng. Sự buồn đó, ta cũng không nên lấy làm lạ, là vì rằng khi ta đến một xứ-sở nào mà phong-tục không hợp với tính-tình của ta, thề nào ta chẳng tự coi ta như ở một nơi hẻo-lánh được!

Lúc ấy, nàng Ni-viên tiếc vì đã gật đầu ưng-ý theo cha sang du-lịch xứ Coọc khi trước, song nếu nhất-thiết đi ngay bây giờ thì chẳng kẻo lại phạm đến cái danh-dự đi du-lịch của một con người hiệp-nữ mất; ấy vì nàng nghĩ vậy nên nàng đành tâm phải nấn-ná ở lại ít lâu và tìm hết cách để giết thời-giờ cho thật giải muộn.

Nàng quyết-định như thế, nàng bèn sắm-sửa bút mực phẩm-sắc để đi vẽ các nơi vịnh vũng, các chỗ đống gò. Nàng lại có lấy được ảnh một người nhà quê bán rưa ở chợ nữa. Người nhà quê này áo quần rách-rưới cũng như những người nhà quê ở nơi bình-địa, song người ấy khác hơn, là vì bộ râu trắng bạch và hình-dáng kỳ-khôi, hình như một người ít có ở trên thế-gian vậy.

Nhưng những cái thú điềm-đạm ấy cũng chưa đủ tiêu sầu cho tiểu-thư, tiểu-thơ lại phải tìm ra một cách giải trí mới: là dò tâm-lý của Liếp-ba trung-úy. Sự ấy thực cũng không khó gì! Liếp-ba từ bước chân lên đất A-giác-xi-ô, lại lấy sự ở đó làm thích và coi sự gần-gụi tiểu-thơ làm vui, chớ không muốn trở về nơi quê-hương vội.

Ni-viên thiếu-nữ tự buộc cho mình một cái chức-trách rất nặng, là sao phải hóa văn-minh được con người mọi-rợ như Liếp-ba trung-úy ấy mới nghe; nàng muốn chàng phải bỏ những ý mà chàng đã chủ-định đem về thi-hành ở chốn quê nhà mới được. Mà ý định ấy là gì? — Là trả-thù cho cha vậy. Vả từ khi nàng xem-xét cái tâm-lý chàng, nàng cũng hơi lấy làm phục, mà nếu bây giờ để cho chàng xa chân vào con đường mán-mọi thì không nỡ, vì vậy nàng mới nhất-tâm cải-hóa chàng cho nên hẳn một người văn-minh được thì nàng mới lấy làm thỏa thích.

Ngày giờ của những nhà du-lịch ta tiêu-sài theo một cái chương-trình như sau này: Buổi sáng ngày ra thì Trung-tá cùng Liếp-ba đi bắn, mà Ni-viên thiếu-nữ thì mang giấy đi vẽ cùng viết thư về thăm bạn gái ở Anh. Nàng viết như vậy là có ý để được nhiều thư gửi tự A-giác-xi-ô về Luân-đôn Anh-quốc. Vào khoảng độ sáu giờ tụi đàn-ông đeo chim, đeo thỏ về, lúc đó mới cùng nhau ngồi bàn ăn họp mặt. Cơm nước song đâu đấy, Ni-viên tiểu-thư cất tiếng lên hát; còn Trung-tá thì đôi con mắt lim-dim ngủ, khiến cho hai trẻ thanh-niên nọ tha-hồ mà trò-chuyện vẩn-dài cho mãi tới lúc đêm khuya canh vợi. . .

Ta không hiểu rằng vì lẽ gì mà Trung-tá phải đến thăm quan Phủ sở-tại để trình tờ giấy thông-hành lấy chữ-ký. Ngài đến như vậy thì làm cho quan Phủ ta mãn-ý lắm. Phàm làm quan như quan Phủ cùng những người đồng-sự với ngài thì không mấy ai là không suốt ngày buồn-bã cả, vì vậy nay ngài được tiếp một ông Quý-phái Anh-quốc, một ông lịch-thiệp và giầu có, một là thân-sinh một cô con gái nhan-sắc tuyệt-trần như ông Ni-viên trung-tá đây thì ông rất làm hân-hạnh, ông quá đỗi vui-mừng, ông bèn tiếp-đãi quý-quan một cách chân-trọng đường-hoàng.

Quan-phủ trọng Trung-tá thật. Chẳng có thế mà cách đó chưa được bao lâu, ngài đã thân-chinh đến thăm trả nợ Trung-tá.

Khi ấy, Ni-viên trung-tá vừa ăn cơm song, ra nằm duỗi dài trên ghế trường-kỷ, hai mắt lim-dim ngủ; mà ở đàng kia thì tiểu-thư đang đánh đàn, Liếp-ba dang tay giở vở-đàn, mắt nhìn người chơi đàn khôn chớp. . .

Sầy gia-nhân vào báo có quan phủ tới, tức thì tiếng đàn ngớt giọng, Trung-tá vươn vai đứng dậy, dụi mắt bước ra vừa gặp phủ-quan, bèn giới-thiệu con gái quý: « Bẩm quan-lớn, ông Trung-úy Liếp-ba này nữa, là vì rằng tất ngài đã biết ông lắm rồi thì phải.

Quan Phủ hơi có dáng luống-cuống, hỏi rằng:

— Bẩm thưa ngài, ông Trung-úy có phải là lệnh-lang Liếp-ba trung-tá khi xưa không đó ạ?

Liếp-ba thiếu-niên bèn đáp:

— Bẩm, chính tôi đây ạ.

— À, thế thì xưa kia tôi cũng được cái danh-dự quen biết ông thân-sinh ra ngài đó. »

Những câu chuyện nhạt-nhẽo ở trong cuộc giao-tế thường-tình đó, chẳng bao lâu mà thành hết tiếng đối-đáp cùng nhau. Mà Trung-tá cũng chẳng lúc nào ít ngáp-ngủ để tiếp chuyện cả. Còn Liếp-ba thì không muốn hỏi ý-kiến cùng một ông tạm giữ quyền chính-trị như thế; thành ra duy chỉ một mình tiểu-thư tiếp chuyện quan Phủ thôi. Quan Phủ thấy thế cũng cố cầm cho tiểu-thư khỏi nản chuyện; ngài bèn đem những sự lịch-lãm ở kinh-thành Ba-ly kể cùng tiểu-thư nghe. Tiểu-thư vốn người lịch-lãm đã nhiều, nên chỉ nghe chuyện quan ngài cũng không lấy làm buồn lắm. Nhưng phủ-quan miệng thì chuyện-trò vui-vẻ cùng tiểu-thư mà mắt thì chốc-chốc lại đưa nhìn Trung-uý một cách ngờ-vực. Sau ngài sẽ hỏi tiểu-thư rằng;

« Dám hỏi tiểu-thư; có phải tiểu-thư gặp Liếp-ba trung-úy từ ở nơi Bình-địa kia đó chớ? »

Ni-viên trả lời hơi có ý bối-rối rằng:

« Thiếp được biết trung-úy từ dưới chiếc thuyền chở cha con thiếp tới đây, »

Ngài se-sẽ hỏi tiểu-thư rằng :

« Liếp-ba võ-sĩ vốn là người thiệp-thế lắm đấy. . . »

Rồi sau ngài lại hỏi nhỏ tiểu-thư một câu lý-tý nữa rằng :

« Vậy chớ trung-úy nay trở về nơi tổ-quốc có ngỏ mục-đích gì cùng tiểu-thư chăng? »

Tiểu-thư nghe rứt lời, làm ra mặt đường-bệ, đáp rằng :

« Tôi không từng hỏi chàng một sự như thế bao giờ, xin quan-lớn tự-hỏi chàng lấy ! »

Phủ-quan lặng ngồi một lát ; sau thấy Liếp-ba hỏi Trung-tá mấy tiếng bằng tiếng Anh, bèn cất giọng hỏi :

« Xem chừng như Trung-úy ngài đi du-lịch nhiều lắm thì phải. Có dễ ngài đã quên hết xứ Cọoc và phong-tục xứ Cọoc của ta rồi đấy nhỉ ?

— Thưa vâng, tôi xa-cách xứ ta từ khi tôi còn ít tuổi lắm.

— Vậy thưa ngài, từ ấy đến nay, ngài vẫn ở tòng-chinh nước Pháp đấy chớ ?

— Bẩm quan-lớn, tôi bị thải-hồi ạ.

— Thưa ngài, ngài ở tòng-chinh bên Pháp lâu năm như thế thì không có lẽ nào ngài lại không đã hóa hẳn ra người Pháp rồi nhỉ ?

Mấy tiếng sau cùng, phủ-quan có ý hỏi nặng lời.

Nói một người Cọoc thuộc về một xứ lớn khác, đỏ không phải là tăng giá-trị người ấy lên đâu, chính lại là xỉ-vả người ta đó. Nước Cọoc nguyên là một nước tự-lập, một nước không muốn dây-dưới đến nước nào cả ; ấy cũng là một cái đặc-sắc của nước ấy.

Liếp-ba nghe lời quan Phủ hỏi, hơi lấy làm mích-lòng, bèn dùng tiếng vặn lại :

— Thưa ngài, chắc ngài cũng biết rằng một người Cọoc như kẻ bỉ-nhân đây, tất không cần phải tòng-chinh ở Pháp mới nên người có giá-trị đấy nhỉ ?

Phủ-quan vội đáp :

— Thưa không, sao tôi lại không biết thế ; ý tôi muốn nói về cái cảm-tưởng của ngài đối với một vài cái phong-tục cổ của nước nhà kia ! Là vì lẽ rằng những phong-tục ấy cũng không phải là đã chính-đáng lắm ; ta rất nên cải-lương.

Ngài nói đến chữ « phong-tục » và chữ « cải-lương » thì tiếng của ngài cũng hơi thất-thanh mà vẻ mặt cũng hơi biến-sắc. Sau ngài từ-dã ra về, dặn với lại Ni-viên tiểu-thư rằng hễ bao giờ nhàn-rỗi, xin mời tiểu-thư lại phủ-đường chơi cùng phu-nhân.

Khi quan Phủ bước chân khỏi nhà, Ni-viên tiểu-thư bèn nói : « Ta phải ở Cọoc ít lâu để học xem tâm-lý tính-tình của một viên quan Phủ ra làm sao mới được ! Viên quan này đối với ta cũng hơi ra mặt thiệp-thế đó ! »

Liếp-ba nghe vậy, nói rằng :

— Tiểu-thư bảo hắn là thiệp-thế, tôi quả không thể biểu-đồng-tình cùng tiểu-thư được ; là vì rằng tôi thấy hắn ta có vẻ kỳ-khôi và có đáng bí-mật lắm.

Lúc đó quan Trung-tá đã mệt nhoài người ; tiểu-thư đưa mắt nhìn lại, thấy ngài đã lim-dim ngủ gật, bèn sẽ nói cùng Liếp-ba rằng : « Công-tử bảo hắn là có vẻ bí-mật, chớ thực ra hắn không như lời công-tử nói đâu ! Tôi quyết thế, là vì tôi đã hiểu thấu tâm-lý hắn rồi đó, công-tử ạ.

— Khốn như tiểu-thư thông-tuệ lắm kia ! Tiểu-thư nghe một kẻ ngu-soẳn ăn nói cũng thấy ra ý-nghĩa

được. Cái ý-nghĩa ấy chính là ý-nghĩa của tiểu-thư tưởng ra, chớ kỳ-thực thì kẻ ngu-soẳn kia nào có tý gì !

— Lời nói đó là lời nói của Mã-ca-Linh hầu-tước đó ; chớ không phải lời nói tự miệng công-tử đặt ra đâu ! Thế nhưng mà, này công-tử ! Công-tử có muốn tôi giải-bầy cái tâm-lý của hắn ra trước mắt công-tử coi chăng ? Công-tử phải biết rằng tôi đây cũng là một thầy toán, tôi chỉ được tiếp ai đến hai lần là đủ biết người ấy đang nghĩ về một sự gì rồi !

— Trời ơi ! Tiểu-thư nói vậy, khiến cho tôi rùng cả mình ! Nếu mà tiểu-thư lại đọc được tâm-lý tôi, chẳng hay tôi nên lấy thế làm vui hay làm giận nhỉ ?

Ni-viên thiếu-nữ đỏ mặt đáp Liếp-ba trung-úy rằng :

— Này, công-tử ơi ! Tôi cùng công-tử tuy quen-biết nhau mới có ít ngày, song ta quen-biết nhau ở giữa bể và ở giữa một xứ mọi-rợ — Tôi xin lỗi công-tử được nói tiếng « xứ mọi-rợ » ấy, vì tôi mong xứ này được như thế — Vậy thì ta gặp-gỡ nhau ở một xứ mọi-rợ, ta rất dễ trở nên thân-thiết cùng nhau hơn là ở một nơi đô-hội thanh-lịch. Vậy nếu công-tử thấy tiện-thiếp ngỏ cùng công-tử những sự chưa đáng ngỏ mấy, nghĩa là những sự mà kẻ khác không nên dày mình đến, thì công-tử cũng chớ lấy làm kỳ-khôi lắm nhé !

— Tiểu-thư chớ nặng lời như vậy. Tôi lại muốn tiểu-thư cùng cảm-tưởng, cùng sinh-hoạt với tôi kia đó.

— Công-tử dạy thế, được lắm. Song, tôi cũng phải nói trước, để công-tử hiểu-ý cho đã, rồi tôi mới có thể cùng công-tử chuyện-vãn đến những sự thâm-thiết quan-trọng hơn được. Vậy, tôi xin nói thực công-tử biết rằng : tôi tuy không tìm biết những điều bí-mật của công-tử, song những điều bí-mật ấy bỗng-dưng khiến cho tôi hiểu được ít nhiều, thành ra tôi hơi lấy ít nhiều điều đó làm buồn-rầu ái-ngại... Tôi vốn biết gia-quyến công-tử bị một vết thương nặng. Tôi lại vốn biết cái tính hiếu-thắng cùng cái cách trả-thù của người dân xứ công-tử... Vậy há không phải rằng lời nói của phủ-quan khi nẫy là có ý chạm đến sự thương-tâm của công-tử đó chăng ?

— Chẳng có lẽ nào mà Ni-viên tiểu-thư lại tưởng ta là. . . . . »

Liếp-ba ngừng lời lại, mặt xám xanh như sắp chết.

Nữ-sĩ bèn nói chặn rằng :

— Không, tôi không tưởng thế đâu, Liếp-ba công-tử ạ ! Tôi vốn biết công-tử là người quý-tộc, là người danh-dự. Công-tử há đã chẳng nói với tôi khi nẫy rằng ở xứ Cọoc chỉ còn những người hạ-lưu mới hay trả-thù lối *Văng-đét-ta* thôi, mà chính công-tử cũng muốn đổi tiếng Văng-đét-ta ấy ra làm tiếng « đấu-võ » thôi đó ư ?

— Vậy tiểu-thư có bao giờ lại tưởng tôi rồi sau này lại hóa ra một tên giết người được không ?

— Tôi đã ngỏ với công-tử những điều như thế, tất công-tử cũng biết rằng tôi không có ý nào ngờ lòng công-tử chớ. . .

Sau nữ-sĩ lại cúi mặt nói tiếp theo rằng :

— . . . Mà nay sở-dĩ tôi còn nhắc lại sự đó ở trước mặt công-tử, là vì nay công-tử trở lại quê-hương, công-tử nhìn quanh-quẩn mình chỉ thấy những người cỗ-lỗ họ làm gương xấu cho công-tử thôi ; vậy trong những lúc nghịch như thế, công-tử nghĩ đến

tôi, công-tử sẽ biết rằng ở trên đời vẫn có một kẻ nọ từng lấy sự nhịn-nhường của công-tử làm can-đảm, chớ không coi công-tử hèn nhát như phần nhiều những các người man-muội ở xứ công-tử.....

Rồi thiếu-nữ đứng dậy, cáo-từ trung-úy rằng:

— Thôi, ta khá nói đến những điều bất-lợi ấy nữa, những điều đó khiến cho tôi nhực đầu như búa bổ. Vả chăng, đêm đã khuya, canh đã tàn; xin công-tử lại buồng nghỉ thôi, công-tử đừng lấy thế làm giận nhé! Chào công-tử về phòng an giấc!

Tiểu-thư vừa nói, vừa đưa tay ra cho công-tử.

Công-tử bắt lấy một cách nồng-nàn âu-yếm mà rằng:

— Tiểu-thư ạ! chắc tiểu-thư cũng biết rằng nhiều phen cái tật gia-truyền của tổ-quốc nó dấy-động ở trong bản chất tôi, tôi trợt nghĩ đến ông thân-sinh tôi, thì bao những ý-định gớm-ghê nó thoảng qua óc tôi, những muốn rằng..., song tôi nhờ có tiểu-thư, tôi nghĩ đến tiểu-thư, từ nay mà đi, thì không còn bao giờ tôi lại trở về ý cũ nữa; tôi cảm-tạ cái hảo-tâm của tiểu-thư lắm lắm...»

Liếp-ba còn đang sắp nói tiếp, thì Ni-viên mỹ-nữ đánh rơi cái thìa cà-phê xuống ván lát; tiếng kêu loảng-xoảng đánh thức Trung-tá dậy.

Trung-tá chưa mở mắt đã rặn với Liếp-ba rằng:

«Sáng mai đúng năm giờ đi săn nhé! Không được sai hẹn đấy, trung-úy ạ.

— Thưa vâng, xin Trung-tá cứ an giấc!

V

Ngày hôm sau, trước khi Trung-tá cùng Liếp-ba đi săn về, Ni-viên thiếu-nữ đã lững-thững cùng con nụ đi chơi ở bờ biển về tiệm. Đang khi đó, tiểu-thư nhìn thấy một người thiếu-nữ mặc đồ đen, cưỡi con ngựa nhỏ, coi rất mạnh-mẽ, đi tiến vào trong tỉnh. Sau lưng người ấy, có một người nhà quê cũng cưỡi ngựa đi theo. Người này mặc một cái áo dạ mùi nâu đã thủng trắng ở hai đầu khuỷu tay, vai đeo một bầu đựng nước, lưng giắt một khẩu súng-lục, mà tay thì vác một cái súng trường, báng súng thì có một cái túi dạ đeo ở yên ngựa đỡ. Trông hẳn rõ ra một hạng người đặc-biệt: phi quân cướp đường thì cũng là một tay trung-lưu ở xứ Coọc đi du-lịch vậy.

Thế nhưng mà cái nhan-sắc tuyệt trần của người đàn-bà nọ khiến cho tiểu-thư để ý đến nhiều hơn. Tiểu-thư coi chừng người ấy chỉ độ hai mươi tuổi trở lại, mà người to-lớn, trắng-trẻo, mắt thì xanh biếc, môi thì đỏ hồng, mà răng dẹp như ngà, sáng như men. Ta trông người ấy có thể đoán được là một người vừa hơi có tính kiêu-căng, vừa hơi có ý lo-sợ mà lại vừa hơi có lòng sầu-muộn nữa. Trên đầu nàng lại có quàng một cái khăn sô đen, mà tóc nàng sắc vàng thẫm tết thành bím quấn quanh vòng đầu, coi như một thứ khăn của người Thổ-nhĩ-kỳ thường đội vậy.

Cách ăn mặc của nàng thực đặc-biệt, mà xét ra không có tý chi cầu-kỳ cả.

Tiểu-thư tha-hồ mà nhìn kỹ nàng, là vì lúc ấy nàng dừng ngựa lại ở giữa đường, hỏi khách bộ-hành một vài điều, rồi lại thúc ngựa phóng đi. Nàng phóng vừa tới nhà Cao-lâu của Trung-tá và Liếp-ba trọ thì mới kìm ngựa lại, nhảy xuống đất, bước vào trong tiệm....

(Còn nữa)

MỘT CÁCH THỬ TÌNH

Hôm đó, chiều xuân đầm-ấm vẻ xuân đượm-đà. Ở trong vườn hoa Bách-thú, dưới bóng cây râm-mát, cạnh hồ nước trong veo, Hoàng-công-tử là một chàng thiếu-niên vì cái khẩu tài và cái phục-sức đã được nổi tiếng trong sự quyến-oanh dủ-yến hỏi-liễu tìm-hoa, đương thần-thơ đi đi lại lại, thỉnh-thoảng lại dơ cánh tay lên nhìn cái đồng-hồ vàng đeo cổ tay, hình như có ý đợi chờ nóng ruột, thì trên lối đi quanh-quất lững-thững ở đằng xa đi lại một cô thiếu-nữ chạc độ đôi mươi, ăn-mặc nhũn-nhặn, trong cái sắc đẹp lại nhiều cái vẻ thùy-mị mà tinh-khôn hơn là cái vẻ chai-lơ mà khờ dại. Đó tức là Bạch-tiểu-thư đến nơi hẹn hò với Hoàng-công-tử vậy.

Hoàng-công-tử chào bằng một cái miệng cười rất ngoan. — Ngày xuân mấy lúc tình cờ...! Cô làm tôi đợi mãi, đã tưởng hẹn sai.

Bạch-tiểu-thư nói: — Không hẹn thì thôi, đã hẹn thì nào dám sai hẹn.

Hai người dắt nhau vào cũng ngồi trên cái ghế dưới cái bóng cây.

Hoàng-công-tử nói: — Cô ơi, hôm nay trông cô đẹp nhỉ.

Bạch tiểu-thư nói: — Cậu nói làm gì thế cho tôi thêm xấu-hổ! «Cái nết đánh chết cái đẹp» cậu ạ! Làm thân con gái mà dám vượt phận khuê-phòng, đi chơi với trai thế này thì đẹp mà làm gì. Khen tôi lại quá mỉa tôi.

— Đành vậy, nhưng mỗi người một khác chứ. Cô hôm nay đến đây với tôi là vì một cái ái-tình cao-thượng. Cái ái-tình ấy mà ta giữ cho tròn vẹn, có thể làm gương cho kẻ khác được, há chẳng là sự hay lắm sao?

— Tôi cũng mong thế, nhưng chỉ sợ chẳng được thế thôi.

— Ta cứ một lòng với nhau mãi là được. Xin cô không phải ngờ chi hết.

— Tôi không thể không ngờ được, vì đó là sự quan-hệ lắm, cái danh-tiết của người con gái toàn-vẹn hay đổ nát cũng chỉ bởi biết hay không biết xét kỹ chữ tình mà ngờ hay không ngờ đó thôi. Những bức thư, những lời nói của cậu vẫn là chung-tình thực, êm-ái thực, song nào tôi đã biết đích nó ra thế nào...

Không, tôi không thể nói khác lòng tôi nghĩ được. Tôi thực hết lòng yêu cô.

— Thực thế chứ? Cậu thề đi nào.

— Vâng thực thế, xin thề.

— Thề rằng dẫu đến sông cạn đá mòn, sao dời vật đổi, cậu cũng vẫn một lòng với tôi nhé.

— Vâng!

— Tôi bắt cậu thề thế là vì tôi thường nghe thấy người ta nói cậu có tính hay chóng chán, nhiều người con gái đã cùng cậu non thề núi chỉ mà rồi sau cậu cũng đá nát vàng phai, tôi không muốn thêm vào cái số người ấy mà rồi sẽ phải ngậm-ngùi cho cái thân-thế sau này. Cho nên cậu có thực hết lòng với tôi thì tôi cũng mới dám tạc chữ đồng-tâm cùng cậu.

— Không, người ta khác mà cô khác chứ... Tôi đã thề rồi kia mà....

Bạch-tiểu-thư ra dáng nghĩ một lát rồi nói:

— Có lẽ cậu thực bụng với tôi thực. Vậy tôi cũng xin lấy sự thực-thà đối lại với cậu. Tôi hỏi cậu câu này nhé.

— Vâng, câu gì, xin cô cứ hỏi.

— Chắc cậu cũng đã nghe có kẻ nói đến tôi. Cậu nghe thế nào, xin cứ nói thực.

— Tôi xin cứ thực mà nói, cô đừng giận nhé, có người nói cô cũng đã thường đi với nhiều người khác rồi...

— Không, tôi dám chắc với cậu rằng đến khi ta đã dốc lòng thành-thực mà yêu nhau một cách chứa-chan ân-ái, thì cậu sẽ là tình-lang thứ nhất của tôi.

Hoàng-công-tử có ý không tin, song cũng chiều lòng mà gượng đáp: — Vâng! Nếu vậy thì thực là hạnh-phúc to cho tôi lắm.

Bạch-tiểu-thư nói một cách đứng đắn rằng: — Thực thế đấy, cậu ạ. Chắc bây giờ cậu không tin, nhưng không bao lâu cậu sẽ phải tin lời tôi nói đó là thực; vì tôi vốn là người thực-thà, mà tôi lại khác người ta một điều là trong cuộc tình-duyên, tôi không muốn để cho điều gì ám-muội đáng cười cả. Tôi định rằng sau khi cậu với tôi đã trao lời thề-nguyền rồi, đã thực là chung-tình với nhau rồi, thì tôi sẽ về nhà thú thực cả với thầy me tôi . . . .

Hoàng công-tử vội-vàng nói gạt đi rằng:

— Chết nỗi! Thế là điên hay sao? Mình yêu nhau phải kín-đáo mới được chứ, thú thực cho nhà biết thì còn ra thế nào nữa! Chắc ông bà sẽ không bằng lòng hoặc quá giận mà đánh đuổi cô thì làm thế nào?

— Không, thầy me tôi yêu tôi, chiều tôi, tôi nói bằng lòng lấy cậu thì thầy me tôi thuận gả ngay.

— Nhưng thế không phải cách lấy nhau đứng đắn....

— Lấy nhau thì cũng cưới xin đủ lễ chứ có phải theo nhau đâu mà bảo là không đứng-đắn. Hai người thực lòng yêu nhau mà lấy nhau, còn gì hơn nữa.

— Hoàng công-tử lúng-túng nói:

— Không, nhưng mà. . . . . .

— Một là thế hai là không; chớ tôi không bằng lòng những sự ăn sổi ở thì như ai. Cậu có thực bụng yêu tôi mà để cho tôi làm được như lời tôi hàn ban nãy thì tôi mới chịu là nhân-tình cậu. Nếu cậu không bằng lòng thế, là cậu không thực tình với tôi, thì xin thôi.

— Cô kén tình-nhân mà bắt chịu những điều-khoản thế thì trăm người khó đã tìm được một.

— Cậu nói thế, nghĩa là cậu không phải số một người trong trăm người ấy đấy. Thôi xin từ-giã cậu, tôi về.

Hoàng công-tử thấy cô kia quả-quyết đi thực, ra ý tiếc rẻ, kéo tay lại nói rằng:

— Cô từ-giã tôi thực à! Xin cô hãy thong thả, tôi thực hết lòng yêu cô...

— Nếu vậy, xin cậu phải để cho tôi làm như lời tôi nói.

— Cô nói đùa đấy chứ, ai lại thế!. .

— Không, thực đấy. Cậu không bằng lòng thế thì thôi, vì cậu chỉ muốn đãi tôi như các ả bán hương buôn phấn, thì tôi xin van.

— Chết nỗi! cô nghĩ thế, oan lòng tôi. Tôi lại chẳng muốn được cùng cô duyên ưa phận đẹp ư? Nhưng phải thong thả một chút, vì theo cách văn-minh hai bên trước phải am-hiểu nhau đã.

— Không. Bây giờ thì gì mà cậu chẳng bằng lòng, nhưng đến khi một chút ao-ước của cậu đã được thỏa rồi, bấy giờ cậu mới không cần nghĩ đến gì nữa, thì tôi bắt đền cậu được ư? Cho nên theo cách văn-minh của cậu, tôi chỉ e thay cho cái thân tôi. Phải như lời tôi nói ban nãy mới được không thì xin thôi.

Hoàng công-tử biết không thể cưỡng được mà mình muốn đánh lừa, cũng không nỡ đành phải để cho cô kia đi, mà nói theo rằng:

— Ý cô quyết-tuyệt, tôi cũng không thể nài được. Nhưng thôi, thề nguyền xúy-xóa, xin cô cũng đừng cho tôi là cậu sở nhé, vì cái thế tôi không theo lời cô được.

— Cậu dậy quá, tôi đâu dám thế... Đó chẳng qua là một cách thử tình mà thôi. Làm thân con gái mà không biết xét kỹ xem chữ tình thực hay là giả, thì thường khi hại cả một đời. Cho nên tôi muốn thử xem cái sức mạnh của sự say mê cùng cái độ-lượng của lòng thực-thà, xem đằng nào nặng đằng nào nhẹ, đó thực là một cách thử rất diệu, thường vẫn đúng luôn.

— Luôn kia à?

— Phải, Người ta nói với cậu không sai đâu. Tôi đã đôi ba phen đi với các ông công-tử như cậu, nhưng sau khi tôi đã làm phép thử ấy, thì ông nào tôi cũng phải từ-giã như từ-giã cậu bây giờ.

— Thế thì suốt đời cô không thể có người yêu được!

— Thà rằng chẳng có ai yêu thì thôi, chứ có mà phải mang cái tiếng trên Bộc trông dâu ô-uế tấm thân ngà-ngọc, tan-nát cái giá ngàn vàng; hối cũng không kịp nữa tiếc cũng không lại nữa, chẳng khổ một đời lắm sao? Thôi chào cậu!

Nói vậy rồi Bạch-tiểu-thư cứ ung-dung mà đi. . . Hoàng Công-tử đứng sững nhìn theo giờ lâu. . . .

NGUYỄN-THƯỢNG-HUYỀN

NỢ TÌNH

(Xã-hội tiểu-thuyết)

I

Kim-liên nàng hỡi, tôi sắp phải. ...

Đó là câu của một chàng thiếu-niên nói với người thiếu-nữ ở chốn công-viên nơi Hà-thành vậy.

Bảo-tư chàng ơi..., nói cái gì.... cái gì lạ vậy?

—Tôi sắp cùng nàng phải... ly-biệt!

— Chao ôi! chàng... chàng nói cái gì mà tôi chửa hiểu?

— Nàng ơi!.... khổ lắm!....

— Chàng ơi, nói mau! nói mau!...

— Nàng ơi, tôi.... phải đi xa...

— Chao ôi! thôi... còn gì!

Nàng Kim-liên nói song, dựa vào ghế ngất người đi, giọt lệ chứa-chan, lúc đó cái vẻ sinh-đẹp của nàng lại tăng lên bội phần, khiến cho chàng Bảo-tư phải ngây-dại.

— Chàng ơi, sao vậy, sao vậy? Việc gì thế? Xin chàng nói cho tôi nghe... xưa nay...?

— Nàng ơi, đau-đớn lắm, cái ác-cảnh gia-đình nhà tôi mới xảy ra hai tuần lễ nay.

— Chao ôi, thế ư.... rồi?

— Số là cha tôi có một công-ty buôn rất to, cha tôi đứng quản-lý, chẳng may thua lỗ công nợ nhiều quá, còn một

tháng nữa là đến kỳ-hẹn phải trả, mà bây giờ trong nhà..... cha tôi lo quá thành bệnh, mẹ tôi buồn-rầu lo-sợ nên công việc bối-rối, còn em tôi tính trẻ-thơ biết gì.

— Chao ôi, chàng... tôi chua xót vì,,...!

— Thôi, tôi hiểu bụng nàng rồi, đôi ta tay không thì.....

Bảo-tư nói đến đó lòng đau đớn quá, không sao nói hết được; sực nhớ đến việc tư, xem đồng-hồ rồi bảo nàng:

— Nàng ơi! năm giờ chiều rồi, tôi phải đi có việc cần. Lúc đó hai người đều có cái sầu nên cũng chẳng thiết gì nói chuyện lâu, bèn giắt nhau ra khỏi công-viên. Chàng từ-biệt rồi đi. Còn một mình nàng lững-thững bước thấp bước cao, lại nghĩ đến cảnh mình thì, chao ôi! nói hết sự duyên, tơ-tình đứt ruột, lửa phiền cháy gan. Số là nàng Kim liên vốn con nhà thế-phiệt, chẳng may sa-sút cơ-cực, cha mất sớm, để lại một mẹ già và chút em thơ, tuy vậy mà nàng vẫn không ham lợi, giữ nết nhu hòa, một lòng chịu khó buôn bán lần hồi nuôi mẹ và em. Người tuy ăn bận sơ-sài mà cái nhan-sắc cũng vào bậc trầm-ngư lạc-nhạn, năm đó nàng đã mười chín tuổi, thật là một người con gái có hiếu-hạnh.

II

Ai đấy? Bảo-tư con về đấy ư?

Đó tức là câu hỏi của mẹ chàng Bảo-tư đó.

— Vâng con về đây.

— Sao con về tối lắm thế vậy? Việc có song không, hử?

— Việc cũng may... thân-phụ con đâu?

— Thân-phụ con nằm trong phòng kia, không biết sống chết lúc nào, con vào thăm ngay, kẻo thân-phụ con mong từ hồi chưa đến bây giờ đấy.

Chàng Bảo-tư sẽ mở cửa vào, thấy trong phòng tối mịt, chỉ có ngọn đèn tù mù, im không nghe thấy gì, tưởng cha ngủ toan trở ra. Sau nghe tiếng cựa:

— Ai... ai đó?

— Thưa cha con.

— Con về đây ư, lại gần cha hỏi.

Lúc đó chàng Bảo-tư thấy cảnh nhà mình tiêu-điều đến thế, cầm lòng không được, hai hàng lụy chứa-chan, bước đến quì trước đầu giường. Người cha rờ tay vào vai rồi hỏi:

Con ơi, vì cái danh-giá nhà ta, vì cái tiếng-tăm công-cuộc của ta, đã lập nên cái cơ-nghiệp to-tát thế này, bất hạnh mà tiêu-tán đi, cho nên cha lo nghĩ quá mà thành bệnh, cha cũng biết rằng không sống được nữa, mệnh sắp từ trần, con ơi, thế nào, công việc có song không?

Thưa cha, con đã hết sức điều-đình song rồi, làm tờ hợp-đồng lại, được hạn một năm nữa, trong lúc ấy con sẽ trù-liệu cũng song; vậy xin cha đừng lo nghĩ gì, cứ yên tâm an-dưỡng cho thân-thể được mạnh khỏe như xưa, để gia-đình được vui vẻ là hơn.

Chàng nói song thấy cha nằm hai mắt lim-rim ra ý ngủ, bèn sẽ bước ra.

Một lúc người thị-nữ đem cháo vào, chạy ra nói rằng gọi mãi không thấy ông thưa, chàng Bảo-tư vội vàng chạy vào ôm lấy cha gọi mãi người cha mới tỉnh, nắm tay Bảo-tư mà rằng:

Con ơi, vì cha mà con phải gánh-vác việc nặng, thật cha thương con lắm, sau khi cha yên giấc trăm năm rồi, thì con nên nhớ lời cha dặn mà giữ lấy cái danh-giá nhà ta, và khuyên mẹ con chớ phiền, lại dèn-tập thằng em cho nó nên người, nếu được như lời cha đã dặn, thì thật là cha yên giấc dưới cửu-tuyền vậy.

Nói xong thì tắt hơi.

Ôi! cái ác-cảnh trong gia-đình đến thế là cùng!

III

Sau khi an-táng An-lộ rồi (đó tức là tên của cha chàng Bảo-tư) thì cái cảnh gia-đình chàng lại càng tiêu-điều hơn nữa, người nào cũng có vẻ âu-sầu, nhất là chàng Bảo-tư mặt thì ngơ-ngác, đang ngồi chống tay trên án, lại nhớ đến tờ hợp-đồng, phải lo tiền để bồi-thường lại, thì trong lòng như dao cắt, nước mắt chứa-chan, chợt ngủ, mẹ vào trông thấy hỏi:

Bảo-tư con hỡi! buồn gì vậy cho mẹ không yên tâm? làm cho mẹ lại thêm nỗi nhớ cha con! con ơi! bây giờ mẹ buồn-rầu lắm, con ạ!

— Không!... con nghĩ...

— Con ơi! từ khi cha con mất đến bây giờ thật khiến cho mẹ buồn-bã, đứng ngồi không yên, lại còn việc nhà, mẹ lấy làm lo nghĩ, con ơi...

Mẹ ơi! xin mẹ chớ lo nghĩ mà hao-tổn tinh-thần, mẹ cứ yên tâm, việc dâu có đấy, đó là phận-sự của con, xin mẹ cứ yên tâm cho vui cảnh già.

— À! bao giờ con đi... Nam-kỳ?

— Mẹ ơi, để.. con đi.

Lúc đó người mẹ nước mắt dưng-dưng nức-nở nói:

Con ơi! mẹ lấy làm đau lòng lắm, cha con mới mất mà bây giờ con phải đi xa, khiến lòng mẹ thêm chua xót, con ơi, con ơi...

— Thôi! xin mẹ chớ khóc, nam-nhi như thế là thường, nếu con không mau tính thì e cái nhà này cũng mất, mà người ta lại đem ra tòa nữa, như thế nhà ta mất danh-giá mà sau này lại bại-hoại gia-đình, thật lòng con không đành, con đi đây thì em con ở nhà cũng cùng mẹ khuya sớm vui vầy, xin mẹ chớ lo.

Ngay lúc ấy thì tiếp được giấy ở Haiphong nói ngày kia có tầu chạy Nam-kỳ, phải đi ngay; than ôi! xem xong giấy chàng rất là bối-rối, song việc phải đi, bèn vội vàng thu xếp đồ hành-lý, định mai xuống Haiphong trước, ngày đó nhằm về mùa thu, cảnh vật âu-sầu, khiến cho người nghe tiếng gió may bốc cơn hơi lạnh, mà phải đem lòng áo-não; hôm sau ở gare Hanoi hành-khách đông như kiến, trong bọn xôn-sao có một chàng thiếu-niên tay sách va-li, mặt ngơ-ngác ra vẻ buồn-rầu, chân không muốn bước, song hình như có cái tâm sự bắt phải đi, trông cái hình-dạng thơ thẩn mà thương. Cũng vì cảnh-ngộ mà phải xa mẹ và em, lúc tầu bắt đầu chạy, thì chàng cùng mẹ và em từ-biệt, chỉ thấy cái mùi-xoa phấp phới, tầu chạy càng xa thì chiếc mùi-xoa càng nhỏ. Ôi! thà tử-biệt còn hơn nỗi sinh-ly! cái tình cảnh lúc bấy giờ bút nào mà tả ra cho hết được.

IV

Mấy hôm sau khi nàng Kim-Liên đưa đám An-lộ về, tâm thần bối-rối, chau mày rơi lụy, thương chàng đầu xanh tuổi trẻ gặp nỗi bi-ai, trong thì một mình gánh-vác cái gia-đình đổ-nát, ngoài thì thu-xếp cái nợ vu-vơ, mà không ai giúp đỡ. Ôi! càng đau-đớn lòng, một mình chàng như vậy biết than-thở cùng ai, sau nàng lại nghĩ

đến cái tương-lai của mình với chàng không biết rồi sau này làm sao, có được cùng nhau xum-họp hay không? thật là ngổn-ngang trăm mối bên lòng! Lúc đó nàng một mình đang than-thở băn-khoăn, thì nhận được cái thư. Nàng bóc xem :

Nàng Kim-Liên yêu-quí của tôi ơi !

« Nàng ơi ! xin nàng tha lỗi cho tôi,
« nàng xét cho tôi nhờ, vì lúc đi, không
« lại từ biệt nàng, mà nàng không biết
« rằng tôi đi, bây giờ mới biết, thật là
« lỗi tôi, nàng ơi ! nói đến đây lại khiến
« cho lòng tôi đứt ra từng đoạn, tình-
« nghĩa đôi ta keo-sơn như vậy, nếu lại
« cùng nàng chia tay ở gare, mắt trông
« thấy mà không được gần, thì đau-
« đớn biết bao, tôi chắc đi không được,
« bởi vậy tôi phải nén lòng mà đi vậy.
« Thôi ! còn lời thề-hải minh-sơn của
« đôi ta, sau này sẽ cùng nhau hội-
« ngộ, xin nàng cứ vững dạ bền gan,
« tôi có vài hàng chúc nàng và gia-
« quyến ở lại bình-yên vô sự. »

Bảo-tư kính thư.

Nàng Kim-Liên xem xong cái thư, người như ngây như dại, tấm lòng thổn thức, chua-xót nỗi mình, vả biết rằng cái cảnh-ngộ chàng phải thế, nên cũng không dám trách ; từ đó ra vẻ buồn-rầu, có khi thâu đêm chẳng ngủ, ngồi với bóng, lại thở-than với bóng, tâm-sự này biết tỏ cùng ai ! thật là một mình vò-võ chốn cô-phòng, chỉ lấy mũi-kim sợi-chỉ làm khuây.

Ôi ! Cái cảnh đìu-hiu của một người thiếu-nữ như nàng cũng đáng thương đáng giận trời già cay độc ; thật là cái hoa trong bụi vậy.

V

Một tháng nữa sau khi chàng Bảo-tư đã tới Nam-kỳ rồi, ai hay lại xảy ra một tấn bi-kịch trong gia-đình nàng Kim-Liên. Số là có một chàng thiếu-niên văn-sĩ kia, vốn nhà trâm-anh, cha mẹ mất sớm, để lại gia-tài nhiều, mà chàng lại là một người văn-thơ có tiếng ở Hà-thành ta, vào trong phong-nhã, ra ngoài hào-hoa, thật đứng mực tài-tử, lại tính-chất đáng yêu, bạn thiếu-niên ít người bì kịp, không có đàn-điếm như bọn công-tử khác. Một hôm chàng dạo mát, thoáng thấy bóng hồng Kim-Liên mà đem lòng luyến-ái ; từ đó thần yêu trộm nhớ, định kết trăm năm với nàng; bèn hỏi dò chung quanh, thấy cảnh nhà nàng nghèo, nhưng đức-hạnh đủ đường, nên chàng lại càng đem lòng quí hơn nữa, chắc sau này có một người xứng-đáng để giúp một tay trong việc gia-đình. Bèn nhờ người lại hỏi, đem cái cảnh chàng, đem cái sự-nghiệp chàng, cái gia-tài chàng mà nói với bà mẹ. Đêm hôm đó bà mẹ gọi nàng lại gần khóc bảo rằng :

Con ơi, mẹ ngần này tuổi đầu, già-nua tuổi-tác không biết sống chết lúc nào, lại còn chút em thơ như vậy, mà cái cảnh nhà ta cơ-cực, không có ai là người trông nom cả, thật mẹ lấy làm buồn, mẹ cũng định tìm nơi xứng-đáng mà cho con gửi thân nương-nhờ mai sau này, một là nuôi lấy em cho ăn học nên người, hai là cho mẹ được yên giấc suối vàng. May đâu lại có một người đứng-bậc tài-danh đến hỏi như vậy, thật mẹ lấy làm có phúc lắm đấy, con ạ, vậy con thuận đi cho mẹ vui cảnh già, chẳng có mai sau này trông cậy vào ai? Mẹ chỉ thương em con nó bé dại, mà chỉ có chút đó là giọt máu của cha con để lại đó mà thôi ; con nên nghĩ lại, mai sau thân gái biết làm sao... !

Trời làm chi cực với trời ! lúc đó vì cảnh-ngộ, vì mẹ già em thơ, mà trông thấy mẹ vừa khóc vừa nói, không sao đừng được, đành gạt thầm mà ưng vậy. Than ôi ! tình-thế một người thiếu-nữ như nàng biết nói làm sao ?

Đêm hôm đó, trăng sáng vắng-vặc, một mình nàng ngồi ở cửa sổ, hai hàng lụy chứa-chan, trông xa cây cối êm-đềm, cành lá hiu cơn gió thoảng, đêm đã khuya, tiếng gà eo-óc khiến cho nàng đau-đớn, nàng ngửa mặt trông trăng ứa nước mắt than rằng : Trăng già kia độc địa làm sao ? Vì đâu mà khiến cho thân này cùng chàng Bảo-tư kia xa cách ! Tưởng rằng mai-chúc xum vầy, ai hay vĩnh-quyết là ngày đưa nhau ! cây cỏ kia, cảnh đìu-hiu kia, cái im-lặng kia, có biết thân này phải bước đau-đớn không, có biết thân này đã phụ cái ái-tình trong sạch không? Vì đâu nên nỗi thế, vì cảnh-ngộ hay vì chữ hiếu ? cha ơi ! cha linh-thiêng, sao không phù-hộ cho con, không giúp cho con trong lúc bối-rối này ! Chàng Bảo-tư ơi ! chàng có biết cho không ? chàng ơi ! những lời thệ-hải minh-sơn khi trước đến bây giờ chẳng qua là những câu vô-dụng cả ! Bảo-tư chàng hỡi ! công-trình chàng gắn-bó, một lòng sắt-đá không sai, khi vui khi sầu của đôi ta, lúc cùng nhau tri-kỷ ở dưới bóng cây, lúc dạo mát ở trong chốn công-viên, mà bây giờ cách xa ngàn dặm, nước thẳm non xa, chàng ơi chàng ! có thấu tình cho chăng ? Nay mai đây tôi sẽ là người họ khác, mà trong lúc ấy chàng vẫn nhớ-thương tôi !... Than ôi ! ai phá hoại cái ái-tình trong-sạch của đôi ta ? Thật là cái lương-tâm tôi nó làm tôi đau-đớn lắm, chàng ạ ! chao ôi ! gan mòn ruột héo càng nghĩ càng cay đắng nỗi lòng !...

Ngày hôm nàng vu-qui, lại tiếp được bức thư nữa, mở xem :

« Nàng Kim-liên yêu-mến của tôi ơi !

« Hiện nay tôi đã ở Nam-kỳ rồi, được
« đứng Quản-lý một đồn-điền, cảnh
« đây chẳng có gì vui, chỉ núi cùng non,
« cảnh rất buồn-bã, những lúc đêm
« thanh-vắng trông xa tít-mù, chỉ thấy
« bóng núi đen-xì, gió rung cây lắc-
« rắc, tiếng chim kêu tiếng vượn hót,
« lại khiến cho tôi chạnh lòng nhớ
« nơi quê cha đất tổ, xa nhà cửa,
« xa bạn bè, nỗi lòng bồi-rồi thêm
« càng tưởng-nhớ bạn tri-âm, cũng vì
« cái cảnh tôi không đi không được ;
« mà không thể ở nhà sớm-khuya
« chuyện-trò với nàng, để cho nàng
« buồn-bã, thật tôi lấy làm đau-đớn
« lắm-nỗi, nói chẳng hết lời, tuy tôi
« ở xa nghìn dặm mà lúc nào tâm-
« hồn tôi cũng ở bên cạnh nàng, vậy
« xin nàng chớ phiền, duyên hội-ngộ
« đã đành có nơi !... Thôi ! tình đôi ta
« tả sao cho xiết, gọi là vài hàng về
« thăm nàng, và gia-quyến bình yên
« vô sự.

Bảo-tư kính thư »

Nàng xem xong cái thư, tấm lòng thổn-thức, hai hàng lụy chứa-chan, ngồi thừ ra nghĩ rằng : nếu bây giờ mà ta trả lời thì lại khiến cho chàng bối-rối đau-đớn, ăn ngủ không yên, công việc trễ biếng ; lại càng làm khổ cho chàng, mà không trả lời thì... « chống tay ngồi ngẫm sự đời, muốn kêu một tiếng cho dài, kẻo căm ! ». Nàng bèn cố cầm bút viết mấy chữ trả lời :

« Chàng Bảo-tư qui-báu của tôi ơi !
« Chàng ơi ! thật là chiếc bóng năm
« canh, nghĩ đến chàng lúc nào thì
« trong lòng lại bồi-hồi nhớ kẻ xa-xôi
« đang lam-lũ ở nơi rừng núi, chàng
« ơi ! lòng thiếp nhớ chàng thế nào
« chàng có biết không ? Nay thiếp
« đã.... Chàng ơi ! thiếp... chàng ơi !
« chàng ơi..... thiếp, thiếp.....
« xin chàng cứ yên phận làm ăn....
« Chao ôi ! biết thủa.... Thôi gọi là
« vài hàng vào thăm chàng được hai
« chữ bình yên, thiếp an dạ.

Kim-liên kính thư »

Nàng viết xong, phong bì lại, ngần-ngừ không muốn gửi, nếu như vậy thì phụ chàng quá, nên nàng cố nén tri liệu nhắm mắt mà gửi.

VI

Chàng Bảo-tư từ khi đứng làm quản-lý đồn-điền, công việc trôi-chảy, lại được lòng người, ai cũng đem bụng mến, cho nên hoa-lợi thu vào được gấp mọi năm; cách ít lâu người chủ đồn-điền chẳng may mất sớm, gặp phải cậu con lười-biếng không chịu làm ăn. Từ khi cha chết, chơi bời trai gái, cờ bạc đến nỗi công-nợ như chúa Chồm; bất-đắc-dĩ cậu phải bán lại cho chàng. Ấy! từ đó mà chàng đã nghiễm-nhiên là một ông chủ đồn-điền vậy.

Một hôm chàng ăn cơm chiều xong, ra sân ngồi hút thuốc, thấy chiều giới êm-ả, vắng vẻ tịch-mịch, nào chim kêu vượn hót; cái cảnh u-sầu về chiều hay khiến cho người ta buồn mà sinh cảm là vì thế, mà chàng lại là người đa-cảm thì tài nào mà chẳng trạnh niềm nhớ đến gia-hương, nhớ người yêu. Lúc đó hàng lụy chứa-chan, nghĩ rằng: Ta đi thấm-thoắt đã được ba năm tròn, không biết chỗ quê-cha đất-tổ có biến-đổi gì chăng, mẹ và em ta ở nhà có được bình-an hay không? Tuy rằng có thư-từ đi lại, song nghìn dặm cách-trở biết sao cho xiết được. Ôi! cũng vì một chút hơi đồng mà khiến ta phải đem thân đi nơi thâm-sơn cùng-cốc thế này; ở đời ai là chẳng chuộng kim-tiền, nhưng ta đây nào phải như ai, chẳng qua cái nghi-án bắt buộc ta phải lụy đó thôi, chẳng những thế mà ta lại phải xa người thân-yêu của ta kia nữa, là nàng Kim-liên vậy. Từ khi ta vào trong này, không biết nàng ở nhà có nhớ ta không, nghĩ đến lúc nào thật đứt từng khúc ruột, mà đã lâu nay ta cũng không được tin-tức gì của nàng cả, hay là nàng đã... mà có lẽ thật, trước kia ta có nhận được một bức thư, thật khả nghi lắm, những lời nàng nói trong thư, thì hình như nàng muốn nói thật mà nàng không dám nói... Than ôi! cái thân ngọc-ngà kia không biết ra làm sao, hay đã vào tay ai rồi. Chốn Hà-thành kia là nơi đô-hội, chẳng thiếu chi người sang kẻ quí, bởi thế, có lẽ nàng mê vui mà quên ta chăng; nhưng không, ta vẫn không tin rằng nàng nỡ phụ ta như vậy, nếu không, sao biệt tin cá-nhạn. Hỡi nàng Kim-liên yêu-mến của ta ơi, có biết thân này đang lao-lực ở đây không? Nếu sau này tạo-hóa trêu ngươi mà đôi ta không được cùng nhau xum-họp, thì thân này xin phó-thác với non sông! Kim-liên nàng hỡi, đó là cái lòng thành-thực mà ta quyết thế, nàng có thấu chăng! chắc cái thư nàng gởi cho ta đó là cái thư sau cùng thì phải. Chàng nghĩ tới đó lại làm ra mặt nghiễm-nhiên mà rằng: Mình là đứng nam-nhi phải đem tư-tưởng mà ganh đua với đời, có đâu lại tư-lự một người thiếu-nữ như vậy, miệng tuy nói thế nhưng trong lòng thực đau-đớn như dần. Lúc đó mặt trời đã gác núi, chàng bèn bước vào trong nhà.

VII

Ngày tháng thoi đưa, thấm-thoắt được năm năm trời, cũng vị chàng Bảo-tư là người có tri-lự, nên các công nợ ngày xưa chàng trang-trải hết, lại trở nên một nhà phú-hộ, bèn thu-xếp phản-hồi cố-hương.

Lúc về tới nhà, mẹ con anh em gặp nhau, thật là vui vẻ, thôi chuyện hàn-huyên kể sao cho xiết; vài tháng sau chàng đã có một cửa hàng thật to ở Hà-thành lừng-lẫy, ai cũng khen là một nhà doanh-nghiệp đại-gia.

Ngày kia chàng Bảo-tư ngồi trong phòng giấy nghĩ vơ-vẩn sực nhớ đến nàng Kim-liên, ngẩn người ra gục xuống bàn khóc; Kim-liên nàng hỡi, từ khi ta về đến giờ, đã bao phen dò la mà không biết nàng bây giờ ở đâu. Nàng ơi! hiện nay ta đã giầu-sang thế này muốn cùng nàng hưởng cuộc sung-sướng. Than ôi! cái công-trình của ta, cái sự mong-mỏi của ta, cái chung-tình của ta đến bây giờ đều theo gió mà đi cả. Nàng hỡi, hay nàng đã vui cảnh chồng con mà quên ta chăng? Thật thế! Ái-tình ơi, ta đã chịu-khó đem cái thân ta làm hi-sinh cho ái-tình, mà nay cái bổn-phận làm hi-sinh cũng không được trót hay sao? Ôi! nàng là một người ta yêu, ta kính, ta trọng, không lúc nào là ta không nhớ tới, vì nàng mà sau này cả một đời ta không biết cái gì là cái sung-sướng nữa; thôi thế là nàng phá-hoại cái ái-tình trong-sạch của ta vậy, biết bao giờ tạo-hóa lại chung-đúc cho ta được cái ái-tình mới mẻ như xưa? Lúc chàng đang than-thở, chợt có tiếng giầy, chàng biết là thân-mẫu vào, bèn làm ra mặt tươi cười.

Bà mẹ hỏi:

— Con ơi từ khi con về đến giờ, mẹ thật vui mừng lắm, lại trông thấy cơ-nghiệp này, cửa-cao nhà-rộng, mẹ lấy làm mãn-nguyện, mẹ có xuống suối vàng cũng không lấy làm hổ với cha con vậy.

— Vâng, đó cũng là nhờ cái hồng-phúc nhà ta...

— Mà thằng em con đó, ở trong Thành-trung năm nay cũng sắp thi nữa, con ạ.

— Vâng.

— À! bây giờ mẹ nói thực, mẹ nay đầu-bạc răng-long, tuổi già sức yếu, cũng chẳng sống được bao lâu nữa, tuy vui mà cũng chưa thỏa, vì mẹ muốn tìm nơi xứng-đáng để con yên bề gia-thất, cho tuổi già này được an lòng.

Chàng nghe đến đấy ruột tầm chín khúc, lòng rối tơ-vò, nghĩ đến nàng Kim-liên thì giọt lệ chứa-chan, vội làm ra mặt hớn-hở mà rằng:

— Vâng, hiện bây giờ công việc buôn bán còn bận lắm, con hãy xin hoãn lại sau sẽ bàn.

Người mẹ ra vẻ yên tâm, bước trở ra, còn chàng thì ngẩn-ngơ, không biết nghĩ làm sao, hồi-tưởng những lúc mình còn tự-tình với nàng ở trong chốn công-viên, muốn quên cũng không quên được. Ôi! Ông tơ ghét bỏ chi nhau, chưa vui xum-họp đã sầu chia phôi, Kim-liên nàng hỡi, ta không được chung-tình cùng nàng thì thôi, chớ không khi nào ta lại chịu chung-tình với người khác, thà rằng nàng phụ ta, chớ ta đây sao nỡ phụ nàng cho đang. Chàng nghĩ tới đó, bất-tỉnh nhân-sự, hồi lâu mới tỉnh, từ đấy bỏ ăn quên ngủ, lâu dần thành ốm, ngày một thêm nặng, mê-sảng cả đêm, cười cười nói nói, người nhà phải giữ, lúc thì hốt-hoảng vùng đứng dậy, mắt lờ-đờ nhìn trước nhìn sau rồi cười khóc, thường đêm nào cũng cứ gào hét gọi nàng Kim-liên. Nhờ có các thầy thuốc ra công điều-trị, sau bệnh cũng hơi bớt, dần-dần tỉnh lại, gọi em vào mà rằng:

— Em ơi, anh cũng tưởng rằng anh sống được lâu, để cùng em hưởng cuộc giầu-sang, ai ngờ anh xấu số ngắn đời, không thể ở lại được nữa. Vậy em phải thờ mẹ và giữ-dìn cơ-nghiệp cho anh, nếu được như lời, anh chết cũng không hối.

Chàng nói xong ngất người đi, gọi mãi mới tỉnh, thấy người em phục ở đầu giường, sẽ lấy tay đề vào vai mà rằng : Em ơi, mẹ có hỏi thì em cứ nói anh đã bớt, kẻo mẹ đem lòng lo-sợ, anh cũng biết anh không thể sống mà thờ mẹ là bất-hiếu, song số-mệnh anh đến đây là cùng, anh cũng chắc có em sau này thay anh mà gánh-vác lấy. Chàng nói đến đấy lại thở dài mà rằng : Anh còn việc này, vậy em đưa giấy bút cho anh. Lúc chàng viết xong đưa cho em, nói ra giọng-dầu-rĩ rằng : Em ơi, chớ tiếc cái thì-giờ sau cùng này của anh mà chịu khó tìm cho được nhà nàng Kim-liên trao cái thư này cho nàng. Còn chuyện của anh, thiết-tưởng em không cần biết vội ; sau này cũng biết, thôi em đi cho mau, nói xong thở dài một tiếng lại nằm xuống thiếp người đi.

Than ôi ! chữ tình là chữ chi chi..? thế mới biết ông Tạo-hóa cũng cay độc thật ! !

VIII

Nàng Kim-liên vì chữ hiếu phải dẹp chữ tình một bên, mà xuất-giá, tuy vui cảnh chồng con (lúc ấy nàng đã có đứa con trai ba tuổi) mà tấm lòng chua-xót vẫn ấy-náy không nguôi. Một ngày kia chồng đi vắng, nàng đang cùng con hôn-hit đùa-cười, cứ cảnh-tượng ấy ai trông thấy mà chẳng bảo rằng một người thiếu-phụ như kia còn biết lo nghĩ gì nữa ; nhưng than ôi ! cái nghị-tưởng của người ta nghĩ rất sai ; vậy nàng trông thấy con thơ lúc nào, tuy cũng vui, nhưng thật lòng thời lấy làm thảm-thiết, càng đau-đớn bao nhiêu lại càng tưởng-nhớ chàng Bảo-tư bấy nhiêu. Thường khi nàng buồn vẫn tự than rằng : Chàng Bảo-tư ơi, nhiều lúc thiếp nghĩ tới chàng, cũng muốn liều một thác cho rồi, kẻo hổ với nhân-thế vậy, tuy thiếp vui cảnh chồng con thế này mà trong lòng đau như dao cắt, chàng Bảo-tư ôi, thế mà lang-quân thiếp, thật là người hiệp-sĩ, đối với thiếp thật là có tình. Than ôi ! nếu lang-quân thiếp biết thiếp vướng vào lưới-tình như vậy, chắc không bao giờ chịu cưới thiếp nữa, nàng đang than-thở một mình, thấy có người đưa cái thư.

(Số là em Bảo-tư từ lúc cầm cái thư, bụng sực nghĩ ra rằng : mấy năm trước anh ta có dan-díu với một người nghe đâu đã xuất-giá rồi mà ở phố X. thì phải. Bởi vậy nàng Kim-liên mới nhận được thư) nàng bóc thư xem thấy mấy hàng chữ sau này :

« Nàng Kim-liên ơi,

« Có lẽ nàng nhận được cái thư « này thì tôi không kịp trông thấy « mặt nàng vậy. Từ khi tôi cùng nàng « tương-biệt, đến nay được 5 năm, « bấy lâu tôi vẫn canh-cánh bên lòng « cũng ước-ao sau này cùng nhau « xum-họp, ai ngờ tôi sấu số nên « không được sánh đôi cùng nàng, « thôi gọi là vài câu từ-giã nàng, nếu « nàng còn tưởng-vọng gì tôi nữa « xin lại ngay cho tôi trông thấy một « lần sau cùng thì giấc ngủ nghìn thu « của tôi không ân-hận vậy.

Bảo-tư kính-thư »

Lúc nàng xem xong cái thư, mặt tái mét, vội vàng đi ngay, khi đến nhà Bảo-tư, người em đưa nàng vào buồng chàng Bảo-tư nằm, nàng vừa bước chân vào đã nghe tiếng rền-dĩ, khi trông thấy nhìn mãi mới nhận ra, người gầy bằng cái que, nằm ở trên giường, mặt xanh nhợt, hơi thở yếu lắm, nàng sẽ gọi :

— Bảo-tư chàng ơi ! nàng gọi luôn mấy tiếng không thấy chàng thưa ; nàng thấy tình-cảnh như vậy, súc-động tâm-can, hai hàng lụy tuôn rơi, một lúc thấy chàng cựa, nàng lại sẽ gọi, mới thấy chàng mở mắt nhìn chòng-chọc vào nàng. Chàng cố gượng ngồi dậy, song người yếu ngồi không vững lại ngã xuống giường, mặt xanh nhợt trông rất kinh-sợ, chàng cất tiếng nói run-run rằng :

— Ai kia ?

Chàng Bảo-tư ơi, tôi đây mà !

— Ai vậy ?

— Tôi là Kim-liên đây mà !

— Trời ơi ! đến làm chi vậy ?

Tôi đến đây thăm chàng, tôi khấn trời-phật phù-hộ cho chàng mau khỏi, nàng nói xong sẽ bước đến cạnh giường.

Chàng cất giọng lên mà rằng :

Ư, ư, mau khỏi đề... À ! mà nàng Kim-liên kia, có phải thật nàng không ? Đến gần tôi làm chi vậy ? trời ơi, kìa nàng Kim-liên kia, trời ơi, trời ơi !

Nàng Kim-liên khóc rằng :

— Chàng lại mê rồi, vì tôi mà chàng phải đến nỗi này, chàng Bảo-tư ơi !.. Nàng khóc xong lại nắm chặt lấy tay chàng. Sau chàng tỉnh dần nhìn lâu mới thật biết là nàng Kim-liên, bèn thở dài mà rằng :

À ! nàng Kim-liên đây, nàng đến từ bao giờ vậy ? Vì tôi mà phải nhọc công đến đây, biết lấy gì mà trả ơn được, tôi trông thấy nàng đây là lần sau cùng của tôi đó, nàng ơi, nàng sẽ nom thấy tôi vì nàng mà từ-trần vậy. Thôi thế là từ đây đôi ta cách-biệt, vậy tôi cầu-nguyện cho nàng hưởng phúc ở đời. Cũng đừng thương-sót đến kẻ thiệt phận dưới suối vàng này nữa.

Nàng Kim-liên bấy giờ ruột rối như tơ, vội cầm lấy tay chàng toan nói, nhưng than ôi ! Chàng đã hồn về chín suối, nàng bèn phục xuống đầu giường khóc, cả nhà cũng đều khóc.

IX

Khi nàng Kim-liên đi khỏi thì người chồng về, thấy cái thư rơi ở đất, lấy làm lạ bèn nhặt xem, xem xong người toát mồ-hôi, ngồi suy-nghĩ một lúc, sau trông thấy đứa con lại sụt-sùi khóc, chạy lại ôm lấy con hôn mà rằng : Mẹ con đi đâu mà bỏ con vậy, con có biết mẹ con đi đâu không ? Thôi, con ơi, bé dại như con còn biết gì nữa ; cha sinh ra con, thật cha cũng hối hận lắm, có lẽ cha không được ở lại mà xem con trưởng-thành vậy. Con ơi, cha con ta yêu nhau thế này mà cha sắp phải cùng con ly-biệt, nông-nỗi này đau-đớn lắm con ơi, nói rồi lại ôm lấy con mà khóc. Nếu cha đi rồi thì con ở lại với mẹ con nhé, cha chỉ thương con bé dại thế này mà đã gặp bước gian-nan, có lẽ sau này lúc con lớn lên không nhớ mặt cha. Con ơi, còn ảnh của cha để lại đấy, sau con lớn lên thì mẹ con sẽ nói chuyện lại cho con nghe, và con ở với mẹ con phải cho có hiếu, kẻo mẹ con buồn, con nhớ lấy nhé. Người chồng dặn con xong, bèn thu-xếp quần-áo vào một cái va-lít, viết một bức thư, trao cho người vú dặn rằng :

Hễ mợ con có về thì trao cái thư này cho mợ con, và nói ta đi chơi xa mấy hôm.

Lúc người chồng đi, lại hôn đứa con mà rằng : cha đi đây, con có biết nhớ cha không ? Nói đến đấy nghẹn cổ không sao nói được, thở dài một tiếng rồi sách va-lít rứt tình ra đi. (1)

(1) Nếu độc-giả muốn biết chồng nàng Kim liên là ai, và sau này có gặp nàng nữa hay không xin đợi tập sau tục-chuyện sẽ biết (Ôn-khanh).

Lúc nàng Kim-liên về đến nhà người vú đưa cái thư nói rằng : thấy cậu sách va-lít bảo đi chơi xa, dặn đưa cái thư này cho mợ. Nàng có ý nghi-ngờ, vội bóc ra xem :

« Mợ ơi,

« Mợ ơi, từ khi duyên trời xui-khiến « mà đôi ta trúc-mai xum-họp một « nhà, thật cách ăn nết ở, không có điều « tiếng chi cả, cảnh gia-đình như thế, « lòng tôi vui mừng xiết kể. Lại nay « nhờ trời chung-đúc cho đôi ta đứa « hài-nhi như vậy, cái vui-thú trong gia « đình lại tăng lên bội phần, như thế ai « chẳng bảo là cái cảnh khoái-lạc nhất « ở đời. Than ôi ! Tôi đây, trong lòng « vẫn ân-hận, số là hai năm trước, « tôi có trộm xem được hai cái thư « của mợ, song tôi cũng dành tàm, « đến hôm nay khi tôi về thấy vắng mợ « lại có bức thư rơi dưới đất, tôi cầm « xem mới rõ truyện ; mợ ơi như tôi « đây thật con nhà thi-lễ, không phải là « người không có học, mợ cũng rõ, « mà bây giờ tôi tự mang lấy một lỗi, « mà cái lỗi ấy tự mợ không khéo giữ « kín, để đến nỗi tôi biết. Mợ ơi, thật « tôi phá-hoại cái ái-tình trong-sạch « của mợ ; người ta ở đời lấy nhau « vì ái-tình hơn là của-cải, vì cảnh-ngộ « nhà mợ, khiến mợ phải ngậm đắng « nuốt cay mà kết-tóc cùng tôi, cho đến « nỗi xảy ra sự thế này ; từ khi mợ « giúp tôi trong việc tề-gia nội-trợ thật « là êm-thấm vui-vẻ cả, càng êm-thấm « vui-vẻ trong năm năm trời bao nhiêu « thì nay tôi lại càng hối-hận bấy nhiêu. « Thôi, nếu mợ không cho tôi là một « người bạc-đãi mợ thì tình tôi với mợ « là đứa con thơ đó. Xin mợ ở lại « thương lấy nó cũng như là thương « tôi, mà nuôi-nấng cho nên người, thì « dẫu tôi ở nơi xa đất khách, nhưng « cũng được yên lòng hả dạ.

« Thôi gọi là vài lời chúc mợ ở lại « bình an và dìn-giữ lấy con thơ... »

Kính thư
..... Ký

Nàng xem hết cái thơ, trông thấy đứa con tấm lòng thổn-thức, hai hàng nước mắt dưng-dưng, tự biết cuộc đời biến-đổi, dù bậc thiên-tài cũng không tránh được.

Than ôi ! Ở đời là nơi khổ-ải, nếu ai không vướng vào thì lại hình như có tội với xã-hội vậy. Nàng Kim-liên lúc đó việc đời rất chán, coi như đám chông gai, bèn đem gia-tài và đứa con trao lại cho bà mẹ nuôi. Còn nàng thế-phát xuất-gia đầu-phật.

Ôn-Khanh

CHUYỆN BỨC THẢM

Cách đây chừng mấy thế-kỷ, một hôm vua nước Công-tăng-ti-nốp gặp lúc nước được thái-bình vô-sự, nhân-dân vui vẻ làm ăn, bèn cùng quần-thần ngự chơi xứ Quỳnh-Đa, để quan-sát phong-tục người ngoại-quốc. Cả Hoàng-thái-tử cũng theo hầu vua cha. Chèo non lặn suối, trải bao gian-trở, mới đến cánh-đồng toàn thị hoa cỏ.

Ngày kia, đi đến một làng, xung-quanh cỏ mọc xanh-rì, cây cối um-tùm mát-mẻ, liền ngồi xuống nghỉ ngơi, thời thấy rộn-rịp người đi kẻ lại, xôn-xao tiếng nói câu cười. Ấy là ngày phiên chợ ở đó. Tưng-bừng người bán kẻ mua, thực ra cảnh-tượng một xứ phồn-thịnh. Nào ngựa, nào cừu, nào hoa quả, nào là lụa, nào những bức thảm thêu phượng vẽ rồng, cành hoa khóm lá trông rất tinh-xảo, đó là sản-vật của nước Quỳnh-Đa vậy. Đương mải-miết ngắm coi, thời chợt có một người thiếu-nữ đi qua. Thái-tử trông thấy nàng nhan-sắc tuyệt vời, càng ngắm càng ưa, càng nhìn càng đẹp, đem tấm lòng kính mến, liền ngỏ tâm-sự cùng vua cha, nguyện xin cùng nàng kết duyên Tần, Tấn.

Vua nghe thấy vậy, liền phán bảo Thái-tử rằng :

Sao con lại nghĩ lầm như vậy ? Đứa con gái kia chẳng qua là một đứa quê mùa lại là người ngoại-quốc ; thiếu chi người mà con phải cần kẻ ấy ? Khi về nước cha sẽ cưới cho con một người mỹ-nữ, mà giai-nhân lại là con một vị quan đương triều và giầu có nhất ở xứ ta ».

Thái-tử đáp lại một cách rất cung-kính và khẩn-khoản xin vua cha rộng lòng thương mà cho cùng nàng xum-vầy loan-phượng. Vua còn ngần-ngại, thời Thái-tử lại tâu rằng :

— Thưa cha, con thiết-tưởng gia-thú bất-luận-tài ; người này tuy là quê mùa, nhưng cứ mắt con thời không những là con ưa vì sắc mà thôi, con xem ra con người có vẻ thùy-mị dịu-dàng, chắc có cái tài-hạnh đáng thương đáng trọng. Cha ơi ! trong nóc nhà tranh chắc đâu chẳng có tiên-nữ, trong tổ quạ-khoang chắc đâu chẳng lẫn phượng-hoàng, trong đám cỏ lau chắc đâu chẳng có thứ cây quý ! Vậy xin lượng-tình cho ! »

Lời Thái-tử biện-bạch nghe cũng êm tai, nên vua bèn truyền người tìm nàng ấy đến rồi phán rằng :

Ta định hỏi mi cho Thái-tử, chẳng hay mi có bằng lòng làm con dâu một vị Hoàng-đế chăng ?

Nàng khúm-núm tâu rằng :

— Tâu Bệ-hạ, chẳng hay Thái-tử có biết nghề-nghiệp gì không ?

Nàng hỏi vua một cách đường-đột như vậy, mà có vẻ dịu-dàng.

Vua phán :

— Mi điên à ? Có muốn mất đầu không ? Còn một vị Hoàng-đế cần gì phải học nghề ! Nghề của Thái-tử là trị-vì thiên-hạ, muôn dân ! nghề của Thái-tử là nghề làm vua sau khi ta truyền ngôi cho, biết không ?

— Tôi không cần gì một vị Thái-tử, nếu biết một nghề gì thời tôi mới lấy, bằng không thời thôi ! »

Nàng cứ khăng-khăng một mực, dù dỗ ngon dỗ ngọt cũng không chuyển được lòng vàng. Thái-tử thấy vậy,

liền xin vua cha cho phép ở lại học nghề. Vua và quần-thần về nước, Thái-tử một mình đem tấm thân nghìn vàng, chưa từng phải giãi nắng dầu sương mà dấn vào nơi lầu tranh vách đất để học nghề dệt thảm, những mong cho tới cái mục-đích của mình để được cùng nàng sánh bầy loan phượng. Ôi! mạnh thay là cái ái-tình!

Thái-tử vốn là người thông-minh, nên chỉ học trong vòng một năm trời mà đã thành người thợ khéo. Lúc đó nàng mới chịu cùng Thái-tử kết duyên và đưa nhau về nước. Nhân dịp ấy, vua cho nhân-dân yến ẩm bầy ngày và xuất tiền kho mở hội mừng.

Được ít lâu, một hôm chiều giời mát mẻ, Thái-tử bèn một mình dạo chơi chốn sơn lâm; vượn hót chim kêu cây cao cành lớn, mảng vui phong cảnh, vui chân bước mãi, quên cả trời chiều, đi đi mãi, đi đến đường cầu-cũ, mới sực ngẩng trông, thời mặt trời gác núi mà dặm về còn xa!.. Đương có ý lo ngại phân-vân, thời chợt thấy một cái quán gần đó, liền giả làm lái buôn lỡ độ-đường xin vào trú chân:

— Ngươi làm cho ta mấy món ăn thật tốt và đem cả rượu tốt ra đây nhé! » Tửu-bảo dạ dạ vâng vâng, tỏ ra nhà hàng tiếp khách một cách rất tử-tế. Rồi đưa Thái-tử vào một cái phòng trang-hoàng và nói rằng đó là thừa tiếp những bậc vương-tôn quý-khách. Một lát, bầy ra trước mặt toàn những sơn-hào hải-vị; Thái-tử ăn uống no say, gọi Tửu-bảo ra tính tiền, thời chẳng thấy một ai, mà ghế tự nhiên cứ thấy từ từ theo mình thụt xuống vực sâu... Thái-tử biết mình gặp lúc hiểm-nghèo, nhưng tấm lòng can-đảm vẫn giữ vững, không hề tỏ ra ý lo sợ. Thái-tử vừa lóp-ngóp nhổm dậy thời năm sáu thằng chạy lại chẹn cổ, và dọa đâm chết. Hoàng-tử bèn dịu-dàng mà bảo chúng rằng:

Nếu các anh giết ta, làm chi vô ích! này vàng bạc đây, ta cho các anh lấy mà dùng. Nhưng ta tình-nguyện xin ở đây với các anh, ta là lái buôn thảm, nghề thêu-dệt ta rất tinh-xảo, các anh kiếm cho những đồ dùng vào trong hầm này, ta ngồi ta dệt, các anh mang bán, tất được lời to.

Chúng đều y lời và mang những đồ dùng để Thái-tử ở đó dệt thảm. Thái-tử cố sức làm, chẳng hề chễ-nải.

Nói về vợ Hoàng-tử, hôm đó ở cung đợi mãi không thấy Hoàng-tử trở về nóng lòng, sốt ruột, mong mỏi hoài, một ngày, hai ngày, hết ngày ấy sang ngày khác cũng chẳng thấy tăm hơi, nàng một mình hết đứng lại ngồi, thôi ngồi lại đứng, thần-thơ, thơ-thẩn hết vào lại ra!...

Hoàng-thượng cùng quần-thần, và nhân-dân được tin xiết nỗi kinh-hoàng, đều ngơ-ngác lo-sợ. Vua liền tức khắc sai người bố đi tìm kiếm, nhưng mà than ôi! trời cao đất rộng biết đâu mà tìm!

Từ đó trên từ vua quan, dưới đến dân-gian chỗ nào cũng rộn-rịp sục đi tìm kiếm Thái-tử. Quân cường-bạo kia cũng võ vẽ đôi chút, nhưng không ngờ rằng chính người mà vua, quan, dân-sự đang sục tìm đó, chính là người thợ thảm đang ngồi dệt ở cái hầm xâu thăm-thẳm của bọn họ! Còn Thái-tử thời cứ chăm-chăm chúi-chúi mà thêu dệt. Bọn cướp thấy siêng-năng như vậy, hứa cùng Thái-tử sẽ chia cho một phần lãi bán hàng.

Trong khi Hoàng-tử làm việc ở dưới hầm, thời bọn ăn cướp kia thỉnh-thoảng cũng mời những khách vào ăn xuống chơi dưới hầm một cách rất tuyệt-diệu, như cách đã dùng mà biệt-đãi Thái-tử khi trước. Chúng bóc-lột đồ tế-nhuyễn cùng bạc-vàng của khách sơi hàng một cách rất dã-man. Hoàng-tử thấy vậy, cũng động lòng thương người đồng-loại, nhưng xót nỗi anh-hùng lỡ bước cùng đường biết làm sao được! Cũng đành nhắm mắt đưa chân, thử xem thợ tạo xoay vần đến đâu ...

Một mình đối ngọn đèn xanh, hồi-tưởng đến cái cảnh-tượng sầu-thảm đau-đớn ở nhà, thời lại như dao cắt kim châm, ruột tằm đòi đoạn, xót thay vợ trẻ cha già. Tấm lòng thương nhớ, biết là có nguôi! Tuy vậy, cái hy-vọng chùng-phùng dù họa có khi, cũng chưa đến nỗi thật phải tuyệt-vọng. Nghĩ vậy, Thái-tử lại cố nén lòng mà ra công thêu dệt, nghĩ cách tô-điểm một bức thảm để tháo thân khỏi nơi hồ-huyệt.

Bức thảm ấy sáu tháng mới làm xong. Trải bao công trình khó nhọc, nước mắt mồ-hôi mà đổi lấy tấm thảm tuyệt đẹp như vẽ như tô, điểm mầu trắng đỏ, đượm vẻ vàng xanh. Nhưng trong cái vẻ mĩ-lệ ấy ngụ có chút ý riêng mà quân hung-đồ ngu-xuẩn kia không hiểu được vậy. Thái-tử chắc bức thảm ấy sẽ cứu được mình thoát hiểm, bèn gọi bọn cướp đến mà bảo rằng: « bức thảm này ít người làm được, giá bán tất phải cao, các anh mang ra tỉnh, tìm chỗ quan-sang hoặc cửa đế-quyết mà bán thời mới được giá, nhưng cứ đủ số một nghìn lạng vàng hãy bán! » Bọn cướp ấy bèn cắt hai đứa thay đổi y-phục và cùng nhau đem bức thảm ra tỉnh bán. Nhưng rao hết hơi cũng không thấy ai trả đến số tiền như cái giá Hoàng-tử dặn. Khi đó chúng vừa đi đến Hoàng-cung, bèn dủ nhau vào bán, thời được Hoàng-thượng ban khen và trả cho một nghìn lạng vàng. Chúng liền mừng rỡ mà tạ ân vua.

Vua được tấm thảm ấy, cất vào trong cung và vời tất cả gia-quyến ra xem. Ai nấy đều tấm-tắc khen thầm; vợ Thái-tử cũng ra xem, trông thấy bức thảm, lại chạnh lòng nhớ đến ..... Nàng liền tay ngắm-nghía và sực nghĩ ra rằng: bức thảm này phi tay người Quỳnh-Đa thời không ai làm được. Ừ, chính ở Quỳnh-Đa mà ta cùng Thái-tử kết duyên, ở Quỳnh-Đa mà Thái-tử thành người thợ khéo, chẳng hay Thái-tử bây giờ ở đâu!... Càng nhìn càng nghĩ, càng nghĩ càng đau, bất-giác lại đầm-đìa giọt lệ. Ngắm kỹ một hồi lâu, nàng nét mặt bỗng hớn-hở mà kêu to lên rằng: « Chính phải chồng tôi rồi! Chính chồng tôi rồi!... »

Vua thấy chuyện lạ, phán hỏi, nàng bèn tâu lại đầu đuôi: « Này! tên chồng con đây! Này chồng con ở đây! Chính đây! Tâu vua cha!

— Vua phán: Sao Hoàng-tử lại thêu vào bức thảm này mà không về ngay đây được?

— Nàng tâu: con chắc chồng con tất là gặp cảnh nguy-nan ở chốn này! Vậy xin vương-phụ tin ở lời con mà sai người đi cứu!

Vua nghĩ ngợi hồi lâu, nước mắt tầm-tã như mưa, rồi phán bảo quần-thần đem quân đi vây bắt.

Được lệnh vua sai, một toán quân cùng nhau kéo thẳng đến đường cầu-cũ, kéo vào quán, những quân cướp không đủ sức chống-cự, nên đành bỏ tay chịu trói. Quân lính bèn dủ nhau vào hầm, thời gặp Thái-tử đương ngồi xếp chân bằng-chòn ở dưới đất mà thêu bức thứ hai.

Quân lính vừa đưa ra khỏi nơi hang hầm, thời đã thấy nhân-dân chầu chực, reo hò mừng đón.. ..

Ôi! Ngót một năm trời ở nơi hầm tối, nay lại được trông thấy chút ánh sáng mặt trời, lại được câu cung-chúc của nhân-dân, thời cảm-tình chan-chứa biết bao! Người thời hôn chân Hoàng-tử, kẻ thời reo-hò rầm-rĩ. Suốt dọc đường, lúc nào cũng nghe thấy câu: « Hoàng-tử vạn-tuế! », « Công-Tăng-Tí-Nốp vạn vạn tuế! » Hoàng-tử cũng chào lại tỏ ra ý cảm-động cái lòng tốt của nhân-dân . . . .

Ôi! Những lúc cha con vợ chồng, lâu ngày hội-ngộ, nỗi mừng biết lấy chi cân! Cái nỗi bi-hợp ly-hoan, kể sao cho xiết! Vua bèn xuất tiền ban cho những kẻ bần-hàn và mở hội khánh-hạ.

Thành-Hiên,
NGUYỄN-HUY-NHẬN dịch

THỜI-ĐÀM

Quan Toàn-quyền Long tại Đông-Pháp

Vô-tuyến-điện Bordeaux ngày 29 Novembre 1922 nói rằng: « Quan Thuộc-địa bộ Thượng-thư Albert Sarraut đã đệ trình quan Giám-quốc một bản chỉ-dụ lưu-nhậm quan Toàn-quyền Long tại Đông-Pháp một hạn nữa. »

Được tin ấy Đông-Pháp ta đều lấy làm mừng, mà lại đều lấy làm mong. Quan Toàn-quyền Long là một nhà chính-trị và lý-tài có thế-lực có tài giỏi thế nào, ta cứ xem những cái chánh-sách ngài đã thi-hành tại Đông-Pháp ta từ khi ngài sang trọng-nhậm chức Toàn-quyền xứ ta thì đã đủ rõ. Nay ngài được lưu-nhậm một hạn nữa, thì chắc rằng các công-cuộc đương dở-dang ngài sẽ làm hoàn-thành cả và những chánh-sách lợi-dân ngài sẽ lại thi-hành thêm ra, Đông-Pháp ta sẽ được nhờ ngài mà tiến-bộ một ngày một chóng vậy.

Hội-đồng Chính-phủ

Kỳ hội-đồng Chính-phủ thường-trực đã họp sáng ngày 20 Novembre hồi 9 giờ tại phủ Toàn-quyền, có quan quyền Toàn-quyền Baudoin chủ-tọa. Chương-trình xét các việc nhiều lắm, xin trích dịch những việc quan-trọng như sau này:

Duyệt-y các tờ dự-thảo nghị-định của quan Thống-sứ Bắc-kỳ về việc:

A) Buôn đăng-ten.

B) Việc lập thuế ở các hạt-lỵ Bắc-ninh, Đáp-cầu và Thị-cầu.

C) Việc định thuế xe ngựa, xe hơi dùng để vận-tải hành-khách trong tỉnh Hà-đông.

D) Việc chia hạt-lỵ Ninh-bình làm ba miền.

Việc xét tờ dự-thảo nghị-định của quan Thống-sứ Bắc-kỳ về khoản tiền lương-điền.

Nghị-định cho phép nộp số tiền thu-nhập còn thừa lại của Ai-lao trong năm 1921 vào kho tiền dự-bị của xứ ấy là 26 vạn 3 nghìn 865 p.47.

Việc mua chín chiếc toa máy xe-lửa và cả toa chở than cho đường Vinh-Đông-hà cũng là các việc khác thuộc về Công-chính.

Việc làm tờ hợp-đồng mua 100.000 cân thau bằng lá với Đại-công-ty Pháp về việc thương-mại và kỹ-nghệ tại Saigon.

Tờ dự-thảo nghị-định cho phép công-ty khoáng-sản và kỹ-nghệ được thay cho công-ty Pha-lê về việc lĩnh-trưng 2.400.000 cái chai 75 centilitres cho nhà Thương-chánh.

Tờ trình của quan Thống-sứ về việc tăng thuế diêm.

Các Phi-tướng Siam tại nước ta

Nhân dịp hội Đình-chiến năm nay, nước Siam có cho bốn chiếc máy bay sang ta dự hội. Trong các phi-tướng Siam thì có quan tư Luang-Hiam Chaiban đứng đầu, rồi đến quan ba Inthousété là người đã có ở Hanoi ta cách đây 14 năm khi đi hộ-giá Hoàng-hậu vua Chonlalongkorn sang ta, quan ba Frasente, quan hai Sieng, Sudchai Chandravecuine, Kabé Dattananda, Tann Suidvongs cùng bốn viên hạ-quan nữa.

Ngày 5 Novembre hồi 11 giờ rưỡi sáng, hai chiếc máy bay Siam đến Vinh, có hai chiếc máy bay của Đông-Pháp ta vào đón. Quan Công-sứ Métaireau ở Vinh cũng ra nghênh-tiếp. Lễ nghênh-tiếp rất trang-trọng. Các phi-tướng Siam có lưu lại Vinh mấy hôm; trong mấy hôm ấy, hết dự tiệc nọ đến dự tiệc kia, lại có đi xem cả tỉnh-thành và nhà máy diêm và xưởng Kiêm-lâm nữa.

Sáng ngày 8, các phi-tướng Siam mới từ-giã Vinh bay ra Hanoi. Ở tại trường máy-bay Bạch-mai có các quan sau này ra nghênh-tiếp: Quan Nguyên-soái Lépage thay mặt quan Toàn-quyền; quan năm Debailleul thay mặt quan Nguyên-soái thống-binh; quan Công-sứ Delamarre ở Hà-đông; quan Đốc-lý Mourroux; quan Tổng-đốc Hoàng-trọng-Phu; quan cai-trị Manau, thay mặt quan Thống-sứ; báo-giới Tây Nam cùng các quí-quan và quí-phu-nhân đông lắm. Quan tư Glaize, chánh sở Máy-bay, quan ba Arbite, quan hai Guertiau cùng tất cả người làm ở trong sở Máy-bay và những người Trung-hoa sang học ở sở Máy-bay Bạch-mai cũng đều ra nghênh-tiếp cả.

Trong những hôm các phi-tướng Siam mới đến Hanoi ta, ngày nào cũng có bay lượn ở trên thành phố ta, hẳn mọi người đều đã được trông thấy cả. Đến sáng hôm hội Đình-chiến, khi điểm-binh các máy-bay ấy cũng ra dự lễ cùng các máy-bay Đông-pháp liệt-hàng ở trên không-gian.

Chiều ngày 11 Novembre, các phi-tướng Siam ra Haiphong dự lễ khánh-thành đài kỷ-niệm trận-vong tướng-sĩ. Hồi 8 giờ tối thì quan Đốc-lý Dupuy ở Haiphong thết tiệc các phi-tướng Siam cùng các quan đại-biểu phủ Toàn-quyền, phủ Thống-sứ và các quan Binh đến dự lễ hôm ấy.

Ngày chủ-nhật 12 Novembre, hồi 6 giờ chiều quan Đốc-lý Mourroux ở Hanoi cũng thết tiệc *Champagne* các phi-tướng Siam tại dinh ngài.

Tối hôm ấy, hồi 9 giờ, quan Toàn-quyền lại thết tiệc các phi-tướng Siam tại dinh ngài, tiệc rất long-trọng thể, 80 người dự tiệc. Trong bữa tiệc đó, quan Toàn-quyền có đọc một bài chúc, rồi phi-tướng Siam Luang-Hiam-Chaiban cũng có đáp lại một bài.

Hội đình-chiến xong, các phi-tướng Siam còn lưu lại Hanoi mười lăm hôm, vì có mấy viên phi-tướng Siam muốn học cách chụp ảnh bằng máy bay để dùng vào việc đạc-điền.

Lại nhân dịp ấy, các phi-tướng Siam có đi thăm vịnh Hạ-long, mỏ

than Hongay và các xưởng kỹ-nghệ ở Hanoi và Haiphong.

Ngày 24 Novembre thì các phi-tướng Siam từ-giã Hanoi, trước khi ấy, các phi-tướng cũng có đặt một tiệc thượng-mã-bôi rất trọng-thể để đáp lại những bữa tiệc trước.

. . . . . .
. . . . . .
. . . . . .

Tưởng ta cũng nên biết qua về nước Siam ngày nay; trong báo « *Le Midi colonial* » mới rồi có đăng một bài của quan Ernest Outrey Nghị-viên Nam-kỳ, nói về nước Siam; Xin lược dịch ra sau đây để các bạn độc-giả cùng rõ:

« Nước Siam là một nước quân-chủ, một dòng vua trị-vì từ năm 1782 đến nay.

« Từ đời ấy, sáu vua kế-truyền luôn, không có cuộc nội-loạn như các đời vua trước. Đến đời vua Phra Nang Klao là đời vua thứ ba nước Siam, mới mở rộng bờ cõi đến miền sông Mékông và bán-đảo Mã-lai. Vua Mongkut lên nối ngôi lại cùng liệt-cường phương tây điều-đình ký các tờ giao-ước về việc thương-mại và hàng-hải mà nối lại mối giây liên-lạc đã gián-đoạn từ non hai thế-kỷ. Nhưng một đời vua hưng-thịnh và dài lâu hơn cả là đời vua Chulalongkorn, trị-vì trong bốn mươi năm, ai đã được tới gần cũng đều cho là một người đáng yêu-mến nhất nước. Năm 1897, khi vua Chulalongkorn sang Paris. ở điện Elysée cùng các nơi vua đã đi qua, trông thấy một ông vua hoàn-toàn như thế cũng đều lấy làm lạ cả, vì vua là một người trí-thức rộng, học-vấn nhiều, thi-hành những việc cải-lương trong nước hợp với cái văn-minh phương-đông mà những việc sửa-sang cần-thiết đều làm một cách cẩn-thận và lại nhờ người Âu-tây chỉ bảo cho.

« Vua Rama, nối ngôi; tức-vị từ năm 1910 lại cứ làm nối theo công-cuộc của vua trước, mà làm cho nước Siam nay có thể so-sánh với nước nào ở chậu Á cũng được, lại có thể so-sánh với cả các nước Âu-Mỹ nữa.

Gần vua là hoàng-tộc, toàn là chú bác anh em nhà vua, mà phần nhiều người có sang du-học Âu-châu cả. Những người ấy đều giữ địa-vị quan-trọng ở trong nước, là những quận-hạt ngày nay phân-thiết ra cũng như ở các nước Âu-tây. Những người trong hoàng-tộc ấy không có thái-ấp như xưa nữa, song được ăn lương theo trong sổ chi-thu đã định. Vua thì tiếng rằng của-cải trong nước vẫn là của mình cả, song cũng có một quyền sổ hộ, cứ xem những số biên trong đó thì đủ rõ cái trình-độ thịnh-vượng trong nước.

« Chung-quanh vua và các hoàng-thân, thì có các hàng quan-tước. Các quan phần nhiều là dòng-dõi những nhà thế-tộc. Cũng lại nhiều người nhờ được nhà vua cho đi du-học đỗ tại các trường Đại-học ở Âu-Mỹ. Những người ấy về làm quan giúp việc cho các ông hoàng-thân thủ-hiến các quận hạt.

« Nước Siam cũng như nhiều nước khác ở Á-đông, những quan-hàm xứng với chức-vị, không phải là thế-tập, mà các hạng người thì ai cũng có thể làm quan được, không phân biệt dòng-dõi, chỉ tùy theo tài-năng mà thôi. Cái đó là bắt-chước ở văn-minh nước Tầu mà nước Siam đã chịu ảnh-hưởng vậy.

« Vả lại, theo như cái gốc-tích và những thói di-truyền từ xưa, thì dân Siam vẫn có quan-hệ liên-lạc với nước Tầu. Khởi-thủy tự những cao-nguyên ở gần Vân-nam mà xuống, rồi dân ấy cứ tùy theo sự thiên-cư đến những thung-lũng sông Mékong và sông Ménam mà đổi khác mãi đi. Rồi tràn sang đến những xứ mà cái văn-minh Ấn-độ thịnh-hành, dân ấy cũng hóa theo mà bỏ sự thờ-phụng tổ-tiên đi để thờ Phật, sau thành ra trong những phong-tục, tập-thượng rồi đến cả ngôn-ngữ cũng đều biến-cải theo hết Nguyên-thủy thì dân ấy là những bọn dân hung-tợn, đi qua đến xứ nào cũng đánh đuổi dân xứ ấy đi, rồi sau, tự-lập lên được thì lại thành ra nông-dân lương-thiện. Con cháu về sau, đến mãi ngày này, cứ noi gương đó mà đồi hẳn được cả lưu-vực sông Ménam thành ra một cánh-đồng rộng-rãi. Nay những dân ấy đã họp thành một dân-tộc đông có bao nhiêu triệu. Dân ấy cũng theo gương những kẻ cai-trị mình vẫn khác-thủ được những điều di-truyền từ xưa, mà không chống lại với những cái tư-tưởng duy tân, lại biết chọn điều ích-lợi mà theo nữa.

« Trong những người Siam chân-chính nòi-giống ấy, ta cũng lại nên kể thêm có con cháu những người Lào, Cao-mên, An-nam, Diến-điện, Mã-lai, v.v., mà về thế-kỷ trước người Siam đến xâm-chiếm các miền giáp-giới đã bắt được rồi đem về cho đất ở vùng lưu-vực sông Ménam để ở. Theo như những điều giao-ước của Siam, Pháp và Anh mới đây, thì những hạng lưu-dân ấy nay cũng coi như dân Siam cả.

« Các người ngoại-quốc thuộc về Á-châu ở nước Siam không có mấy, chỉ trừ ra có người tầu là nhiều, vì các vua Siam thấy những sự giao-dịch trong nước cần phải nhờ cái tài buôn-bán của người tầu mới mở-mang được, cho nên thường khuyến-khích sự di-dân của họ. Người tầu đã tìm được một chỗ đất tiện-lợi thì họ làm ăn thịnh-vượng ngay và thu-đoạt được cả thương-quyền trong xứ vào tay họ. Nhân-số Tầu, kể cả Khách-lai, ở Siam hiện nay có đến ngoại một triệu. Nhưng luật mới đây đã định bắt những di-dân ấy và con cháu họ cũng phải theo dưới luật-pháp Siam cả. Vả lại triều-đình Bangkok cũng không nhận cho chính-phủ Bắc-kinh đặt một quan Ngoại-giao hoặc Lĩnh-sự ở trong nước, viện cớ rằng không có giao-ước gì về việc ấy cả. »

Đấu-xảo Marseille đã tàn cuộc

Đấu-xảo Marseille đã tàn cuộc từ năm tháng trước. Hội-đồng xét thưởng đã làm xong cái bảng tên những nhà có hàng-hóa vật-liệu bày tại cuộc đấu xảo. Trong cái bảng ấy thì nay bản-chí lược đăng danh-sách các nhà ở Bắc-kỳ được thưởng như sau này:

Giải ngoại hạng:

MM. Phùng-v-Kim (Hanoi). Phạm-văn-Khoan (Hanoi) Quảng-hưng-Long (Hanoi), Đông-pháp Yên-thảo công-ty (Hanoi).

Danh-dự văn-bằng;

MM. Đặng-trọng-Huy, Đinh-văn-Thuận, Lê-Đức, Nguyễn-hữu-Anh tức Hợp-lợi.

Bội-tinh vàng:

MM. Đặng-đức-Tham, Đặng văn-Liên, Đỗ-bá-Đức (Hanoi), trường Kỹ-nghệ Hanoi, Ng-hữu-Thu tức Sen, Ng-thế-Kham, Ng-văn-Vinh, chủ nhật-trình, Ng-v-Qui (Hanoi), Phạm-thọ-Cửu, Phùng-v-Tín, Trần-v-Hợp tức Hợp-thành (Bắc-ninh), Trịnh-v-Chính, Tường-long, Vũ-Chương, Vương-vĩnh-Tuy (Hanoi).

Bội tinh bạc:

MM. Đào-văn-Mai, Đỗ-văn-Tư (Bắc-ninh), Đỗ-bá-Đức, Hòa-ký (Haiphong), Ích Phong, Khương-Lan, Lê-v-Trang

Bắc-ninh), Long-Phụ (Hanoi), Ng-hữu-Phúc, Ng-thế-Kham, Ng-quang-Toại, Ng-v-Đinh, Ng-v-Đỏ (Bắc-ninh), Ng-v-Kỳ (Hanoi), Ng-v-Sán, Ng-văn-Thân, Ng-v-Vượng (Bắc-ninh), Ng-v-Vĩnh, Phạm-kim-Bảng, Phạm-v-Mãi, Phúc-Thành, Tạ-v-Trác, Trần-đình-Thu, Trịnh-v-Đỗ (Hanoi), chủ xưởng dệt-chiếu ở Hanoi.

Bội-tinh đồng :

MM. Đặng-trọng-Huy (Bắc-ninh), Bùi-huy-Quý phố hàng Mắm (Hanoi), Ng-v-Phùng, Ng-hữu-Phúc, Ng-thế-Kham, Ng-v-Thân, Ng-viết-Giản (Bắc-ninh), Nguyễn-v-Vĩnh, Phúc-Thành Hanoi)

Giấy khen :

MM. Mạc-đình-Tư (Hanoi), Ng-v-Độ, Ng-v Sâm, Ng-v.-Thân (Bắc-ninh), Phan-văn-Mai và Phạm-kim-Bảng (Haiphong), hội Trí-tri Hanoi, Trần-Thụ (Hanoi).

Những nhà không có đồ đấu-xảo mà có công giúp cuộc đấu-xảo thì nhiều ông cũng được thưởng Danh-dự văn-bằng. Trong số ấy thì duy có M. Hà-quang-Oánh ở Hanoi là người An-nam được thưởng mà thôi.

Cuộc Đấu xảo Vân-nam

Cuộc Đấu-xảo Vân-nam đã mở từ hôm 1er Décembre 1922, có quan Đô-đốc Đường-kế-Nghiêu đến chủ lễ khánh-thành và các quan trong tòa Lãnh-sự Pháp cùng những người Âu-châu ở tỉnh-lị đến dự hội.

Khu sản-vật của ngoại-quốc thì chỉ có hai nhà Nhật-bản đến dự mà thôi, còn các khu khác thì toàn là các nhà thương-mại Pháp với Nam bày cả. Những nhà dự cuộc đấu-xảo ấy là :

Người Pháp

1. Veyrenc et Cie, đồ điện khí.
2. Poinsard et Veyret, đồ sơn.
3. Gerolimatos, đồ sắt, thuốc lá.
4. Brasserie Hommel, rượu bia.
5. Compagnie Optors, rượu vang Các đồ ăn. — Đệm giường.
6. Compagnie Nestlé, sữa hộp.
7. Denis Frères, đồ ăn, đồ giấy, đồ sơn.
8. Huchet et Lapeyre, những đồ đem nhập cảng.

Người Nam

9. Ngọc Lan, vải màn — Khăn mặt.
10. Đức-lợi, đồ đồng chạm.
11. Chân-thụy, chiếu và bàn ghế bằng mây.
12. Ng-văn-Quynh, đồ khảm.
13. Ng-văn-Sang, đồ thêu.
14. Phạm-v-Quynh, đồ sơn, đồ chạm, đồ thêu.
15. Đào-văn-Mai, đồ thêu.
16. Ng-văn-Thân, đồ thêu.
17. Phúc-Thành, đồ chạm.
18. Phạm-xuân-Can, đồ thêu.
19. Ng-văn-Kỳ, đồ thêu.
20. Ng-thế-Canh, đồ thêu.
21. Hiệp-Ích, đồ gỗ.
22. Ngô-văn-Lợi, sữa hộp.
23. Vũ-văn-Kỳ, đồ khảm.
24. Lý-seng-Bảo, đồ kim-hoàn.

Nếu cuộc Đấu-xảo Vân-nam này không nhằm vào kỳ Hội-chợ Hanoi và báo trước sáu tháng cho các nhà buôn ở bên Tây cũng dự phần, thì cái số người Tây người Nam có đồ đấu-xảo còn đông hơn nhiều.

Lương-điền bãi hẳn

Kể từ ngày 1er Janvier 1923 trở đi, cái khoản lương-điền vẫn cấp cho lính ở hạt Bắc-kỳ mỗi năm 24 đồng theo như nghị-định ngày 3 Juillet 1920 thì sẽ bãi hẳn.

Thế nhưng mà cái nghị này không thi-hành trở lui về trước nghĩa là nghị-định ngày 3 Juillet 1920 bãi đi mà không thiệt-hại đến những quyền-lợi đã được hưởng từ trước ngày thi-hành nghị-định mới này.

Vậy những người lính đã được lương-điền từ trước thì cứ được hưởng mãi cho đến ngày mãn mới thôi.

Lệ-luật tuyển nhân công ở Đông-Pháp

Nghị-định quan Toàn-quyền ngày 22 Novembre có đặt một Hội-đồng để khảo-cứu về cách soạn lệ-luật tuyển mộ nhân-công ở Đông-Pháp. Hội-đồng khi nào có giấy quan Chánh hội-đồng mời thì họp tại Hanoi.

Các quan có chân Hội-đồng là :

Chánh-Hội-đồng, Quan Chánh sở Kinh-tế hoặc quan Phó làm đại-biểu.

Hội-viên : Quan-Chánh-tòa Pháp-luật phủ Toàn-quyền, một quan Đại-biểu quan Chánh tòa Chính-trị và Liêm-phong phủ Toàn-quyền, một quan Cai-trị do quan Thống-sứ cử, quan Chủ-tọa Canh-nông ở sở Kinh-tế, quan Chủ-sự chuyên-môn về việc hàng-hải ở sở Kinh-tế, MM. Borel Hội-trưởng phòng Canh-nông Bắc-kỳ và phía Bắc Trung-kỳ, Boulinier, Khoáng-vật kỹ-sư tổng quản-lý công-ty khoáng-sản Đông-Pháp, quan Docteur Assilin, quan Hoàng-Trọng-Phu, Tổng-đốc Hà-đông.

Thư-ký M. Gauthier thanh-tra sở Thương-mại Đông-Pháp.

Hội-chợ Hanoi năm nay

Ngày chủ-nhật 17 Décembre 1922, đúng chín giờ sáng, quan Toàn-quyền Baudoin đi cùng quan phó Toàn-quyền Robin và quan ba hầu Thierry đến khánh-thành Hội-chợ. M. Sauvage chánh hội-đồng tổ-chức Hội-chợ cùng các viên-chức trong Hội-đồng nghênh-tiếp quan Toàn-quyền tại nhà Đấu-xảo. Khi quan Toàn-quyền tới nơi thì đạo binh thuộc-địa thứ chín cử khúc *Marseillaise*. Đoạn M Sauvage có đọc một bài diễn-văn; quan Toàn-quyền đáp lại mấy lời cám ơn và khen ngợi Hội-đồng tổ-chức đã trù-liệu cho cuộc Hội-chợ năm nay được hoàn-hảo.

Rồi M. Sauvage dẫn quan Toàn-quyền đi xem khắp tất cả các gian hàng tại Hội-chợ. Theo quan Toàn-quyền đi xem có các quan sau này : M. M. Robin, Phó Toàn-quyền, Thống-soái Blondlat, Pasquier Khâm-sứ Trung-kỳ, Daroussin, Khâm-sứ Laos, Mourroux Đốc-lý Hanoi, Nguyễn-soái Sicre, Détieux Tài-chính Tổng-trưởng, André chánh văn-phòng quan Toàn-quyền Long, các quan cai-trị Alberti, Manau, Valette, Delamarre, Tissot nguyên Khâm-sứ Trung-kỳ, quan Thượng-thư Nguyễn-Hữu-Bài, quan Tổng-đốc Hoàng-Trọng-Phu, Trần-Văn-Thông, M. Phetsarath quan Lào v. v....

Quan Toàn-quyền đi xem từng gian hàng một, đến đâu ngài cũng xem xét rất là kỹ-càng, quá 11 giờ thì trở ra về.

Từ trưa hôm ấy trở đi người ở thành-phố ta và người ở các tỉnh về đi chơi Hội-chợ buổi nào cũng đông nghìn-nghịt. Hội-chợ năm nay thực là vui-vẻ quá, hóa-vật bày bán có lẽ nhiều hơn mọi năm.

Trung-kỳ, Nam-kỳ, Cao-mên — nhất là Nam-kỳ — đem hóa-vật ra bày cũng nhiều. Đại-biểu Trung-kỳ là M. Lan, Nam-kỳ là MM. Fontana và Joseph Võ-Văn-Thành, Cao-mên là M. Deloche de Campocasso (Kỳ sau Bản-chí sẽ kỹ-thuật tường-tất về xứ Trung-kỳ và Nam-kỳ).

* * *

Kỳ này vì bản-chí sắp xuất-bản, nên vội lắm, kỹ-thuật về cuộc Hội-chợ không được tường-tận, hãy xin giới-thiệu cùng các bạn độc-giả mấy của hàng sau này là những bạn đồng-chí của Bản-chí mà thôi :

Hiệu CHÂN-THỤY bán các thứ vải-màn, các thứ chiếu dệt bằng cói vặn, bàn ghế đan bằng cói và những tấn

đèn điện rất đẹp, ở gian hàng số 13 dãy nhà chữ A ngay cửa Hội-chợ đi vào.

CÔNG-TY THUỐC-LÁ ĐÔNG-PHÁP (Société des Tabacs de l'Indochine) bán nhiều thuốc-lá *Stic* là thứ thuốc rất ngon, ở gian hàng số 25 dãy nhà chữ A ngay cửa Hội-chợ đi vào.

CÔNG-TY NGUYỄN-HUY-HỢI, bán các thứ xe tay nhà cao-su và xe ngựa rất đẹp rất bền, ở gian hàng số 45 và 47 dãy chữ E, tức là giữa cái nhà mới làm.

CÔNG-TY HIỆP-ÍCH, bán các thứ đồ sơn kiểu Nhật-bản, các thứ ghế mây, tranh vẽ sơn, tượng-nặn bằng đất v. v... ở gian hàng số 205 và 206 dãy nhà chữ D, sau nhà Đấu-xảo.

Hiệu HAI-CHINH, là hiệu làm mũ và khăn rất khéo, năm nay tuy không có bầy riêng gian hàng, song cũng có đem các thứ mũ đến dự cuộc Đấu-xảo tại Hội-chợ.

Những hóa-vật của các cửa hàng mà Bản-chí mới kể đây đều là rất khéo rất tốt, chắc sẽ được nhiều khách thưởng-thức và rộng đường tiêu-thụ vậy.

Trò xiếc Việt-Nam

Thoạt mới nghe bốn tiếng « Trò xiếc Việt-Nam », chắc ai cũng sẵn ngay cái ý xem thường xem khinh mà nói rằng: « Trò-vè ra gì đấy! ». Thực thế, cái cảm-tưởng của người ta đối với trò xiếc Việt-Nam trước khi khai-diễn thực có như thế, mà như thế cũng là một lẽ rất tự-nhiên; vì trò xiếc luyện-tập rất khó, phải phí bao nhiêu công của mới thành, các nước văn-minh Âu Mỹ luyện được một phường xiếc cũng còn khó thay mà cũng không phải là nước nào cũng có. Thế mà Việt-Nam ta là một nước văn-minh chưa được bằng ai, học-thuật hãy còn kém-cỏi, bỗng đâu lại nẩy ra có cái trò xiếc, thì ai tin được rằng trò xiếc ấy là hay là giỏi, mà chẳng cho là cùng với *leo-dây mùa-rối* một phường!

Ối! Kỳ thay không biết làm sao mà cái gì có dính cái tên « *Việt-Nam* » vào thì không mấy người chịu coi bằng những cái *Tây Tầu Mỹ Nhật* cả! Nhưng hai chữ « Việt-Nam » ở cái trò xiếc này lại giải-nghĩa khác hẳn với hai chữ Việt-Nam ở trong trí nghĩ người ta; ai đã đến xem xiếc « Việt-Nam » làm trò rồi mới tỉnh-ngộ ra rằng nếu cứ vội lấy hai chữ « Việt-Nam » mà bình-phẩm trước khi được chứng-kiến cái tài giỏi của Việt-Nam, thì có khi lầm to. Ấy, đối với trò xiếc « Việt-Nam » này, thực không mấy người tránh khỏi cái lầm ấy.

Có lẽ cũng vì thế mà hôm đầu trò xiếc khai-diễn, người xem còn vắng; đến sau này cái tài-giỏi của Việt-Nam đã bày tỏ ra một cách bất-ngờ rồi người ta mới nô-nức nhau đến xem. Đồng-bang ta chịu là tài là giỏi đã đành, đến các qui-quan văn-minh gặp mấy ta mà cũng phải khen, phải chịu rằng không ngờ xiếc « Việt-Nam » khéo như thế, thì thực vẻ-vang cho trò xiếc « Việt-Nam » biết bao!

Từ hôm trò xiếc Việt-Nam đã tỏ tài khéo, ở Hà-thành ta cùng các tỉnh đến xem đã nhiều, hẳn cũng đều đã chứng nhận cái tài khéo của người « *Việt-Nam* » ta làm xiếc không kém gì xiếc ngoại-quốc mấy chút rồi, tưởng không cần phải nói rõ từng li từng tí nữa. Ta chỉ nên nhận rằng cái tài cái khéo của trò xiếc « Việt-Nam » vẫn đáng khen rồi, mà cái lòng quả-cảm, cái chí kiên-nhẫn của người lập ra trò xiếc « Việt-Nam » là M. Tạ-Duy-Hiển lại càng đáng kính đáng phục lắm-nữa. Xưa nay có ai dám chắc rằng Việt-Nam ta có thể làm được trò xiếc hay không? Chắc không. Thế mà M. Tạ-Duy-Hiển dám quả-quyết làm xiếc, chắc lúc đầu ông cũng không thể tự-tin rằng thành-công, mà ông cứ làm, đó chẳng là quả-quyết lắm ru? Đến khi đã hạ tay luyện-tập lại gặp bao sự khó-khăn, phí bao nhiêu công-của, dòng-dã trong năm năm trời cho đến thành-công mới nghe, đó chẳng phải là kiên-nhẫn lắm ru? Vì cái quả-cảm, cái kiên-nhẫn ấy mà ông Tạ-Duy-Hiển được thành-công, ta khen ta phục bao nhiêu, ta cũng lại nên học lấy những cái tinh hay ấy bấy nhiêu.

Người Việt-Nam ta vẫn có tiếng là *tinh vặt, khéo học-lỏm*. Mà thực thế, ngoại-quốc có nghề gì khéo đem đến xứ ta, ta thường đã có nhiều người học-lỏm được nhiều cái hay. Như trò xiếc « Việt-Nam » này lúc đầu cũng là một sự học lỏm, thế mà nhờ có cái chí kiên-nhẫu mà sự học-lỏm ấy nay đã kết-quả một cách rất đáng khen, vậy thì học-lỏm như thế, chẳng nên học-lỏm lắm ư? Thế-giới ngày nay, những sự tân-kỳ mỗi ngày mỗi thêm ra cho ta được trông thấy, bao nhiêu là cái có thể tô-điểm cuộc văn-minh của đời người, tăng-tiến cái hạnh-phúc của nhân-loại, nếu ta cũng biết tinh ý mà học-lỏm lấy được cả, mà dụng-công kiên-nhẫn để làm cho có cái kết-quả hay, thì cơ tiến-bộ của nước ta rất có hy-vọng.

Trò xiếc « Việt-Nam » thực khiến cho ta có điều đáng mong rất to, là mong rằng sẽ có nhiều người nức lòng vì sự thành-công của trò xiếc ấy mà học lấy những nghề hay khác nữa của các nước văn-minh cho cũng có kết-quả như trò xiếc « Việt-Nam » này vậy.

Xiếc HARSMTON'S

Là bọn hát Xiếc rất to và đủ các giống thú, diễn tại chỗ đất cạnh nhà hát Tây.

Có 30 người làm trò rất tài đều là người mới lạ.

Đã khai-diễn từ hôm thứ năm 14 Décembre rồi. Tưởng bà con ở Hà-thành ta nên đến mà xem, cũng là một cuộc mua vui có lý-thú.

Tối nào cũng bắt đầu làm trò từ 9 giờ 15; thứ năm chủ-nhật có diễn ban ngày.

Công việc hội Công-thương đồng-nghiệp

HỘI-CHÁNH HANOI

Biên-bản kỳ tiểu-hội-đồng bất-thường ngày 22 Novembre 1922.

— Hiện-diện có những ông : Nguyễn-Huy-Hợi, Trần-Đình-Quang, Lê-Ngọc-Giản, Nguyễn-Long, Nguyễn-Duy-Nho, Bùi-Thiện-Nhân, Lê-Sĩ-Mão, Nguyễn-Thượng-Huyền, Phan-Văn-Điền, Nguyễn-Thống, Lưu-Đức-Khang, Nguyễn-Đình-Liên.

Vắng mặt có giấy kiếu : MM. Lê-Đình-Khoa, Nguyễn-Bá-Thiệu, Tạ-Công-Viết, Đào-Thao-Cảnh, Đào-Trinh-Nhất, Bạch-Thái-Sơ.

Vắng mặt không có giấy kiếu : MM. Nguyễn-Tiến-Ân, Trần-Quang-Huy.

Đúng tám giờ khai hội-đồng bàn những việc như sau này :

1/ Việc in Điều-lệ. — Ông Hội-trưởng Nguyễn-Huy-Hợi nói : Bây giờ điều-lệ của Hội hết cả, các chi Hội hỏi lấy mãi, mà điều-lệ đã đổi chưa tiện xin được bây giờ, vậy xin in tạm lấy mấy trăm quyển để dùng ngay mà bằng chữ Pháp cả. Hội-đồng định in lấy hai trăm quyển. Ông Nguyễn-Thượng-Huyền và ông Nguyễn-Đình-Liên nói : Nên in cả quốc-ngữ, vì nhiều ông không biết chữ Pháp. Ông Lê-Ngọc-Giản nói : Nên in độ năm trăm quyển thì vừa vì nhiều nơi hỏi lấy Điều-lệ lắm.

2/ Việc Đại-hội-đồng các chi-hội. — Việc Đại-hội-đồng thường-niên năm nay của các chi-hội, Hội-đồng định đạt giấy để đạt cả trong vòng tháng Mars 1923, để tiện đến tháng Avril 1923, Hội-Chánh họp Đại-hội-đồng cho kịp. Hội-đồng lại định các chi-hội họp đại-hội-đồng thì tòa trị-sự Hội-Chánh phải cử phái-viên đi chứng kiến cả.

3/ Đại-hội-đồng hai chi-hội Uông-Bi và Tourane. — Hội-đồng định rằng hai chi-hội này mới thành-lập, khi họp Đại-hội-đồng thành-lập thời tòa Trị-sự sẽ cử mỗi nơi hai ông phái-viên đi chứng-kiến.

4/ Các việc vặt. — Ông Bùi-Thiện-Nhân và ông Phan-Văn-Điền trình hội-đồng việc hai ông đi phúng và đưa đám bà cụ thân-sinh ra ông Nguyễn-Bá-Chiểu, tòng-sự tại sở Hỏa-xa Vân-nam, cụ tạ-thế tại làng Giảng-vũ, Hadông ngày 19 Novembre 1922. Ông Nguyễn-Bá-Chiểu có gởi lời cám ơn hội.

Đúng chín giờ rưỡi không còn việc gì bàn nữa, hội-đồng giải-tán.

Le Président, Nguyễn-Huy-Hợi — *Le Secrétaire,* Nguyễn-Thống

Hội-đồng « Phiếu Hội-viên » — Kỳ Tiểu-hội-đồng « Phiếu Hội-viên » ngày 22 Novembre 1922.

Hiện-diện có những ông : Trần-Đình-Quang, Lê-Ngọc-Giản, Nguyễn-Duy-Nho, Nguyễn-Long, Nguyễn-Thống, Bùi-Thiện-Nhân, Phan-Văn-Điền.

Đúng 9 giờ rưỡi ông Trần-Đình-Quang khai hội-đồng.

Hội-đồng đồng-thanh cử thêm ông Nguyễn-Đình-Liên vào giúp việc trong hội đồng « Phiếu Hội-viên ».

Ông Trần-Đình-Quang, ông Nguyễn-Duy-Nho, và ông Lê-Ngọc-Giản trình hội-đồng giá làm phiếu và làm sổ. Hội-đồng xem mẫu và giá của ông Trần-Đình-Quang trình là một hào một cái (0 p.10), vậy hội-đồng công-nhận giá ấy, thì hội-đồng ưng-thuận đặt làm 500 cái phiếu và một quyển sổ hội-viên 500 tờ giá là 10 p.00.

Le Président de la Commission
Trần-Đình-Quang

Le Secrétaire de la Commission
Nguyễn-Thống

KẾ-TOÁN HỌC-KHOA

Trong số 29 tạp-chí Hữu-Thanh *ký-giả đã nói quan* Maurice Chapat, *Payeur de la Trésorerie, Expert-Comptable près les Tribunaux có hứa sẽ gởi bài kế-toán học-khoa của ngài soạn cho các hội-viên hội ta nghiên-cứu mà bổ-ích thêm vào nghề mình.*

Nay ngài đã gửi cho ông Hội-trưởng Nguyễn-Huy-Hợi một bức thư và khoa kế-toán của ngài soạn. Vậy xin trân-trọng đăng mỗi kỳ một ít lên báo-trương để các bạn Công-Thương ta công-đồng-lãm.

Trong khoa kế-toán của quan Chapat soạn thì đại-đề chia ra từng mục như sau này : 1· Các thứ sổ sách. 2· Các thứ giấy má giao-dịch. 3· Cách giữ sổ sách, 4· Kế-toán thường, 5· Kế-toán hoàn-bị, 6· Cách thực-hành phần kế-toán hoàn-bị, 7· Cách tính sổ cuối năm hay khi thôi buôn bán, 8· Cách thức kết-xã lập-hội để buôn bán chung, 9· Các lối kế-toán, 10· Lời dẫn cho dễ hiểu các bài trong khoa kế-toán này.

Cách ngài chép bài rất giản-dị dễ hiểu, chẳng những các bạn Công-Thương trong hội ta có thể nhờ đó mà bổ-ích nghề mình, mà các nhà tư-bản trong quốc-dân ta buôn to bán lớn, hoặc khai-khẩn đồn-điền, làm thầu-khoán, mở-mang kỹ-nghệ cũng có thể nhờ đó mà thấy phần lợi-ích được, vì ta có thể nói rằng người ta ra làm việc đời không biết kế-toán thời chẳng khác gì anh lái đò đi ra ngoài khơi không có bàn chỉ-nam, mênh-mông không biết đâu là bờ là bến nữa.

Trong khoa-học kế-toán của quan Chapat dạy ta, cốt nhất là cho biết cách giữ sổ nhật-ký « la tenue du journal » cách tính sổ cuối năm « établir le Bilan » và giữ sổ chép thơ « la copie de lettres ». Thật vậy, những nhà buôn ta thường không hay lấy sổ-sách giấy-má làm quan-hệ, chỉ lấy chỉ nhớ làm sổ biên hàng, lời nhắn gửi làm thơ từ giao-thiệp, khi muốn biết lỗ lãi thế nào cũng không dò đâu cho ra manh-mối, bởi thế cho nên ta không mấy người mở-mang cuộc thương mại giao-thông của mình được.

Từ khi cái phong-trào Âu-học đã tràn sang đến con cháu Lạc-Hồng, người trong quốc-dân ta mới biết cái điều lợi-ích về khoa kế-toán-học mà đường buôn-bán mới có phần bành-trướng ra được ít nhiều vậy.

Nay quan Maurice Chapat *có lòng yêu-mến cái chủ-nghĩa của hội « Công-Thương-Đồng-Nghiệp ta » vui lòng giúp-đập cho về đường học-vấn như vậy, thời anh em hàng h i ta há chẳng nên hoan-nghinh mà cảm-tạ ơn ngài lắm sao ?*

Nguyễn-Thống

LIVRES DE COMMERCE

Division

Les livres de commerce se divisent :

1° En livres principaux.

2° En livres auxiliaires.

I. LIVRE PRINCIPAUX

Ce sont les livres exigés par la loi.

Ils comprennent :

1. Le journal
2. Le livre d'Inventaire
3. Les copies de lettres

I. LE JOURNAL

Contexture. — La contexture de ce livre est la suivante :

MARGE	Folio du grand livre Comptes Débiteurs	Folio du grand livre Comptes Créditeurs	OPÉRATIONS	MONTANT des	Comptes Débiteurs	MONTANT des	Comptes Créditeurs

Tenue. — Les opérations y sont portées au jour le jour et à la suite des unes.

Cote, paraphe et visa. — Certaines formalités sont exigées pour ce registre. Préalablement à toute inscription, le journal doit être *Cote, paraphé* et *vise.*

Cote : Par le numérotage des feuillets ;

Paraphe : Par l'apposition du paraphe de l'Autorité sur chaque feuillet ;

Visa : Par la mention suivante portée sur la première page :

L'an. . . . . Nous. . . . . .
. . . . . avons côté par premier et dernier feuillet le présent. . . . . .
. . . . . contenant. . . . . feuillets pour servir à . . .
. . . . . .
A. . . . . le . . . . . .

Cette formalité a pour but d'éviter toute soustraction frauduleuse de page ou toute modification qui pourrait altérer la cincérité de la comptabilité.

On emploie de préférence de nos jours, le journal à 3 colonnes.

2. LE LIVRE D'INVENTAIRE

La contexture de ce registre est sensiblement la même que celle du journal.

Le détail de l'inventaire y est porté annuellement ainsi que tous les renseignements d'ordre général intéressant la maison. Il est paraphé comme le journal.

Extrait du livre d'Inventaire

INVENTAIRE GÉNÉRAL

Tant des espèces en Caisse Marchandises en Magasin, Matériel, Effets etc... que des Créances et Dettes de M. X. Négociant à Hanoi.

ACTIF

1 caisse

Espèces en caisse . . . . . .

3. LE COPIE DE LETTRES

C'est un registre numéroté et auquel se trouve annexé un répertoire alphabétique qui permet de grouper les correspondances par client ou fournisseur.

Les lettres sont enregistrées sur ce livre à l'aide d'une encre spéciale à copier et d'une presse.

(A suivre)

Ảnh Hội-viên. — Tòa Trị-sự Hội-Chánh chúng tôi có lời kính-cáo để các ngài có chân trong hội mau gửi ảnh về để ban Tiểu-hội-đồng làm « Phiếu Hội-viên » làm cho chóng xong.

Cải chính. — Trong biên-bản kỳ tiểu-hội-đồng thường-nguyệt ngày 6 Novembre 1922 của Hội-Chánh đăng trong Hữu-Thanh số 30, trang 295, cột thứ hai, có thiếu một quãng, xin cải-chính lại như sau này.

Ông Nguyễn-Thống nói: Ông Nguyễn-công-Trực là một người mẫn-cán, vả lại ông có công với chi-hội Hongay nhiều lắm, hội ta nên giữ ông lại làm Hội-trưởng cho chi-hội Hongay thì hơn. Cả hội-đồng đều ưng-thuận.

Các hội-viên mới vào hội. — M. Nguyễn-Văn-Thụy, Caissier-comptable à l'*Avenir du Tonkin.*

93, Rue des Pavillons noirs, Hanoi.

M. Phạm-Bá-Kiên, Commerçant, 77, Rue Jean Dupuis Hanoi.

M. Phạm-quang-Đại, 34, Rue des Voiles Hanoi.

M. Trần-Xuân-Bảng, Chef de gare Chợ gềnh.

M. Nghiêm-Vịnh, Directeur de la Sté Ích-Hữu-Thư-Xã,

13, Rue du Coton Hanoi.

M. Trần-Minh-Kính dit Diệm, Secrétaire dactylographe à la Revue Hữu-Thanh.

M Trương-Cao-Đồng, Marchand de bois en gros,

30, Rue des Bambous, Hanoi.

CHI HỘI VIETRI

Biên-bản kỳ tiểu-hội-đồng thường-nguyệt ngày 22 Octobre 1922 tại nhà hội-quán Phố Laga. — Hiện-diện có những ông: Nguyễn-Thế-Long, Trần-Bá-Quỹ, Nguyễn-Văn-My, Nguyễn-Liên, Nguyễn-Đức-Thuần, Trần-Đức-Mưu, Tạ-Văn-Sinh, Ngô-Vi-Tiếu, Đỗ-Đình-Lan dit Lâm, Ngô-Văn-Lập, Đào-Văn-Bỵ, Lưu-Văn-Chương, Đỗ-Linh-Chung, Phạm-Văn-Sán, Ngô-Đình-Toản, Nguyễn-Văn-Bệ, Đào-Văn-Hộ, Lê-Nguyên-Tư, Vũ-Quý-Tụ.

Đúng 20 giờ khai hội-đồng.

Ông Hội-trưởng Nguyễn Thế-Long đứng lên giới-thiệu ba ông mới vào hội là MM. Lê-Nguyên-Tư, tổng-thư-ký, Vũ-Quý-Tụ, thư-ký, Trần-Hữu-Cự, đốc-công sở máy giấy Vietri do ông Nguyễn-Thế-Long và Trần-Đức-Mưu giới-thiệu. Hội-đồng đều hoan-nghênh ba ông vào hội.

Việc Hội-quán. Ông Hội-trưởng Nguyễn-Thế-Long nói: theo như kỳ tiểu-hội-đồng trước xin trình để hội-đồng biết ông Nguyễn-Bá-Lưu đã giao hội-quán cho hội kể từ 1er Octobre này.

Ngày kỷ-niệm đình-chiến. — Ông Kiểm-soát ủy-viên Nguyễn-Liên nói: Đến 11 Novembre này là ngày kỷ-niệm đình-chiến mà hội ta cờ và đèn chưa có đủ, xin trình để hội-đồng nhờ ban Trị-sự sắm cờ, đèn cho đủ để treo trong ngày lễ cho rực-rỡ.

Việc Hữu-phả. — Ông Thư-ký Trần Đức-Mưu nói: Ảnh làm Hữu-phả hiện còn nhiều ông chưa gửi về xin trình để hội-đồng biết.

Ông Long nói: Đến ngày 31 Octobre đã phải gửi ảnh về Hội-chính. Ông hội-viên nào chưa chụp xin kíp chụp mà gửi về cho, vì việc là việc công-ích cả, xin các ông cũng giúp một tay kẻo mỗi lần viết thư riêng trước là phiền lòng các ông, mà nói vào biên-bản không lẽ nói mãi. Dù ông nào có ý riêng xin gửi thư cho hội-đồng biết để hội đồng ta cùng bàn thêm.

Việc đi thăm các Hội-viên đau. — Ông Thủ-quỹ Trần-Bá-Quỹ, Văn-tấn ủy-viên, Tạ-Văn-Sinh, ủy-viên Bạch-hạc Đào-Văn-Bỵ nói: Hôm 5-10-22 chúng tôi có nhận được giấy đạt của Ông Hội-trưởng để đi thăm ông Lê-Thanh-Giai và Trần-Đức-Tiến ở Bạch-hạc đau. Xin trình để Hội-đồng biết ông Giai phải mệt xoàng thôi, còn ông Tiến bệnh vẫn như cũ chưa thực khỏe song hai ông vẫn làm việc được.

Việc đạt giấy cho các hội-viên. — Hội-đồng ưng-thuận các giấy đạt cho các hội-viên, xin cứ đạt cho các ông ủy-viên (syndics) các nơi. Các ông ủy-viên sẽ chuyển-đạt cho các ông hội viên trong hạt mình cho tiện.

Việc báo Hữu-Thanh. — Lúc ông Mưu sắp đọc bức thư của ông chủ-nhiệm báo *Hữu-Thanh* tự giới-thiệu báo *Hữu-Thanh* thì ông Liên và ông Tiếu nói: Hai ông không mua báo *Hữu-Thanh* nay thấy gửi báo cho hai ông thì hai ông không hiểu. Ông Long nói: Ông vẫn sẵn lòng cổ-động báo *Hữu-Thanh*, vả chăng báo *Hữu-Thanh* là cơ-quan của hội B. K. C. T. Đ. N. xin các hội-viên cũng chiếu-cố đến cho. — Ta đây là hội-viên mà mua báo *Hữu-Thanh* chính là hợp lẽ, người ngoài mua đồng-niên là 5 p. 00 mà người trong hội mua có 4 p. 50 mà thôi. — Thế thì 4 p. 50 một năm, hơn 3 hào một tháng. Ta xem báo *Hữu-Thanh* ích-lợi cho ta được nhiều việc. Trước nữa ta được biết sự thịnh-đạt của hội ta trong ba-kỳ ra thế nào. Sau nữa khi ta nhàn-hạ giở *Hữu-Thanh* ra xem điều có đủ; nào là: Luân-lý, học-thuật, văn-nghệ, thực-nghiệp, kinh-tế, vân vân đều đủ cả. Các hội-viên điều hoan-nghênh nhận báo cả, duy chỉ có mấy ông cựu-học không biết chữ quốc-ngữ thì đều lấy làm tiếc cả. Ông Long lại nói xin mấy ông ấy viết thư về cho bản chi-hội để bản chi-hội viết giấy cho báo *Hữu-Thanh* biết.

Giấy xin vào hội. — Ông Kim là thầu-khoán ở Tuyên-Quang người Hải-phòng xin vào hội. Hội-đồng giao cho ban Trị-sự xét. Nếu trong một tháng không có điều gì dị-nghị sẽ có giấy nhận vào hội.

Cải-chính. — Trong số báo *Hữu-Thanh* số 28 ngày 15 Septembre, trang thứ 146 cột thứ 2 giòng thứ 9 và thứ 10 xin cải-chính lại như sau này:

Kiểm-soát ủy-viên:

Ông Trần-Đức-Tiến và Trần-Như-Đức. Vì đã có in nhầm.

22 giờ hội-đồng giải tán.

Thư-ký,
Trần-Đức-Mưu.

Hội-trưởng
Nguyễn-Thế-Long.

CHI HỘI HẢI-PHÒNG

Một buổi hát tại rạp Bác-diễn-trường. Đến ngày 22 Décembre 1922 này, tại rạp hát Bác-diễn-trường ở phố Belgique của ông Nguyễn-Xuân-Đài, là Phó Hội-trưởng chi hội Công-Thương Đồng-Nghiệp Haiphong, sẽ có mở một cuộc hát lấy tiền cúng vào việc làm nhà hội-quán cho chi-hội Haiphong.

Hảo-tâm thay! Ông Nguyễn-Xuân-Đài từ khi nhận chức-trách cho hội đã nhiều lần tỏ dạ nhiệt-thành mà mưu-toan đường ích-lợi cho hội, nay ông lại giúp công giúp của cho hội, thực là đáng làm gương cho anh em hãng hội ta vậy.

Non sông còn vững, trời bể còn bền, Công-Thương Đồng-Nghiệp hội còn dài muôn thủa, Hội-quán chi Haiphong còn đứng ngàn thâu. công-nghiệp của ông Nguyễn-Xuân-Đài cũng còn mãi mãi. Xin nối lời cùng hai nghìn anh em hàng-hội mà cảm ơn tấm lòng quí-hóa của ông.

CHI HỘI TOURANE

Vũ-lộ hoàng-ân. — Ngày 5 Décembre 1922 mới rồi, có quan Lang-trung cẩn-tín Lê-Minh-Điều Khâm-sai của Hoàng-Đế Bệ-hạ vô Tourane gắn Kim-tiền cho chín ông thông-sự ở hãng buôn Fiard et cie. Lễ gắn Kim-tiền thiết tại nhà ông Mellet là chủ-nhiệm hãng Fiard et Cie khi xong lễ thời có thết tiệc sâm banh, các ông được đội ơn vũ-lộ đều tỏ lòng cảm-tạ hoàng-ân và tỏ tình hữu-ái cùng nhau.

Hãng Fiard et Cie cả thảy có 22 sở trong dứ Trung-Kỳ và hơn một trăm người làm giấy. Hãng ấy chẳng những là buôn-bán to mà lại làm việc tầu-bè chuyên-chở nữa. Khi đức Kim-thượng ngự-giá Pháp-du về, thời những hàng-hóa ngự-dụng đều giao cho hàng ấy coi-sóc chuyên-chở cả, công việc làm đều đẹp ý Thánh-hoàng nên chín ông trong sở mới được thưởng như vậy.

Trong chín ông đó có bảy ông là hội-viên hội Công-Thương đồng-nghiệp ta là những ông Ưng-Hạ, Ưng-Thiệp, Hồ-Phụng, Ngô-quí-Dí, Thái-văn-Bồn, Lê-văn-Khả, Đặng-đình-Quế, và hai ông Ưng-Phục và Huỳnh-Thanh nữa; tuy hai ông chưa vào hội ta, song đã tỏ tình ý-hiệp cùng bạn hữu-ái ta rồi,

chắc chẳng bao lâu hội ta sẽ được hoan-nghênh hai ông vào hội cùng chúng ta vậy.

Nhân các bạn được rồi-rào ơn Thánh-đế, kẻ Công-Thương cũng được hạt mốc mưa, thực là một sự vẻ vang cho cả hội Công-Thương Đồng-nghiệp ta cũng được đượ chút thơm lây, xin có mấy lời chúc mừng các bạn.

Thư Ký :
NGUYỄN-THỐNG

TÍNH SỔ CUỐI NĂM

Tòa Trị-sự Hội-chánh chúng tôi xin có lời kính-đạt cùng các hội-viên toàn-thể hội Công-Thương đồng-nghiệp *ta biết rằng hiện nay đã gần cuối năm, chúng tôi phải tính sổ hội. Vậy ngài nào chậm đóng tiền nguyệt-cấp xin kíp gửi ngay về cho chúng tôi tiện làm việc vậy.*

Tòa Trị-sự Hội-chánh
cẩn-bạch

MỚI Ở TÂY SANG

1° GIÀ ĐÓNG GIẦY hàng Langsa (hiệu con chim), gia đế giầy có hai hạng; một hạng giầy và một hạng mỏng, gia bốt-can, gia chơ-vô đủ các thứ mũi, và gia ve-ni.

2° CHỈ THÊU đủ các thứ và đủ các mùi.

3° LỐP VÀ RUỘT XE ô-tô, đạp, moto và xe tay, hiệu « DUNLOP » cao-su đen có cái đầu người.

4° ĐỒ DÙNG VỀ XE TAY toàn bộ và bán lẻ, có cả vải mui, vải đệm, giấy nhựa và cao-su (Tapis) để lót chân xe.

5° Ô TRẮNG cán tre và cán sắt thực hiệu « CÂY THÁP ».

6° ĐỒ SẮT : sắt tròn đủ các thứ, bản lề, sen khóa, sen cửa, đanh, lưỡi bào, vân vân.

7° THUỐC LÁ CUỘN RỒI hiệu « Tam tài », « Lá cờ », « Salonica, đầu thiếp vàng.

Ai cần mua hàng hoặc đến hoặc viết thơ thì :

HAIPHONG : Tại bản-tỷ Cie de Commerce et de Navigation d'Extrême-Orient (ALLATINI & C°) số nhà 86, đường Harmand.

HANOI : Tại nhà ông G. ELLIES số 33, phố Đồng-khánh.

TA NÊN DÙNG ĐỒ NỘI-HÓA

Hiệu CHÂNTHỤY *ở số 4 Phố Mới Hanoi (4 Rue Jean Dupuis Hanoi) có bán đủ các thứ màn chẳng, màn gọng, màn cưới, đủ các mùi. Cũng ở phố ấy số 13 và đường Bờ sông số 6 (6 Quai Clémenceau Hanoi) hiệu ấy lại chuyên cả nghề làm chiếu bằng các thứ cói se nữa. Đồ nội-hóa chế ra theo lối kim thời đã rất khéo, rất đẹp, lại rất tốt, rất bền, ta nên dùng.*

Các ngài ở xa có lòng chiếu-cố đến xin viết thư cho bản-hiệu hay là cho ông ĐÀO-THAO-CẢNH *Tổng-thư-ký tòa tạp-chí* HỮU-THANH *ở số 58 phố Hàng Bông Hanoi (58 Rue du Coton Hanoi) cũng được.*

CHÂN-THỤY cẩn bạch,

祥和裕
YU-WO-TSEONG

Soieries Chinoises et Annamites en tous genres

VENTE EN GROS

48, RUE DES CANTONNAIS, HANOI

Téléphone nº 266

Kính trình các qui-khách biết rằng: Bản-hiệu bán buôn các thứ gấm, vóc, nhiễu, kỷ-cầu, v. v... Hàng Saigon: như cẩm châu, trứu, lương, xuyến, lĩnh, v. v... Hàng Bắc-kỳ như: Lương, xuyến, lĩnh, lượt, băng, quế, v. v... Hàng Tàu bản-hiệu có xưởng tự làm ra được, hàng Bắc và hàng Saigon thì bản-hiệu buôn nhiều, cho nên được một giá rẻ hơn các hiệu khác. Hàng bản hiệu bán buôn, chứ không bán lẻ, và không gửi mẫu đi các tỉnh, vì rằng cây nào cũng còn nguyên, không thể cắt được mẫu, như các qui khách ở tỉnh xa mà có lòng quang-cố đến bản-hiệu thì bản-hiệu xin gửi một cái đơn khai giá các thứ hàng là đủ. Bản-hiệu cũng muốn giao-thiệp buôn bán với các qui-khách cho lâu giải, cho nên nếu qui-khách có gửi mua thứ gì thì bản-hiện xin hết sức chọn những cây thật tốt mà tính giá phải chăng, để khỏi phụ lòng qui khách đã tin cậy.

Vậy xin các qui-khách có cần dùng đến thứ hàng gì để bản thì xin chiếu cố mua giúp cho bản hiệu.

Nay kính cáo,

YU-WO-TSEONG

CAFÉ, RESTAURANT

HOTEL DES COLONIES

TRUNG-BẮC KHÁCH-SẠN

Chính-quán tại phố hàng Trống, số 80 ngay cửa Nhà-Thờ

Phụ-quan có vườn hoa rộng rãi, ở số 68 cũng phố ấy.

Đủ các cách tiện-lợi và lịch-sự theo lối ăn ở của người Âu-châu

Bản-sạn thừa tiếp các qui-khách Tây-Âu và Đông-Á cũng một cách bình-đẳng, mà lại để tùy ý cho các ngài, người Nam-Việt hoặc người Trung-hoa, muốn ăn, ở, hoặc uống rượu chỗ biệt-tịch cũng được, và cũng một giá tiền.

Phụ quản cũng có giây nói trực tiếp với chính-quán

NGUYỄN-HUY-HỢI Công-ty

HANOI — số 73, Phố Mới, số 73 — HANOI

HỮU-HẠN TẬP-CỔ CÔNG-TY

Vốn 42.500$00

Đóng, chữa, sơn lại, các thứ xe tay, xe ngựa.

Xe nhà cao-su kiểu mới, thực đẹp, thực nhẹ; các qui-khách muốn đặt kiểu nào cũng được.

Có nhiều kiểu xe đã bày tại Hội-chợ mới rồi và có nhiều xe chạy trong thành-phố Hà-nội.

Giá tính phải chăng. Làm cẩn-thận và thật mau.

Các ngài ở nơi xa muốn đóng xe, bản-hiệu xin đóng cẩn-thận mà gửi đi.

Đã có nhiều ngài trong Nam-kỳ nhận được xe của bản hiệu đóng gửi thơ ra ban khen bản-hiệu.

Xin các qui-khách chiếu-cố, bản-hiệu hết lòng hoan-nghênh.

NGUYỄN-HUY-HỢI công-ty.

NGUYÊN-TRI-PHU

ENTREPRENEUR ET NÉGOCIANT

10 & 12, Boulevard Jules Piqué, 10 & 12

THAI-BINH



AU BONHEUR DES TONKINOIS

HAI-CHINH

53 et 76 Rue du Pont en Bois

HANOI



Nhà chế-tạo ra các kiểu mũ và các thức khăn sếp sẵn, xuất-hiện đã 10 năm nay được nhiều cái quang-cảnh hân hạnh như sau này :

Quang-thưởng ban kim-tiền.

Nhà-nước thưởng mề-đay chương-mỹ bội tinh.

Hội Ái mỹ tặng những bằng khen (ngọc-bội Hors concours)

Nghề làm mũ và khăn của bản hiệu cũng xây xát được khéo, đúng hàng thợ khéo làm với kỹ lưỡng mà hợp-thời-trang ; giá bán phải chăng, qui khách mua buôn hay mua lẻ xin cứ gửi thơ cho bản hiệu và gửi cho một phần tiền đặt trước ; tiếp được thơ xin gửi ngay theo sách tính hóa giao ngân đi đâu nào cũng được.

Nay kính : **HAI-CHINH**

ĐÔNG-PHÁP YÊN-THẢO CÔNG-TY

SOCIÉTÉ DES TABACS DE L'INDOCHINE
SOCIÉTÉ ANONYME AU CAPITAL DE 6.000.000 FRANCS
Administration et Manufacture à Hanoi

SẢN XUẤT NHỮNG THỨ THUỐC LÁ NHƯ SAU NÀY:
(PRODUITS RECOMMANDÉS):

Thuốc thái (Tabacs) : **Coq et Scaferlati**
Thuốc cuốn (Cigarettes) : **Coq, Alliés, Métropole, Favorites, Dragon d'or, Midinettes**
Thuốc Si-gà (Cigares) : **Mandarin, Bouquet**

DEMANDEZ LE PRIX-COURANT

Annam : nên hút thuốc lá « hiệu con gà » giống giọt tại xứ ta, vừa ngon vừa rẻ. Ai ôi nên hút thuốc lá hiệu con gà ».

ÉTABLISSEMENTS TIẾN-ĐỨC

84-86, Avenue Paul Doumer, 84-86
HAIPHONG

AMEUBLEMENT GÉNÉRAL
SPÉCIALITÉ
MEUBLES ARTISTIQUES DÉMONTABLES

HẰNG-PHONG DIT NGUYỄN-THÀNH-CỰ

Bijouterie et commerçant
CAOLANH

Bán đồ nữ trang đủ theo kiểu kiêm thời, mà nhứt là bông tai bèo bằng vàng và đồng xứng đã tính xảo mà giá rẻ, vì làm sở trường bặt thiệp nên tính công-nhẹ.

GIÁ ĐĂNG CÁO-BẠCH RAO HÀNG VÀO HỮU-THANH TẠP-CHÍ

Đăng cáo-bạch rao hàng vào « **Hữu-Thanh Tạp chí** » thời cứ mỗi trang giấy chia ra làm sáu ô, nhỏ nhất là một phần sáu trang. Vậy ngài nào đăng một phần chia sáu cũng được, hay một phần chia tư, một phần chia ba, một nửa hay cả trang Bản-chí sẽ xin tùy giá châm-chước. Song Bản-chí xin nói để các ngài có cửa hàng hay muốn rao bảo việc gì thời rõ cho rằng: Bản-chí là một cái cơ-quan chung của hai hội lớn nhất Đông-Pháp này, vả người đọc Bản-chí rất nhiều, nếu đăng vào Bản-chí thật là có ích-lợi cho việc cổ-động của các ngài lắm.

Ngài nào muốn đăng cáo-bạch hay rao báo việc gì xin mời các ngài đến Bản-xã hay là gửi thư đến, Bản-xã sẽ xin tính giá phải chăng.

GỬI MANDAT GIẢ TIỀN VÀ GÓP CỔ-PHẦN

Xin các ngài gửi mandat giả tiền Tạp-chí hay Cáo-bạch cùng là đóng Cổ-phần cho **Ích-hữu-thư-xã** *xin đề phong-bì rõ-ràng cho :*

M. NGHIÊM-VỊNH
Directeur de la Société « **Ích-hữu-thư-xã** » *58 Rue du Coton Hanoi.*

MUA TẠP-CHÍ, ĐĂNG CAO-BẠCH VÀ GỬI BAI LAI-CẢO

Các ngài trong Hội **Ích-hữu-thư-xã** *và Hội* **Bắc-kỳ Công-thương đồng-nghiệp** *mua* **Hữu-Thanh** *hay đăng cáo-bạch vào* **Hữu-Thanh** *đều được trừ 10% cả.*

Ai mua Tạp-chí đăng Cáo-bạch vào Tạp-chí, gửi bài lai-cảo hay hỏi việc gì xin viết thư cho :

M. NGHIÊM-VỊNH
Directeur de la Société « **Ích-hữu-thư-xã** », *58 Rue du Coton, Hanoi (Tonkin)*

Imp. Ích-Hữu-Thư-Xã — *Le Directeur-Gérant :* **NGHIÊM-VỊNH**

友聲雜誌

第卅一卅二號合版

益友書社發行

REVUE HUE-TA
TONKIN
Le Directeur Gérant